***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***TIẾT 91*.** **BÀN VỀ ĐỌC SÁCH** (T1)

**(Chu Quang Tiềm)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Hướng dẫn học sinh đọc,tìm hiểu tác giả, từ khó, bố cục văn bản. Hiểu được ý nghĩa và tầm quan của việc đọc sách qua bài nghị luận sâu sắc, giàu tính thuyết phục. trọn

- Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả

**2.Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm và phân tích luận điểm, luận chứng trong văn bản nghị luận.

- Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong 1 văn bản nghị luận

- Rèn luyện thêm cách viết 1 văn bản nghị luận.

**3.Thái độ, tư tưởng**

- Có thái độ đọc sách đúng đắn nghiêm túc với từng hs.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, Đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng,soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài : đọc tìm luận điểm lí lẽ, dẫn chứng cho từng phần, trả lời các câu hỏi trong mục đọc hiểu.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

- Giới thiệu chương trình học kì II.

**3.Bài mới:**

- Bước chân vào trường học các em đã được tiếp xúc và làm quen với sách, những cuốn sách đã trở thành người bạn thân thiết của mỗi người học trò. Nhưng liệu các em đã hiểu hết giá trị của sách, cách đọc sách hiệu quả, những hiệu quả tác dụng mà khi đọc sách con người ta có được khi đọc sách. Để hiểu sâu hơn về cách đọc sách, vai trò tác dụng của việc đọc sách, chúng ta cùng nhau tìm hiểu sự cần thiết của việc đọc sách và pp đọc sách của nhà văn Chu Quang Tiềm trong văn bản : Bàn về đọc sách.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích :**  - Giáo viên đọc mẫu, hướng dẫn đọc, nêu yêu cầu đọc,hướng dẫn học sinh đọc, gọi học sinh đọc bài.  - Đọc rõ ràng rành mạch,nhưng vẫn với giọng tâm tình, nhẹ nhàng như lời trò chuyện.  - Chú ý hình ảnh so sánh trong bài.  *H: Nêu những hiểu biết của em về tác giả?*  *H: Nêu vài nét về văn bản : Bàn về đọc sách?*  *H:Giải nghĩa các từ khó SGK*  **HĐ2. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích :**  *H: Văn bản thuộc thể loại gì ?*  *H: Vấn đề nghị luận của bài viết này là gì?*  *H: Văn bản có bố cục mấy phần? Nêu ý mỗi phần.*  - Theo dõi phần đầu văn bản và cho biết:  *H: Bàn về sự cần thiết của việc đọc sách, tác giả đưa ra luận điểm căn bản nào?*  *H: Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm em thấy sách có tầm quan trọng ntn?*  *H: Đọc sách có ý nghĩa ntn trong cuộc sống?*  *H:Đối với mỗi người thì đọc sách có ý nghĩa gì?*  *H: Em có nhận xét gì về cách lập luận của đoạn văn?*  *H:Em được bồi dưỡng những gì từ việc đọc sách Ngữ văn để chuẩn bị cho học vấn của mình?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích**:  **a. Tác giả:**  Chu Quang Tiềm( 1897-1986) là nhà mĩ học và lí luận văn nổi tiếng của TQuốc.  **b. Tác phẩm**: Trích trong cuốn danh nhân TQuốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách.  **c.Từ khó**(SGK)  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1.Kiểu văn bản:**  -Văn bản nghị luận (lập luận giải thích một vấn đề xã hội)  **2. Bố cục:** 2 phần  - Tác giả bàn về đọc sách  + P1: Đầu-> phát hiện thế giới mới:Sau khi vào bài tgiả khẳng định tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.  + P2: tiếp -> tiêu hao lực lượng. Nêu các khó khăn, nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay  + P3: Còn lại. Bàn về phương pháp đọc sách( Bao gồm cách lựa chọn sách cần đọc và cách đọc ntn cho hiệu quả)  **3. Phân tích:**  **1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách**  ***\*Luận điểm***:"Đọc sách là 1 con đường quan trọng của học vấn"  **- Tầm quan trọng của sách:**  + Sách ghi chép , cô đúc và lưu truyền mọi tri thức  +Sách có giá trị được xem là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại  +Sách trở thành kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu được qua mấy nghìn năm  **- Ý nghĩa của việc đọc sách:**  + Đọc sách là con đường tích luỹ,nâng cao vốn tri thức  + Đọc sách là trả nợ quá khứ, ôn lại kinh nghiệm loài người  + Đọc sách đối với mỗi người còn là sự chuẩn bị để tiến hành cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn đi phát hiện tgiới mới  => Lập luận chặt chẽ, hợp lí, lô gíc giúp người đọc thấy rõ tầm quan trọng của việc đọc sách |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống toàn bài.

*H:Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.*

*H: Đọc sách có ý nghĩa ntn trong cuộc sống?*

- Học sinh nhắc lại nội dung cơ bản vừa học.

**5. Hướng dẫn HS về nhà.**

*- Về nhà học bài và trả lời các câu hỏi còn lại trong bài.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 92*.** **BÀN VỀ ĐỌC SÁCH** (T2)

**(Chu Quang Tiềm)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Hướng dẫn học sinh đọc,tìm hiểu tác giả, từ khó, bố cục văn bản. Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đọc sách qua bài nghị luận sâu sắc, giàu tính thuyết phục.

- Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả

**2.Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm và phân tích luận điểm, luận chứng trong văn bản nghị luận.

- Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong 1 văn bản nghị luận

- Rèn luyện thêm cách viết 1 văn bản nghị luận.

**3.Thái độ, tư tưởng**

- Có thái độ đọc sách đúng đắn nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài : đọc tìm luận điểm lí lẽ, dẫn chứng cho từng phần, trả lời các câu hỏi trong mục đọc hiểu.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B :

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách ?*

**3.Bài mới:**

*- Tác giả Chu Quang Tiềm khuyên chúng ta nên chọn sách và đọc sách như thế nào? Em đã học theo lời khuyên đó như thế nào?*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc-hiểu văn bản (tiếp)**  *H: Trong phần văn bản tiếp theo, tác giả đã bộc lộ suy nghĩ của mình về việc đọc sách như thế nào? Quan niệm nào*  *H: Đọc sách có dễ không? Tại sao cần phải lựa chọn sách khi đọc?*  Tác giả so sánh cách đọc sách nhiều mà không kịp chọ lựa với những h/ả nào?(giống như ăn uống , giống như đánh trận )  *H: Tác giả khuyên chúng ta cần phải lựa chọn sách ntn?*  *H: Em hiểu thế nào về sách phổ thông và sách chuyên sâu?*  *H: Cách đọc sách đúng đắn nên ntn?*  *H: Cái hại của việc đọc hời hợt được tg chế giễu ra sao?*  ( như cưỡi ngựa qua chợ, trọc phú khoe của, lừa mình, dối người thể hiện phẩm chất tầm thường thấp kém)  *H: Lời bàn của tgiả Chu Quang Tiềm về phương pháp đọc sách?*  *H:Tác giả đã có cách nhìn và trình bày như thế nào về vấn đề này?*  *H: Từ đó em liên hệ gì đến việc đọc sách của mình?*  *H: Là người đọc sách em nhận được từ ý kiến trên lời khuyên bổ ích nào?Từ đó em liên hệ gì đến việc đọc sách của bản thân?*  *H: Em có nhận xét gì về cách trình bày lí lẽ của tác giả?Từ đó em nhận được gì từ lời khuyên này?*  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?* | **3.Phân tích(tiếp)**  **b)Lời bàn của tgiả về cách lựa chọn sách khi đọc:**  ***-***Trong tình hình hiện nay sách ngày càng nhiều thì việc đọc sách cũng không dễ  + Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu dễ sa vào lối" ăn tươi nuốt sống sách, không kịp tiêu hoá,không biết nghiền ngẫm"  + Sách nhiều khiến người đọc khó chọn lựa, lãng phí tgian, sức lực với những cuốn sách không thật có ích  - Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ.  - Đọc sách nên hướng vào 2 loại: loại phổ thông và loại chuyên sâu nhưng không bỏ qua đọc thưởng thức.  - Đọc tài liệu chuyên sâu,cũng không thể xem thường đọc loại sách thường thức, ở lĩnh vực gần gũi kế cận với chuyên môn của mình.Tgiả khẳng định: "trên đời không có học vấn nào là cô lập,tách rời các học vấn khác…"-> Kinh nghiệm ,sự từng trải của một học giả lớn.  **c)Bàn về phương pháp đọc sách:**  - Không nên đọc lướt qua, đọc chỉ để trang trí bộ mặt mà phảI vừa đọc vừa suy nghĩ  "trầm ngâm tích luỹ, tưởng tượng tự do"nhất là những quyển sách có giá trị  - Không nên đọc một cách tràn lan theo kiểu hứng thú cá nhân mà cần đọc có kế hoạch và hệ thống đọc sách còn là rèn luyện tính cách làm người, 1 cuộc chuẩn bị âm thầm và gian khổ.  => Tgiả dùng cách đối lập trong lập luận(10 quyển sách với 1quyển sách) dùng danh ngôn"sách cũ xem trăm lần chẳng chán- thuộc lòng ngẫm kĩ 1 mình hay"  -> Cách lập luận ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng  - Phân tích qua so sánh đối chiếu và dẫn chứng cụ thể.  **III.Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật:**  - Phân tích lí lẽ, đối chiếu so sánh  - Bố cục chặt chẽ, hợp lí, các ý kiến dẫn dắt tự nhiên  **2.Nội dung:**  **\*Ghi nhớ:SGK** |

**4. Củng cố, luyện tập.**

*H: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.*

*H: Nêu cách lựa chọn sách và phương pháp đọc sách?*

*H: Bài học em rút ra từ cách đọc sách?*

**5. Hướng dẫn hs về nhà.**

-Về nhà: Học bài

- Soạn bài:Tiếng nói của văn nghệ

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 93*.** **KHỞI NGỮ**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

-Học sinh nắm được khái niệm Khởi ngữ,đặc điểm,công dụng của khởi ngữ trong câu.

-Tích hợp với Văn qua văn bản Bàn về đọc sách với Tập làm văn ở bài phép phân tích và tổng hợp.

**2.Kỹ năng**

Rèn kĩ năng nhận diện khởi ngữ và vận dụng đặt câu có khởi ngữ

**3.Thái độ:**

- Có ý thức vận dụng khởi ngữ trong khi nói và viết

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài : đọc tìm luận điểm lí lẽ, dẫn chứng cho từng phần, trả lời các câu hỏi trong mục đọc hiểu.

**III. Tiến trình các động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Nhắc lại các nội dung tiếng việt đã học ở kì I ?*

**3.Bài mới:**

3.Bài mới: Trong câu thường có 2 thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ. Nhưng cũng có thành phần của câu đứng trước chủ ngữ nêu lên đề tài được nói đến trong câu đó gọi là gì? Chúng ta sẽ đi tìm hiểu điều đó qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đặc điểm và công dụng của khởi ngữ** :  - Yêu cầu hs đọc 3 ngữ liệu SGK  *H : Xác định CN, VN trong câu?*  *H: Phần in đậm nằm ở vị trí nào so với chủ ngữ?Tác dụng?*  - Phần in đậm đứng trước chủ ngữ  - Nêu lên đề tài được nói đến trong câu.  *H: Người ta gọi phần đứng trước chủ ngữ ,nêu lên đề tài của câu ấy là thành phần gì? Thành phần đóp có quan hệ trực tiếp với vị ngữ của câu không?*  *H: Người ta có thể thêm quan hệ từ nào đứng trước các bộ phận in đậm đó?*  *H: Rút ra kết luận chung:Khởi ngữ là gì ?đứng ở vị trí nào? Tác dụng của khởi ngữ?*   * Đọc Ghi nhớ SGK   **HĐ2. HDHS luyện tập :**  - HDHS làm bài tập 1:  *H: Tìm khởi ngữ trong đoạn trích?*  Học sinh làm bài sau đó gọi 2 em lên bảng trình bày.  *H: Chuyển phần in đậm thành khởi ngữ*?  *H: Xác định các khởi ngữ trong các câu sau?*  - Vận dụng viết đoạn văn có chứa khởi ngữ. | **I.Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu:**  **1.Bài tập**  **a**.**Còn anh**, anh không ghìm nổi xúc động.CN  **b.Giàu** tôi cũng giàu rồi.  CN  **c.Về các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ**, chúng ta có thể tin ở tiếng…  CN  **\* Nhận xét:**  - Về vị trí : Khởi ngữ đứng trước CN. - - Về qhệ với VN: không có quan hệ trực tiếp với vị ngữ theo quan hệ CN-VN.  +Trước các khởi ngữ có thêm các quan hệ từ:còn,đối với, về  ***2.Kết luận: Khởi ngữ là thành phần câu,đứng trước CN,nêu lên đề tài được nói đến trong câu.***  ***Trước các khởi ngữ thường có thêm các quan hệ từ.***  **\*Ghi nhớ**:SGK/ 7  **II.Luyện tập**  **1. Bài tập 1(SGK)**  a =>Điều này  b =>Đ ối với chúng mình=>Vận dụng k/n để gthích  c =>Một mình  d => Làm khí tượng  e => Đối với cháu  **2.Bài tập 2**  a. Anh ấy **làm bài** cẩn thận lắm.  ->**Về làm bài**,anh ấy làm cẩn thận lắm.  b.Tôi **hiểu** rồi nhưng tôi chưa **giải** được.  -> **Hiểu** thì tôi hiểu rồi,nhưng **giải** thì tôi chưa giải được.  **3. Bài tập bổ trợ**  a. **Mày**, y không muốn chịu của Oanh một tí gì gọi là tử tế.  b.**Cái khăn vuông** thì chắc đã phải soi gương mà sửa đi sửa lại.  c.**Nhà**, bà ấy có hàng dãy nhà ở các phố.**Ruộng**, bà ấy có hàng trăm mẫu ở nhà quê.  **4.Bài tập 4:**  Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng khởi ngữ. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H:Hệ thống toàn bài: Khởi ngữ là gì? vị trí và công dụng trong câu?*

*H: Học inh nhắc lại ghi nhớ.*

*H: Phân biệt khởi ngữ với trạng ngữ trong câu*

**5. Hướng dẫn HS về nhà.**

-Về nhà: học bài, Xem lại các bài tập luyện tập nhận diện và viết đoạn có khởi ngữ

- Đọc trước bài: Các thành phần biệt lập

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 94*.** **PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Học sinh nắm được khái niệm, đặc điểm về phép phân tích và tổng hợp.

- Sự khác nhau giữa 2 phép lập luận phân tích và tổng hợp

- Tác dụng của 2 phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận

**2.Kỹ năng**

-Rèn kĩ năng phân tích và tổng hợp trong nói và viết.

- Vận dụng 2 phép lập luận khi tạo lập và đọc hiểu văn bản NL

**3.Thái độ:**

- Có ý thức vận dụng phép lập luận phân tích trong làm văn.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

Nêu csác nội dung về văn tự sự và thuyết minh đã học trong học kì I

**3.Bài mới:**

Để làm rõ ý nghĩa của sự vật hiện tượng nào đó người ta thường dung phép phân tích tổng hợp. Vậy phép phân tích tổng hợp là gì ? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu điều đó qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp:**  1. Bài tập:  - Học sinh đọc bài tập SGK  *H : Thông qua một loạt dẫn chứng ở đoạn mở bài,tác giả đã rút ra nhận xét về vấn đề gì?*  *H :Tác giả nêu lên mấy luận điểm chính đó là những luận điểm nào ?*  *H :Hai luận điểm chính trong văn bản là gì?*  *H : Để xác lập 2 luận điểm trên,tác giả dùng phép lập luận nào?*  *H: Phép lập luận này đứng ở vị trí nào trong văn bản?* (thân bài)  *H: Nêu cách lập luận của tác giả?*  - Phân tích hai luận điểm  (đưa ra luận điểm rồi đưa ra dẫn chứng và lí lẽ để phân tích)  *H: Để chốt lại vấn đề tác giả dùng phép lập luận nào? Phép lập luận này đứng ở vị trí nào trong câu?*  *H: Nêu vai trò của phép lập luận phân tích tổng hợp?*  *H: Phân tích là gì ?tổng hợp là gì?*  - Học sinh đọc Ghi nhớ SGK  **HĐ2. HDHS Luyện tập:**  *H:Theo em để làm rõ về một sự việc hiện tượng nào đó người ta làm như thế nào?*  *H: Tác giả phân tích ntnào để làm sáng tỏ luận điểm"Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách,nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn"?*  -Hướng dẫn học sinh làm bài tập 2  *H:Tác giả đã phân tích những lí do phải chọn sách để đọc ntnào?* | **I.Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp**  **1.Bài tập:****Trang phục**  ***\*) Nhận xét*:**  - Đoạn đầu tác giả rút ra nhận xét về vấn đề" ăn mặc phải chỉnh tề",cụ thể là sự đồng bộ,hài hòa giữa quần áo,giày, tất trong trang phục của con người.  **- Hai luận điểm chính:**  +)Trang phục phải phù hợp với hoàn cảnh,tức là tuân thủ những quy tắc ngầm mang tính văn hóa xã hội.  +)Trang phục phù hợp với đạo đức là giản dị và hài hòa với môi trường sống xung quanh.  => Tác giả dùng phép lập luận phân tích cụ thể:  ***a.Luận điểm 1***:Ăn cho mình,mặc cho người  - Dẫn chứng:  +)Cô gái một mình trong hang sâu…chắc không đỏ chót móng chân,móng tay.  +) Anh thanh niên đi tát nước…chắc không sơ mi phẳng tăp.  +) Đi đám cưới…chân lấm tay bùn.  -+) dự đám tang không được ăn mặc quần áo lòe loẹt,nói cười oang oang.  *b.****Luận điểm 2***:  - Y phục xứng kì đức  -Lí lẽ:  +) Dù mặc đẹp đến đâu…làm mình tự xấu đi mà thôi.  +)Xưa nay cái đẹp bao giờ cũng đi với cái giản dị,nhất là phù hợp với môi trường.  =>Các phân tích trên làm rõ nhận định của tác giả là:"ăn mặc ra sao cũng phải phù hợp với hoàn cảnh chung nơi công cộng hay toàn xã hội"  \*Tác giả dùng phép lập luận tổng hợp bằng một kết luận ở cuối văn bản: "Thế mới biết….là trang phục đẹp"  =>Vai trò:  +Giúp ta hiểu sâu sắc các khía cạnh khác nhau của trang phục đối với từng người từng hoàn cảnh cụ thể.  +Hiểu ý nghĩa văn hóa và đạo đức của cách ăn mặc, nghĩa là không ăn mặc tùy tiện,cẩu thả như một số người tầm thường tưởng đó là sở thích và quyền "bất khả xâm phạm"  - Dùng phép lập luận phân tích và tổng hợp  **2.Kết luận:**  **\*Ghi nhớ (SGK/10)**  **II.Luyện tập:**  **1.Bài tập 1**  - Phân tích:  +)Học vấn là thành quả tích lũy…đời sau.  +) Bất kì ai muốn phát triển học thuật cũng bắt đầu từ "kho tàng quý báu" được lưu giữ trong sách  +)Đọc sách là hưởng thụ "thành quả về tri thức và kinh nghiệm hàng nghìn năm của nhân loại"  **2.Bài tập 2**  + Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu dễ sa vào lối" ăn tươi nuốt sống sách, không kịp tiêu hoá,không biết nghiền ngẫm"  + Sách nhiều khiến người đọc khó chọn lựa, lãng phí tgian, sức lực với những cuốn sách không thật có ích. |

**4.** **Củng cố, luyện tập:**

*H: Để làm bài văn nghị luận người ta thường lập luận bằng những cách nào?*

*H: Thế nào là phân tích? Thế nào là tổng hợp?*

- Hệ thống toàn bài,nhấn mạnh trọng tâm.

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà.**

- Học bài, xem lại các bài tập? Tìm hiêuỉ yếu tố phân tích tổng hợp trong các văn bản nghị luận đã học.

- Chuẩn bị bài:Luyện tập phân tích và tổng hợp.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 95*.** **LUYỆN TẬP** **PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc sử dụng phép phân tích và tổng hợp

**2.Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng nhận diện văn bản phân tích và tổng hợp

- Luyện kĩ năng viết văn bản phân tích và tổng hợp

**3.Thái độ:**

- Có ý thức vận dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp trong làm văn.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Thế nào là phân tích và tổng hợp ?*

**3.Bài mới:**

Các em đã hiểu vai trò tác dụng của phân tích và tổng hợp . Giờ học này co sẽ hướng dẫn các em luyện tập về phân tích và tổng hợp để củng cố sâu hơn về phép lập luận này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS luyện tập nhận diện và đánh giá văn bản phân tích**    *H: Tác giả đã sử dụng phép lập luận nào? Vận dụng ntn?*  *H: Chỉ ra các khía cạnh dược phân tích ở đoạn văn (a) và trình tự phân tích ở đoạn ( b)? Tác giả đã sử dụng phép lập luận nào? Vận dụng ntn?*      **HĐ2. HDHS luyện tập nhận diện và đánh giá văn bản phân tích**  *H: Thế nào là học qua loa,đối phó?*  *H: Nêu những biểu hiện của học đối phó?*    *H: Phân tích bản chất của lối học đối phó?*  *H: Nêu tác hại của lối học đối phó?*  *H: Dựa vào văn bản Bàn về đọc sách của tác giả Chu Quang Tiềm em hãy phân tích các lí do khiến mọi người phải đọc sách?*  - Thực hành tổng hợp  Yêu cầu:Viết đoạn văn tổng hợp những điều đã phân tích trong bài"Bàn về đọc sách" | **I.Nhận diện và đánh giá văn bản phân tích**  **1.Bài tập 1:**  **a.Đoạn a**  - Luận điểm:"Thơ hay cả hồn lẫn xác đến hay cả bài…"  -Trình tự phân tích:  **+)Thứ nhất**:Cái hay thể hiện ở các làn điệu xanh: xanh ao, xanh bờ, xanh sóng…  **+)Thứ hai**:Cái hay thể hiện ở các cử động: Sóng gợn tí, lá đưa vèo…  **+)Thứ ba**:Cái hay thể hiện ở các vần thơ:Không phải chỉ giỏi ở các tử vận hiểm hóc,kết hợp với từ, với nghĩa chữ, tự nhiên, không non ép  **b.Đoạn b**:  Luận điểm và trình tự phân tích  - Luận điểm"Mấu chốt của thành đạt là ở đâu"  -Trình tự phân tích:  +)Do nguyên nhân khách quan(Đây là điều kiện cần) :Gặp thời,hoàn cảnh,điều kiện học tập thuận lợi,tài năng trời phú  +)Do nguyên nhân chủ quan(Đây là điều kiện đủ):Tinh thần kiên trì phấn đấu,học tập không mệt mỏi và không ngừng trau dồi phẩm chất đạo đức tốt đẹp.  **II.Thực hành phân tích một vấn đề**  **\*Bài tập 2**  **1.Học qua loa có những biểu hiện sau:**  +)Học không có đầu có đuôi,không đến nơi đến chốn,cái gì cũng biết một tí…  +)Học cốt chỉ để khoe mẽ có bằng nọ,bằng kia….  **2.Học đối phó có những biểu hiện sau:**  - Học cốt để thầy cô không khiển trách,cha mẹ không mắng,chỉ lo việc giải quyết trước mắt.  - Kiến thưc phiến diện nông cạn…  **3.Bản chất:**  - Có hình thức học tập như:cũng đến lớp,cũng đọc sách,cũng có điểm thi cũng có bằng cấp.  -Không có thực chất,đầu óc rỗng tuếch, không có kiến thức …  **4.Tác hại:**  - Đối với xã hội:Những kẻ học đối phó sẽ trở thành gánh nặng lâu dài cho xã hội về nhiều mặt.  -Đối với bản thân:Những kẻ học đối phó sẽ không có hứng thú học tập…  **\*Bài tập 3**:Thực hành phân tích một văn bản  **Dàn ý:**  -Sách là kho tàng về tri thức được tích lũy từ hàng nghìn năm của nhân loại-Vì vậy,bất kì ai muốn có hiểu biết đều phải đọc sách. Đọc sách để tích luỹ tri thức, chuẩn bị hành trang trên con đường học vấn, đio phát hiện thế giới mới, để kế thừa các thành tựu mà thế hệ đi trước để lại,rèn luyện tính cách, học làm người.  -Tri thưc trong sách bao gồm những kiến thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn.  - Càng đọc sách càng thấy kiến thức của nhân loại mênh mông.  =>Đọc sách là vô cùng cần thiết nhưng cũng phải biết chọn sách mà đọc và phải biết cách đọc mới có hiệu quả. |

**4. Củng cố, luyện tập.**

*H: Thế nào là phân tích và tổng hợp ?Viết đoạn văn tổng hợp những điều đã phân tích trong bài"Bàn về đọc sách"*

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà**.

- Về nhà làm lại các bài tập vừa phân tích vào vở.

- Đọc trước bài:Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 96*.** **TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ**

**- Nguyễn Đình Thi -**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Hiểu được nội dung của văn nghệ và sức mạnh kỳ diệu của nó đối với đời sống con người.

- Hiểu thêm cách viết bài văn nghị luận qua tác phẩm nghị luận ngắn gọn, chặt chẽ và giàu hình ảnh của Nguyễn Đình Thi.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng đọc, hiểu và phân tích văn bản nghị luận.

- Rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận.

**3.Thái độ:**

- Thể hiện những suy nghĩ , tình cảm về một tác phẩm văn nghệ

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : tác giả Chu Quang Tiềm bàn về cách lựa chọn sách và phương pháp đọc sách như thế nào ?*

**3.Bài mới:**

Văn nghệ có nội dung và sức mạnh như thế nào? Nhà nghệ sỹ sáng tác tác phẩm với mục đích gì? Văn nghệ đến với người tiếp nhận bằng con đường nào? Nhà văn Nguyễn Đình Thi đã góp phần trả lời câu hỏi trên qua bài nghị luận “Tiếng nói của văn nghệ”.Văn bản mà chúng ta được tìm hiểu trong giờ học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích.**  - GV hướng dẫn HS đọc.  - Yêu cầu đọc to, rõ, chính xác, diễn cảm.  - GV đọc mẫu - học sinh đọc.  - GV nhận xét học sinh đọc.  *H: Dựa vào phần chú thích (\*) SGK, hãy giới thiệu những nét chính về tác giả.*  *H:Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.*  - Chú ý các chú thích 1,2,3,4,6,11.  **HĐ2. HDHS đọc - hiểu văn bản:**  *H: Xác định kiểu văn bản?*  *H: Hãy tóm tắt hệ thống luận điểm ?*  *H : Nhận xét về hệ thống luận điểm của văn bản?*  - Theo dõi văn bản: Phần 1(Từ đầu đến Nguyễn Du hayL. Tônx Tôi).  *H : Nhắc lại luận điểm trong phần 1 của văn bản ?*  *H:Luận điểm này đươc thể hiện trong những câu văn nào.*  *H: Để làm sáng tỏ luận điểm trên, tác giả đã đưa ra và phân tích những dẫn chứng nào?*  *H: Nhận xét về cách lập luận của tác giả?*  *H: Em học tập được gì ở phương pháp lập luận của tác giả khi tạo lập VB nghị luận. Thảo luận* (Chọn lọc dẫn chứng, lập luận chặt chẽ sẽ tạo lập được văn bản có sức thuyết phục với người đọc)  *- Tiếp tục theo dõi phần* (đoạn văn từ “Lời gửi của nghệ thuật đến một cách sống của tâm hồn”)  *H: Theo tác giả, lời gửi(nhắn nhủ)của nghệ thuật, được thể hiện như thế nào?*  *H: Nêu câu văn thể hiện lời gửi của nghệ thuật?*  *H: Tác giả làm sáng tỏ vấn đề bằng dẫn chứng nào?*  *H: Bên cạnh những rung cảm của người nghệ sĩ, nội dung của văn nghệ còn được thể hiện như thế nào ở người tiếp nhận?*  *H:Như vậy nội dung thể hiện của văn nghệ là gì?*  *H: Tiểu luận: Nội dung của văn nghệ khác với nội dung của các bộ môn khoa học xã hội khác ở những điểm nào?*  *( Nhưng môn khoa học xã hôi: lịch sử, địa lí...khám phá miêu tả đúc kết bộ mặt của*  *tự nhiên hay xã hội, các quy luật khách quan...)* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích.**  **1.Đọc văn bản:**  **2.Chú thích:**  **a.Tác giả:** Nguyễn Đình Thi (1924-2003)  - Quê ở Hà Nội  - Hoạt động văn nghệ khá đa dạng: làm thơ, viết văn, soạn kịch, sáng tác nhạc, viết lý luận phê bình…  - Năm 1996 Ông được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.  **b.Tác phẩm:** Hoàn cảnh ra đời của tiểu luận “Tiếng nói của văn nghệ”.  - Viết năm 1948-Trong thời kỳ chúng ta đang xây dựng một nền văn học nghệ thuật mới đậm đà tính dân tộc đại chúng, gắn bó với cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân: Kháng chiến chống Pháp.  - In trong cuốn “Mấy vấn đề văn học”(XB năm 1956).  **c.Chú thích(SGK)**  **II.Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Kiểu văn bản**  - Kiểu văn bản nghị luận về một vấn đề văn nghệ.  **2.Bố cục: Hệ thống luận điểm:**  **-** Nội dung p/á thể hiện của văn nghệ: p/á thực tại khách quan đồngthời là những nhận thức mới mẻ, là tất cả tư tưởng, tình cảm cá nhân của người nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm văn nghệ lớn là cách sống của tâm hồn từ đó làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.  - Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với đời sống của con người, nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, sản xuất vô cùng gian khổ của dân tộc.  - Văn nghệ có khả năng cảm hoá,sức mạnh lôi cuốn của nó thật là kỳ diệu, bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới mỗi con người qua những rung cảm sâu xa từ trái tim.  => Các phần trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc, các luận điểm vừa có sự giải thích cho nhau, vừa nối tiếp nhau một cách tự nhiên theo hướng càng lúc càng phân tích sâu sức mạnh đặc trưng của văn nghệ.  **3.Phân tích:**  **a.Nội dung tiếng nói của văn nghệ:**  **\*Luận điểm:** Tác phẩm nghệ thuật lấy chất liệu ở thực tại đời sống khách quan nhưng không phải là sự sao chép giản đơn “sao chụp” nguyên xi thực tại ấy. Khi sáng tạo một tác phẩm , nghệ sĩ gởi vào đó một cách nhìn,một lời nhắn nhủ của riêng mình. Nội dung tác phẩm văn nghệ không chỉ là câu chuyện, là con người như ở ngoài đời mà còn mang tư tưởng tấm lòng của nghệ sĩ gửi gắm trong đó: *“Tác phẩm nghệ thuật …góp vào đời sống xung quanh”*  **- Tác giả đưa ra 2 dẫn chứng:**  + Hai câu thơ tả cảnh mùa xuân trong “truyện Kiều” với lời bình:  *“ Hai câu thơ làm chúng ta rung động với cái đẹp lạ lùng mà tác giả đã miêu tả....”*  *“ cảm thấy trong lòng ta có những sự sống tươi trẻ luôn luôn tái sinh ấy”->*Đó chính là lời gửi, lời nhắn - một trong những nội dung của “truyện Kiều”.  + Cái chết thảm khốc của An-na Ca rê- nhi - na(Trong tiểu thuyết cùng tên của L. Tônx tôi) làm cho người đọc *“đầu óc bâng khuâng nặng những suy nghĩ trong lòng còn vương vấn những vui buồn không bao giờ quên được nữa* ->Đó chính là lời gửi, lời nhắn của L.Tônx tôi.  => Tác giả chọn lọc đưa ra hai dẫn chứng tiêu biểu, dẫn ra từ hai tác phẩm nổi tiếng của hai tác giả vĩ đại của văn học dân tộc và thế giới cùng với những lời phân tích bình luận sâu sắc.  **\*Lời gửi(nhắn nhủ) của nghệ thuật:**  - Tác phẩm văn nghệ không cất lên những lời lí thuyết khô khan mà nó chứa đựng những say sưa, vui buồn, mơ mộng của nghệ sĩ. Nó mang đến cho người tiếp nhân bao rung động, bao ngỡ ngàng trước những điều tưởng chừng đã rất quen thuộc*:“Lời gửi của nghệ thuật không những là một bài học luận lí hay một triết lý về đời người hay những lời khuyên xử thế hay một sự thực tâm lý hoặc xã hội”*  -> Tác giả đưa ra 2 dẫn chứng(“Truyện Kiều”, tiểu thuyết “An-na Ca-rê-nhi-na”)  - Nội dung của văn nghệ còn là những dung cảm và nhận thức của người tiếp nhận. Nó sẽ được mở rộng, phát huy vô tận qua từng thế hệ người đọc, người xem*....”Mỗi tác phẩm lớn hư rọi vào ta một ánh sáng riêng,không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bây giờ biến thành của ta...”*  => Như vậy: Nội dung của văn nghệ khác với các môn khoa học khác: xã hội, lịch sử, địa lí...Văn nghệ tập trung khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người, thế giới bên trong của con người. Nội dung chủ yếu của văn nghệ là hiện thực cụ thể, sinh động, là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn tình cảm có tính cá nhân của nghệ sĩ. |

**4.Củng cố, luyện tập**.

- Khắc sâu: nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ?

*H:* *Nhận xét về cách lập luận của tác giả ?*

**5. Hướng dẫn HS về nhà.**

-Về nhà học bài: chuẩn bị tiết 2 tiếp tiếng nói của văn nghệ

+ Câu hỏi: Phân tích nội dung phản ánh , thể hiện của văn nghệ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 97*.** **TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ** **(TIẾP)**

**- Nguyễn Đình Thi -**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Hiểu được sức mạnh kỳ diệu của văn nghệ với đời sống con người.

- Hiểu thêm cách viết bài văn nghị luận qua tác phẩm nghị luận ngắn gọn , chặt chẽ và giàu hình ảnh của Nguyễn Đình Thi.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng đọc hiểu và viết văn nghị luận

**3.Thái độ:**

- Có ý thức học hỏi cách viết văn NL

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H :Nội dung phản ánh của văn nghệ được tác giả lập luận như thế nào ?*

**3.Bài mới:**

Chúng ta đã tìm hiểu về nội dung phán ánh thể hiện của văn nghệ qua giờ học tiết một của văn bản. Vậy ngoài phản hiện thực khách quan qua lăng kính chủ quan, và lời nhấn nhủ tới người tiếp nhận của văn nghệ. Tác giả Nguyễn Đình Thi đã phân tích lí do con người cần tiếng nói của văn nghệ và con đường mà văn nghệ đến với đời sống con người như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung này qua tiết hai của văn bản: *“Tiếng nói của văn nghệ”*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc hiểu văn bản (tiếp)**  (Chú ý đoạn văn “ chúng ta nhận của những nghệ sĩ….cách sống của tâm hồn”).  *H: Để khẳng định tầm quan trọng của văn nghệ với đời sống con người tác giả Nguyễn Đình Thi đã lập luận bằng cách nào?*  *H: Trong trường hợp con người bị ngăn cách với thế giới bên ngoài, tiếng nói của văn nghệ có vai trò gì với họ?*  *H: Lấy VD từ các tác phẩm văn nghệ đã được học và đọc thêm để làm sáng tỏ?*  *H: Với những con người người lam lũ cực*  *nhọc, tiếng nói văn nghệ thay đổi họ như thế nào?*  *H:Vậy sức mạnh của văn nghệ tác động đến đời sống của con người như thế nào?*  *H: Nếu thiếu văn nghệ cuộc sống con người sẽ như thế nào?* Nếu không có văn nghệ thì cuộc sống tinh thần thật nghèo nàn, buồn tẻ, tù túng.  \*Chú ý phần văn bản từ “*sự sống ấy “* đến hết  *H:Trong đoạn văn T/G đã đưa ra quan niệm của mình về bản chất của văn nghệ. Vậy bản chất của văn nghệ là gì?*  *H:Từ bản chất của văn nghệ, T/G đã diễn giải và làm rõ vấn đề con đường đến với người tiếp nhận - tạo nên sức mạnh kì diệu của nghệ thuật là con đường nào?*  *H: Khi tác động bằng nội dung và cách thức đặc biệt này thì văn nghệ đã giúp con người điều gì?*  *H: Nhận xét về nghệ thuật lập luận của T/G, tác dụng của nghệ thuật lạp luận đó?*    *H: Nhận xét về nghệ thuật bài văn nghị luận ?*  **HĐ2.HDHS tổng kết:**  *H:Cảm nhận của em về cách viết văn nghị luận của tác giả qua văn bản này?*  *H: Nêu nội dung chính của văn bản “Tiếng nói của văn nghệ”?*    - HS đọc ghi nhớ. | **a.Nội dung của văn nghệ:**  **b.Con người cần đến tiếng nói của văn nghệ:**  -Văn nghệ với đời sống quần chúng nhân dân-những con người Việt Nam đang chiến đấu,sản xuất trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp: *“ những người rất đông …bị tù trung thân trong cuộc đời u tối, vất vả không mở được mắt”*  + Khi con người bị ngăn cách với cuộc sống, tiếng nói văn nghệ là sợi dây buộc chặt với cuộc sống bên ngoài, với tất cả những sự sống, hoạt động, những vui buồn gần gũi.  VD: Ngắm trăng - Nhật kí trong tù, Khi con tu hú (Tố Hữu), Vào nhà ngục quảng Đông cảm tác, Đập đá ở Côn Lôn...  + Văn nghệ góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hằng ngày, giúp con người vui lên, biết rung cảm và biết ước mơ trong cuộc đời còn vất vả cực nhọc (*những người đàn bà nhà quê lam lũ, đầu tắt mặt tối... họ biến đổi khác hẳn khi hát ru con, hát ghẹo nhau bằng câu ca dao, hay khi say sưa xem buổi chèo...)*  => Như vậy, văn nghệ giúp cho con người có được cuộc sống đầy đủ hơn, phong phú hơn với cuộc đời và với chính mình *“Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng…làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ ”*  **c.Con đường văn nghệ đến với người đọc**  **\*Bản chất của văn nghệ:**  - Nghệ thuật là “tiếng nói tình cảm”. Tác phẩm văn nghệ chứa đựng *“ tình yêu ghét, niềm vui buồn*” của con người chúng ta trong đời sống thường ngày*“Nghệ thuật còn nói nhiều với tư tưởng”* nhưng là tư tưởng không khô khan, trừu tượng mà lắng sâu, thấm vào những cảm xúc, những nỗi niềm.  \***Con đường đến với người tiếp nhận, tạo nên sức mạnh kì diệu của văn nghệ:**  -Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc,đi vào nhận thức, tâm hồn chúng ta qua con đường tình cảm…  - Đến với một tác phẩm văn nghệ, chúng ta được sống cùng cuộc sống miêu tả trong đó, được yêu, ghét, vui, buồn, đợi chờ…  cùng các nhân vật và người nghệ sĩ *“nghệ sĩ không không đến mở một cuộc thảo luận lộ liễu và khô khan...nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta phải tự bước lên đường ấy”*  - Văn nghệ giúp mọi người *tự nhận thức mình, tự xây dựng mình*. Như vậy văn nghệ thực hiện các chức năng của nó một cách tự nhiên có hiệu quả lâu bền và sâu sắc “Chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mĩ...”  VD: Bài học qua bài thơ “Ánh trăng”, bài học qua “Lặng lẽ Sa Pa”  **d**. **Nghệ thuật lập luận:**  **-** Bố cục: chặt chẽ, hợp lícách dẫn dắt tự nhiên.  **-** Cách **v**iết giàu hình ảnh  - Dẫn chứng phong phú, nhiều thơ văn và đời sống thực tế.  - Giọng văn say sưa chân thành, nhiệt hứng dâng cao ở phần cuối.  - Các phần trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc, các luận điểm vừa có sự giải thích cho nhau, vừa nối tiếp nhau một cách tự nhiên theo hướng càng lúc càng phân tích sâu sức mạnh đặc trưng của văn nghệ ->Sức thuyết phục cao.  **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**  - Bố cục chặt chẽ, hợp lý.  - Cách viết giàu hình ảnh, nhiều dẫn chứng về thơ văn và về đời sống thực tế.  - Giọng văn toát lên lòng chân thành, niềm say sưa, đặc biệt hứng dâng cao ở phần cuối.  **2.Nội dung:**  Văn nghệ nối sợi dây đồng cảm kì diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc thông qua những rung động mãnh liệt, sâu xa của trái tim. Văn nghệ giúp con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách , tâm hồn mình.  **\* Ghi nhớ (SGK 17)** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

**-** *Nêu tên tác phẩm văn nghệ em yêu thích và chỉ ra tác động của tác phẩm văn nghệ đó đối với mình?*

- GV hệ thống bài:

+Sức mạnh kì diệu của văn nghệ với đời sống con người.

+ Cách viết bài văn nghị luận qua văn bản của Nguyễn Đình Thi.

**5.Hướng dẫn HS về nhà:**

+Làm các BT ( SBT ).

+Soạn Vb: “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 98*.** **CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

**-** Nhận biết 2 thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

- Nắm chắc được đặc điểm và công dụng của mỗi thành phần trong câu.

**2.Kỹ năng**

- Biết đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán, biết sử dụng đúng thành phần biệt lập khi tạo lập văn bản.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng đúng các thành phần biệt lập khi viết bài.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ ?*

**3.Bài mới:**

- Các em đã được tìm hiểu về các thành phần câu như CN, VN, bổ ngữ trực tiếp, trạng ngữ…các thành phần câu này nằm trong cấu trúc ngữ pháp cuả câu. Giờ học này chúng ta sẽ được tìm hiểu về các thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu. Đó là các thành phần gì và vai trò của chúng trong câu ra sao ? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu thành phần tình thái.**  - Đọc bài tập 1 (SGK 18)  *H :Các từ ngữ: “chắc”, “có lẽ”, trong những câu trên thể hiện nhận định của người nói đối với sự việc nêu ở trong câu như thế nào?*  *H: Nếu không có những từ “chắc”, “có lẽ:” nói trên thì nghĩa sự việc của câu chứa chúng có khác đi không ? Vì sao ?*  *H : Các từ “chắc”, “có lẽ” được gọi là thành phần tình thái.Vậy em hiểu thế nào là thành phần tình thái ?*  *H:Tìm những câu thơ, câu văn dùng thành phần tình thái hay trong chương trình Ngữ Văn.*  **VD: 1-** “Sương chùng chình qua ngõ  *Hình như* thu đã về”  (“sang thu”- Hữu Thỉnh)  **2-** “Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và *có lẽ* cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện “ của mình.  (“Phong cách Hồ Chí Minh”- Lê Anh Trà)  **HĐ2.HDHS tìm hiểu thành phần cảm thán:**  **- Đọc bài tập 1** (SGK 18)  - Học sinh đọc to phần ngữ liệu, chú ý các từ gạch chân.  *H:Các từ ngữ “ồ”,“trời ơi” trong những câu trên có chỉ sự vật hay sự việc gì không?*  *H: Nhờ những từ ngữ nào trong câu mà chúng ta hiểu được tại sao người nói kêu “ồ” hoặc kêu “trời ơi”?*  *H: Các từ “ồ ”, “trời ơi”,chúng được dùng để làm gì?*  *H: Các từ “ồ ”, “trời ơi” được gọi là thành phần cảm thán.Vậy em hiểu như thế nào là thành phần cảm thán ? Vị trí của thành phần cảm thán trong câu?*  *H:Tìm những câu thơ, câu văn dùng thành phần cảm thán hay trong chương trình Ngữ Văn?*  VD **“Ôi** kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa” (“Bếp lửa”- Bằng Việt)  *H:Các thành phần tình thái và thành phần cảm thán được gọi là các thành phần biệt lập. Vậy em hiểu thế nào là thành phần biệt lập.*  - Đọc ghi nhớ SGK/ 18  **HĐ3.HDHS luyện tập:**  *H:Tìm những thành phần tình thái và cảm thán trong những câu sau?*  *H: Hãy Sắp xếp những từ ngữ: chắc là, dường như, chắc chắn,có lẽ, chắc hẳn, hình như, có vẻ như...theo trình tự tăng dần sự tin cậy (hay độ chắc chắn)?*  *H: Hãy cho biết trong số những từ có thể thay thế cho nhau trong câu sau: với từ vào người nói phải chịu trách nhiệm cao nhất về độ tin cậy của sự việc do mình nói ra và từ nào chịu trách nhiệm thấp nhất ? Tại sao tgiả lại dùng từ chắc?*  - Hướng dẫn học sinh viết đoạn văn: | **I.Thành phần tình thái**  **1.Bài tập(18)**  **\* Nhận xét**:  a)…**chắc** anh nghĩ rằng….  b)…**Có lẽ** vì khổ tâm…  - “Chắc”, “có lẽ” là nhận định của người nói đối với sự việc được nói trong câu:  +**“chắc”** thể hiện độ tin cậy cao  +“**có lẽ”:** thể hiện độ tin cậy thấp hơn.  - Nếu không có những từ **“chắc”,** **“có lẽ”** thì sự việc nói trong câu vẫn không có gì thay đổi.  - Vì các từ ngữ “chắc”, “có lẽ” chỉ thể hiện nhận định của người nói đối với sự việc trong câu, chứ không phải là thông tin sự việc của câu (chúng không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu)  **2.Kết luận:**  **\*** Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn nhận đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu  **II.Thành phần cảm thán**  **1.Bài tập(18)**  a**) ồ,** sao mà độ ấy vui thế.  b**) Trời ơi,** chỉ còn có 5 phút !  - Các từ ngữ: **“ồ”,** **“trời ơi”** không chỉ sự vật sự việc gì cả.  - Chúng ta hiểu được tại sao người nói kêu **“ồ ”, “trời ơi”** là nhờ phần câu tiếp theo sau những tiếng này ( đó là: từ “vui thế”, “chỉ còn” có 5 phút)  - Chính những phần câu tiếp sau các tiếng đó giải thích cho người nghe biết tại sao người nói dùng từ cảm thán.  - Các từ **“ồ ”, “trời ơi”** dùng bộc lộ trạng thái tâm lí, tình cảm, cảm xúc của người nói (ông Hai tiếc nuối cái thời đẹp đễ đã qua; anh thanh niên tiếc rẻ , hót hoảng vì thời gian sắp hết.  **2.Kết luận:**  - Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói ( vui, buồn, mừng, giận...)  Các thành phần tình thái, cảm thán là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên dược gọi là thành phần biệt lập.  **\*Ghi nhớ** (SGK18)  **III.Luyện tập**  **1.Bài tập 1 (SGK 19)**  Tìm các thành phần tình thái,cảm thán.  a. Có lẽ -> thành phần tình thái.  b. Chao ôi -> thành phần cảm thán.  c. Hình như ->thành phần tình thái.  d. Chả lẽ-> thành phần tình thái.  **2.Bài tập 2** (SGK-19)  - Dường như/ hình như/ có vẻ như-> có lẽ-> chắc là-> chắc hẳn-> chắc chắn.  **3.Bài tập 3** (SGK-19)  -Trong 3 từ: chắc,hình như, chắc chắn  +Với từ : chắc chắn, người nói phải chịu trách nhiệm cao nhất về độ tin cậy của sự việc do mình nói ra.  +Với từ: hình như, người nói chịu trách nhiệm thấp nhất về độ tin cậy  đối với sự việc do mình nói ra.  -Tác giả Nguyễn Quang Sáng chọn từ "Chắc"trong câu:" Với lòng...chắc anh nghĩ rằng... cổ anh" vì :  Từ “chắc” biểu thị dược thái độ, lòng khao khát của nhân vật đối với sự việc sẽ xảy ra. Từ ‘chắc” biểu thị được niềm tin của nhân vật nhưng mức độ chưa thực sự chắc chắn.  **4.Bài tập 4** (SGK19)  Đoạn văn: Có lẽ em đã đọc chuyện cây khế từ năm em học lớp 6 nhưng sao đến nay em vẫn còn nhớ.Người anh thì quá tham lam anh nghĩ rằng anh chỉ cần cho người em cây khế là đủ còn toàn bộ căn nhà là của anh. Nhưng ôi thôi ! Tham thì thâm. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

-Hệ thống toàn bài: Thế nào là thành phần tình thái ?

*H: Thế nào là thành phần cảm thán ? đặt 2 câu chứa hai thành phần trên?*

*H: Tại sao hai thành phần này lại được gọi là thành phần biệt lập*

**5.Hướng dẫn học ở nhà**

-Về nhà: Học bài,làm lại các bài tập.

- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống ?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *TIẾT 99*. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp học sinh biết đặc điểm, yêu cầu, cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng viết văn bản nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức học tập nghêm túc biết rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số** : 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Thế nào là phép phân tích và tổng hợp ?*

**3.Bài mới:**

Trong cuộc sống hàng ngày ở xung quanh chúng ta có rất nhiều các sự việc hiện tượng xảy ra như vứt rác bừa bãi, nói tục, nói dối, cãi lộn, đánh nhau… Để nhìn nhận và suy nghĩ về các vấn đề đó chúng ta cần làm gì? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu cách nghị luận các vấn đề đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu bài nghị luận về một sự vật, hiện tượng đời sống:**  - Đọc VB “Bệnh lề mề”  *H: Bài văn bàn luận về hiện tượng gì trong đời sống ?*  *H: Hiện tượng ấy có những biểu hiện như thế nào ?*  *H: Cách trình bày hiện tượng trong văn bản có nêu được vấn đề của hiện tượng bệnh lề mề không ?*  *H: Bản chất của hiện tượng này là gì?*  *H:Nguyên nhân của hiện tượng đó là do đâu ?*  *H: Bệnh lề mề có những tác hại gì?*  *H:Tác giả phân tích tác hại của bệnh lề mề như thế nào ?*  *H: Đọc đoạn văn kết ? đoạn văn nói lên điều gì ?giải pháp*  *H:Đó là những giải pháp gì?*  *H: Em có nhận xét gì về bố cục của văn bản?*  *H:Thế nào là nghị luận về một vấn đề đời sống xã hội ?*  *H:Yêu cầu về nội dung, hình thức của bài nghị luận ?*  - Đọc ghi nhớ sgk/21  **HĐ2. HDHS luyện tập:**  - Gọi học sinh đọc bài 1(21)  - HS phát biểu  - GV ghi lên bảng  -> HS thảo luận lựa chọn, bày tỏ thái độ đồng tình, phản đối ? | **I.Tìm hiểu bài nghị luận về một sự vật, hiện tượng đời sống**  **1.Bài tập:** *“Bệnh lề mề”*  -Văn bản bàn về hiện tượng"bệnh lề mề" trong cuộc sống.  **a.Những biểu hiện:**  - Sai hẹn, đi chậm, không coi trọng mình và người khác , không có trách nhiệm với việc chung.  ->Tác giả đã sử dụng cách lập luận rất chặt chẽ để người đọc nhận ra hiện tượng đó do cách phân tích, phê phán có tình có lí đặc biệt là đánh vào tâm lí chung của những người hay đi họp trễ việc công mà chẳng bao giờ trễ việc tư và cho rằng đi họp trễ cũng chẳng ảnh hưởng gì đến nội dung cuộc họp.  => Nêu bật được vấn đề của hiện tượng bệnh lề mề  - Bản chất của hiện tượng này là thói quen kém văn hoá của những người không có lòng tự trọng và không biết tôn trọng người khác  **b.Nguyên nhân:**  - Coi thường việc chung, thiếu tự trọng, thiếu tôn trọng người khác  **c.Những tác hại của bệnh lề mề**  - Làm phiền mọi người, làm mất thì giờ; làm nảy sinh cách đối phó.  - Phân tích tác hại:  + Nhiều vấn đề không được bàn bạc thấu đáo hoặc lại phải kéo dài thời gian.  + Người đến đúng giờ cứ phải đợi  + Giấy mời phải ghi sớm hơn 30 – 1h  **d.Nêu giải pháp khắc phục**  - Mọi người phải tôn trọng nhau  - Nếu không thật cần thiết -> không tổ chức họp.  - Những cuộc họp mọi người phải tự giác tham dự đúng giờ  =>Bố cục của bài viết mạch lạc, chặt chẽ từ biểu hiện của bệnh lề mề -> phân tích nguyên nhân tác hại-> kết luận bằng các biện pháp khắc phục  **2.Kết luận**  **\* Ghi nhớ: SGK/ 21**  **II. Luyện tập**  **1.Bài 1(21)**  - Nêu sự việc, hiện tượng tốt đáng biểu dương của các bạn trong trường hoặc ngoài xã hội. Xem hiện tượng nào đáng viết bài nghị luận, hiện tượng nào không đáng viết  - Nêu các sự việc, hiện tượng trong đời sống nhà trường như: học tập đối phó, đi học không đúng giờ, thi cử gian lận…vứt rác bừa bãi.  - Cũng có thể nêu các việc tốt như giúp bạn học tốt, giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ  **2.Bài tập 2(21)**  - Hiện tượng hút thuốc lá và hậu quả của việc hút thuốc lá đáng để viết 1 bài văn nghị luận vì:  + Thứ nhất nó liên quan đến vấn đề sức khoẻ của mỗi con người, cá nhân người hút thuốc , đến sức khoẻ cộng đồng và vấn đề nòi giống  + Thứ hai nó liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường khói thuốc lá gây bệnh cho những người. |

**4.củng cố, luyện tập:**

**-** Hs đọc lại phần ghi nhớ.

- Thế nào là nghị luận về 1 hiện tượng đời sống

- Nội dung và hình thức của bài nghị luận về mọt sự việc hiện tượng đời sống.

**5.Hướng dẫn học ở nhà**

- Xem lại nội dung bài học

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Cách làm bài văn nghị luận...

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *Tiết 100*. CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

# VỀ MỘT SỰ VIỆC,HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về 1 sự việc, hiện tượng đời sống, các bước làm bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng viết văn bản nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức học tập nghêm túc. Có ý thức học hỏi cách làm bài văn nghị luận

về một sự việc hiện tượng đời sống.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Thế nào là nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống ?*

**3.Bài mới:**

ở tiết học trước các em đã được làm quen với kiểu bài NL về 1 sự việc hiện tượng đời sống . Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách làm 1 bài văn NL về đề tài này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu đề bài NL về một sự việc hiện tượng đời sống:**  - HS đọc 4 đề văn trong SGK – 22  - Nhận xét điểm giống và khác nhau giữa các đề bài.  *H: Chỉ ra điểm khác nhau giữa các đề bài đó?*  *H: Mỗi em hãy ra 1 đề bài tương tự?*  (VD: Hiện nay tình trạng xả rác bừa bãi trên đường phố, trong lớp học, các công trình công cộng...đã trở thành hành vi khó sửa đổi trong một bộ phận thanh niên, học sinh. Là học sinh em hãy nêu suy nghĩ của mình về hiện tượng đó?  **HĐ2.HDHS cách làm bài NL về một sự việc hiện tượng đời sống:**  - Đọc đề bài trong sgk / 23  *H: Muốn làm bài văn nghị luận phải qua những bước nào?*  *H: Đề thuộc loại gì?*  *H: Đề nêu sự việc hiện tượng gì?*  *c. Đề yêu cầu làm gì?*  *H: Những việc làm của bạn Nghĩa nói lên điều gì?*  *H: Vì sao thành đoàn thành phố HCM phát động phong trào học Tập Phạm Văn Nghĩa?*  *H :Việc thành đoàn phát động phong trào học tập Phạm Văn Nghĩa có ý nghĩa như thế nào ?*  *H: Nếu mọi học sinh đều làm được như Nghĩa thì có tác dụng gì?*  - GV giới thiệu khung, dàn ý trong SGK  - HS cụ thể hoá các mục nhỏ thành dàn ý chi tiết theo các ý đã tìm ?  - Chia nhóm: 4 nhóm MB, ý a, b, c  *H: Nêu rõ các bước để làm 1 bài văn nghị luận về sự việc,hiện tượng đời sống?*  *H: Gọi học sinh đọc ghi nhớ SGK/ 24*  **HĐ3.HDHS luyện tập:**  ***H:*** *Nguyễn Hiền sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh ntn?*  *H: Hoàn cảnh ấy có bình thýờng không? Tại sao?*  *H: NH có đặc điểm gì nổi bật? Nguyễn nhân chủ yếu dẫn tới thành công của NH là gì?*  *H: Phần kết bài ta nói những gì?* | **I.Tìm hiểu đề bài NL về một sự việc hiện tượng đời sống.**  **1.Bài tập( SGK)**  **- Điểm giống nhau:**  + Đối tượng: là sự việc, hiện tượng đời sống.  + Cả 4 đề đều nêu sự việc hiện tượng đời sống cần nghị luận.  + Cả 4 đề đều đều yêu cầu nêu “suy nghĩ của mình”nêu nhận xét , suy nghị của em hoặc “nêu ý kiến của em”  **- Điểm khác nhau**:  1.Có sự việc, hiện tượng tốt biểu dương, ca ngợi  2.Có sự việc, hiện tượng không tốt -> lưu ý, phê bình, nhắc nhở...  **II.Cách làm bài NL về một sự việc hiện tượng đời sống:**  **1.Bài tập 1***:* Đề bài về tấm gương Phạm Văn Nghĩa.  **a.Tìm hiểu đề, tìm ý:**  a. Đề nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống  b.Đề nêu tấm gương người tốt việc tốt cụ thể là tấm gương bạn Phạm Văn Nghĩa ham học, chăm làm, có đầu óc sáng tạo và biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống một cách có hiẹu quả.  c. Đề yêu cầu nêu suy nghĩ của mình về hiện tượng ấy.  **b. Tìm ý:**  a. Những việc làm của Nghĩa cho ta thấy nếu có ý thức sống có ích thì mỗi người có thể bắt đầu cuộc sống của mình từ những việc làm bình thường nhưng có hiệu quả.  b. Thành đoàn thành phố HCM phát động phong trào học tập bạn Nghĩa vì bạn là một tấm gương tốt với những việc làm giản dị mà bất kì ai cũng có thể làm được như thế. Cụ thể:  +)Nghĩa là người biết thương mẹ, giúp mẹ việc đồng áng  +)Nghĩa là người biết kết hợp học và hành  +)Nghĩa là người biết sáng tạo làm tời cho mẹ kéo nước đỡ mệt.  +)Học tập Nghĩa là học tập tấm gương hiếu thảo, yêu cha mẹ, học tập và lao động, học cách kết hợp học  Với hành, học sáng tạo,làm những việc nhỏ mà có ý nghĩa lớn.  c. Nếu mọi người đều làm được như bạn Nghĩa thì đời sống sẽ vo cùng tốt đẹp bởi sẽ không còn học sinh lười biếng, hư hỏng hoặc thậm trí là phạm tội.  **b.Lập dàn bài:**  I. Mở bài:  + Giới thiệu hiện tượng Phạm Văn Nghĩa  + Nêu sơ lược ý nghĩa của tấm gương Phạm Văn Nghĩa  II. Thân bài:  a. Phân tích ý nghĩa việc làm Phạm Văn Nghĩa: a, b, c  b.Đánh gía việclàm Phạm Văn Nghĩa: d  c.Đánh giá ý nghĩa việc phát động phong trào học tập Phạm Văn Nghĩa:  +)Học tập Nghĩa là học tập tấm gương hiếu thảo, yêu cha mẹ, học tập và lao động, học cách kết hợp học  Với hành, học sáng tạo,làm những việc nhỏ mà có ý nghĩa lớn.  + Tấm gương đời thường, bình thường ai cũng có thể làm dược  + Từ 1 gương có thể nhiều người tốt -> xã hội tốt  -> Tấm gương bình thường nhưng có ý nghĩa lớn  III. Kết bài: khái quát ý nghĩa của tấm gương Phạm Văn Nghĩa và rút ra bài học cho bản thân  **c. Viết bài:**  HS viết từng đoạn  **d.Đọc lại bài, sửa chữa**  **2.Kết luận**  **\*Ghi nhớ:** SGk / 24  **III.Luyện tập**  **\*Lập dàn bài**  **a.Mở bài:**  + Giới thiệu tấm gương Nguyễn Hiền  + Sơ lược ý nghĩa tấm gương Nguyễn Hiền  **b.Thân bài:**  1. Nhận xét về con người Nguyễn Hiền.  - Ham học sáng dạ.  - Có ý chí vươn lên khẳng đinh mình.  - Giàu lòng tự trọng .  **2**. Nêu suy nghĩ của bản thân:  - Tấm gương sáng về tinh thần, thái độ học tập và nhân cách cao đẹp  - Chúng ta cần học tập và phát huy.  **c. Kết bài:**  - Khẳng định ý nghĩ tấm gương Nguyễn Hiền.  - Rút ra bài học cho bản thân. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*H: Nêu các bước làm bài nghị lụân về một sự việc hiện tượng đời sống?*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Xem lại nội dung bài học, làm bài tập, xem lại các bài tập đã làm

- Chuẩn bị bài: Chuẩn bị hành trang…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *TIẾT 101*. CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI

**- Vũ Khoan -**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- ý nghĩa lịch sử của bài viết , Hệ thống luận điểm và luận cứ .

- Nắm được trình tự lập luận và nghệ thuật nghị luận của tác giả.

- Tích hợp với tiếng việt và tập làm văn.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng đọc, hiểu, phân tích văn bản nghị luận về vấn đề con người, xã hội.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức trau dồi tri thức để bước vào thế kỷ mới

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Tiếng nói của văn nghệ là tiếng nói như thế nào ?*

*H : Con đường văn nghệ đến với cuộc sống con người ?*

**3.Bài mới:**

Vào Thế kỷ XXI, thanh niên Việt Nam ta đã, đang và sẽ chuẩn bị những gì trong hành trang của mình. Liệu đất nước ta có thể sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không? Một trong những lời khuyên, những lời trò chuyện về một trong những nhiệm vụ quan trong hàng đầu của thanh niên được thể hiện trong bài nghị luận của đồng chí Phó Thủ tướng Vũ Khoan viết nhân dịp đầu năm 2001.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **HDHS đọc và tìm hiểu chú**  **thích:**  - Hướng dẫn đọc  - Yêu cầu học sinh đọc to, rõ ràng, mạch lạc,  tình cảm phấn chấn.  - Giáo viên đọc mẫu, 3 học sinh đọc  .  - Giáo viên nhận xét cách đọc của hs  *H: Dựa vào phần chú thích (\*)SGK*  *hãy giới thiệu những nét chính về*  *tgiả?tp ?*  *H : Đọc các chú thích SGK (29)*  *H: Chú ý các từ ? Giải nghĩa.*  (Động lực; kinh tế tri thức; thế giới  mạng; bóc ngăn cắn dài).  **HĐ2**. **HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H:Văn bản này thuộc kiểu văn bản gì?*  *H: Loại văn bản nghị luận?*  *H: Chia bố cục văn bản?*  *H: Nhận xét về hệ thống luận cứ mà tác giả lập luận?*  - Luận cứ chặt chẽ và có tính định hướng  rất rõ: Nêu thời điểm chuyển giao thế kỉ  và yêu cầu chuẩn bị hành trang vào thế kỉ  mới ; khẳng định sự chuẩn bị của bản  thân con người, đặt trong bối cảnh thế  giới; đối chiếu với những mục tiêu nhiệm  vụ trước mắt của đất nước; từ đó nhận rõ  điểm mạnh và điểm yếu của con người VN;  kết thúc bằng việc nêu yêu cầu đối với thế  hệ trẻ.  *H:Thời điểm ra đời bài viết có gì đặc biệt?*  *H: Bài viết nêu vấn đề gì?*  *H:ý nghĩa lịch sử của vấn đề này?* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc văn bản**  **2.Chú thích**  **a) Tác giả:**  -Vũ Khoan nhà hoạt động chính trị nhiều  năm làThứ là là Thứ trưởng Bộ  Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại hiện  là phó thủ tướng chính phủ.  **b)Tác phẩm**  - Bài viết được đăng trên tạp chí Tia sáng  năm2001 và được in vào tập  "một góc nhìn của tri thức"(NXBtrẻ TPHCM 2002)  - Nhan đề bài viết của tgiả là Chuẩnbị hành trang Khi đưa vào SGK người  biên soạn có bổ sung 1 số Chữ vào  nhan đề cho cụ thể hơn  **c)Giải thích từ khó.**  - Động lực: Là lực tác động vào vật,đồ vật  hay đối tượng.  - Kinh tế tri thức: Chỉ một trình độphát triển  rất cao của nền kinh tế mà  trong đó tri thức trí tuệ chiếm tỷ trọng cao  trong các giá trị của sản phẩm trong tổng sản  phẩmkinh tế quốc dân.  - Thế giới mạng: Liên kết, trao đổithông tin  trên phạm vi toàn thế giớinhờ hệ thống máy  tính liên thông.  - Bóc ngắn cắn dài: Thành ngữ chỉ lối sống,  lối suy nghĩ làm ăn hạn hẹpnhất thời không  có tầm nhìn xa.  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1.Kiểu loại văn bản:**  - Nghị luận về một vấn đề xã hội  - Nghị luận giải thích.  **2. Bố cục:**  \*Luận điểm chính:Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, lớp trẻ VN cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người VN để rèn những thói quen tốt trước khi bước vào nền kinh tế mới.  \*Hệ thống luận cứ (4 luận cứ)  1) Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mớithì sự  chuẩn bị của bản thân con người là quan trọng nhất.  2)Bối cảnh thế giới hiện nay và nhiệmvụ nặng nề của đất nước  3) Những điểm mạnh và điểm yếu của con  người VN.  4) Kết luận chung:  **3.Phân tích:**  **a. ý nghĩa sự ra đời của bài viết**  - Bài viết ra đời vào đầu năm 2001,thời điểm  chuyển giao giữa 2 thế kỉ,hai thiên niên kỉ-  thời điểm bắt đầumột chặng đường mới.  - Bài viết nêu vấn đề: Chuẩn bị hành trang  vào thế kỉ mới, lớp trẻ VN cầnnhận ra những  cái mạnh, cái yếu của con người VN để khắc  phục điểm yếu phát huy điểm mạnh rèn  những đức tính và thói quen tốt trước khi  bướcvào nền kinh tế tri thức.   * Ý nghĩa lịch sử của vấn đề: Vấn đề không   chỉ có ý nghĩa thời sự mà còn có ý nghĩa lâu  dài đối với cả quá trình đi lên của đất nước.  Bởi vì nhận rõ điểm mạnh và diểm yếu, phát  Huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu là  điều kiện hết sức cần thiết để phát triển, nếu  không muốn tụt hậu, đối với mỗi người và  mọi dân tộc.Điều đó lại càng cần thiết với  dân tộc ta khi thực sự đi vào công cuộc xây  dựng , phát triển trong xu thế hội nhập, trong  nền kinh tế có xu hướng toàn cầu hoá hiện  nay. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*H: Nêu luận điểm hệ thống luận cứ và ý nghĩa sự ra đời của bài viết?*

*H: Những nội dung trọng tâm cần ghi nhớ trong bài?*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Xem lại nội dung bài học, đọc lại văn bản

- Chuẩn bị bài: Chuẩn bị hành trang( tiếp)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *TIẾT 102*. CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI (TIẾP)

**- Vũ Khoan -**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách và thói quen của con người Việt Nam, yêu cầu gấp rút phải khắc phục điểm yếu, hình thành đức tính và thói quen tốt khi đất nước đi vào công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước.

- Nắm được trình tự lập luận và nghệ thuật nghị luận của tác giả.

- Tích hợp với tiếng việt và tập làm văn.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng đọc, hiểu, phân tích văn bản nghị luận về vấn đề con người, xã hội.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức trau dồi tri thức để bước vào thế kỷ mới

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Nêu luận điểm hệ thống luận cứ và ý nghĩasự ra đời của bài viết?*

*H: Những nội dung trọng tâm cần ghi nhớ trong bài?*

**3.Bài mới:**

- Giờ trước các em đã hiểu được ý nghĩa lịch sử của bài viết giờ học này chúng ta cùng tìm hiểu những nhiệm vụ mà bài biết dặt ra? điểm mạnh điểm yếu của con người VN khi bước vào nền kinh tế mới?

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **HDHS đọc hiểu văn bản( tiếp):**  *H: Nhắc lại các luận cứ trong bài viết?*  *H: để khẳng định sự chuẩn bị của con*  *người là nhân tố quan trọng tronghành*  *trang mạng vào thế kỉ mới tác giả nêu*  *nhữnglí lẽ nào để xác minh?*  *H: Tại sao tác giả lại cho rằng trong*  *những hành trang vào thế kỉ mới thì sự*  *chuẩn bị của bản thân con người lại là*  *quan trọng nhất?*  *H: Em nhận xét gì về tầm quan trọng*  *của luận cứ này?*  *H: Nêu luận cứ thứ hai trong văn bản mà*  *tác giả nêu ra?*  *H: Luận cứ này được tác giả triển khai*  *mấy ý đó là những ý nào?*  *H: Luận cứ thứ ba là gì?*  *H:Em nhận xét như thế nào về luận xứ*  *này ?*  *H: Hãy tóm tắt những mặt mạnh của*  *con người Việt Nam mà tác giả đã*  *phân tích trong bài viết ?*  *H: Cái mạnh có giá trị gì trong đời sống*  *hiện nay?*  *H: Vậy cái yếu của con người VN được*  *tác giả phân tích như thế nào?*  *H: cái yếu tồn tại sẽ trở ngại gì cho đất*  *nước khi bước vào thế kỉ mới?*  *H: Em nhận xét như thế nào về cách*  *phân tích điểm mạnh và điểm yếu của*  *con người VN? ý nghĩa của cách phân*  *tích đó?*  *H: Em đã học trong lịch sử, văn học rất*  *nhiều tác phẩm nói về truyền thống tốt đẹp*  *của con người Việt Nam. Nhận xét của*  *tác giả có điểm nào giống và khác với*  *những điều em đã học?*  *H: Em nhận xét như thế nào về thái độ*  *của tác giả trong bài viết ?*  *H: Tìm trong trường, trong xã hội dẫn*  *chứng cụ thể điểm mạnh và điểm yếu*  *của con người VN: cần cù, thông minh,*  *sáng tạo nhưng kém khả năng thực hành*  *thiếu đức tính tỉ mỉ, thiếu tính cộng*  *đồng trong làm ăn?*  *H: Nhận xét của em về cách dùng từ*  *ngữ trong bài viết của tác giả?*  *H: Tác giả kết thúc vấn đề như thế nào?*  **HĐ2**. **HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về nội dung văn bản, nghệ thuật của văn bản?*  - Gọi học sinh đọc ghi nhớ.  *H: Em nhận nhất bản thân mình có những điểm mạnh và diểm yếu nào trong những điều tác giả đã nêu và cả những điều tác giả chưa nói tới? Nêu phương hướng khắc phục những điểm yếu?*  ( HS tự nhận xét) | **b. Trình tự lập luận của bài viết**  **b.1) Luận cứ 1**: **Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị của bản thân con người:**  - Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.  - Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội.  - Đây là luận cứ quan trọng mở đầu cho cả hệ thống luận cứ của văn bản.  **b.2) Luận cứ 2: Bối cảnh thế giới hiện nay, những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước:**  - Bối cảnh hiện nay: Một thế giới khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa hội nhập ngày càng sâu rộng giữa các nền kinh tế.  - Nước ta phải đồng thời giải quyết ba  nhiệm vụ:thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp;đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đồng thời phải tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức.  **b.3) Luận cứ 3: Những điểm mạnh điểm yếu của con người Việt Nam cần nhận rõ khi bước vào nền kinh tế mới trong thế kỉ mới:**  - Đây là luận cứ trung tâm, quan trọng nhất của cả bài nên được tác giả triển khai cụ thể và phân tích khá thấu đáo.  **\* Điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam:**  **- Điểm mạnh:**  +Thông minh nhạy bén với cái mới.  + Cần cù sáng tạo  + Có tinh thần đoàn kết đùm bọc nhất là trong công cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm.  + Bản tính thích ứng nhanh.  ->Đáp ứng với thực tế cuộc sống  hiện đại, hội nhập với thế giới.  **- Điểm yếu**:  +Thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.  + Thiếu tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương.  + Thường đố kị nhau trong làm ăn và trong cuộc sống thường ngày.  + Có nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị kinh doanh, quen bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói khôn vặt, ít giữ chữ tín…  -> Cản trở quá trình phát triển , bước vào nền kinh tế tri thức, trong xu thế hội nhập với thế giới.  - Cái mạnh và cái yếu được phân tích đan xen với nhau; trong cái mạnh còn tiềm ẩn những cái yếu như những khuyết tật. Điểm mạnh và điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay chứ không chỉ nhìn trong lịch sử.  - Những điểm giống trong lịch sử, văn học:đều đề cập đến những phẩm chất truyền thống của con người VN: yêu nước, đoàn kết…thông minh sáng tạo…  - Những điểm khác trong lịch sử, văn học: Trong lịch sử văn học phẩm chất của con người VN được ca ngợi, phát huy triệt để trong bối cảnh đất nước của nền nông nghiệp,trong cuộc kháng chiến trường kì.  Bài viết này tác giả nêu rõ phẩm chất truyền thống đó là mặt mạnh nhưng chưa toàn diện chưa phù hợp với yêu cầu cấp bách của xã hội mới, của nền kinh tế tri thức.  - Thái độ của tác giả:tôn trọng sự thật khách quan, thẳng thắn nhìn nhận vấn đề, toàn diện, không mang tính chủ quan rơi vào sự đề cao quá mức hay tự ti, miệt thị dân tộc.  **c. Đặc điểm ngôn ngữ của bài viết:**  - Tác giả không dùng cách nói trang trọng, cũng không sử dụng tri thức uyên bác ->Tác giả dùng ngôn ngữ báo chí gắn với đời sống, cách nói giản dị, trực tiếp dễ hiểu.  - Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ, vừa sinh động cụ thể lại ngắn gọn mà ý vị sâu sắc:Nước đến chân mới nhảy,liệu cơm mà gắp mắm, trâu buộc ghét trâu ăn, bóc ngắn cắn dài…  **III.Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật:**  + Ngôn ngữ báo chí, gắn với đời sống, cách nói trực tiếp, dễ hiểu, giản dị.  + Sử dụng cách so sánh : người Nhật, người Hoa trong cùng một sự việc, hiện tượng xong lại có các thói quen và ứng xử - khác nhau.  + Sử dụng thành ngữ, tục ngữ, ca dao cụ thể, sinh động.  **2.Nội dung:** Phát huy những điểm mạnh, hạn chế, khắc phục những điểm yếu , hình thành những thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ.  **\* Ghi nhớ:** SGK (Trang 30) |

**4. Củng cố , luyện tập:**

*H: Nêu những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam*

*H: Nêu các thành ngữ vàmà tác giả sử dụng khi nói về điểm mạnh và điểm*

*yếu của con người VN ?*

**\*Nói về điểm mạnh của người Việt Nam**

- Uống nước nhớ nguồn.

- Trông trước ngó sau.

- Miệng nói tay làm.

- Được mùa chớ phụ ngô khoai.

**\*Nói về điểm yếu của người Việt Nam**

- Đủng đỉnh như chĩnh trôi sông.

- Vén tay áo xô, đốt nhà táng giấy.

**5. Hướng dẫn hs học bài ở nhà**

*-* Soạn bài: “Chó sói và cừu trong thơ” -

- Ngụ ngôn của La- phông- ten theo câu hỏi SGK trang 41.

- Đọc văn bản, tìm luận điểm luận cứ, trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị: Viết bài Tập làm văn số 5.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *TIẾT 103*. CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (TIẾP)

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Nhận biết hai thành phần biệt lập: Gọi- đáp và phụ chú.

- Nắm được công dụng riêng của mỗi thành phần trong câu.

- Biết đặt câu có thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú.

- Tích hợp với văn, tập làm văn.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng:Sử dụng thành phần biệt lập phù hợp với văn cảnh.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng đúng các thành phần biệt lập trong khi viết văn

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

*H : Thế nào là thành phần tình thái ?Thế nào là thành phần cảm thán ?*

**3.Bài mới:**

- Giờ trước chúng ta đã học thành phần cảm thán, thành phần tình thái trong câu mặc dù nó không tham gia vào việc diễn đạt sự việc của câu xong nó cũng có những tác dụng nhất định:Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu những thành phần biệt lập đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu thành phần gọi đáp:**  *H: Các từ ngữ: “này”; “thưa ông” từ ngữ*  *nào được dùng để gọi, từ ngữ nào được*  *dùng để đáp?*  *H: Những từ ngữ dùng để gọi-đáp có tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu hay không? Tại sao?*  *H: Trong các từ ngữ gọi- đáp ấy, từ ngữ nào*  *được dùng để tạo lập cuộc thoại, từ ngữ nào*  *được dùng để duy trì cuộc thoại ?*  *H: Các từ ngữ “này”, “thưa ông” được*  *gọilà thành phần gọi- đáp. Em hiểu thế*  *nàolà thành phần gọi- đáp?*  **HĐ2.HDHS tìm hiểu thành phầnphụ chú**  - Học sinh đọc rõ ràng ngữ liệu chú ý  các từ ngữ gạch chân.  *H: Nếu lược bỏ những từ ngữ gạch chân*  *“và cũng là đứa con duy nhất của anh”“tôi nghĩ vậy” thì nghĩa của sự việc của mỗi câu có thay đổi không? Vì sao?*  *H: Cụm từ “và cũng là đứa con duy nhất của anh” được thêm vào để chú thích cho cụm từ nào?*  *H: Cụm chủ vị “tôi nghĩ vậy” chú thích*  *điều gì ?*    *H:Em hiểu thế nào là thành phần phụ chú?*  *H: Các thành phần gọi - đáp và phụ chú*  *được gọi là các thành phần biệt lập.*  *Vậy em hiểu thế nào là thành phần biệt*  *lập?*  - Hai học sinh đọc ghi nhớ.  **HĐ3.HDHS luyện tập:**  - Học sinh đọc to bài tập 1 xác định yêu  cầu.  *H:Tìm thành phần gọi đáp trong đoạn*  *trích?*  - Một học sinh nhận xét, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *H:Tìm thành phần gọi - đáp trong câu*  *ca dao?*  *H:Lời gọi - đáp đó hướng đến ai?*  *H:Tìm thành phần phụ chú trong các đoạn trích? Cho biết chúng bổ sung điều gì?*  *H: Học sinh đọc yêu cầu bài tập 3.*  *xác định theo yêu cầu? Từng đoạn trích học sinh nhận xét, bổ sung giáo viên nhận xét, đánh giá?*  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập 5  - Giáo viên hướng dẫn học sinh cách viết.  - Học sinh viết bài -> trình bày trướclớp.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> uốn  nắn. | **I.Thành phần gọi đáp:**  **1. Bài tập:**  **\* Nhận xét:**  - Từ “này” dùng để gọi; cụm từ “thưa ông”  dùng để đáp.  - Những từ ngữ “này”, “thưa ông” không  tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc  của câu vì chúng là thành phần biệt lập.  - Từ “này” được dùng để tạo lập cuộc  thoại mở đầu sự giao tiếp.  - Cụm từ “thưa ông” dùng để duy trì  cuộc thoại, thể hiện sự hợp tác đối thoại.  **2.Kết luận:**  \*Thành phần gọi- đáp được dùng để tạo lập cuộc thoại để duy trì quan hệ giao tiếp.  **II. Thành phần phụ chú:**  **1. Bài tập:**  **\* Nhận xét**  - Nếu ta lược bỏ những từ ngữ gạch chân  thì nghĩa sự việc của các câu không thay  đổi. Vì những từ ngữ đó là thành phần biệt  lập được viết thêm vào, nó không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu.  - *Cụm từ “và cũng là đứa con duy nhất của*  *anh” được thêm vào để*  *chú thích cho cụm*  *từ “đứa con gái đầu lòng”.*  - Cụm chủ vị “tôi nghĩ vậy” chú thíchđiều suy nghĩ riêng của nhân vật “tôi”.  - Các cụm từ “và cũng là đứa con duy nhất của anh”, “tôi nghĩ vậy” là thành phần phụ chú.  **2. Kết luận:** Thành phần phụ chú được  dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.  \* Các thành phần gọi - đáp và phụ chú là  những bộ phận không tham gia vào việc diễnđạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.  **\*Ghi nhớ** (SGK trang 32).  **III. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  - Từ dùng để gọi “này”.  - Từ dùng để đáp “vâng”.  - Quan hệ trên - dưới.  - Thân mật: Hàng xóm láng giềng cùng cảnh ngộ.  **2.Bài tập 2 /32.**  - Cụm từ dùng để gọi “bầu ơi”.  - Đối tượng hướng tới của sự gọi:  Tất cả các thành viên trong cộng đồng  người Việt.  **3.Bài tập 3 /33**.  a)- “Kể cả anh” 🡪 giải thích cho  cụm từ “mọi người”  b)- “Các thầy cô…người mẹ” 🡪 giải  thích cho cụm từ “những người nắm  giữ chìa khoá… này”  c)- “Những người thực sự của …kỉ tới” 🡪  giải thích cho cụm từ “lớp trẻ”.  d)- “Có ai ngờ” 🡪 thể hiện sự ngạc nhiên của nhân vật “Tôi”.  - “Thương thương quá đi thôi” 🡪 thể hiện tình cảm trìu mến của nhân vật “Tôi” với nhân vật “Cô bé nhà bên”.  **4.Bài tập 4 /33.**  Thành phần phụ chú ở mỗi câu trong bài tập 3 liên quan đến những từ ngữ nào trước đó.  - Các thành phần phụ chú ở bài tập 3 liên quan đến những từ ngữ mà nó cónhiệm vụ giải thích hoặc cung cấp thông tin phụ về thái độ, suy nghĩ, tình cảm của các nhân vật đối với nhau.  **5.Bài tập 5 /33.**  - Viết đoạn văn ngắn trình bày suy  nghĩ của em về việc thanh niên chuẩn  bị hành trang bước vào thế kỷ mới,  trong đó có chứa thành phần phụ chú. |

**4. Củng cố , luyện tập:**

*H: Thế nào là thầnh phần gọi đáp? Thế nào là thành phần phụ chú?*

**5. Hướng dẫn hs học bài ở nhà**

*- Xem lại các bài tập đã làm, làm bài tập 5 ở nhà*

- Chuẩn bị: Chó Sói…trong thơ ngụ ngôn - đoạc văn bản tìm luận điểm, luận cứ, trả lời câu hỏi đọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *TIẾT 104,105*. VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

**I.Mục tiêu bài học :**

**1.kiến thức:**

Học sinh viết bài tổng hợp các kiến thức đã học về văn nghị luận.

- Tích hợp các kiến thức đã học về văn, tiếng Việt, tập làm văn.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng:viét bài văn nghị luận xã hội

**3.Thái độ:**

- Làm bài nghiêm túc

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan, chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài, ra đề.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, xem ôn lại các dạng đề nghị luận xã hội. Nắm chắc kiến thức lí thuyết

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Sự chuẩn bị của học sinh.

**3.Bài mới:**

**\*Đề bài :**

*Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng. Ngồi bên hồ, dù là hồ đẹp nổi tiếng, người ta cũng tiện tay vứt rác xuống.Em hãy đặt một nhan đề để gọi ra hiện tượng ấy và viết bài văn nêu suy nghĩ của mình.*

### \* Yêu cầu:

**1.Thể loại:** Nghị luận về sự vật, hiện tượng trong xã hội.

**2.Nội dung**: Hậu quả ghê gớm của việc vứt rác thải bừa bãi.

**3.Hình thức**: Đảm bảo bố cục 3 phần chặt chẽ, mạch lạc, trình bày sạch, khoa học.

**4.Tổ chức:**

- Trật tự, nghiêm túc viết bài.

#### III.Đáp án, thang điểm chấm bài

**1.Mở bài** (2đ):

- Giới thiệu hiện tượng vứt rác bừa bãi là phổ biến hiện nay.(1đ)

- Nêu khái quát tác hại của việc làm này(1đ).

**2.Thân bài** (4,5đ):

- Phân tích hiện tượng vứt rác bừa bãi trong thực tế hiện nay là phổ biến(1,5).

( biểu hiện)

- Đánh giá việc vứt rác bừa bãi( nguyên nhân)🡪 gây những hậu quả(1,5) .

- Nếu loại bỏ được hiện tượng vứt rác bừa bãi có ý nghĩa ra sao?(1,5)

- Nêu giải pháp cho hiện tượng này.

**3.Kết bài** (1đ):

- Khẳng định, phủ định vấn đề vứt rác bừa bãi (0,5)

- Rút ra bài học cho bản thân.(0,5)

**\*Hình thức** (0,5đ):

- Trình bày sạch sẽ, khoa học, bố cục rõ ràng, mạch lạc.

- Nhắc lại yêu cầu cần thiết khi viết một văn bản nghị luận xã hội.

+ Về nội dung.

+ Về hình thức.

4**.Thu bài- nhân xét:**

- Thu bài viết của lớp.

- Nhận xét giờ viết bài.

- Khắc sâu khái niệm văn nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống và cách

- Chuẩn bị trước bài: Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý.

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà**:

Chuẩn bị: Chuẩn bị hành trang ( tiếp)

Đọc và trả lời hệ thống câu hỏi đọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# *TIẾT 106.* CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGỤ NGÔN

# CỦA LA PHÔNG TEN

**(Trích - Hi-pô-lit- ten)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp học sinh hiểu được bài nghị luận văn chương đã dùng biện pháp so sánh hình tượng con cừu và chó sói trong thơ ngụ ngôn của La- phông- ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Đuy- phông nhằm làm nổi bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật: in đậm dấu ấn cách nhìn, cách nghĩ riêng của nghệ sỹ

**2. Kỹ năng**

Tìm, phân tích luận điểm, luận chứng; so sánh cách viết của nhà văn và nhà khoa học về cùng 1 đối tượng.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức học hỏi cách viết văn nghị luận.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Nêu những điểm mạnh và điểm yếu của con người VNmà tác giả đã phân*

*tích? tự nhận xét em có những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân ?*

**3.Bài mới:**

- Trong mỗi chúng ta ai chẳng biết chó sói hung dữ, ma mãnh, xảo quyệt, còn cừu là loài vật ăn cỏ, hiền lành cham chạp yếu ớt thường là mồi ngon của chó sói Nhưng dưới ngòi bút của 1 nhà sinh học, 1 nhà thơ, những con vật này lại được mtả phân tích nhìn nhận rất khác nhau . Sự khác nhau đó ntn? Vì sao có sự khác nhau đó đọc bài văn NL của La- phông- ten chúng ta sẽ tìm thấy câu trả lời.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích :**  - GV hướng dẫn đọc  *H : Nêu hiểu biết của em về tác giả Hi-pô- lít- ten.*  *H : Em biết gì về bài viết ?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản :**  *H: Chỉ ra bố cục của văn bản ?*  *H:Em nx ntn về cách lập luận của t/g trong bài văn trên?*    *H: T/g sử dụng các phép lập luận chủ yếu nào?T/d?*  *H: Hình ảnh hai con vật dưới con mắt nhà khoa học hiện lên như thế nào?*  *H: Em nhận xét gì về cách nhìn nhận đánh giá của nhà khoa học về hai loài vật này?(*nhà khoa học không nói đến tình cảm mẫu tử thiêng liêng của cừu vì không phải chỉ ở loài cừu mới có; không nhắc đến nỗi bất hạn của sói vì đấy không phải là nét cơ bản của nó ở mọi lúc mọi nơi)  *H: Dưới con mắt của nhà thơ hình ảnh con sói và cừu hiện ra như thế nào?*  *H: Em nhận xét như thế nào về cách nhìn nhận của nhà thơ về hai loài vật này?*  *H:Cách cảm nhận riêng của mỗi người*  *giống và khác nhau như thế nào?*  *H:Nhận xét về NT NL của tác giả và cho biết dụng ý.*  *H: Chứng minh rằng hình tượng sói trong bài thơ này không hoàn toàn giống như bài thơ của Hi pô lít ten*  **HĐ3: HDHS tổng kết:**  *H: Qua văn bản em hiểu thêm đặc trưng nào của sáng tạo NT em học tập được gì về NTNLVH của tg?*  - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a)Tác giả**: H. Ten (1828-1893) Là triết gia, sử gia người Pháp, nghiên cứu văn học, viện sỹ viện Hàn Lâm Pháp  + Tác giả công trình nghiên cứu văn học nổi tiếng “La Phong Ten và thơ ngụ ngôn của ông” (3 phần, mỗi phần nhiều chương)  **b)Tác phẩm:** Đoạn trích từ chương II, phần 2 của công trình trên.  **c) Từ khó: sgk**  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Thể loại**: Nghị luận văn chương  **2. Bố cục**:  - Bố cục: 2 phần  + Từ đầu -> như thế  \* Hình ảnh con cừu  - Dưới ngòi bút của La..  - Dưới ngòi bút của Hi  - Dưới ngòi bút của Buy  Thay bcục 1 bằng 1 đoạn thơ  + Còn lại  \* Hình ảnh con sói..  - Dưới ngòi bút của La  - Dưới ngòi bút của Hi  - Dưới ngòi bút của Buy  => T/g lập luận theo trình tự 3 bước:  - Dưới ngòi bút của La  - Dưới ngòi bút của Hi  - Dưới ngòi bút của Buy  =>Phép lập luận so sánh, đối chiếu  ->làm nổi bật hình tượng n/t trong s/tcủa nhà thơ, y/t tưởng tượng mang đậm dấu ấn cá nhân của t/g.  **3. Phân tích:**  **a.Hình ảnh con cừu và sói dưới con mắt của nhà khoa học:**  **\* Hình ảnh cừu:**  - Nhận xét chung về loại cừu là loại đvật như bao loài khác với bản tính cơ bản: sợ sệt, nhút nhát, đần độn, không biết trốn tránh nguy hiểm, không cảm thấy tình huống bất tiện.  - Nhà khoa học không nói đến tình mẫu tử thiêng liêng->không có tình cảm chủ quan.  **\* Hình ảnh sói**:  - Không có tình đồng loại.  - Là tên bạo chúa khát máu đáng ghét, bẩn thỉu, hôi hám, hư hỏng.  ->sống gây hoạ, chết vô dụng.  -> Bi kịch về sự độc ác.  => Cách viết khách quan chính xác theo quan điểm khoa học về loài cừu  ( nói chung )và sói(nói chung).  **b.Hình ảnh cừu và sói trong thơ của La phong ten :**  **\*H/ả cừu:**  - Hình ảnh về 1 con cừu cụ thể, được nhân hoá như 1 chú bé ngây thơ, đáng thương yếu ớt, bé hết sức tội nghiệp, biết lí lẽ bảo vệ chân lí.  - Có t/c mẫu tử thân thương, biết cảm thông, xót thương...  **\* Hình ảnh sói:**  - Nhà thơ nói về một con sói cụ thể : một con sói đói meo gầy giơ xương đi kiếm mồi; tên bạo chúa khát máu,trộm cướp khốn khổ,bất hạnh,vô lại,luôn bị ăn đòn.  -Thường mắc mưu.  - Hài kịch về sự ngu dốt.  -> Sói hiện lên vừa đáng ghét vừa đáng thương.  - Kết hợp cái nhìn khách quan và cảm xúc chủ quan của tác giả.(song vẫn dựa vào những đặc tính cơ bản của loài cừu và sói).  => Bằng sự so sánh, đối chiếu cách viết của 1 nhà thơ, 1 nhà khoa học, tác giả muốn người đọc nhận ra đặc trưng của STNT, là in đậm dấu ấn và cách nhìn riêng của nhà văn.  **c. Sói và trong nhận xét của Hi- pô lít- ten :**  - Trong thơ của La phông ten nhiều bài có nhân vật chó sói:’chó sói và chó nhà, chó sói và cò… nhận định của tác giả về sói là đúng khi ông bao quát tất cả các bài thơ của La phông ten chứ không phải riêng bài “Chó sói và cừu”.  - Riêng bài này chó sói có mặt đáng cười nếu ta suy diễn nó ngu ngốc chẳng kiếm được cái ăn nên đói meo(hài kịch của sự ngu ngốc); nhưng chủ yếu nó còn là con vật đáng ghét gian xảo, hống hách…bắt nạt kẻ yếu (bi kịch của sự độc ác) -> Nhận định của tác giả sẽ không chính xác nếu ta chỉ vận dụng vào riêng bài thơ này.  **III. Tổng kết**  **1.ND**: NT sáng tạo luôn mang đậm dấu ấn cá nhân.  **2. NT**: LL đối chiếu, so sánh.  **\*Ghi nhớ : sgkt 41** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Nhận xét về cách nhìn nhận đánh giá của nhà thơ và nhà khoa học về 2*

*con vật? Từ đó rút ra kết luận chung?*

*H: Cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật bài viết?*

**5. Hướng dẫn hs học bài ở nhà:**

*- Học bài cũ, chuẩn bị:Hướng dẫn chuẩn bị cho trương trình địa phương TLV?*

# \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 107*. HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA**

**PHƯƠNG TẬP LÀM VĂN**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Ôn lại những kiến thức về văn nghị luận nói chung.

- Tập trung suy nghĩ về một hiện tượng thực tế ở địa phương .

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm hiểu nhận định đánh giá phân tích một sự việc hiện tượng đời sống.

**3. Thái độ**: Thái độ học tập nghiêm túc, chịu tìm tòi nhận xét dánh giá sự việc hioện tượng ở địa phương.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, tìm hiểu nghiên cứu các sự việc hiện tượng đời sống xung quanh.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Nêu cách làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống?*

**3.Bài mới:**

**-** Hiện nay trong thực tế có rất nhiều vấn đề con người phải quan tâm để tìm giải pháp tối ưu như vấn đề môi trường, vấn đề quyền trẻ em, vấn đề xã hội… Đó là những vấn đề mà tất cả các quốc gia trên thế giới phải quan tâm đồng thời nó là vấn đề cụ thể của từng địa phương phải giải quyết. Hôm nay chúng ta sẽ cùng.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu yêu cầu**:  *H: Xác định yêu cầu bài viết.*  **HĐ2:GV giới thiệu nhiệm vụ,**  (Em hiểu yờu cầu này như thế nào?)  **HĐ3.Hướng dẫn cách làm.**  - Cho HS đọc lần lượt các mục trong SGK.  *H:Cỏch hiểu của em về nội dung trờn như thế nào?* | **I.Yêu cầu:**  -Tìm hiểu, suy nghĩ để viết bài  -Bài viết dưới dạng nghị luận về một sự việc, hiện tượng nào đú *ở địa phương*  **II.Xác định những vấn đề có thể viết ở địa phương :**  - \* Vấn đề môi trường: vấn đề nào cần  P phải bàn bạc trao đổi thống nhất.  + Hậu quả của việc phá rừng -> lũ lụt, hạn hán…  + - Hậu quả của việc chặt phá cây xanh  -> ô nhiễm môi trường, bầu không khí.  - \* Vấn đề dân số: hiện trạng  - + Hậu quả .  - \* Vấn đề quyền trẻ em.  E Hiện trạng:trẻ em được chăm sóc dạy  ầ dỗ,đến trường việ xây dựng, sửa chữa  trường học…  **III. Cách làm:**  - Chọn sự việc ... cú ý nghĩa ở địa phương.  -Cú dẫn chứng cần được quan tõm.  -Nhận định đỳng sự việc.  -Bày tỏ thỏi độ xuất phát từ lập trường tiến bộ của xã hội.  -Bài viết khoảng dưới 1500 chữ; bố cục ba phần; luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng; kết cấu, câu cú chuyển mạch, chiếu ứng.  \*Không được nêu tên người, cơ quan, đơn vị cụ thể, có thật (không phải TLV)  \**Thời hạn nộp bài*: Tuần 25. |

**4.Củng cố , luyện tập:**

- Nội dung bài học, nhắc nhở việc viết bài ở nhà, lưu ý ngày nộp bài.

**5.Hướng dẫn học ở nhà**

- Xem lại toàn bộ nội dung bài học

- Chuẩn bị giờ sau: Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

( Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi bài tập sgk)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 108*. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I.Mục tiêu bài học**

**1.kiến thức:**

- Giúp H/s biết làm bài nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng nhận diện, viết 1 văn bản nghị luận xã hội về vấn đề tư tưởng, đạo lý.

**3. Thái độ**: Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức rèn kĩ năng viết văn NL.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK. Sgv, đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc trả lời hệ thống câu hỏi sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Nêu cách làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu bài NL về vấn đề tư tưởng đạo lí**  - Đọc văn bản “ Tri thức là sức mạnh”  *H:Văn bản trên bàn về vấn đề gì ?*  *H: Vẳn bản có thể chia làm mấy? chỉ ra nội dung của mỗi phần và mối quan hệ của chúng với nhau?*  *H:Đánh dấu câu mang luận điểm chính trong bài ? Các câu luận điểm đó đã nêu rõ ràng, dứt khoát ý kiến của người viết chưa ?*  *H: VB sử dụng phép lập luận nào là chính?*  *H: Bài nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo đức khác với bài nghị luận về 1 sự việc, hiện tượng đời sống ?*  *H: Vậy từ đó em hiểu thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ?*  - Đọc ghi nhớ Sgk / 36  **HĐ2.HDHS luyện tập:**  - Đọc văn bản phần luyện tập  *H:VB trên thuộc loại văn bản nghị luận nào?*  *H:Văn bản nghị luận về vấn đề gì ?*  *H: Chỉ ra các l/điểm chính*  *H: Phép lập luận chủ yếu trong bài là những phép nào ?* | **I.Tìm hiểu bài NL về vấn đề tư tưởng đạo lí**  **1.Bài tập :** bài văn“ Tri thức là sức mạnh**”**  **\* Nhận xét** :  **a**. Văn bản bàn về giá trị của tri thức khoa học và người trí thức.  **b**. Văn bản chia làm 3 phần  - Mở bài ( đoạn 1): Nêu vấn đề  - Thân bài ( gồm 2 đoạn ): Nêu 2 ví dụ  \*Chứng minh tri thức là sức mạnh  + Một đoạn nêu tri thức cứu 1 cỗ máy khỏi số phận 1 đống phế liệu  + Một đoạn: Nêu tri thức là sức mạnh của cách mạng Bác Hồ đã thu hút những nhà tri thức lớn theo Người.  - Phần kết ( đoạn còn lại )  + Phê phán 1 số người không biết quý trọng tri thức, sử dụng không đúng chỗ.  **c**. Các câu có luận điểm : 4 câu/mởbài; câu mở đầu + 2 câu kết đoạn 2; câu mở đoạn 3; câu mở đoạn vàcâu kết đoạn 4.  => tất cả các câu luận điểm đã nêu rõ ràng rứt khoát ý kiến của người viết về vấn đề.  **d.** Phép lập luận chủ yếu : Chứng minh  ( dùng dẫn chứng thực tế để nêu vấn đề tư tưởng, phê phán tư tưởng không biết trọng tri thức, dùng sai mục đích).  **e.** Sự khác nhau nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống  - Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý:  + Nluận về một sự việc hiện tượng đời sống:từ sự việc, hiện tượng đời sống mà nêu ra những vấn đề tư tưởng.  + Nluận về một vấn đề tư tưởng đạo lí: sau khi giải thích, chứng minh, phân tích thì vận dụng sự thật đời sống để sáng tỏ các tư tưởng đạo lí quan trọng đối với đời sống con ngươi,khẳng định hay phủ định vấn đề.  **2.Kết luận:**  - Nluận về một vấn đề tư tưởng đạo lí:  là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức lối sống của con người.  + Yêu cầu về nội dung: làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng , đạo lí bằng cách giải thích chứng minh, so sánh, đối chiếu , phân tích...để chỉ ra chỗ đúng  ( hay chỗ sai) của một tư tưởng nào đó nhằm khẳng định( hay phủ định) tư tưởng của người viết  + Yêu cầu về hình thức:bài viết phải có bố cục ba phần, có luận diểm đúng đắn  , sáng tỏ; lời văn chính xác, sinh động.  **II.Luyện tập**  Văn bản “Thời gian là vàng”  a. Nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng, đạo lý.  b. Văn bản nghị luận về giá trị của thời gian  - Câu luận điểm chính của từng đoạn  + Thời gian là sự sống  + Thời gian là tiền bạc  + Thời gian là thắng lợi  + Thời gianlà tri thức  (Sau mỗi luận điểm là 1 dẫn chứng để chứng minh thuyết phục)  c. Lập luận chủ yếu là phân tích và chứng minh (luận điểm được triển khai theo lối: phân tích những biểu hiện chứng tỏ thời gian là vàng, đưa dẫn chứng để chứng minh) |

**4.Củng cố , luyện tập:**

- Nội dung bài học:

*H: Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ?*

*H: Yêu cầu về nội dung?*

*H: Yêu cầu về hình thức?*

**5.Hướng dẫn học ở nhà**

- Xem lại toàn bộ nội dung bài học

- Chuẩn bị giờ sau luyện tập: đọc và trả lời các câu hỏi bài tập sgk=> kluận

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***Tiết 109*. LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**I.Mục tiêu bài học**

**1.kiến thức:**

- Giỳp HS nâng cao hiểu biết và kĩ năng sử dụng phép liên kết đã học.

- Nhận biết liên kết ND và LK ND giữa các câu, các đ/văn.

- Nhận biết một số biện pháp liên kết thường dùng trong việc tao lập VB

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng phân tích liên kết văn bản và sử dụng phép liên kết trong việc tạo lập văn bản.

**3. Thái độ**: Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức sử dụng các phép liên kết khi viết bài Tâp làm văn.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc trả lời hệ thống câu hỏi sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B :

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ? Yêu cầu về hình thức và nội dung bài văn nghị luận về một vấn dề tư tưởng dạo lí.*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Trong khi viết VB, để giúp VB mạch lạc, rõ ràng người phải sử dụng các phép liên kết câu và LK đoạn. Vậy TN là LK nội dung và LK hình thức, ta dùng những b/pháp nào để LK, chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiều khái niệm liên kết:**  - Đọc bài tập sgk  *H:ĐV trên bàn về v/đề gì? chủ đề ấy có q/hệ ntn với chủ đề chung của VB?*  *H: ND chính của mỗi câu trong đ/văn trên là gì?*  *H: Các ND ấy có q/hệ với chủ đề của ĐV? Nêu n/xét về trình tự sắp xếp các câu?*  *H: Mối q/hệ về ND giữa các câu trong đ/văn được t/hiện như thế nào?*  *H: Sự LK về ND và HT của các ĐV trong VB cũng như các câu trong đoạn ntn?*  **HĐ2. HDHS luyện tập**  - HS đọc bài tập.  *H: Chủ đề của đoạn văn là gì?*  *H: ND các câu đã phục vụ chủ đề đó ntn? Nêu 1 t/hợp để thấy trình tự s/xếp các câu trong đoạn là hợp lí ?*  - Các câu được LK với nhau bằng các phép LK nào? | **I. Khái niệm liên kết:**  **1. Bài tập:**  **\*Nhận xét:**  - ĐV bàn về cách người n/sĩ phản ánh thực tại.  =>Đây là 1 trong những y/tố ghép vào chủ đề chung: Tiếng nói của VN.  **+** ND chính của câu 1: TPVH phản ánh t/tại; Câu 2: khi p/ánh t/tại người n/sĩ muốn nói lên 1điều mới mẻ;Câu 3:Cái m/mẻ ấy là lời gửi của 1 n/sĩ.  -> Các ND này đều hướng vào chủ đề của đ/văn. Trình tự và các ý hợp lô gích.  \* Mối q/hệ ND các câu trong đ/văn được thể hiện ở sự lặp lại các từ: tác phẩm- t/phẩm  - Dùng từ cùng trường liên tưởng với t/phẩm là n/sĩ  -Thay thế n/sĩ = anh.  - Dùng q/hệ từ : nhưng.  - Dùng từ: cái đã có rồi đồng nghĩa với: những vật liệu mượn của t/tại.  **2. Ghi nhớ:**  **\* ND**: Các ĐV phải phục vụ chủ đề chung của VB, các câu phải p/vụ chủ đề của ĐV.  - Các ĐV và các câu phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  \* Hình thức: Các câu và các đoạn văn được LK bằng 1 số b/pháp chính như:  + Lặp từ ngữ.  + Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng.  + Phép thế.  + Phép nối.  **II. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  - Khẳng định năng lực, trí tuệ của con người VN và cả những hạn chế cần khắc phục.  - ND các câu đều tâp trung vào chủ đề.  - Trình tự sắp xếp hợp lí của các ý trong từng câu:  + Mặt mạnh của trí tuệ VN  + Những điểm hạn chế.  + Cần khắc phục hạn chế để đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế mới.  - Các phép LK câu trong đoạn văn:  + Bản chất trời phú ấy - nối câu 2 với câu 1 (phép đồng nghĩa)  + Nhưng - nối câu 3 với câu 2 (phép nối)  + ấy là - nối câu 4 với câu 3 (phép nối)  + Lỗ hổng - lặp câu 4 và câu 5 (phép lặp)  + Thông minh - câu 5 và câu 1 (phép lặp) |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Nhắc lại sự LK về nội dung và h/thức của các đoạn văn và các câu trong đoạn.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và làm lại bài tập. Xem trước phần luyện tập về LK câu và LK đoạn Đọc và chuẩn bị trả lời các câu hỏi bài tập sgk

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***Tiết 110*. LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN (LUYỆN TẬP)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS củng cố kiến thức về LK câu và LK đoạn văn.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng vận dụng các phép liên kết ND và LK ND giữa các câu, các đ/văn trong khi viết văn.nâng cao hiểu biết và kĩ năng sử dụng phép liên kết đã học.

**3. Thái độ**: Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức sử dụng các phép liên kết khi viết bài Tâp làm văn.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, xem các bài tập SGK

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Yêu cầu liên kết về**nội dung và hình thức đoạn văn và bài văn như*

*thế nào ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

*Giờ học trước các em đã đực tìm hiểu các cách liên kết đoạn văn yêu cầu về*

*nội dung và hình thức đoạn văn. Giờ học này chúng ta sẽ luyện tập làm các bài tập để củng cố về kiến thức liên kết câu và liên kết đoạn văn.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS củng cố lí thuyết về liên kết:**  *H: Nhắc lại khái niệm liên kết?*  **HĐ2. HDHS luyện tập:**  - Gọi hs đọc bài tập 1 SgK  - Chỉ rõ phép LK câu và LK đoạn trong đoạn văn?    - Đọc bài tập 2.  *H: Tìm các cặp từ trái nghĩa để 2 câu văn LK c/chẽ với nhau ?*  - Đọc bài tập.  *H: Hãy chỉ lỗi LK nội dung?*  *H: Nêu cách chữa?*  *H: Chỉ ra cách chữa lỗi LK hình thức trong các đoạn trích?* | **I. Lí thuyết**  **1. Liên kết ND**: Các ĐV phải phục vụ chủ đề chung của VB, các câu phải p/vụ chủ đề của ĐV.  - Các ĐV và các câu phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  **2. Liên kết hình thức**: Các câu và các đoạn văn được LK bằng 1 số b/pháp chính như:  + Lặp từ ngữ.  + Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng.  + Phép thế.  + Phép nối.  **II. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:** Chỉ ra phép liên kết câu và liên kết đoạn  **a.** Trường học - Trường học (P/lặp- LK câu)  Như thế -> thay cho câu cuối ở đoạn trước (P/thế - LK đoạn văn)  **b.** Văn nghệ – v/nghệ (P/lặp – LK câu)  Sự sống - sự sống ;văn nghệ – v/nghệ (P/lặp – LK đoạn văn)  **c**. Thời gian - Thời gian - Thời gian , con người- con người – con người (P/lặp – LK câu)  **d.** Yếu đuối- mạnh, hiền lành - ác  ( phép trái nghĩa – LK câu)  **2. Bài tập 2:** Tìm những cặp từ trái nghĩa cho hai câu văn liên kết:  - Thời gian vật lí - Thời gian tâm lí  - Vô hình - Hữu hình  - Giá lạnh - nóng bỏng  - Thẳng tắp - Hình tròn  - Đều đặn - Lúc nhanh, lúc chậm  **3. Bài tập 3:** Chỉ lỗi LK nội dung  **a.** Các câu không p/vụ chủ đề chung của đoạn văn  - Sửa lại: Thêm từ ngữ để thiết lập sự LK chủ đề:  **VD:** Cắm…đêm. Trận…đại đội hai *của anh* ở…sông. *Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc* hai bố con anh cùng…mặt trận. *Bấy giờ*, mùa…cuối.  **b.** Lỗi về LK nội dung. Trật tự các sự việc trong câu không hợp lí.  Sửa lại: Thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào câu 2 để làm nổi rõ q/hệ thời gian giữa các sự kiện.  VD: Suốt 2 năm anh ốm nặng, chị làm….  **4. Bài tập 4**  a. Dùng từ ở câu 2 và câu 3 không t/nhất.  -Sửa lại : Thay đại từ “nó” bằng đại “chúng” -> số nhiều.  b. Từ *văn phòng* và *hội trường* không cùng nghĩa với nhau trong trường hợp này.  - Sửa lại: Thay từ *hội trường* câu 2 bằng từ *văn phòng* |

**4.Củng cố, luyện tập:**

H: Từ các b/tập trên, em rút ra nhận xét gì về những lỗi trong d/đạt khi viết văn?

- Viết 1 đoạn văn - đề tài tự chọn, trong đó có sử dụng các phép LK lặp, thế?

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Xem lại và nắm kĩ những nội dung đã học.

- Soạn bài: Con cò : đọc và trả lời hệ thống câu hỏi đọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 111*. HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM: CON CÒ**

**(Chế Lan Viên)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS nắm được vẻ đẹp và ý nghĩa của hình tượng con c̣ò trong lời ru của người mẹ.

- Thấy được sự vận dụng sáng tạo ca dao của t/giả và các đặc điểm về h/ảnh, thể thơ, giọng điệu của bài thơ.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng cảm thụ và phân tích thơ.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng , kính yêu mẹ, hiểu được ý nghĩa của tình mẹ và lời du của mẹ.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Hình tượng sói và cừu trong con mắt của nhà thơ và nhà khoa học khác nhau như thế nào ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

*-* Tình mẫu tử là một đề tài rất xa xưa nhưng không bao giờ cũ. Người ta đã nói nhiều về ý nghĩa và vai tṛò của hát ru với tuổi thơ, với cả cuộc đời mỗi con người. Chế Lan Viên đã khai thác đề tài về tình mẫu tử qua những bài hát ru. Để hiểu hơn nội dung của bài thơ, chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu bài: Con cò

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc bài  - Gọi HS đọc bài thơ.  *H: Nêu những hiểu biết của em về tác giả ?*  *H:T/phẩm sáng tác vào t/gian nào?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: Bài thơ làm theo thể thơ nào?*  *H: Bài thơ được chia làm mấy đoạn? ND chính của mỗi đoạn?*  - HS đọc đoạn 1:  *H: H/tượng con cò trong lời ru của mẹ đã được vận dụng từ những câu ca dao nào?*  *H: Phân tích ý nghĩa b/tượng từ h/ảnh con cò của các bài ca dao?*  *H: Phân tích, nhận xét về nội dung đoạn kết thúc lời ru I ?*  - HS đọc đ/thơ II  *H: H/ảnh con cò với mỗi chặng đường của con người ntn?*  *H: Nhận xét về ý nghĩa b/tượng của h/ảnh cánh cò trong đ/thơ này?*  *H: Hình ảnh cánh cò ở đ/thơ này có nghiă biểu tượng ntn ?*  - HS đọc đoạn III.  *H:Từ sự thấu hiểu t/lòng người mẹ, nhà thơ đã k/quát 1 q/luật gì?*    *H:Phân tích ý nghĩa k/quát của các câu thơ cuối?*  **HĐIII. HDHS tổng kết:**  *H: Nêu khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1.Đọc:**  **2.Chú thích:**  **a. Tác giả***:*  - Chế Lan Viên (1920- 1989)  - Tên khai sinh: Phan Ngọc Hoan.  - Quê: Quảng Trị, nhưng lớn lên ở  Bình Định.  - Ông nổi tiếng trong phong trào Thơ mới ; là nhà thơ có tên tuổi hàng đầu của nền thơ ca hiện đại VN ở thế kỉ XX.  - Thơ ông đầy chất suy tưởng, triết lí, đậm chất trí tuệ và tính hiện đại.  - Năm 1996 ông được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật.  **2. Tác phẩm:**  - Sáng tác năm 1962, in trong *tập “Hoa ngày thường, Chim báo bão”.*  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Thể thơ**: thơ tự do  **2. Bố cục:** Gồm 3 đoạn.  **+) ĐI**: Hình ảnh con cò qua những lời hát ru q/thuộc đến với tuổi thơ.  **+) ĐII***:* H/ảnh con cò đi vào tiềm thức của t/thơ, trở nên g/gũi và sẽ theo cùng con người trên mọi ch/đường đời.  **+) ĐIII*:*** Từ h/ ảnh con cò, suy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đ/với c/đời của mỗi người.  **3. Phân tích:**  **a.Hình ảnh con cò qua những lời hát ru q/thuộc đến với tuổi thơ.**  - Tác giả chỉ lấy vài chữ trong mỗi câu ca dao -> gợi nhớ cả câu. Thể hiện sự phong phú trong ý nghĩa biểu tượng của h/ảnh con cò ở ca dao.  +) Trong con cò bay la  Con cò Đồng Đăng  => Gợi vẻ …thong thả, nhịp nhàng, bình yên của c/s ít biến động thủa xưa.  +) Con c̣ò đi ăn đêm…-> Tượng trưng cho người phụ nữ, người nông dân nhọc nhằn, vất vả lam lũ kiếm sống.  - Qua lời ru của mẹ, h/ảnh con cò đi vào tiềm thức tuổi thơ một cách vô thức. Đây là sự khởi đầu đi vào t/giới t/hồn con người.  - Những câu kết đoạn: Ngủ yên! ngủ yên!  …con ngủ chẳng phân vân.  -> Ở tuổi ấu thơ, đứa trẻ chưa thể hiểu ND của những lời ru này, chúng chỉ cần được vỗ về trong những lời ru âu yếm, ngọt ngào được cảm nhận bằng trực giác sự che chở của người mẹ dành cho bé.  **b. H/ảnh con cò theo cùng con người trên mọi ch/đường đời:**  - Khi ấu thơ: *Con ngủ yên thì cò mới ngủ*  *…..đắp chung đôi.*  - Đến tuổi tới trường:  *“Mai khôn lớn…theo cò đi hoc”*.  …theo gót đôi chân”.  - Lúc trưởng thành:  *“Cánh cò trắng lại theo hoài…*  *Trước hiên nhà.*  *….hơi mát câu văn”*  -> Hình ảnh cánh cò từ trong lời ru đã đi vào tâm thức tuổi thơ, t/tục sống trong tâm thức con người và nâng đỡ con người trên mỗi chặng đường đời.  - H/ảnh cánh cò được XD bằng các liên tưởng, t/tượng của t/giả-> gợi ý nghĩa b/tượng về ḷòng mẹ, về sự d́ìu dắt, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ.  ***c. S*uy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đ/với c/đời của mỗi người:**  - Ý nghĩa biểu tượng của h/ảnh con cò:  - *Dù ở gần con…* …*cò mãi yêu con*  => Con cò b/tượng cho người mẹ lúc nào cũng ở bên con suốt cả cuộc đời.  - Quy luật tình cảm:  *Con dù lớn vẫn là con của mẹ*  *…..lòng mẹ vẫn theo con.*  -> Tình mẫu tử có ý nghĩa bền vững sâu sắc.  - Phần cuối bài thơ:  *“Một con cò thôi*  *…Vỗ cánh qua nôi.*  -> Lời thơ thấm đẫm chất triết lí ,trí tuệ Người mẹ nghĩ về thân phận những con cò nhỏ bé, đáng thương trong c/đời.  - Đoạn thơ đúc kết ý nghĩa phong phú của h/tượng con cò trong những lời ru.  **III. Tổng kết:**  - ND: K/thác h/tượng con cò trong những lời hát ru, bài thơ n/ca tình mẫu tử và ý nghĩa của lời ru đ/với c/sống mỗi con người.  -NT: Thể thơ tự do, bài thơ gợi âm hưởng lời hát ru, giọng thơ gợi sự suy ngẫm, triết lí. Vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò trong ca dao. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Đọc diễn cảm bài thơ? Nêu cảm nghĩ của em về b/thơ ?*

*H: Ý nghĩa của hình tượng cò trong lời du?*

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- VN học thuộc lòng bài thơ, nắm nội dung của bài

Chuẩn bị : *“Viếng lăng Bác” Đọc bài thơ chia bố cục và trả lời câu hỏi đọc hiểu.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 112*. VIẾNG LĂNG BÁC**

**( Viễn Phương)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS nắm được niềm xúc động t/liêng, tấm lòng t/tha, thành kính, vừa tự hào, vừa đau xót của t/giả.

- Thấy được đ/điểm nghê thuật của bài thơ: giọng điệu trang trọng, mà thiết tha, lời thơ dung dị mà cô đúc, giàu h.ảnh mà vẫn lắng đọng.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng cảm thụ và phân tích thơ.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng, kính yêu biết ơn Bác - người cha vĩ đạicủa dân tộc VN

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Phân tích ý nghĩa của hình tượng Con cò ở 3 đoạn thơ*

*Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Ngày 2- 9- 1969 Bác ra di mãi mãi và để lại nỗi xót thương vô hạn cho nhân dân VN nói chung đồng bào MN nói riêng . Nhưng đến mãi khi MN được giải phóng nhà thơ Viễn Phương mới cùng đồng bào MN mới có dịp ra thủ đô Hà Nội và vào viếng lăng Bác. Xúc động, bồi hồi, xót xa, nghẹn ngào nhà thơ đã viết: “Viếng lăng Bác”. Bài thơ là nỗi lòng thành kính là nén hương thơm t/giả kính dâng lên Bác. Để hiểu được nõi ấy chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc bài  - Gọi HS đọc bài thơ.  *H: Nêu những hiểu biết của em về tác giả ?*  *H: Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: Xác định thể thơ?*  *H: Chia bố cục bài thơ?*  - HS đọc khổ thơ đầu:  *H: Nhận xét về cách xưng hô của t/giả trong đoạn thơ?*  *H: Ấn tượng đầu tiên của t/giả khi đến thăm lăng Bác là hàng tre. Cách m/tả hàng tre có gì đáng chú ý? ý nghĩa của cách tả đó?*  *H: em đọc được cảm xúc gì của nhà thơ ở khổ thơ đầu?*  *H: Khi vào lăng t/giả đã m/tả khung cảnh, không khí nơi Bác yên nghỉ ntn?*  *H: Tác giả cảm nhận điều gì trong lòng khi nhắm nhì Bác trong lăng? Tâm trạng và cảm xúc của t/giả?*  *H: Vì sao tác giả lại thấy con tim mình đau nhói?*  *H: Nhận xét về cảm xúc của nhà thơ?*  - HS đọc khổ thơ thứ tư  *H: Rời lăng Bác tâm trạng, cảm xúc và ước nguyện của nhà thơ ntn?*  - Nghệ thuật gì được sử dụng trong đoạn thơ?  *H: Nhận xét của em về h/ả cây tre ở cuối bài thơ?*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về nội dung bài thơ?*  *H: Nêu đ/sắc ND và NT của bài thơ?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1.Đọc:**  **2.Chú thích:**  **a. Tác giả***:*  **1. Tác giả:** Viễn Phương tên khai sinh: Phan Thanh Viễn (1928- 2005)  - Tên khai sinh: Phan Thanh Viễn.  - Quê: An Giang.  - Là nhà thơ có mặt sớm nhất của lực lượng VN giải phóng ở MN thời kì chống Mĩ.  **2. Tác phẩm:**  - Năm 1976- nước nhà thống nhất , lăng chủ tịch HCM vừa khánh thành.Nhà thơ ra thăm mBắc vào viếng lăng Bác Hồ. Bài thơ “ Viếng lăng Bác ra đời trong hoàn cảnh ấy và được in trong tập “Như mấy mùa xuân” (1978)  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể thơ:**Thơ tự do (biểu cảm)  **2. Bố cục**:  3 phần : Theo trình tự của mạch cảm xúc khi tác giả vào viếng lăng Bác.  **3. Phân tích:**  **a.** **Khổ thơ đầu:**  *“ Con…Bác”*  - Cách xưng hô trong gia đình của người con với cha mẹ. Câu thơ gọn như 1 lời thông báo, nhưng gợi ra tâm trạng xúc động của 1 người từ chiến trường MN sau bao nhiêu năm mong mỏi bây giờ mới được ra viếng lăng Bác.  - Hình ảnh hàng tre bát ngát  Không chỉ tả thực, còn nhân hóa, l/tưởng tượng trưng  ->Hàng tre b/tượng cho cây cối mang màu xanh đ/ nước, sức sống bền bỉ, dẻo dai của d/tộc đã tập trung về chung quanh Bác, canh cho giấc ngủ của Người.  => Niềm xúc động thành kính.  **b. Khổ thơ thứ 2,3:**  *“ Ngày ngày…lăng*  *Thấy một…đỏ”*  -> Điệp từ: thời gian lặp lại.  - H/ả mặt trời ẩn dụ -> Bác vĩ đại như một vầng mặt trời soi sáng đường cho d/tộc VN, thể hiện sự tôn kính của n/dân và t/giả đối với Bác.  *“ Ngày ngày…nhớ”*  -> Tả thực dòng người đi trong không gian hết sức đặc biệt - không gian thương nhớ vào viếng Bác  *“Kết tràng hoa…xuân”* -> ẩn dụ -> sự sáng tạo của nhà thơ.Dòng người như vô tận vào viếng Bác trở thành tràng hoa dâng lên Bác với tấm lòng thành kính thiêng liêng.  - Bác nằm …yên... dịu hiền -> Bác nằm t/thản như đang ngủ- một giấc ngủ rất đỗi bình yên trong ánh sáng dịu như vầng trăng trong lăng  -> Tác giả diễn tả chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm dưới ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của k/gian trong lăng Bác. H/ảnh v/trăng gợi nghĩ đến t/hồn thanh cao đẹp đẽ , s/trong của Bác và những vần thơ tràn đầy ánh trăng của Người.  *“ Vẫn biết …mãi mãi*  *Mà sao nghe nhói…tim”*  - Bác còn sống mãi với non sông đ/nước, như trời xanh còn mãi trên đầu. Người đã hóa thành t/nhiên, đất nước, dân tộc.  ->Mặc dù vẫn biết như thế nhưng trái tim lại nhói đau vì một sự thật phũ phàng :Bác không còn nữa, không thể không đau xót vì sự ra đi của Người  => T/cảm xót xa, chân thành, xúc động khi lần đầu tiên nhìn thấy Bác trong lăng.  **c. Khổ thơ thứ 4:**  *“ Mai về…nước mắt”*  - Niềm xúc động trào dâng, xót thương không muốn rời xa.  - Muốn làm con chim hót .. đóa hoa tỏa hương , cây tre trung hiếu ->được bên Bác canh giấc ngủ cho Người  ->Điệp ngữ, ẩn dụ-> ước nguyện chân thành của nhà thơ .  -> Tâm trạng lưu luyến, t/cảm thành kính, thiêng liêng của 1 người con MN đối với Bác- Người cha già kính yêu của d/tộc.  =>Sự lặp lại h/ả cõy tre tạo cho bài thơ có kết cấu đầu - cuối tương ứng, làm đậm nét về hình ảnh gây ấn tượng sâu sắc và dòng cảm xúc được trọn vẹn.  **III. Tổng kết:**  **1. ND**: Bài thơ t/hiện niềm thành kính, niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người với Bác.  **2. NT**: Cách gieo vần linh hoạt, tạo nên 1 giọng điệu phù hợp với n/dung t́nh cảm, c/xúc. Giọng thơ vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa t/tha, đau xót, tự hào.H/ảnh thơ sáng tạo, kết hợp cả h/ảnh thực, h/ảnh ẩn dụ, b/tượng. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Đọc d/cảm bài thơ? Nêu cảm nghĩ của em sau khi học xong b/thơ này?

- Viết 1 đoạn văn bình khổ thơ thứ 2?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc lòng bài thơ và nắm ND của bài.

- Xem trước bài: Cách làm bài văn NL về 1 v/đề tư tưởng, đạo lí- đọc và trả lời câu hỏi bài tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 113*. CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ**

**MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS nắm được cách làm bài về một vấn đề tư tưởng, đạo lí(tìm hiểu đề tìm ý và lập dàn bài)

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**3. Thái độ**:

- Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ?yêu cầu về nội dung và hình thức bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Chúng ta đang được học về dạng văn NL xã hội với kiểu bài NL về sự việc hiện tượng trong đ/sống và bước đầu tìm hiểu bài văn NL về 1tư tưởng, đạo lí. Giờ học hôm nay sẽ giúp các em nhận diện về dạng đề và cách làm kiểu bài NL về 1 vấn đề tư tưởng, đạo lí. Chúng ta cùng tìm hiểu bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đề bài nghị luận về một tư tưởng dạo lí:**  - HS đọc SGK  *H: Các đề trên có điểm gì giống nhau? Kể rõ sự giống nhau đó?*  - Yêu cầu học sinh tự đặt một số đề bài tương tự.  **HĐ2. HDHS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một tư tưởng dạo lí:**  - Gọi hs đọc đề bài.  *H: Với đề bài trên ta chọn kiểu bài nào?*  *H: Nội dung cần nghị luận là gì? Phân tích đề bài trên?*  *H: Muốn làm bài cần có những tri thức gì?*  *H: Khi làm cần phải có những ý gì?*  *H: Dựa vào phần dàn ý đại cương SGK để xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài trên?*  *H: xác định các nội dung cần nghị luận cho từng phần ?*  *H: Rút ra nhận xét về cách viết mở bài ; cách viết thân bài; cách viết kết bài?*  *H: Rút ra cách làm bài bài văn Nl về 1 tư tưởng, đạo lí?*  - HS đọc SGK. | **I. Đề bài nghị luận về 1 tư tưởng, đạo lí:**  **1. Bài tập***:* .  **2. Nhận xét**:  **\* Điểm khác nhau**:  - Các đề 1, 3, 10 là đề có mệnh lệnh,  - Còn các đề khác là dạng đề chìm, tuy vậy sự khác nhau của các đề này là không lớn lắm.  **\*Điểm giống nhau:**  +) Cùng là đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  +)Cùng một yêu cầu khi làm bài: phải vận dụng giải thích, chứng minh hoặc bình luận(tức nhận định, đánh giá) tư tưởng, đạo lí nêu trong đề, bày tỏ suy nghĩ đánh giá của mình về tư tưởng ấy, đạo lí ấy.  **II. Cách làm bài NL về một tư tưởng, đạolí:**  **1. Đề bài:** Suy nghĩ về đạo lí: *“Uống nước nhớ nguồn”*  **a. Tìm hiểu đề và tìm ý:**  **- Kiểu bài:** suy nghĩ- giải thích, bình luận, chứng minh (thể hiện sự hiểu biết, đánh giá)  - ND: câu tục ngữ: “uống nước nhớ nguồn”  + Tri thức cần có: Hiểu biết về tục ngữ VN;vận dụng các tri thức đời sống.  + Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng.  + ND câu tục ngữ t/hiện truyền thống đạo lí gì của người VN.  + Ngày nay đ/lí ấy có ý nghĩa ntn?  + Bình luận mỏ rộng.  **b. Lập dàn ý:**  **1. Mở bài:** Giới thiệu câu t/ngữ và ND của nó: đạo lí làm người, đạo lí cho toàn xã hội.  2.**Thân bài:**  \* Giải thích câu tục ngữ:  - Nước ở đây là ǵì? Các nghĩa của nước?  - Uống nước có là gi?  - Nguồn nên hiểu ntn? Cụ thể ND của nguồn?  - Nhớ nguồn là làm ntn? Cụ thể hóa ND của nguồn?  \* Nhận định đánh giá:  - Câu tục ngữ đã nêu đao lí làm người.  - Câu tục ngữ nêu truyền thống tốt đẹp của d/tộc.  - Câu t/ngữ nêu lên 1 nên tảng tự duy trì và phát triển của xã hội.  - Câu tục ngữ là lời nhắc nhở đối với những ai vô ơn.  - Câu tục ngữ k/khích mọi người cống hiến cho đất nước, dân tộc.  3**. Kết bài:** Khẳng định câu tục ngữ thể hiện 1 nét đẹp truyền thống của con người VN.  **c. Viết bài:**  - Đọc phần viết mở bài (SGK) – kết bài.  - Nhóm 1: viết ý 1 Phần thân bài.  Nhóm 2: viết ý 2  **d. Đọc và sửa chữa:**  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - Nhận xét bổ sung.  **2. Kết luận:**  **\* Ghi nhớ: SGK/54** |

**4. Củng cố. luyện tập:**

- Các bước làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí?

- Nêu dàn ý chung của bài văn NL về 1 t/tưởng, đ/lí.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Viết hoàn thiện cả bài của đề văn trên.

- Lập dàn ý: 1 trong 10 đề của các trang 51, 52 SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 114.* CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ**

**MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ (TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS nắm được cách làm bài về một vấn đề tư tưởng, đạo lí(luyện tập)

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**3. Thái độ**:

- Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ?yêu cầu về nội dung và hình thức bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí ? Các bước làm bài yêu cầu của từng bước ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Giờ trước các em đã tìm hiểu kĩ năng làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí .Giờ học này cô cùng các em luyện tập để củng cố kĩ năng làm bài một lần nữa.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS luyện tập các bước làm bài:**  *H: Phân tích đề bài trên?*  *H: Ta cần đặt câu hỏi gì để tìm ý?*  *H: Phần này cần d/đạt ntn?*  *H: Phần thân bài cần triển khai những ý gì? Nội dung của mỗi ý?*  *H: Em hiểu ý nghĩa câu tục ngữ ntn?*  *H: Em nhận định vấn đề như thế nào?*  *H: Phần kết bài cần nêu nội dung gì?*  *- Phân nhóm HS viết bài.*  *- Gọi HS đọc, nhận xét.*  -> Gọi HS đọc -> nhận xét. | **Đề bài:** Suy nghĩ về câu tục ngữ: Lá lành đùm lá rách.  **1. Tìm hiểu đề và tìm ý**:  - Thể loại: NL về 1 …lí  - ND: ND câu t/ngữ*: Lá lành đùm lá rách.*  **2. Lập dàn ý:**  **a. Mở bài**:  - Tình cảm tương thân, tương ái là 1 đ/điểm nổi bật trong q/niệm sống của người xưa.  - N/dung chứa đựng trong câu tục ngữ trên có thể xem như bài học về đạo đức, phản ánh mối q/hệ t/cảm trong xã hội ta từ ngày xưa.  **b.Thân bài:**  **\* Ý nghĩa câu tục ngữ:**  - Nghĩa đen: Lấy 1 hiện tượng trong  đời sống hàng ngày:  Dùng lá cây để gói hàng, nếu lá rách, dùng lá lành lặn bọc bên ngoài cho  chắc chắn.  - Nghĩa bóng: Hình ảnh lá lành, lá rách tượng trưng cho con người ở những hoàn cảnh khác nhau. Lúc yên ổn thuận lợi, lúc k/khăn, hoạn nạn-> Cách nói t/trưng: biết chia sẻ, giúp đỡ những người lâm vào cảnh ngộ neo đơn, cùng quẫn.  **\* Đánh giá vấn đề:**  - Biểu hiện tình cảm cao đẹp trong  q/hệ giữa người với người, khuyên nhủ ta đừng quay lưng trước nỗi bất hạnh của người khác.  - Nếu có thái độ cảm thông, biết giúp đỡ người khác khi hoạn nạn thì đó là bước đầu tạo cơ sở cho tình đoàn kết, thân ái, tránh được mầm mống chia rẽ, xung đột.  - T/cảm nhân đạo là 1 p/chất tốt đẹp  của mỗi con người cần phải có để làm nên tảng x/dựng 1 XH bình đẳng thân ái.  - T/thần đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau phải được nâng thành ý thức tự giác của mỗi người.  - Song giúp đỡ người khác cần bắt nguồn từ t/cảm chân thành, không phải sự ban ơn.  **c. Kết bài:**  - K/định ý nghĩa của câu tục ngữ.  - Liên hệ: cần có ý thức đ/kết tương  trợ nhau trong c/sống. Cần chống lại tư tưởng ỷ lại, k/khích tinh thần tự lực cánh sinh.  **3. Viết đoạn, đọc, sửa chữa:**  - Nhóm 1: Viết mở bài, kết bài.  - Nhóm 2: Viết luận điểm 1 => thân bài.  - Nhóm 3: viết l/điểm 2 |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hoàn thành tiếp bài hoàn chỉnh.

- Làm dàn ý đề 9 (SGK)

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị: Trả bài- hs lập dàn ý ở nhà

- Giờ sau học: Trả bài TLV số 5.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 115*** . **TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Đánh giá các ư­u khuyết điểm trong bài viết của học sinh .

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng làm bài về một sự việc hiện tượng đời sống

**3. Thái độ**:

- Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí. Giáo dục bồi dưỡng hứng thú học tập và ý chí vươn lên.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: **Kiểm tra 15 phút**

Lập dàn ý cho đề bài sau :  «  Suy nghĩ của em về đạo lí : Lá lành đùm lá rách »

**a. Mở bài** : Dẫn dắt đạo lí «  Lá lành đùm lá rách »

**-** Khẳng định đạo lí tốt đẹp này có từ xa xưa trong truyền thống dân tộc

**b. Thân bài** :Giải thích nghĩa đen : Bọc đồ lá bị rách thì dùng lá lành bọc ngoài cho chắc chắn

- Giải thích nghĩa bóng : Cách nói hình ảnh ẩn dụ về con người trong cuộc sống ở những hoàn cảnh khác nhau. Lúc yên ổn thuận lợi, lúc k/khăn, hoạn nạn

-> Cách nói t/trưng: biết chia sẻ, giúp đỡ những người lâm vào cảnh ngộ neo đơn, cùng quẫn.

- Mở rộng vấn đề : Khẳng định đó là đạo lí tốt đẹp trong truyền thống dân tộc.

- Cần giữ gìn và phát huy truyền thống ấy.

**\* Đánh giá vấn đề:**

- Biểu hiện tình cảm cao đẹp trong q/hệ giữa người với người.

- Là lời khuyên nhủ mọi người

- Đó là bước đầu tạo cơ sở cho tình đoàn kết, thân ái,

- T/thần đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau phải được nâng thành ý thức tự giác của mỗi người.

- Song giúp đỡ người khác cần bắt nguồn từ t/cảm chân thành, không phải sự ban ơn.

**c. Kết bài :**

- K/định ý nghĩa của câu tục ngữ.

- Liên hệ: cần có ý thức đ/kết tương trợ nhau trong c/sống.

**3.Bµi míi:** GV giới thiệu bài.

**Đề bài** : Suy nghĩ của em về hiện tượng vứt rác ra đường hay nơi công cộng.

***Hoạt động1:***

**I. Phân tích đề :**

- Thể loại : Văn nghị luận xã hội- suy nghĩ, hiểu biết của bản thân.

- Nội dung : Hiện tượng vứt rác ra đường hay nơi công cộng

**II. Dàn ý :** (như­ đáp án chấm tiết 104-105 )

***Hoạt động2*** : **Nhận xét bài làm của HS .**

***1. Ưu điểm*** :

- Nắm đ­ược phư­ơng pháp làm bài

- Nêu được ý cơ bản .

- Nhiều bài viết nêu được những hiện tương nổi bật trong đời sống.

- Một số bài cũng biết tách ý và lập luận chặt chẽ.

***2. Nh­ược điểm*** :

- Nhiều bài viết còn sơ sài .

- Một số bài diễn đạt còn vụng, lủng củng , chưa hợp lí về bố cục

- Phần lớn HS chưa biết lập luận để vấn đề nói trong được nổi bật.

- Đi sâu vào nguyên nhân mà bỏ qua việc nêu hiện tượng, đánh giá hiện tượng.

***Hoạt động3***: **Trả và chữa bài.**

- Đọc bài khá tiêu biểu .

- Đọc bài yêú tiêu biểu .

- Chữa các lỗi dùng từ, diễn đạt .

- Trả bài cho HS .

- Gọi điểm .

**4.Củng cố, luyện tập:**

- GV nhận xét chung và biểu dương những bài làm tốt .

**5. Hướng dẫn về nhà**: VN xem lại cách làm bài văn nghị luận về 1 sự việc hiện tượng đời sống.

- Chuẩn bị : Mùa xuân nho nhỏ

- Đọc và trả lời câu hỏi đọc hiểu học bài cũ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 116.* MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**(Thanh Hải)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS nắm được những nét khái quát về tác giả và tác phẩm.Cảm nhận được cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất trời.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc diễn cảm, cảm thụ, phân tích bài thơ.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục ý thức thái độ trân trọng giá trị đích thực của thơ ca trong cuộc sống.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H :*  *Đọc thuộc lòng bài thơ bài thơ: Viếng lăng Bác? Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ này?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Điều trăn trở về quan niệm sống được nhà thơ Thanh Hải thể hiện qua bài: Mùa xuân nho nhỏ. Vậy quan niệm sống đó được thể hiện trong bài thơ ntn, chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc  - HS đọc bài thơ  - Gọi HS đọc chú thích\*.  *H: Nêu những nét khái quát về tác giả?*  *H: Bài thơ được sáng tác vào thời điểm nào?*  - Yêu cầu hs giải nghĩa một số từ khó SKG  **HĐ2.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *H: Bài thơ có thể chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?*  *H: H/ảnh mùa xuân của t/nhiên được t/giả phác họa ntn?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc:**  **a. Tác giả:**  Thanh Hải (1930- 1980)  - Quê: Phong Điền- Thừa Thiên Huế.  - Hoạt động v/nghệ từ cuối k/chiến chống Pháp. Trong k/chiến chống Mĩ ông ở lại quê hương h/động.  **b. Tác phẩm:**  - Tháng 11- 1980- không bao lâu trước khi tác giả qua đời.  **c.Từ khó:**  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể thơ, phương thức biểu đạt**:  - Thơ 5 chữ  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm- tự sự miêu tả- nghị luận  **2.Bố cục:** 4 phần.  - P1: Khổ thơ đầu: C/xúc trước mùa xuân của t/nhiên, đất trời.  - P2: 2 khổ tiếp theo: Cảm xúc về mùa xuân đất nước.  - P3: 2 khổ tiếp theo: Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ trước mùa xuân đất nước.  - P4: Khổ cuối: Lời ca ngợi quê hương, đất nước qua làn điệu dân ca Huế.  **3.Phân tích:**  **1. Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước:**  **\* Mùa xuân của thiên nhiên***:*  - *Mọc…xanh*  *Bông hoa tím biếc*  *Chim chiền chiện hót*  -> Đảo ngữ, tính từ chỉ màu sắc  động từ-> gợi lên vẻ đẹp, sức  sống rộn rã, âm thanh náo nức của đất  trời khi vào xuân.  ***\* Cảm xúc của tác giả:***  - *Ơi, hót chi*  - *Từng giọt…rơi*  … *đưa tay hứng*  -> tiếng gọi thân thương, trìu mến.  -> ẩn dụ cảm giác->sự trân trọng, say mê, náo nức, ngất ngây của t/giả khi thấy đ/trời khi vào xuân. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Đọc diễn cảm bài thơ?

- Nêu cảm nhận của em về h/ảnh đ/trời khi vào xuân được m/tả ở khổ thơ đầu?

**5. Hướng dẫn về nhà**:

- Học thuộc lòng bài thơ, nắm nội dung đã học và soạn tiếp phần còn lại -> Giờ sau học tiếp bài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 117.* MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**(Thanh Hải)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS cảm nhận được cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của đất nước và những suy nghĩ, ước nguyện của nhà thơ.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc diễn cảm, cảm thụ, phân tích bài thơ.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục tình yêu , niềm tự hào về quê hương, đất nước, có khát vọng cống hiến sức mình cho đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời cõu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Đọc thuộc lòng bài thơ Mùa xuân nho nhỏ và nêuhoàn cảnh ra đời của bài thơ ? Chia bố cục bài thơ* *?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Như chúng ta đã biết nhà thơ Thanh Hải sáng tác bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ khi ông đang lâm bệnh nặng và không bao lâu thì nhà thơ qua đời, thế nhưng cảnh vật, đất trời vào xuân đươc nhà thơ cảm nhận và m/tả thật đẹp, nó làm cho mỗi người cũng thấy náo nức, rạo rực, say mê. Vậy một mùa xuân nho nhỏ ấy còn được thể hiện ntn trong phần còn lại của bài,Vây: Hình ảnh đất nước vào xuân mới và ước mơ, khát vọng sống có ích của tác giả như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc hiểu văn bản(tiếp)**  -Gọi học sinh đọc khổ thơ 2-3  *H: Hình ảnh đ/nước khi vào xuân được m/tả ntn?*  *H: Mối quan hệ giữa mùa xuân và người cầm súng, người ra đồng ntn?*  *H: Nhịp điệu của mùa xuân được tác giả miêu tả như thế nào?*  *H: Tác giả suy nghĩ gì về mùa xuân của đất nước ?*  *H: Ttác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào trong hai khổ thơ 2,3? Tác dụng của nó?*  *H: Trước mùa xuân của TN, đất nước, nhà thơ có tâm niệm gì?*  *H:Tâm niệm ấy t/hiện qua những h/ảnh nào?*  *H: N/xét về cách dùng từ “ta”?*  *H: Khát vọng làm một mùa xuân nho nhỏ của tác giả có ý nghĩa như thế nào?*  *H: Em hiểu t/nào về nhan đề bài thơ? Thể hiện trong bài thơ ra sao?*  *H: Nhận xét hiệu quả diễn đạt của điệp từ: dù là?*  *H:Suy nghĩ của em về khổ thơ cuối?*  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật của bài thơ ?* | **b.Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước (khổ 2,3)**  \* *Mùa xuân của đất nước:*  - *Người cầm súng - lộc*  -> ẩn dụ- chồi non, sức sống  *Người ra đồng - lộc*  - Hai l/lượng tiêu biểu cho đất nước với 2 n/vụ s/xuất và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  - Mùa xuân theo bước chân người cầm súng ra trận, che chở cho họ. Với người ra đồng, lộc trải dài nương mạ mùa xuân sinh thành, nảy nở, p/triển theo bước chân người ra đồng.  - *Tất cả như hối hả* ,  *Tất cả như xôn xao*  - *Đất nước…vất vả*  *đất nước như vì sao*  ->Điệp ngữ, láy,so sánh-> K/khí  khẩn trương,náo nức, rạo rực.  -> Nhân hóa- đất nước vất vả, gian lao, h/ảnh so sánh- ca ngợi vẻ đẹp diễm lệ, trường tồn, biểu thị niềm tin vào tương lai của đất nước.  **2.Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ (khổ 5,6)**  - *Ta làm con chim hót*  … *Một cành hoa*  *… một nốt trầm*  -> điệp, ẩn dụ-> xin góp mình như 1 nét, 1 chi tiết nhỏ trong cái mênh mông của t/nhiên, 1 nốt trầm trong bản ḥòa ca của dân tộc-> khát vọng ḥòa nhập vào c/sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho c/đời chung, cho đ/nước.  - *Ta*: vừa là chỉ số ít mang sắc thái t/trọng, kiêu hãnh. Ta vừa là từ chỉ số ít, vì vậy vừa nói lên được niềm riêng, vừa nói được cái chung.  - *Một mùa xuân nho nhỏ*  *Lặng lẽ dâng cho đời*  -> Ẩn dụ- thể hiện k/vọng sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là 1 mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung.  - *Dù là*… -> điệp từ- như 1 lời k/định để dặn dò mình: cần kiên trì, vượt qua t/thách của t/gian, tuổi già,bệnh tật  **\* Khổ thơ cuối:**  + Kết thúc bằng 1 âm điệu mênh mang, tha thiết, biểu lộ niềm tin yêu của t/giả vào c/đời, vào đất nước qua những giá trị bền vững.  **III. Tổng kết:**  **1. ND**: Bài thơ t/hiện ước nguyện chân thành, tha thiết muốn được gắn bó dâng hiến cho cuộc đời, cho đất nước.  **2. NT**: Thể thơ 5 chữ, nhịp điệu trong sáng, thiết tha, gần gũi với dân ca, giàu hình ảnh. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ ?

- Đọc thuộc và iễn cảm và dễn cảm bài thơ?

- Viết 1 đoạn văn cảm nhận về 1 khổ thơ mà em thích.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Nắm ND và NT của bài thơ.

- Đọc trước trả lời các câu hỏi bài tập SGK: NL về 1 tác phẩm truyện…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 118.* NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN**

**( HOẶC ĐOẠN TRÍCH )**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS hiểu rõ thế nào là NL về t/phẩm truyện, nhận diện chính xác 1 bài văn NL về TP truyện (hoặc đ/trích).

- Nắm vững yêu cầu đối với 1 bài văn NL về TP truyện (hoặc đ/trích), rèn kĩ năng phân tích tác phẩm văn chương.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm hiểu về kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục ý thức học tập.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H :Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- NL về 1 TP truyện ( hoặc đ/trích) thuộc loại NL văn học là bài văn nhận xét, đánh giá về n/vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của tác phẩm. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ đi tìm hiểu để hiểu rõ và nắm được yêu cầu đối với kiểu bài này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu bài NL về t/phẩm truyện(hoặc đ/trích):**  - Gọi HS đọc.  *H: Vấn đề NL ( tư tưởng cốt lõi, chủ đề của bài nghị luận) của bài văn trên là gì?*  *H: Đặt 1 nhan đề t/hợp cho văn bản?*  *H: Vấn đề NL được người viết triển khai qua những luận điểm nào? Tìm các câu văn đó?*  *H: Nhận xét về cách khẳng định các luận điểm của người viết?*  *- TN là NL về 1 TP truyện?*  *- Nhận xét, đ/giá phải ntn?*  *- Cách diễn đạt, bố cục?*  **HĐ2. HDHS luyện tập:**  *H: Vấn đề NL của đoạn văn là gì?*  *H:Đ/văn đã nêu lên những l/cứ nào?*  *H: Các ý kiến ấy giúp ta hiểu thêm gì*  *về n/vật Lão Hạc?* | I. **tìm hiểu bài NL về t/phẩm truyện(hoặc đ/trích):**  **1. Bài tập:**  **\*Nhận xét:**  - Vấn đề nghị luận: Những p/chất, đức tính đẹp đẽ, đáng yêu của nhân vật anh t/niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trong truyện : Lặng lẽ Sa Pa.  - H/ảnh anh TN trong truyện: Lặng lẽ Sa Pa , hay 1 vẻ đẹp nơi Sa Pa lặng lẽ.  - 2 câu cuối đoạn 1 ( nêu vấn đề NL)  - Câu đầu đoạn 2 (nêu l/điểm)  - Câu 2 đoạn 3 (nêu l/điểm)  - Câu 1 đoạn 4 (nêu l/điểm)  - 2 câu cuối đoạn 5 ( cô đúc vấn đề NL)  - Các l/điểm được nêu rõ ràng, ngắn gọn, gợi được ở người đọc sự chú ý.  - Từng l/điểm được phân tích, CM 1 cách thuyết phục bằng các dẫn chứng cụ thể trong tác phẩm. Các l/cứ được sử dụng đều chính xác, sinh động, bởi đó là những chi tiết, hình ảnh đặc sắc lấy từ tác phẩm.  - Bài văn được dẫn dắt tự nhiên, có bố cục chặt chẽ. Từ nêu vấn đề, người viết đi vào phân tích, diễn giải rồi sau đó khẳng định, nâng cao vấn đề.  **2.Kết luận**  **\* Ghi nhớ**: SGK  **II. Luyện tập:**  - Vấn đề nghị luận: Tình thế lựa chọn nghiệt ngã của n/vật Lão Hạc và vẻ đẹp của n/vật này.  - Luận cứ:  + Lão Hạc đã chọn cái chết trong còn hơn sống khổ, sống đục.  + Cái chết của lão Hạc thể hiệ tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc.  + Cái chết giúp lão bảo toàn nhân cách.  - Những ý kiến ấy giúp ta hiểu thêm nhân cách đáng trọng, tấm lòng hi sinh cao quý của lão Hạc. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Nhắc lại TN là NL về 1 TP truyện (hoặc đ/trích)

- Các nhận xét, đánh giá về TP truyện phải ntn?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- VN học bài, nắm kĩ nội dung bài học.

- Đọc trước bài, trả ời các câu hỏi bài tập trong bài “Cách làm bài NL về TP truyện…”-> Giờ sau học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 119.* CÁCH LÀM BÀINGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN**

**( HOẶC ĐOẠN TRÍCH )**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS biết cách làm bài NL về t/phẩm truyện hoặc (đoạn trích)

- Nắm vững yêu cầu đối với 1 bài văn NL về TP truyện (hoặc đ/trích), rèn kĩ năng phân tích tác phẩm văn chương.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng thực hiện các bước khi làm bài văn NL về TP truyện (hoặc đ/trích) cách tổ chức, triển khai các luận điểm.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục ý thức học tập,có ý thức rèn kĩ năng làm bài.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H :Thế nào là nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Bài văn NL về 1 TP truyện là 1 kiểu bài NL văn học, Vậy nó có những dạng đề ntn? Các bước làm bài theo trình tự ra sao? Chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu bài học hôm nay để trả lời cho câu hỏi đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đề bài NL về 1 TP truyện hoặc đoạn trích:**  *H: Các đề bài đó nêu những vấn đề NL nào về TP truyện?*  *H: Các từ suy nghĩ và p/tích trong trong đề bài đ̣òi hỏi cách làm bài phải khác nhau ntn?*  **HĐ2. HDHS tìm hiểu các bước làm bài NL về 1 TP truyện hoặc đoạn trích:**    - HS đọc đề bài trong SGK.  *H: Kể các bước làm bài ?*  *H: Đề nêu lên những ý gì?*  *H: Phải làm ntn để tìm ý cho đề bài?*   * Đọc HD trong SGK.   *H: Rút ra nhận xét, yêu cầu ND của từng phần?*    - Đọc cách viết SGK.  *H: Cách mở bài đó đã đáp ứng các yêu cầu về ND chưa?*  - Đọc ghi nhớ SGK.  **HĐ3. HDHS luyện tập:**  - Đọc bài tập SGK.  - Đ/tượng của bài văn NL về TP truyện? ND của từng phần bài viết? Yêu cầu?  - Đại diện lên trình bày.  - Bổ sung, nhận xét | **I. Đề bài NL về 1 TP truyện hoặc đoạn trích:**  **1. Bài tập:**  **\* Nhận xét:**  - Đối tượng của đề: nhân vật, cốt truyện, 1 vấn đề đặt ra trong TP.  - Phân tích: yêu cầu p/tích TP để nêu lên nhận xét.  - Suy nghĩ: đề xuất những nhận xét về tác phẩm trên cơ sở 1 tư tưởng, góc nhìn nào đó ( VD quyền sống của con người, địa vị của người phụ nữ)  **II. Các bước làm bài NL về 1 TP truyện hay đoạn trích:**  **1. Tìm hiểu đề và tìm ý:**  **\* Tìm hiểu đề:**  + Thể loại: NL về 1 TP truyện.  - ND: T/yêu làng ḥòa quyện với t/yêu nước.  **\* Tìm ý:**  + Cái gì là nét nổi bật nhất trong n/vật ông Hai?  + T/yêu làng, yêu nước của ông Hai được bộc lộ trong t/huống nào?  + T/cảm ấy có đ/điểm gì ở h/cảnh bấy giờ?  + Những chi tiết NT nào chứng tỏ 1 cách sinh động t/yêu làng và yêu nước của ông Hai?  **2. Lập dàn ý:**  **a. Mở bài**: Giới thiệu về TP  - Nêu ý kiến đ/giá của bản thân.  **b. Thân bài**: Nêu các luận điểm chính về ND, NT.  - P/tích, CM bằng các luận cứ.  **c. Kết bài**: Nhận định, đánh giá chung về tác phẩm.  **3. Viết bài:**  - Mở bài:  - Thân bài:  + Nhóm 1: Viết l/điểm 1.  + Nhóm 2: Viết l/điểm 2.  - Gọi đại diện các nhóm lên trình bày.  - Cho HS nhận xét, bổ sung.  - Kết bài: Đọc SGK.  **4. Đọc lại và sửa chữa.**  **\* Ghi nhớ:**  **III. Luyện tập:**  - Nhóm 1: Viết phần mở bài.  - Nhóm 2: Viết 1 đoạn phần t/bài:  Cho đề bài: Truyện đã p/ánh số phận bi thảm và nhân cách cao đẹp của người n/dân trước CM tháng Tám.  - Mở bài: Cây bút Nam Cao đã đi cùng năm tháng với những tác phẩm vượt thời gian như Chí Phèo, Lão Hạc, Đời thừa…trong từng trang viết nam Cao đã thể hiện chọn vẹn tài năng và tấm lòng mình cùng những số phận những mảnh đời cay cay cực . Nhưng có lẽ , đọng lại sâu sắc trong lòng người nhất vẫn là giàu giá trị nhân đạo của nhà văn về giá trị con người . Truyện ngắn Lão Hạc cùng nằm trong cảm quan nghệ thuật ấy của cây bút Nam Cao. Qua tác phẩm , hình tượng lão Hạc hiện lên thật giàu sức ám ảnh , từ dáng vẻ đến nhân cách của một lão nông bần hàn mà tâm hồn thì đến khi chết vẫn cao đẹp, trong sáng |

**4. Củng cố, luyện tập:**

H: Nêu các bước làm bài? Yêu câu chung cho từng phần bài NL về TP truyện?

- Viết hoàn chỉnh đề văn phần luyện tập.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Nắm lại toàn bộ ND bài học.

- Chuẩn bị theo yêu cầu của bài luyện tập làm văn NL về TP truyện.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 120.* LUYỆN TẬP LÀM BÀINGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM**

**TRUYỆN( HOẶC ĐOẠN TRÍCH )**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS củng cố tri thức về yêu cầu, vè cách làm bài NL về t/phẩm truyện.

- Nắm vững yêu cầu đối với 1 bài văn NL về TP truyện (hoặc đ/trích), rèn kĩ năng phân tích tác phẩm văn chương.

**2. Kĩ năng:**

- Qua hoạt động l/tập cụ thể mà nắm vững thành thạo thêm kĩ năng thực hiện các bước khi làm bài văn NL về TP truyện (hoặc đ/trích) cách tổ chức, triển khai các luận điểm.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục ý thức học tập,có ý thức rèn kĩ năng làm bài.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H :Thế nào là nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích ?Yêu cầu việc thực hiện từng bước làm bài cụ thể ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS luyện tập tìm hiểu đề và tìm ý:**  *H:Tìm hiểu đề đối với đề bài trên?*  **HĐ2. HDHS luyện tập lập dàn bài, viết đoạn:**  *H: Phần mở bài nêu ND gì ?*  *H: Về mặt ND, đ/trích đã gây cho em ấn tượng, suy nghĩ gì ?*  *H: Những giá trị nghệ thuật tiêu biểu của đoạn trích?*  *H: Phần kết bài nêu ND gì?*  **HĐ3. HDHS luyện tập viết bài TLV số 6 ở nhà:**  - Giáo viên giao đề và hướng dẫn. | **I. Tìm hiểu đề:**  - Thể loại: NL về tác giả, tác phẩm VH (cảm nhận)  - ND: đoạn trích Chiếc lược ngà (ND và n/thuật)  **II. Lập dàn ý:**  **a. Mở bài:**  - GT về tác giả, tác phẩm.  - Nêu vấn đề: đoạn trích đã để lại ấn tượng s/sắc về tình cảm cha con trong cảnh ngộ chiến tranh.  **b. Thân bài:**  ***1. Tình cảm cha con sâu nặng, cảm động*.**  - H/cảnh chung của cuộc kháng chiến của MN cũng như đ/kiện cụ thể của ông Sáu.  - Khi ông Sáu được về phép, gặp con(P/tích các hành động của ông Sáu- bé Thu)  - Khi ông Sáu ở nhà: phân tích các hành động cử chỉ của ông Sáu, bé Thu.  - Khi ông Sáu trở lại căn cứ: việc làm chiếc lược ngà, việc trao chiếc lược đó cho người bạn.  ***2. Nghệ thuật tạo tình huống, chọn ngôi kể, người kể, lựa chọn chi tiết:***  - Đặt câu chuyện vào 2 tình huống.  - Truyện được kể ngôi thứ 1, người kể chuyện là bác Ba.  - Các chi tiết: vết thẹo, chiếc lược ngà…  **c.Kết bài:**  - Đánh giá khái quát về phần trích.  **III.Viết bài:**  - Nhóm 1: viết ý a.  - Nhóm 2: viết ý b.  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - Bổ sung, nhận xét.  **IV. Viết bài TLV số 6 ở nhà- NL văn học.**  **Đề bài:**  Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong đoạn trích Làng của Kim Lân  **Đáp án.**  + Yêu cầu: HS biết làm bài NLVH có bố cục 3 phần chặt chẽ. Bài viết có luận điểm, p/tích CM bằng các l/cứ thuyết phục.  + Nội dung: cần trình bày các ý.  **a.Mở bài:**  - Giới thiệu truyện ngắn “Làng” và nhân vật ông Hai – một người nông dân yêu làng, yêu nước và trung thành với cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  **b. Thân bài:**  \* Ông Hai yêu và tự hào sâu sắc về quê hương, tình yêu ấy giản dị và mộc mạc như chẽ lúa, nhành khoai.  - Những biến chuyển trong suy nghĩ của ông hai trước và sau cách mạng.  +) Khi ở làng ông tự hào về vẻ giàu đẹp của làng.  +)Sau cách mạng:Ông Hai đã có những biến chuyển trong nhận thức.  - Theo chính sách của nhà nước , ông phải rời làng đi tản cư.  - Tình yêu làng của ông Hai dược đặt vào một tình huống thử thách cam go, để từ đó ông càng bộc lộ sâu sắc tình yêu làng giản dị mộc mạc nhưng sâu sắc.  +Phân tích tâm trạng ông Hai  - Tình yêu làng quê đã phát triển trong thử thách và lớn hơn đó là biểu hiện của tình yêu nước và lòng chung thành với cuộc kháng chiến với cụ Hồ.  - Tình yêu Làng trong ông còn là sự hi sinh cả tài sản để đổi láy niềm vui làng trong sạch(tin làng không theo giặc.)  **c. Kết bài**: Đánh giá khái về tình yêu làng sâu sắc của ông Hai. Ông tiêu biểu cho hình tượng người nông dân Việt Nam sau cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp.Hiểu về ông ta cảm phục tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam, gợi nhắc ta về niềm tự hào dân tộc... |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Xem lại lí thuyết về NL tác phẩm truyện.

- Làm bài tập ở nhà: cuối tuần nộp.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Đọc bài: Nghị luận về 1 TP thơ.

- Chuẩn bị: Sang thu (đọc, tìm hiểu hệ thống câu hỏi đọc hiểu)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 121.* SANG THU**

**( Hữu Thỉnh)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1.kiến thức:**

- Giúp HS phân tích những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự biến đổi của thiên nhiên, đất trời từ cuối hạ đầu thu.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng cảm thụ thơ ca.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục tình yêu thiên nhiên, trân trọng giá trị của thiên nhiên.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi đọc- hiểu văn bản SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

- Học thuộc lòng bài: Viếng lăng Bác.

- Chỉ ra và phân tích các hình ảnh ẩn dụ của bài?

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài

Hữu Thỉnh là nhà thơ viết nhiều, viết hay về những con người và c/sống ở nông thôn, về thu. Nhiều vần thơ của ông mang cảm xúc bâng khuâng, vấn vương trước đất trời tr/trẻo đang chuyển biến nhẹ nhàng. Sang thu là 1 trong những bài thơ như thế.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HDD1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Gv hướng dẫn đọc và đọc mẫu, gọi hs đọc.  - Đọc chú thích (\*) và nêu những nét chính về tác giả?  *H: Em biết gì về bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: Bài thơ đc làm theo thể thơ nào?*  *H: Chia bố cục hợp lí theo mạch cảm xúc của bài thơ ?*  *H: Qua cảm nhận của tác giả từ cuối hạ sang đầu thu, t/nhiên đất trời có những biến đổi gì? Những h/ảnh thơ nào nói lên điều đó?*  *H: Em cảm nhận như thế nào về dấu hiệu mùa thu thiên nhiên đất trời mà tác giả miêu tả?*  *H: Dấu hiệu mùa thu mà tác giả miêu tả trong bài thơ là đặc trưng của mùa thu ở vùng nào?*  *H: Những từ ngữ nào thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự giao mùa ấy?*  *H: Nhận xét về sự cảm nhận của tác giả?*  *H: Phân tích ý nghĩa của 2 dòng thơ cuối?*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**  *H: Nêu những nét đặc sắc về nội dung và n/thuật của đoạn thơ ?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a.Tác giả:** Hữu Thỉnh  - Sinh năm: 1942  - Quê : Tam Dương - Vĩnh Phúc.  - Năm 1963 ông nhập ngũ và bắt đầu sáng tác thơ.  - Ông tham gia BCH hội nhà văn khóa III, IV, V.  - Từ năm 2000 là Tổng thư kí Hội Nhà văn VN.  **b. Tác phẩm:**  - Bài thơ *“Sang thu”* là một trong những bài thơ hay của nhà thơ ,được rút từ tập thơ *“ Từ chiến hào về thành phố”.*  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Thể thơ:**  **-** Thơ năm chữ  **- Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm , tự sự và miêu tả.  **2. Bố cục:** 2 phần  - Khổ 1,khổ cuối: Sự biến đổi của đất trời sang thu.  - Khổ 2: Cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển về không gian lúc sang thu.  **3. Phân tích:**  **a. Dấu hiệu giao mùa từ hạ sang thu:**  - Hương ổi lan tỏa vào không gian.  - Những cơn gió mùa hè đã chuyển sang man mác se lạnh.  - Sương giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm nơi đường thôn ngõ xóm.  - Nước trên sông không còn đục ngầu và cuồn cuộn chảy mà lững lờ trôi.  - Những cánh chim bắt đầu vội vã ở những buổi h/ hôn.  - Nắng cuối hạ còn sáng rực vàng, nhưng đã nhạt dần và cũng ít đi những cơn mưa rào ào ạt bất ngờ.  - Bớt đi những tiếng sấm bất ngờ rền vang làm lay động những hàng cây cổ thụ.  -> Mọi hiện tượng đó của đất trời khi chuyển từ hạ sang thu đều rất quen thuộc, gần gũi, ai cũng đều biết, đều quen. Nhưng qua m/tả của nhà thơ giúp ta cảm nhận được đầy đủ vẻ đep êm ả, thanh bình của nó.  => Dấu hiệu mùa thu rất riêng của vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ.  **b. Cảm nhận của nhà thơ trước cảnh giao mùa:**  - *Bỗng*: Ngạc nhiên, bâng khuâng.  *- Phả vào*: hương thơm bốc mạnh tỏa ra thành luồng, chứ không thoang thoảng. =>Nhà thơ vừa thấy hương ổi, vừa cảm nhận được cái se lạnh của gió đầu thu.  - *Chùng chình*: nhân hóa, có ý vừa nhởn nhơ, chậm chạp vương vất bên ngõ xóm đường làng.  - *Hình như* : Mùa thu về chưa thật rõ ràng, thu về đột ngột nhưng thật nhẹ nhàng làm cho nhà thơ chưa dám tin, chưa dám chắc.  -> Cảm giác “hình như” làm tăng thêm vẻ khói sương lơ đãng lúc thu sang.  - *Dềnh dàng:* chậm chạp, rề rà, không vội vàng gì-> cảm nhận bằng mắt-> êm ả, tĩnh lặng.  - *Đám mây/ vắt nửa mình sang thu*-> nắng vẫn trải vàng nhưng đã nhạt dần.  -> Hữu Thỉnh cảm nhận thu về qua nhiều yếu tố, bằng nhiều giác quan (khứu giác, thị giác, xúc giác, thính giác) và sự rung động tinh tế của trái tim yêu thiên nhiên.  - *Sấm cũng bớt bất ngờ*  *Trên hàng cây đứng tuổi*.  + Nghĩa thực: tả về hiện tượng sấm và hàng cây lúc thu sang.  + Nghĩa ẩn dụ: sấm- những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời -> đã bớt đi sự bất ngờ đối với những người từng trải- hàng cây. Đây là sự suy ngẫm của tác giả về nhân sinh, về quy luật của cuộc sống, nhân lúc nói về cảnh t/nhiên, đất trời sang thu.  **III. Tổng kết:**  **1. ND**: Đất trời từ cuối hạ sang thu có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Nhà thơ đã cảm nhận hình ảnh mùa thu bằng sự cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm.  **2. NT**: Thể thơ 5 chữ, bài thơ giàu hình ảnh, các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Theo em, nét riêng của thời điểm giao mùa được t/giả miêu tả đặc sắc nhất qua h/ảnh, câu thơ nào? Vì sao?

- Đọc diễn cảm bài thơ? Nêu nội dung và nghệ thuật.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc lòng bài thơ và nắm nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài: “Nói với con” và trả lời câu hỏi đọc hiểu văn bản.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 122.* NÓI VỚI CON**

**(Y Phương)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS cảm nhận tình cảm thắm thiết của cha mẹ đối với con. Tình yêu sâu nặng cùng niềm tự hào về sức sống của d/tộc, ảm nhận được cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh của thơ ca miền núi.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc và cảm thụ phong cách thơ miền núi.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục tình yêu gia đình, quê hương, trân trọng tình mẫu tử, phụ tử ; kính yêu cha mẹ.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi đọc- hiểu văn bản SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

- Đọc thuộc lòng bài: Sang thu

- Chỉ ra và phân tích sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trong bài thơ

*“Sang thu”* và các hình ảnh ẩn dụ của bài ?

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Lòng yêu thương con, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy được truyền thống tổ tiên, q/hương là 1 thứ tình cảm cao đẹp của con người VN ta suốt bao đời nay. Bài thơ “Nói với con” của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong cảm hứng phổ biến ấy.Nhưng nhà thơ có cách nói rất riêng của mình. Để hiểu rõ hơn nội dung bài thơ này chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu qua bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**   * GV đọc mẫu và hướng dẫn đọc * GV gọi hs đọc - nhận xét.   *H: Đọc chú thích \* và nêu những nét chính về tác giả?*  *H: Nêu những hiểu biết của em về bài thơ?*  **HĐ2. HDHS đọc và hiểu văn bản :**  *H: Xác định thể thơ ?*  *H: Bài thơ được chia làm mấy đoạn? ND từng đoạn?*  *H: T/yêu thương của cha mẹ với con cái t/hiện qua h/ảnh thơ nào?*  *H: Hai câu thơ cho em cẩm nhận như thế nào về tình cảm gia đình ?*  *H:C/sống lao động của người đồng mình được t/giả tái hiện qua h/ảnh nào? Nhận xét của em về cuộc sống ấy?*  *H: Vậy ở khổ thơ đầu cha đã nói với con những gì?*  *- Gọi Hs đọc*  *H: Người đồng mình có những đức tính đáng quý gì?*  *- HS đọc*  *H: Người cha dặn dò, mong ước con điều gì qua việc nói với con những phẩm chất ấy?*  *H: Cha còn nói với con những gì về con người nơi quê hương yêu dấu?*  *H: Người cha con mong ước ở con điều gì?*  *H: Nhận xét về cách nói của người cha?*  *H: Qua cách nói em cảm nhận gì về t/cảm của người cha với con, điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con là gì?*  *H: Nêu những nét đặc sắc về nội dung và n/thuật của bài thơ?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc:**    **2. Chú thích:**  **a.Tác giả:** Y Phương  - Sinh năm :1948.  - Quê : Cao Bằng.  - Năm 1968: ông nhập ngũ, 1981 chuyển về công tác tại sở VH- thông tin Cao Bằng.  - Từ 1993 là chủ tịch Hội VH n/thuật Cao Bằng.  - Thơ ông t/hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu h/ảnh của người miền núi.  **b. Tác phẩm:**  - Bài thơ được in trong tập: Thơ VN 1945- 1985.  **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Thể loại:**  Thơ tự do  **- Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm, tự sự miêu tả.  **2. Bố cục:** 2 đoạn.  - Đ1:… “nhất trên đời”: con lớn lên trong tình y/ thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong c/sống l/động của q/hương.  - Đ2: còn lại: lòng tự hào về sức sống m/mẽ, bển bỉ của con người quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.  **3.Phân tích**:  **a.Tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương đối với con:**  \* Con cái lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ  *- Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười*  -> Không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt. Từng bước đi, tiếng nói cười của con đều được cha mẹ vui mừng chăm chút đón nhận.  \* Con được trưởng thành trong c/sống lao động và nghĩa tình của quê hương.  + C/sống lao động cần cù:  *Đan lờ cài nan hoa*  *Vách nhà ken câu hát*  -> Ken, cài- vừa m/tả cụ thể công việc, vừa nói lên sự gắn bó, quấn quýt.  + Núi rừng q/hương:  *Rừng cho hoa*  *Con đường cho những tấm lòng.*  -> T/nhiên che chở, đã nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.  => Cha nói cho con biết về tình cảm cội nguồn, cho con cảm nhận trân trọng và gìn giữ.  **b. Đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và mong ước của người cha qua lời tâm tình với con:**  *Người đồng mình thương lắm con ơi*  *Cao đo nỗi buồn*  *Xa nuôi chí lớn*  -> Người đồng mình sống vất vả, mà mạnh mẽ, khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với q/hương dẫu còn cực nhọc, đói nghèo.  *Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *…Lên thác xuống ghềnh*  *Không lo cực nhọc.*  -> Cha mong muốn con sống có nghĩa tình, thủy chung với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí và niềm tin của mình.  *Người đồng mình thô sơ da thịt*  *Nhưng chẳng mấy ai nhỏ bé*  *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*  -> Người đồng mình m/mạc nhưng giàu ý chí, n/tin. Họ thô sơ da thịt, nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, ý chí và ước mong XD quê hương. Bằng sự LĐ cần cù, nhẫn nại hàng ngày, đã làm nên quê hương với truyền thống, p/tục, tập quán tốt đẹp.  *Lên đường*  *Không bao giờ được nhỏ bé.*  -> Cha mong muốn con biết tự về t/thống q/hương, cần tự tin vững bước trên đường đời.  - Giọng điệu trìu mến, các hình ảnh cụ thể, cách d/đạt mộc mạc theo cách nói của người dân miền núi, nhưng vẫn rất gợi cảm.  => Tình cảm cha với con là t/cảm yêu thương, trìu mến t/tha. Điều lớn lao mà cha muốn truyền cho con chính là lòng tự hào về sức sống m/mẽ, bền bỉ về t/thống cao đẹp của q/hương và niềm tin khi bước vào đời.  **III. Tổng kết:**  **1. ND**:  T/cảm thắm thiết của cha mẹ với con cái, ca ngợi s/sống bền bỉ và t/thống cao đẹp của q/hương và niềm mong ước con kế tục xứng đáng truyền thống ấy.  **2. NT**:  Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên, giọng điệu t/tha, trìu mến, xây dựng h/ảnh cụ thể mà có tính k/quát, mộc mạc và giàu chất thơ. |

**4. Củng cố, luyện tập**:

*- Đọc diễn cảm lại bài thơ?*

*- Cha nói những gì về cội nguồn với con? Từ đó cha gởi gắm mong ước gì từ phía con? Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật?*

*- Đặt mình vào n/vật người con, viết 1 bài văn ngắn về cảm xúc, s/nghĩ của mình khi nghe lời cha nói?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- VN học thuộc lòng bài thơ, nắm ND bài học.

- Xem trước bài: Nghĩa tường minh và hàm ý: đọc trả lời các câu hỏi bài tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 123.* NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS xác định được nghĩa tường minh và hàm ý trong câu.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng vận dụng nghĩa tường minh và hàm ý khi giao tiếp .

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh có ý thức sử dụng hàm ý phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Trong c/sống có khi người ta dùng cách nói thẳng trực tiếp điều muốn nói, nhưng cũng có khi người ta không d/đạt điều muốn nói bằng từ ngữ trong câu mà vẫn có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. Để hiểu rõ hơn về những cách nói đó, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HDD1. HDHS phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý:**  - HS đọc và xác định yêu càu bài tập.  *H: Câu nói thứ nhất, anh t/niên muốn nói điều gì ?tại sao anh không nói thẳng ra điều đó?*  *H: Câu nói thứ 2 của anh t/niên có ẩn ý gì không ?*  *H : T/nào là nghĩa t/minh? Nghĩa hàm ý?*  **HĐ2. HDHS luyện tập:**  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *H : Câu nào cho thấy ông họa sĩ cũng chưa muốn chia tay anh t/niên? Từ ngữ nào?*  *H : Tìm từ ngữ m/tả thái độ của cô gái? T/độ ấy giúp em đoán ra điều gì có l/quan đến chiếc khăn mùi xoa?*  - HS Đọc SGK và xác định yêu cầu bài tập.  *H : Hàm ý của câu in đậm là gì ?*    - HS đọc bài tập và xác định yêu cầu bài tập.  *H : Tìm hàm ý câu trong đoạn trích.*  *H : Các câu in đậm có chứa hàm ý không? Vì sao?* | **I. Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý:**  **1. Bài tập:**  **\* Nhận xét:**  - Anh TN muốn nói: rất tiếc.  - Nhưng anh không muốn nói thẳng đ/đó có thể vì ngại ngùng, vì muốn che dấu tình cảm của mình  -> Cách nói hàm ý  - Câu nói thứ 2 của anh t/niên không có ẩn ý-> cách nói tường minh.  **2. Kết luận:**  **- Nghĩa tường minh**: là phần thông báo đc diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu .  **- Hàm ý** là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.  **\* Ghi nhớ:**  SGK T75  **II. Luyện tập:**  **1.Bài tập 1:**  - Câu: nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy.  Cụm từ: tặc lưỡi-> ông họa sĩ chưa muốn chia tay anh t/niên.  - …mặt đỏ ửng (ngượng)  Nhận lại chiếc khăn( không tránh được)  Quay vội đi (quá ngượng)  -> Cô gái đang bối rối đến vụng về vì ngượng, cô ngượng vì kín đáo để lại khăn làm kỷ vật cho người t/niên, thế mà anh đã quá thật thà không hiểu ý của cô, tưởng cô bỏ quên, nên gọi cô trả lại.  **2.Bài tập 2**  - Câu: tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá -> Ông họa sĩ chưa kịp uống nước chè đấy.  **3. Bài tập 3**  - Câu: cơm chín rồi  - hàm ý: ông vô ăn cơm đi.  **4. Bài tập 4:**  - Câu 1: câu nói lảng.  - Câu thứ 2: câu nói dở dang  -> Không chứa hàm ý. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- T/nào là nghĩa tường minh, hàm ý?

- Cho VD về tình huống sử dụng hàm ý?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Làm lại các bài tập trong SGK.

- Nắm lại ND bài học.

- Đọc trước bài: NL về 1 đoạn thơ, bài thơ ; trả lời các câu hỏi bài tập SGK-> giờ sau học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 124.* NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS hiểu rõ thế nào là NL về một đoạn thơ, bài thơ.

- Nắm vững các yêu cầu nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh có ý thức rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H:Nêu các bước làm bài nghị luận, cách viết từng phần trong bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- NL về 1 đoạn thơ, bài thơ là 1 kiến thức thuộc NL VHọc. Vậy để làm được kiểu bài ấy, thì người viết phải đạt những yêu cầu gì ? Yêu cầu ấy được t/hiện trong bài làm ntn ? Chúng ta cùng học bài hôm nay để trả lời cho câu hỏi đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ ?**  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *H: V/đề NL của văn bản là gì ?*  *H: Những l/điểm về h/ảnh m/xuân trong bài thơ được bài viết nêu ntn ?*  *H: Bài viết đã sử dụng những l/cứ nào để làm s/tỏ các l/điểm đó?*  *H: Hãy chỉ rõ các phần MB, TB, KB của bài viết ?*  *H: N/xét về bố cục của VB ?*  *H: Cách diễn đạt của bài văn ntn?*  *H: T/nào là NL về 1 đ/thơ, b/thơ ?*  *H: Để có những nhận xét, đánh giá người viết phải dựa vào đâu?*  - Gọi hs đọc ghi nhớ SGK  **HĐ2. HDHS tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ**  ***-*** HS đọc bài tập SGK.  - HS thảo luận  - Trình bày bổ sung. | **I. Tìm hiểu bài NL về 1 đoạn thơ, bài thơ:**  **1. Bài tập:**  **\* Nhận xét:**  - Vấn đề nghị luận của văn bản: H/ảnh mùa xuân và t/cảm t/tha của Thanh Hải trong bài: Mùa xuân nho nhỏ.  - Các luận điểm:  + H/ảnh mùa xuân trong bài thơ mang nhiều tầng ý nghĩa, trong đó h/ảnh nào cũng thật gợi cảm, đáng yêu.  + H/ảnh mùa xuân rạo rực của t/nhiên, đ/nước trong cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ.  + H/ảnh mùa xuân nho nhỏ t/hiện khát vọng ḥòa nhập, dâng hiến được nối kết tự nhiên với hình ảnh mùa xuân t/nhiên, đất nước ở trước.  - Người viết chọn giảng, bình các câu thơ, hình ảnh đặc sắc, p/tích giọng điệu trữ tình, kết cấu của bài thơ.  - Kết cấu:  + MB: Từ đầu->… “đáng trân trọng”  + TB: tiếp->… “các hình ảnh ấy của mùa xuân”  + KB: còn lại.  - Giữa các phần của VB có sự l/kết tự nhiên về ý và về d/đạt.  - Cách diễn đạt:  + Người viết đã trình bày những cảm nghĩ, đánh giá của mình bằmg t/độ tin yêu, bằng tình cảm t/tha, trìu mến.  + Lời văn toát lên những rung động trước những đ/sắc của hình ảnh, giọng điệu thơ, sự đồng cảm với nhà thơ T.Hải.  **2. Kết luận***:*  - Nghị luận về một đoạn thơ , bài thơ là trình bày nhận xét, đánh giá của mình  về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.  - Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ và bài thơ đc thể hiện qua ngôn từ và hình ảnh, giọng điệu …Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét , đánh giá cụ thể , xác đáng.  - Bài nghị luận về một đoạn thơ và bài thơ cần có bố cục mạch lạc và rõ ràng, có lời văn gợi cảm , thể hiện rung cảm chân thành của người viết .  **\*Ghi nhớ:**SGK.  **II. Luyện tập:**  - VD: các luận điểm về kết cấu, về giọng điệu trữ tình hay ước mong được hòa nhập của nhà thơ. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Yêu cầu của kiểu bài NL về 1 TP thơ.

H:Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ , bài thơ?

H: Yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ ?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- VN: triển khai các luận điểm đã tìm thêm thành những đoạn văn.

- Học kĩ về kiểu bài NL về TP thơ.

- Xem trước bài: Cách làm bài NL về một đ/thơ, bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 125.* CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT**

**ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố cho HS hiểu rõ thế nào là NL về một đoạn thơ, bài thơ.

- Nắm vững các yêu cầu nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh có ý thức rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Ham học và đọc thơ.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H: Em hiểu thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Để hiểu rõ về các bước làm bài, cách tổ chức triển khai các luận điểm trong bài NL về 1 bài thơ, đoạn trích, chúng ta cùng học bài hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu đề bài nghị luận về môt đoạn thơ, bài thơ ?**  - Gọi hs đọc các đề bài SGK/79  *H: Các đề bài trên được cấu tạo khác nhau ntn?*  *- Các mệnh lệnh thể hiện các yêu cầu gì với người làm bài?*  **HĐ2.HDHS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về môt đoạn thơ, bài thơ :**  - Yêu cầu hs đọc đề bài SGK.  *H: Để làm bài NL, em phải tiến hành theo những bước nào?*  *H: Phân tích đề văn trên?*  *H: Để tìm ý cho bài viết, em đặt các câu hỏi như thế nào?*  - HS đọc dàn ý SGK.  - Dựa vào dàn ý, viết thành văn bản.  - Yêu cầu HS đọc SGK.  *H: Chỉ ra bố cục bài viết ?*  *H: Những nhận xét chính về t/yêu quê hương của Tế Hanh được người viết trình bày ở thân bài ?*  *H: Những ý kiến nhận xét ấy được khẳng định bằng cách nào?*  *H: TB được l/kết với MB và KB ra sao?*  *H: Sức hấp dẫn và t/phục của VB là do đâu?*  *H: Em rút ra yêu cầu cơ bản gì để làm tốt bài NL về một đ/thơ, bài thơ?*  **HĐ3.HDHS luyện tập:**  - HS đọc bài tập SGK.  *H: Để tìm ý ta cần đặt và trả lời các câu hỏi như thế nào?*  - ND khổ thơ trên là gì?  - Cảnh đất trời sang thu được t/giả m/tả qua h/ảnh, chi nào?  - Cảm xúc của nhà thơ được t/hiện qua các từ ngữ nào? Cảm xúc gì?  - Yêu cầu hs lập dàn ý chi tiết cho đề bài . | **I. Đề bài bài NL về 1 đoạn thơ, bài thơ:**  **1. Bài tập:**  **2. Nhận xét:**  - Đề 4, 7 không có mệnh lệnh của đề.  - Có đề mệnh lệnh: phân tích, suy nghĩ, cảm nhận…  + Phân tích: Chỉ định về p/pháp.  + Cảm nhận: ấn tượng, cảm thụ.  + Suy nghĩ: nhận định, phân tích.  + Không có mệnh đề: người viết bày tỏ ý kiến của mình về vấn đề được nêu ra trong đề bài.  **II. Cách làm bài NL về 1 đoạn thơ, bài thơ:**  **1. Các bước làm bài:**  - Cho đề bài: Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ “ Quê hương” của Tế Hanh.  **a. Tìm hiểu đề, tìm ý:**  \* Tìm hiểu đề:  - T/loại: phân tích.  - ND: Tình yêu q/hương của Tế Hanh.  - P/vi khai thác kiến thức, dẫn chứng: BT Quê hương- Tế Hanh  \* Tìm ý:  - Bài thơ được sáng tác trong thời gian nào? Tâm trạng của tác giả?  - ND diễn đạt trong bài thơ là những gì ?  - N/thuật đ/sắc để góp phần thể hiện nội dung đó?  - Em có thể khái quát thành những luận điểm về t/yêu quê hương của tác giả?  **b. Lập dàn ý:**  **c. Viết bài:**  - Nhóm 1: viết phần mở bài.  - Nhóm 2: viết ý 1, 2 phần thân bài.  + Khái quát chung về bài thơ: Một tình yêu quê tha thiết, trong sáng.  + Cảnh ra khơi: vẻ đẹp trẻ trung đầy sức sống.  - Nhóm 3: viết ý 3, 4 phần thân bài.  + Cảnh trở về đông vui.  + Nỗi nhớ quê hương.  - Nhóm 4: viết phần kết bài.  -> Đại diện nhóm lên trình bày.  -> Bổ sung, nhận xét.  **d. Đọc, sửa chữa:**  **2. Cách tổ chức, triển khai các luận điểm:**  **a.Bài tập***:*  **b. Nhận xét:**  - Mở bài: Từ đầu ->…rực rỡ: giới thiệu về dòng cảm xúc và bài thơ quê hương.  - TB: ->…thành thực của Tế Hanh: trình bày các cảm nhận về cảm xúc của Tế Hanh khi ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, c/sống lao động.  - KB: còn lại: k/định sức hấp dẫn của bài thơ và ý nghĩa của t/yêu q/hương.  **\* Những nhận xét chính về t/yêu q/hương của Tế Hanh:**  + Nổi bật là h/ảnh cảnh ra khơi.  + Cảnh đón đoàn thuyền đánh cá trở về.  + Hình ảnh người dân chài.  + Nỗi nhớ quê.  - Ý kiến, nhận xét luôn gắn với sự p/tích, bình giảng cụ thể h/ảnh, ngôn từ, giọng điệu bài thơ.  - TB phân tích, CM làm sáng tỏ những n/xét bao quát đã nêu ở MB. Từ các luận điểm này dẫn đến phần KB đ/giá sức hấp dẫn, k/định ý nghĩa bài thơ.  - Sức hấp dẫn của VB:  + Người viết đã phân tích, b/giảng các h/ảnh đ/sắc để làm nổi rõ luận điểm.  + Bố cục VB mạch lạc sáng rõ.  + Người viết trình bày cảm nghĩ, ý kiến bằng cả lòng yêu mến, rung cảm thiết tha với bài thơ.  **3. Ghi nhớ:**  **II. Luyện tập:**  **a)Mở bài:**  - Giới thiệu bài thơ .  - Bài thơ nói về cảm nhận của tác giả trức những dấu hiệu đổi thay của thiên nhiên đất trời sang thu- suy ngẫm về đời người.  **b) Thân bài:**  - Cảnh đất trời sang thu.  + Thu đến từ hương ổi mùi hương bình dị thân quen của làng quê Bắc bộ .  - Từ “ phả” gợi cảm giác như sánh lại đậm đà.  - Hình ảnh “ Sương chùng chình qua ngõ” gợi dáng vẻ thật dịu dàng của mùa thu và cái gì đó rất mơ hồ.  - Cảm xúc của nhà thơ:  +) cảm nhận mùa thu từ các giác quan tinh tế.  +)Cảm giác bất ngờ, đột ngột , sững sờ trước biến chuyển tinh tế của đất trời(bỗng, nhận ra, hình như...)  - Tâm hồn nhà thơ biến chuyển nhịp nhàng với khoảnh khắc giao mùa của đất trời sang thu và hồn ngời cũng sang thu.  **c) kết bài**  **-** Đánh giá khái quát giá trị của khổ thơ. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Nêu ND từng phần bài NL về 1 TP thơ.

- Cách triển khai và sắp xếp các luận điểm như thế nào?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Vn viết hoàn chỉnh đề văn trên.

- Học ND phần ghi nhớ.

- Soạn bài: Mây và sóng – Đọc và trả lừi câu hỏi đọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 126.*  MÂY VÀ SÓNG**

**( R. Ta-go)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS cảm nhận ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

- Thấy được đặc sắc nghệ thuật của lối thơ văn xuôi, trong lời kể có xen đối thoại, cách XD hình ảnh thiên nhiên.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng cảm thụ thơ được viết theo lối văn xuôi.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh yêu gia đình, trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình c hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H: Đọc thuộc lũng và nờu giỏ trị nội dung và nghệ thuật bài thơ* “Sang thu”

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Tình mẹ con là đề tài vĩnh cửu của VH n/thuật. Đại thi hào Ta-go (Ấn Độ) cũng có 1 bài thơ rất hay về đề tài này. Đó là bài: Mây và sóng. Để hiểu rõ hơn ND bài thơ chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc- đọc mẫu- gọi hs đọc.  - Đọc chú thích \* và nêu những nét chính về tác giả?  **HĐ2.HDHS đọc - hiểu văn bản:**  *H: Xác định thể thơ?*  *H: Cách tổ chức bài thơ có gì đặc biệt ? Các phần có gì giống và khác nhau? Tác dụng của nó trong việc t/hiện chủ đề bài thơ ?*  *H: Những người “ trên mây” đã nói gì với em bé?*  *H: Những người trong sóng đã nói gì với em bé?*  *H: T/giới của mây và sóng có gì hấp dẫn?*  *H: Cách đến với họ có gì đặc biệt và hấp dẫn?*  *H: Em bé đă nói gì với những người sống trên mây và sóng ?tại sao bé không từ chối ngay lời mời của mây và sóng?*  *H: Lí do nào khiến em bé từ chối lời mời gọi?*  - HS đọc các câu thơ nói về tṛò chơi của em bé.  *H: Em bé đã t/tượng ra trò chơi đầy thú*  *vị khác ntn ?*  *H: Trò chơi của em hay và thú vị hơn lời rủ rê của những người sống trên mây, sóng ở điểm nào?*  *H: Cảm nhận về cái hay của câu thơ: con lăn…lòng mẹ....chốn nào?*  **HĐ3.HDHS tổng kết:**  *H: Nêu những nét đặc sắc về nội dung và n/thuật của bài thơ ?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a. Tác giả***:*  **-** Ta-go (1861- 1941).  - Là thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ.  - Để lại 1 gia tài Vhóa n/thuật đồ sộ cả về thơ văn, họa, nhạc.  - Với tập “Thơ Dâng” ông đã trở thành nhà văn đầu tiên của Châu Á được giải thưởng Nô-ben về VH 1913.  - Thơ Ta-go t/hiện tinh thần d/tộc, dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm.  **b. Tác phẩm:**  - Bài thơ được viết bằng tiếng Ben-gan, xuất bản năm 1909  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Thể thơ**: Thơ tự do hiện đại, viết dưới dạng văn xuôi.  - Phương thức biểu đạt: Thơ tự sự - biểu cảm, miêu tả.  **2. Bố cục:**  - Lời của em bé có thể chia làm 2 phần: từ đầu->…*xanh thẳm* và *còn lại.*  - Hai phần giống nhau về số dòng thơ, có sự lặp lại về từ ngữ, cấu trúc, cách XD h/ảnh. Mỗi phần lời của em bé gồm:lời mời gọi, lời từ chối của em bé, t/chơi của em bé.  - Lời tâm tình của em được đặt vào 2 tình huống thử thách khác nhau-> diễn tả tình cảm dạt dào, dâng trào của em bé.  **3. Phân tích:**  **a.Lời mời gọi của những người sống trên mây, trên sóng:**  - Những người sống trên mây:  *Chơi từ khi thức dậy- chiều tà, bình minh vàng, vầng trăng bạc*.  - Những người sống trong sóng:  *Ca hát từ sáng sớm- hoàng hôn, ngao du nơi này , nơi nọ.*  -> Vẽ ra một t/giới hấp dẫn giữa vũ trụ rực rỡ sắc màu, với những tiếng ca du dương bất tận, được đi khắp nơi này nơi khắp đó đây.  - Cách đến với họ:  + *Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời…*  *+ Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại…*  -> Lời mời gọi của những người sống trên mây, sóng chính là tiếng gọi của t/giới diệu kì, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn.  **b. Lời chối từ của em bé:**  - *Mẹ mình đang đợi ở nhà,làm sao có thể rời.*  *- Mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ*.  -> Sức níu giữ của t́nh mẫu tử. Tình y/thương mẹ đă thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người sống trên mây và sóng. Tinh thần nhân văn sâu sắc của bài t/hiện chính ở sự khắc phục ham muốn ấy.  **c. Trò chơi của em bé:**  - Em hóa thân chính mình là mây, rồi thành sóng, c̣òn mẹ là trăng và bến bờ kì lạ.  - Hay, thú vị: không chỉ có mây mà c̣òn có trăng- hiện thân của mẹ, không phải chỉ để đùa vui như những người sống trên mây, sóng, mà để sống dưới 1 mái nhà cho em được ôm ấp, được đón nhận ánh sáng dịu dàng.  Em không chỉ có sóng mà c̣òn có bến bờ kì lạ- hiện thân của mẹ, bờ biển bao dung, rộng mở luôn sẵn sàng đón tiếp em.  - Câu thơ tạo ra 1 h/ảnh t/trưng mang màu sắc triết lí đậm đà nhất. So sánh tình mẹ con gắn với q/hệ mây- trăng, biển- bờ, t/giả nâng t/cảm ấy lên kích cỡ vũ trụ.  - Đến câu cuối*: Không ai biết…chốn nào*  *-* Nói như vậy có nghĩa là mẹ con ta ở khắp mọi nơi, không ai có thể tách rời, chia cắt được mẹ con ta, cũng có nghĩa tình mẫu tử ở khắp nơi t/liêng, bất diệt.  **III. Tổng kết:**  **1. ND**: Bài thơ t/hiện t/yêu t/tha, sâu nặng của đứa con với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử t/liêng, bất diệt, tấm lòng yêu thương trân trọng của tác giả với trẻ thơ.  **2. NT:** Là thơ văn xuôi, trong đó lời kể có xen đối thoại, dùng phép lặp lại, nhưng có sự biến hóa và p/triển. XD h/ảnh t/nhiên giàu ý nghĩa t/trưng. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Đọc diễn cảm lại bài thơ?*

*H:Nêu cảm nhận của mình về nội dung và nghệ thuật của bài thơ ?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- VN học thuộc lòng bài thơ, nắm ND bài học.

- Vẽ 1 bức tranh minh họa cho bài thơ.

- Xem trước bài: Ôn tập thơ đọc trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 127.* ÔN TẬP VỀ THƠ.**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS ôn tập, hệ thống hóa kiến thức cơ bản về tác phẩm thơ hiện đại VN đã học trong chương trình Ngữ văn 9.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng hệ thống hóa kiến thức .

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H: Nêu tên các bài thơ đã học trong trong chương trình lớp 9 và tên tác giả ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Trong chương trình Ngữ văn 9, chúng ta đã học nhiều t/phẩm thơ. Vậy để giúp các em nhớ lại ND chính của từng bài và hệ thống hóa kiến thức theo giai đoạn. Chúng ta cùng nhau đi ôn tập lại qua tiết học hôm nay.

**HĐ1. HDHS . Lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Tgiả** | **Năm** | **TL** | **Đặc điểm ND TT** | **Đặc sắc NT** |
| 1 | Đồng chí | Chính Hữu | 1948 | Tự do | Ca ngợi tình đồng chí đồng đội trên cơ sở cùng trg cảnh ngộ lí tư­ởng CĐ, tình đ/n trở thành sức mạnh vẻ đẹp T thần của ng­ời lính CM. | - Chi tiết h/ả ngôn ngữ giản dị chân thực cô đọng giàu sức biểu cảm |
| 2 | Bài thơ về tiểu đội xe không kính | Phạm Tiến Duật | 1969 | Tự do | - Qua h/ả những chiếc xe không kính, khắc hoạ nổi bật những h/ả ng­ời lái xe với t­ thế hiên ngang, dũng cảm | - Tứ thơ độc đáo  - Giọng điệu khoẻ khoắn TN, lời thơ gần với lời nói. |
| 3 | Đoàn thuyền đánh cá | Huy Cận | 1958 | T chữ | - K họa những h/ả đẹp, tráng lệ về TN, vũ trụ và con ng­ời lđ trên biển theo hành trình chuyến ra khơi đánh cá 🡪 cảm xúc về TN, LĐ, niềm vui. | - Những h/ả đẹp rộng lớn sáng tạo, lí t­ởng, tg tg am tg khoẻ khoắn lạc quan. |
| 4 | Bếp lửa | Bằng Việt | 1963 | K hợp 7 và 8 chữ | - Những kỉ niệm xúc động về bà và tình bà cháu. Thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu và bà, với gia đình, gtg, đất n­ớc. | - Kết hợp biểu cảm, MT, BL sáng tạo h/ả bếp lửa gắn với h/ả ng­ời bà. |
| 5 | Khúc hát ru | Nguyễn Khoa Điềm | 1971 | 8 chữ | - Tình yêu th­ơng con gắn liền tình yêu đất n­ớc, tt cđ khát vọng t­ơng lại | - Điệp khúc xen kẽ lời ru của mẹ và t/g ngọt ngào h/ả mới mẻ, sáng tạo. |
| 6 | ánh trăng | Nguyễn Duy | 1978 | 5 chữ | - Từ h/ả ánh trăng ở tp gợi lại những năm tháng đã qua của cđ ng­ời lính gắn bó với TN đất n­ớc, nhắc nhở sống tình nghĩa, thuỷ chung. | - H/ả gd giàu ý nghĩa biểu t­ợng  - Giai điệu chân thành, nhẹ, kết hợp gợi mở. |
| 7 | Con cò | Chế Lan Viên | 1962 | Tự do | - Từ h/ả con cò trong lời hát ru, ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru. | - V đg sáng tạo h/ả và gia đình ca dao. |
| 8 | Mùa xuân nho nhỏ | Thanh Hải | 1980 | 5 chữ | - Cảm xúc trư­ớc mùa xuân của tn, đất nư­ớc,ư­ớc nguyện chân thành góp mx nn của bản thân vào mùa xuân chung. | - Nhạc điệu trong sáng, thiết tha.  - H/ả đẹp, giản dị nhiều s t, ẩn dụ sáng tạo. |
| 9 | Viếng lăng Bác | Viễn Phư­ơng | 1976 | 8 chữ | - Lòng thành kính, xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ. | - Giai điệu trang trọng, thiết tha, h/ả đẹp, gợi cảm ng bình dị, cô đọng. |
| 10 | Sang Thu | Hữu Chỉnh | Sau 1975 | 5 chữ | - Biến chuyển củ TN lúc giao mùa, từ h/ả 🡪 thu qua sực cxtt của nhà thơ. | - H/ả tn đ­ợc gợi tả 🡪 những cảm nhận tinh nhạy ng chính xác, gợi cảm |
| 11 | Nói với con |  | Sau 1975 | Tự do | - Lời trò chuyện với con thể hiện sự gắn bó, niềm tin, tự hào về ghg và đạo lí sống của DT. | - Cách nói giàu h/ả c­ thể gợi cảm, gợi ý nghĩa sâu sắc |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ2.HDHS sắp xếp các tác phẩm theo giai đoạn:**  - Gọi HS lên điền các thông tin theo bảng thống kê trong SGK.  - Hãy s/xếp các bài thơ theo từng giai đoạn.  *H: Các TP thơ đã tái hiện c/sống đất nước và h/ảnh con người VN ntn ?*  *H:Tư tưởng, tình cảm của con người VN được t/hiện ra sao?* | **2. Sắp xếp các tác phẩm theo giai đoạn:**  - Từ 1945- 1954: Đồng chí.  - Từ 1954- 1964: Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa, Con cò  - Từ 1964- 1975: Bài thơ… kính, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ.  - Sau 1975: Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Nói với con, Sang thu.  **\* Nội dung:**  a. Các tác phẩm đã tái hiện cuộc sống đất nước và hình ảnh con người VN suốt thời ḱì l/sử từ sau 1945 qua nhiều g/đoạn.  \* Đất nước và con người VN trong 2 cuộc k/chiến chống Pháp, chống Mĩ với nhiều g/khổ hi sinh nhưng rất anh hùng.  \* Công cuộc xây dựng LĐ đất nước và nhiều quan hệ tốt đẹp của con người.  b. Các TP thể hiện tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của con người VN trong thời kì l/sử có nhiều biến động lớn lao, nhiều  đổi thay sâu sắc.  \* Tình yêu quê hương, đất nước.  \* Tình đống chí, sự gắn bó với CM,  lòng kính yêu Bác Hồ.  \* Những tình cảm gần gũi và bền chặt của con người: Tình mẹ con, bà cháu trong sự thống nhất với những tình cảm chung rộng lớn. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*- Gv hệ thống hóa kiến thức về thơ hiện đại VN ?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị : Ôn tập về thơ (tiếp) trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 128.* ÔN TẬP VỀ THƠ ( TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố những tri thức về thể thơ trữ tình.Giúp HS ôn tập, hệ thống hóa kiến thức cơ bản về tác phẩm thơ trữ tình hiện đại VN đã học trong chương trình Ngữ văn 9.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng phân tích thơ.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : So sánh các bài thơ gần đề tài đã học trong chương trình ngữ văn 9*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Giờ học trước chúng ta đã hệ thống hóa lại chương trình phần thơ VN hiện đại, giờ học này chúng ta cùng củng cố tiếp những kiến thức trọng tâm cơ bản nhất về thơ trong chương trình đã học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS so sánh các bài thơ có đề tài gần gũi:**  *H: Hãy so sánh bài: Khúc hát…, Con cò, Mây và sóng ?*  **HĐ2.HDHS hình ảnh người lính và tình đồng đội trong các bài thơ:**     * GV so sánh các bài thơ cùng viết về đề tài người lính: Đồng cí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng.   **HĐ3.HDHS so sánh về bút pháp tạo hình ảnh của một số bài thơ:**  GV hướng dẫn hs so sánh bút pháp tạo hình trong các bài thơ. | **3. So sánh các bài thơ có đề tài gần gũi:**  - Giống: đều ca ngợi tình cảm mẹ con t/thiết, t/liêng.  - Khác:  + Khúc hát…mẹ: là sự thống.nhất của t/yêu con với t/yêu nước, gắn bó với CM và ý chí chiến đấu của người mẹ d/tộc Tà Ôi …  + Con c̣ò: khai thác đề tài và p/triển tứ thơ từ hình tượng con c̣ò trong ca dao hát ru để ngợi ca tình mẹ con và ý nghĩa của lời ru.  + Mây và sóng: hóa thân vào lời tṛò chuyện hồn nhiên ngây thơ của em bé với mẹ để t/hiện t/yêu mẹ t/thiết của tuổi thơ. Mẹ đối với em bé là vẻ đẹp, niềm vui, sự hấp dẫn lớn nhất, sâu xa và vô tận hơn tất cả những điều h/dẫn khác trong vũ trụ.  **4. Hình ảnh người lính và tình đồng đội trong các bài thơ:**  - Đều viết về người lính với vẻ đẹp tình cảm, tâm hồn, nhưng mỗi bài lại có nét riêng và được đặt trong hoàn cảnh khác nhau.  - Đồng chí: viết về người lính trong t/ḱ đầu của cuộc k/chiến chống Pháp. Ca ngợi t/cảm đồng chí, đồng đội t/liêng của những người cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn và cùng chung lí tưởng c/đấu.  - Bài thơ về …: khắc họa hình ảnh các c/sĩ lái xe trên tuyến đường T/Sơn trong những năm k/chiến chống Mĩ.  - Ánh trăng: suy nghĩ của người lính đã đi qua cuộc c/tranh nay sống giữa T/phố trong ḥòa bình, gợi những kỉ niệm gắn bó của người lính với đ/nước, với đồng đội trong những năm tháng g/lao của cuộc c/tranh, để từ đó nhắc về đạo lí tình nghĩa thủy chung.  **5. So sánh về bút pháp tạo hình ảnh của 1 số bài thơ:**  - Đoàn thuyền đánh cá: bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều liên tưởng, t/tượng, so sánh mới mẻ, đ/đáo.  - Ánh trăng: nhiều hình ảnh và chi tiết thực, rất bình dị, nhưng chủ yếu dùng bút pháp gợi tả, không đi vào chi tiết mà hướng tới ý nghĩa k/quát và b/tượng của h/ảnh.  - Mùa xuân nho nhỏ: XD nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.  - Con cò: Vận dụng sáng tạo h/ảnh con cò trong ca dao, từ đó l/tưởng, t/tượng sáng tạo, mở rộng của t/giả. h/ảnh thiên về ý nghĩa biểu tượng, nhưng gần gũi, quen thuộc mà vẫn có khả năng hàm chứa nhữngý nghĩa mới và có giá trị biểu cảm |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Lấy các d/chứng minh họa cho từng nội dung của các t/phẩm thơ?

- Phân tích 1 h/ảnh thơ, 1 đoạn thơ mà em thích bằng 1 đ/văn.

- Ôn tập những nội dung bài học-> chuẩn bị làm bài kiểm tra 1 tiết.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Đọc trước bài: Nghĩa tường minh, hàm ý.

- Trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 129.* NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý (TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS nhận biết được 2 đ/kiện sử dụng hàm ý: người nói- viết- có ý thức đưa hàm ý vào câu nói; người nghe- đọc- có năng lực giải mã hàm ý.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng sử dụng hàm ý hợp lí, phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp khi nói, viết.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, có ý thức đưa hàm ý vào câu nói trong những hoàn cảnh phù hợp, không tùy tiện sử dụng hàm ý khi không phù hợp .

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H:Em hiểu thế nào là nghĩa tường minh ? thế nào là hàm ý ?Cho ví dụ minh họa ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Hàm ý là những điều người nói muốn người nghe suy ra từ câu nói của mình. Khi người nghe hiểu được hàm ý, nghĩa là hàm ý được sử dụng thành công. Vậy muốn sử dụng hàm ý trong lời nói cần có điều kiện gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu điều kiện sử dụng hàm ý:**  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập SGK.  *H: Nêu hàm ý của những câu in đậm ?*  *H: Vì sao chị Dậu không nói thẳng ra với con?*  *H: Hàm ý câu nào của chị Dậu rõ hơn?*  *H: Chi tiết nào cho thấy cái Tư đã hiểu hàm ý trong câu của mẹ?*  *H: Đ/kiện để sử dụng hàm ý là gì?*  - Người nói, người nghe thuộc đối tượng, tuổi tác như thế nào?  - Hàm ý của câu nói?  - Người nghe có hiểu hàm ý của người nói không?  **HĐ2.HDHS luyện tập:**  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập .  *H: Hàm ý của những câu in đậm là gì?*  *H:Người dụng hàm ý trên có có thành công không?*  - HS đọc bài tập SGK, xác định yêu cầu bài tập .  *H: Xác định hàm ý trong câu nói của bé Thu? Tại sao bé Thu phải dùng hàm ý?Bé dùng hàm ý có thành công không vì sao?*  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Chia lớp làm 2 nhóm.  *H: Điền vào lượt lời của B trong đoạn thoại để có 1 câu có hàm ý từ chối?*  *H: Tìm hàm ý của Lỗ Tấn qua việc ông so sánh “hi vọng” với “con đường”?*  - Đọc bài tập  *H: Tìm những câu có hàm ý mời mọc hoặc từ chối trong các đoạn đối thoại trong bài: Mây và sóng? Viết thêm câu có hàm ý mời mọc rõ hơn?* | **I. Điều kiện sử dụng hàm ý:**  **1. Bài tập:**  **- Câu 1**: sau bữa ăn này con không không được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa. Mẹ đă bán con-> điều đau lòng nên chị Dậu tránh nói thẳng ra.  - Câu 2: Mẹ đã bán con cho nhà cụ Nghị, thôn Đoài.  - Hàm ý của câu 2 rõ hơn vì cái Tý không hiểu hàm ý của câu thứ nhất.  - Sự giãy nảy trong tiếng khóc: *U bán con thật đấy ư-*> cái Tý hiểu hàm ý.  **2.Kết luận:** *Ghi nhớ* SGK.  **II. Luyện tập:**  **1.Bài tập 1:**  a. Người nói là anh thanh niên, người nghe là ông họa sĩ, cô gái.  - Hàm ý: mời bác và cô vào nhà uống nước.  - Chi tiết: ông liền theo anh thanh niên vào nhà và ngồi xuống ghế -> người nghe hiểu hàm ý.  b. Người nói: anh Tấn- người nghe: thím Hai Dương.  - Hàm ý: chúng tôi không thể cho được.  - Câu nói: Thật là càng giàu…giàu có-> hiểu hàm ý.  c. Người nói: Thúy Kiều- người nghe: Hoạn Thư.  - Hàm ý: câu 1: mát mẻ, chế giễu: quyền quý như tiểu thư cũng phải đến trước “hoa nô” này ư ?  - Câu 2: Hãy chuẩn bị nhận lấy sự báo oán thích đáng.  - Câu : Hoạn Thư hồn lạc…kêu ca-> đã hiểu hàm ý.  **2.Bài tập 2:**  -Hàm ý: chắt giùm nước để cơm khỏi nhão. Em không nói thẳng ra vì trước đó đã nói thẳng rồi mà không có hiệu quả và vì bực mình.  - Anh Sáu vẫn ngồi im-> anh Sáu tỏ ra không cộng tác-> không thành công.  **3. Bài tập 3**  B: Mai mẹ mình muốn mình cùng về quê ngoại.  **4. Bài tập 4:**  - Hàm ý: tuy hi vọng chưa thể nói ra là thực hay hư, nhưng nếu cố gắng t/hiện thì có thể đạt được.  **5. Bài tập 5:**  - 2 câu mở đầu: bọn tớ chơi.  - Câu có hàm ý chối: mẹ mình đang…, làm sao.  VD: chơi với bọn tớ thích lắm đấy. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H:Nghĩa tường minh, hàm ý là gì?*

*H: Nêu điều kiện để sử dụng hàm ý?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại toàn bộ những TP thơ hiện đại đã học.Xem lại và lập dàn bài trước cho bài viết số 6 ở nhà.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 130.* TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**

**(Viết ở nhà)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá các ư­u khuyết điểm trong bài viết của học sinh .

- Giúp HS đánh giá bài làm, rút kinh nghiệm, sửa chữa các sai sót về bố cục, câu văn, dùng từ, chính tả, cách lập luận .

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng làm bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, có ý thức rèn kĩ năng làm văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : Chấm bài, soạn bài, chuẩn bị cỏc nội dung nhận xột, đỏnh giỏ, nhận xột bài làm của học sinh.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H:Thế nào là nghị luận về một doạn thơ , bài thơ? Nêu cách làm bài?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Các em đã viết bài Tập làm văn số 6 , để biết được khả năng làm bài, cách diễn đạt hành văn trong câu từ và cách lập luận như thế nào ? Ưu và nhược điểm ra sao ? Các em cần tìm hiểu nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS phân tích đề**  *H: Xác định yêu cầu của đề bài ?*  (thể loại, nội dung, lựa chọn phạm vi kiến thức)  GV hướng dẫn HS lập dàn bài chi tiết cho đề bài.  **HĐ2. Nhận xét đánh giá về ưu điểm và nhược điểm trong bài làm**  - GV nhận xét những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của học sinh.  - GV gọi hs dựa vào dàn ý trong bài tự nhận xét đánh giá bài làm của mình về những ưu và nhược điểm cần phát huy và khắc phục.  **HĐ3. HDHS sửa lỗi trong bài làm**  - GV hướng dẫn học sinh vạch ra lỗi sai trong bài làm và sửa lỗi.  - Cho hs đổi bài, phát hiện lỗi và nhận xét về bài làm của bạn.  - GV gọi hs đọc bài viết xuất sắc  - Gọi học sinh nhận xét .  - Lấy điểm vào sổ. | **I.Đề bài:**  Suy nghĩ nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của nhà văn kim Lân?  **1.Tìm hiểu đề và tìm ý:**  - Thể loại : Văn nghị luận về 1 đoạn trích.  - Nội dung : Nhân vật ông Hai  - Phạm vi KT: Đoạn trích: Truyện ngắn “Làng”.  **2.Lập dàn bài:**  **a.Mở bài:**  - Giới thiệu truyện ngắn “Làng” và nhân vật ông Hai – một người nông dân yêu làng, yêu nước và trung thành với cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  **b. Thân bài:**  \* Ông Hai yêu và tự hào sâu sắc về quê hương, tình yêu ấy giản dị và mộc mạc như chẽ lúa, nhành khoai.  - Những biến chuyển trong suy nghĩ của ông hai trước và sau cách mạng.  +) Khi ở làng ông tự hào về vẻ giàu đẹp của làng.đường làng, chòi phát thanh, nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh, nhất là cái sinh phần của viên tổng đốc(trước CM).  +)Sau cách mạng:Ông Hai đã có những biến chuyển trong nhận thức. Ông yêu phong trào kháng chiến dồn dập ở làng, cùng anh em sẻ hào, khuôn đá, đắp ụ, làm giao thông hào....  - Theo chính sách của nhà nước , ông phải rời làng đi tản cư. Ở nơi tan cư ông day dứt nhớ làng khôn nguôi. Ông say sưa kể chuyện làng cho vơi phần nào nỗi nhớ, ông láng nghe tin tức kháng chiến từng ngày , gặp người ở xuôi lên là ông hỏi thăm ...  - Tình yêu làng của ông Hai dược đặt vào một tình huống thử thách cam go, để từ đó ông càng bộc lộ sâu sắc tình yêu làng giản dị mộc mạc nhưng sâu sắc.  +Phân tích tâm trạng ông Hai  - Tình yêu làng quê đã phát triển trong thử thách và lớn hơn đó là biểu hiện của tình yêu nước và lòng chung thành với cuộc kháng chiến với cụ Hồ.  - Tình yêu Làng trong ông còn là sự hi sinh cả tài sản để đổi láy niềm vui làng trong sạch(tin làng không theo giặc.)  **c. Kết bài**: Đánh giá khái về tình yêu làng sâu sắc của ông Hai. Ông tiêu biểu cho hình tượng người nông dân Việt Nam sau cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp.Hiểu về ông ta cảm phục tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam, gợi nhắc ta về niềm tự hào dân tộc...  **II. Nhận xét đánh giá bài làm:**  **1. Ưu điểm:**  - Học sinh hiểu đề nắm được yêu cầu của đề bài và phương pháp làm bài, có nhiều bài viết tương đối tốt, điểm cao.  **2. Nhược điểm:**  - Cách đặt câu dùng từ còn nhiều hạn chế.  - Bài lập luận hệ thống ý còn sơ sài, chưa khai thác triệt để các nội dung liên quan đến nhân vật .  - Chữ viết còn cẩu thả và sai chính tả nhiều.  **III. Sửa lỗi:**  - Sửa lỗi trong bài viết. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV nhận xét chung và biểu dương những bài làm tốt .

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- VN xem lại cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện hay đoạn truyện.

- Viết lại đề văn theo dàn ý đã chữa.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 131.* LUYỆN NÓI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố những kiến thức về thể thơ trữ tình.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng nói trước tập thể những cảm nhận về bài thơ đã học.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, rèn kĩ năng nói lập luận một vấn đề.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời cõu hỏi bài tập SGK, lập dàn bài chuẩn bị cho bài luyện núi .

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H :Nêu cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Ở các tiết học trước, các em đã được học về cách làm bài NL về 1 đoạn thơ, bài thơ. Để củng cố tốt hơn phần lí thuyết đã học và để rèn kĩ năng trình bày một vấn đề trước lớp, trước tập thể. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học giờ luyện nói…

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS báo cáo nội dung đã chuẩn bị ở nhà .**  - Gọi hs đọc đề bài, hướng dẫn hs phân tích đề.    **HĐ2. HDHS luyện nói trên lớp.**  - Trong nhóm hs cùng luyện nói trong nhóm và chọn ra bạn xuất sắc nhất nói trước lớp.  - GV y/c nói mạch lạc, rõ ràng.  - Lư­u ý liên kết câu, đoạn  - Biểu cảm thái độ khi nói.  - Gọi hs đại diện các nhóm trình bày bài văn nói.  - Y/c các nhóm nhận xét chéo - GV nhận xét và bổ sung sửa lỗi.  - Nhận xét về ND và cách d/đạt…  - Nhận xét về tác phong, cách t/hiện…  - Bổ sung  **HĐ3. HDHS nhận xét bài văn nói rút kinh nghiệm.**  - GV nhận xét về việc chuẩn bị bài, Nội dung bài nói – cách trình bày trước tập thể - Đánh giá xếp loại các bài văn vừa luyện nói | **I. Đề bài:**  Bếp lửa sưởi ấm 1 đời - Bàn về bài bếp lửa của Bằng Việt.  - Vấn đề cần NL: Tình bà cháu trong bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt*.*  - Cách nghị luận: Xuất phát từ sự cảm thụ cỏ nhân đối với bài thơ, từ đú khái quát thành những tỡnh cảm cao đẹp của con ngư­ời.  **II. Luyện nói:**  **1. Chuẩn bị trong nhóm:**  **2. Trình bày theo dàn bài đã chuẩn bị sẵn:**  **a. Mở bài:**  - Tham khảo 2 cách nêu trong SGK.  **b. Thân bài:**  - Mở đầu bài thơ, h/ảnh bếp lửa xuất hiện và điệp lại- sức ấm và ánh sáng của nó lan tỏa trong toàn bài- nỗi nhớ bà của đứa cháu cũng ấm nóng, da diết, thấm thía trong từng câu, chữ: “*Cháu thương…mưa*”  - Ở khổ thơ thứ 2: mùi khói hun đã gợi lại cả 1 q/khứ đau thương, đầy những thảm cảnh của nạn đói với những thân phận, trong đó có bà và cháu.  - Hình ảnh bà và bếp lửa còn gắn với tiếng kêu khắc khoải của chim t/hú- gợi lên sự nhớ nhung, xa cách. Trong những ngày kháng chiến, giặc đốt phá làng, gia đình li tán, trên cái nền hoang tàn ấy và trong tiếng kêu khắc khoải của chim tu hú, 2 bà cháu đã âm thầm nương tựa vào nhau để duy trì sự sống. Trong gian khổ, bần hàn những p/chất của bà vẫn tỏa sáng, nồng đượm.  - Đến khổ thơ thứ 5, nhà thơ nhắc đến h/ảnh ngọn lửa. Từ 1 b/lửa hữu hình, cụ thể, gần gũi trong mỗi gia đ́nh, cháu l/tưởng đến ngọn vô h́nh: “*Một ngọn…sẵn*”- t́nh bà nồng đượm đă ấp ủ, sưởi ấm cháu qua tháng năm cuộc đời. Tình bà như n/lửa thắp sáng n/tin cho cháu- một n/tin bất diệt.  - Nhà thơ khái quát vẻ đẹp của ngọn lửa là vẻ đẹp ḱ lạ và t/liêng. Tình y/thương và ḷng n/ái bao la của con người mãi ấm nóng, bền bỉ tỏa sáng trường tồn.  - Kết thúc bài thơ, h/ảnh người bà và ngọn lửa được kết lại trong 1 câu hỏi tu từ: “*Sáng mai…chưa*?”. Đó là 1 nỗi nhớ đau đáu, da diết thường trực.  **c. Kết bài:**  Bằng Viết muốn nói 1 điều: ḱ lạ , t/liêng nhưng cũng rất đỗi g/dị của đời người: tình yêu q/hương, xứ sở bắt nguồn từ những gì đơn sơ, g/dị, gần gũi nhất. Bà nhóm bếp lửa là nhóm lên sự sống với bao nỗi vui buồn, ngọt bùi, nồng đượm t/t́nh khởi đầu cho mọi t/cảm, vun đắp cho n/cách con người hoàn thiện sau này. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV hệ thống hóa lại nội dung bài học ? Những ưu nhược điểm cần rút kinh nghiệm.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn lại các bài thơ đã học trong chương trình, Chuẩn bị ôn tập tổng kết văn bản nhật dụng.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 132.* TỔNG KẾT VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố những kiến thức văn bản nhật dụng đã học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng hệ thống hóa kiến thức về văn bản nhật dụng.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, rèn kĩ năng vận dụng kiến thức về văn bản nhật dụng vào cuộc sống học tập.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK, lập dàn bài chuẩn bị cho bài luyện núi .

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*Thuật lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ « Mây và sóng » ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Trong chương trình Ngữ văn THCS, các em đã được học 1 số tác phẩm Vb nhật dụng. Để giúp các em có cái nhìn tổng quát về các tác phẩm này, chúng ta cùng học bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu khái niệm văn bản nhật dụng:**  *H: Thế nào là văn bản nhật dụng?*  *H: Tính cập nhật của văn bản nhật dụng được thể hiện như thế nào?*  **HĐ2. HDHS củng cố về nhội dung văn bản nhật dụng:**  *H: Nhận xét về nội dung của văn bản nhật dụng ?*  *H: Các VB nhật dụng đã đề cập đến những vấn đề gì ?* | **I. Khái niệm văn bản nhật dụng:**  - Khái niệm của VB nhật dụng không phải là khái niệm thể loại, cũng không phải là kiểu VB. Nó chỉ đề cập đến chức năng, đề tài và tính cập nhật của ND v/bản mà thôi  - Tính cập nhật: giúp HS ḥòa nhập với XH hiện tại.  - VB nhật dụng có thể sử dụng ở mọi thể loại và mọi kiểu VB.  - Vb n/dụng vẫn là 1 bộ phận của phân môn Ngữ văn, nên VB được chọn lọc vẫn phảỉ đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện kĩ năng của môn Ngữ văn.  **II. Nội dung của Vb nhật dụng:**  - Cập nhật: là gắn với cuộc sống bức thiết hàng ngày. Song tính bức thiết phải gắn với vấn đề cơ bản của cộng đồng, phải thường nhật, lâu dài của sự phát triển lịch sử.  **\* Các đề tài:**  **a.** Di tích LS, danh lam thắng cảnh, sinh hoạt VH trên đất nước VN: Cầu Long Biên …, Động Phong Nha, Ca Huế trên sông Hương.  **b.** Vấn đề quyền con người, quyền trẻ em: Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, Cuộc chia tay…  **c**. Vấn đề về vai tṛò của nhà trường, vai tṛò của người phụ nữ đối với mỗi c/người: Cổng trường mở ra, Mẹ tôi.  **d.** Tệ nạn ma túy, thuốc lá: Ôn dịch thuốc lá.  **e.** Vấn đề hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc dân tộc:  Phong cách Hồ Chí Minh  **g.** Vấn đề bảo vệ ḥòa bình, chống chiến tranh: Đấu tranh cho 1 TG ḥòa bình. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*H: Khái niệm văn bản nhật dụng*

*- Em hiểu thế nào là tính cập nhật trong Vb nhật dụng.*

*- Các đề tài văn bản nhật dụng đề cập tới là đề tài gì?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Đọc lại và tìm hiểu ND của các văn bản trên.

- Đọc tiếp 2 phần còn lại, trả lời các câu hỏi SGK-> giờ sau học tiếp.

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 133.* TỔNG KẾT VĂN BẢN NHẬT DỤNG (TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố những kiến thức văn bản nhật dụng đã học,hs nắm được hình thức của VB nhật dụng.

- Củng cố thêm ý thức vận dụng vào thực tiễn về những điều đã học ở các văn bản nhật dụng..

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng ghi nhớ, kĩ năng khái quát hóa kiến thức về văn bản nhật dụng.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, biết vận dụng kiến thức về văn bản nhật dụng vào cuộc sống học tập.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời câu hỏi bài tập SGK, lập dàn bài chuẩn bị cho bài luyện núi .

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H: Khái niệm văn bản nhật dụng*

*- Em hiểu thế nào là tính cập nhật trong Vb nhật dụng.*

*- Các đề tài văn bản nhật dụng đề cập tới là đề tài gì?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Văn bản nhật dụng tồn tại dưới hình thức ntn? Cách học loại Vb này, có những yêu cầu gì riêng biệt? Chúng ta cùng học tiếp bài tổng kết tiếp theo.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS củng cố kiến thức về hình thức về văn bản nhật dụng:**  *H: Hình thức của văn bản nhật có đặc điểm gì ?*  *H: Hãy chỉ ra việc kết hợp giữa 2 phương thức NL và TM trong: Phong cách HCM ?*  *H: Tìm y/tố biểu cảm trong: Ôn dịch thuốc lá ?*  *H: Tìm hiểu cách lập luận ở 1 đoạn trong VB: Phong cách HCM ?*  **HĐ2.HDHS củng cố kiến thức về phương pháp văn bản nhật dụng:**  *H: Phương pháp học VB nhật dụng có những yêu cầu gì riêng biệt ?*  - Đọc ghi nhớ SGK? | **III. H́ình thức văn bản nhật dụng:**    - Các VB nhật dụng được học có hình thức đa dạng:  - Có VB là 1 bút kí, hồi kí, có VB là 1 bức thư, hay 1 bản thông báo, 1 bài xã luận.  - Một số VB có sự kết hợp nhuần nhuyễn các p/thức biểu đạt: tự sự và m/tả: Cuộc chia tay…bê, TM và m/tả: Ca Huế trên sông hương…  - Một số VB mang t/chất hành chính, sử dụng nhiều yếu tố NL: Thông tin về TĐ năm 2000, Tuyên bố…trẻ em.  **IV. Phương pháp học Vb nhật dụng:**  - Biết bày tỏ quan điểm, ý kiến riêng của mình về vấn đề được nêu ra trong các VB nhật dụng như: Kiên quyết không hút thuốc lá, không vứt rác ra môi trường xanh, sạch,đẹp...  - Tham gia tích cực vào các hoạt động XH ở địa phương về làm sạch môi trường, bảo vệ di tích lịch sử…  - Cần vận dụng kiến thức của môn học khác để làm sáng tỏ vấn đề đặt ra trong VB nhật dụng và ngược lại.  - Cần căn cứ vào đặc điểm hình thức và phương thức biểu đạt của VB để phân tích tác phẩm.  **\* Ghi nhớ**: SGK/ 96 |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*- Hình thức tồn tại của Vb nhật dụng?*

*- Nêu các phương pháp học văn bản nhật dụng ?phương pháp học văn bản n/dụng nào làm em tâm đắc nhất?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài, nắm chắc phần ghi nhớ.

- Chuẩn bị bài: Ôn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 134-135.* VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7**

**I.Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- HS biết cách vận dụng kiến thức và kĩ năng làm bài NL về tác phẩm truyện hoặc đoạn thơ, bài thơ.

- Có những cảm nhận và suy nghĩ riêng, vận dụng các phép lập luận trong quá tŕnh làm bài.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng viết bài văn nghị luận về đoạn một đoạn thơ, bài thơ.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, biết vận dụng kiến thức nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ vào viết một bài Tập làm văn cụ thể.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, ra đề, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài Luyện tập làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

**I. Đề bài:**

***Cảm nhận và suy nghĩ của em về t/cảm cha con trong bài “Nói với con” của Y Phương .***

**II. Đáp án:**

- Hình thức: (1 điểm) bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc, diễn đạt trong sáng, gợi cảm, các ý cần được tách hợp lí.

- Trình bày sạch, đẹp, không mắc lỗi chính tả.

- Nội dung: (9 điểm) Cần đạt được các ý sau:

**a. Mở bài**: GT tác giả, tác phẩm.

- Nêu cảm nhận chung về tác phẩm.

**b. Thân bài:**

\* Bài thơ đã t/hiện tình cảm cha con thắm thiết qua lời nói chân thành, giọng điệu thiết tha, trìu mến (2điểm)

- Gợi k/khí gia đình ấm áp, gợi cuội nguồn sinh dưỡng với con người.

\* Bài thơ thể hiện niềm tự hào hãnh diện của người cha về s/sống mạnh mẽ, bền bỉ của q/hương.( 3 điểm)

- Tự hào về truyền thống l/động, p/tục tốt đẹp của q/hương

- Tự hào về những con người nơi quê hương bền bỉ ý chí nghị lực và niềm tin trong cuộc sống.

- Truyền cho con, ý chí, nghị lực và niềm tin khi bước vào đời.

\* Bài thơ gợi lên trong lòng người đọc về hình ảnh một vùng đất có những con người yêu quê hương, yêu lao động, cần cù chịu thương chịu khó, giàu ý chí nghị lực và niềm tin, giúp ta hiểu thêm về phong cách sống mộc mạc giản dị nhưng cũng rất kiên cường của một dân tộc miền núi phía Bắcc . Giúp ta thêm yêu mến , xúc động trước những lời nói của cha với con, hiểu thấm thía tình cha con, nguyện phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi, biết kế thừa, giữ vững t/thống của q/hương, d/tộc.(2 điểm)

**c. Kết bài** : KĐ: bài thơ t/hiện t/cảm cha con thắm thiết.

LH, mở rộng các TP cùng đề tài.

- Thang điểm: MB, KB: mỗi phần 1 điểm.

TB: 7 điểm.

**4. Thu bài, nhận xét:**

- Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra ưu điểm, nhược điểm.

- Ôn tập lí thuyết chách làm bài NL về TP truyện.

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

Chuẩn bị : Ôn tập Tiếng Việt

- Trả lời các câu hỏi lí thuyết và làm bài tập SGK theo yêu cầu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 136*. HDĐT:BẾN QUÊ**

**( Nguyễn Minh Châu)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS nhận ra được tình huống của truyện, ý nghĩa của t/huống; bước đầu cảm nhận được ý nghĩa triết lí mang tính trải nghiệm về cuộc đời con người.

- Thấy được đặc sắc trong nghệ thuật tạo tình huống của truyện.

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng đọc, tóm tắt, phân tích t/phẩm tự sự.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục học sinh ý thức học tập, giáo dục khơi gợi tình yêu quê hương, đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

-Trong c/đời của con người nhiều khi cảm nhận được những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, của quê hương mà phải hết đời người, hoặc đi nửa vòng trái đất ta mới nhận ra. Đó chính là 1 phần ý nghĩa triết lí trong truyện ngắn “Bến quê” của nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm tới chúng ta. Để hiểu được rõ hơn ý nghĩa đó chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu và gọi học sinh đọc.  - Đọc chú thích \*  và nêu những nét chính về tác giả?  - Gọi HS đọc (giọng trầm tư s/nghĩ của người từng trải).  **HĐ2.HDHS đọc – hiểu văn bản:**  *H: Xác định thể loại?*  *- Hãy tóm tắt cốt truyện?*  *H: T/giả đã đặt nhân vật Nhĩ vào h/cảnh ntn?*  - GV chốt.  *H: Hãy nêu t/huống truyện?*  *H:Ý nghĩa trong việc tạo t/huống như vậy?*  *H: N/vật Nhĩ đã lâm vào cảnh ngộ ntn?*  *H: Trong buổi sáng đầu thu, nhìn từ khung cửa căn phòng, Nhĩ đã cảm nhận cảnh vật t/nhiên ntn ?*  *H: N/xét gì về cách m/tả đó?*  *H: Từ việc quan sát cảnh vật t/nhiên xung quanh, Nhĩ cảm thấy và chiêm nghiệm ra điều gì?*  *H: Nhĩ c̣òn cảm nhận gì về Liên- vợ anh?*  *H: Qua đoạn đối thoại giữa Nhĩ và Liên, ta thấy Nhĩ đã nhận ra điều gì từ ng vợ của mình?*  *H: Đoạn văn t/hiện những suy nghĩ gì của Nhĩ về Liên và gia đình?*  *H: Từ đó anh rút ra 1 quy luật gì trong cuộc đời?*  *H: Nhĩ khao khát điều ǵì? sao anh lại khát khát như vậy?*  *H: Ý nghĩa của điều k/khát ấy?*  *H: Nhĩ đã thực hiện khát vọng đó của ḿnh bằng cách nào? Anh có thành công không?*  *H: Anh rút quy luật gì? được t/hiện qua câu văn nào?*  *H: Cuối truyện, Nhĩ có vẻ mặt, cử chỉ rất khác thường? Hãy giải thích?*  *H:- Hãy so sánh cách xây dựng n/vật Nhĩ của n/văn với các n/vật: anh T/niên( L/lẽ Sa Pa), ông Hai (Làng), bé Thu (Chiếc lược ngà) ?*  *H: T/giả đã g/gắm qua n/vật Nhĩ*  *điều gì?*  *H: Cách gửi gắm có ǵ đ/sắc?*  *H: Em hãy tìm và chỉ ra ý nghĩa của*  *các h/ảnh mang ý nghĩa b/tượng qua truyện?*  *H: Nêu những giá trị Nội dung tư tưởng và đ/sắc n/thuật của truyện?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a. Tác giả:**  - Nguyễn Minh Châu (1930- 1989)  - Quê: Quỳnh Lưu – Nghệ An.  - Ông là nhà văn quân đội, nổi tiếng từ hồi kháng chiến chống Pháp.  - Từ sau 1975, nhất là từ đầu những năm 80- t/kỉ XX, ông đã trăn trở đổi mới mạnh mẽ về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần đổi mới VH nước nhà.  - Năm 2000, ông được truy tặng giải thưởng HCM về VHNT.  **b. Tác phẩm:**  - “Bến quê” in trong tập truyện cùng tên của NMC xuất bản năm 1985.  **c. Từ khó:**  **II.Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Thể loại:** Truyện ngắn  **2. Cốt truyện:**  - Nhĩ đă từng đi khắp nơi trên trái đất về cuối đời lại bị cột vào giường bệnh với 1 căn bệnh hiểm nghèo đến nỗi không tự mình dịch chuyển được lấy vài mươi phân trên chiếc giường hẹp kê bên cửa sổ.  - Nhĩ nhìn qua cửa sổ ngắm hàng cây bằng lăng, con sông Hồng trong nắng sớm và bãi bồi bên kia dòng sông.  - Nhĩ trò chuyện với vợ, bày tỏ lòng biết ơn vợ.  - Nhĩ sai con đi sang bãi bồi bên kia sông Hồng thay mình nhưng con trai anh lại  sà vào 1 đám người chơi phá cờ thế trên hè phố.  - Lũ trẻ con hàng xóm sang giúp Nhĩ trở người dậy.  - Nhĩ lại nghĩ đến người vợ, thức tỉnh về vẻ đẹp t/hồn vợ.  - Ông giáo Khuyến sang hỏi thăm, hoảng hốt trước vẻ mặt và cử chỉ bất thường  của Nhĩ.  **3.Phân tích:**  **a.Tình huống truyện:**  - Hoàn cảnh: n/vật Nhĩ vốn đã từng đặt chân khắp mọi nơi trên trái đất, lúc cuối đời lại bị cột chặt vào giường bệnh. Nhưng chính trong h/cảnh đó, n/vật mới có thể nhận ra những vẻ đẹp và giá trị truyền thống hết sức bình dị, gần gũi trong c/đời.  - Tình huống truyện chính là ở cái điều trớ trêu như 1 nghịch lí.  + Nhĩ từng đi khắp nơi trên TG, thế mà giờ đây muốn nhích người đến bên cửa sổ thì việc ấy khó khăn như phải đi hết 1vòng trái đất.  + Nhĩ phát hiện ra vẻ đẹp bãi bồi bên kia sông ngay trước cửa sổ nhà mình, anh muốn nhờ cậy con trai thay mình sang bên kia sông nhưng cậu ta lại sà vào đám chơi cờ thế trên hè phố và có thể lỡ chuyến đ̣ò sang duy nhất trong ngày.  => Tạo tình huống như trên t/giả muốn lưu ý người đọc đến 1 nhận thức về c/đời: c/sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định và ước muốn toan tính của người ta.  - Mở ra nội dung triết lí, mang tính tổng kết những trải nghiệm của cả đời người: trên đường đời thật khó tránh những điều ṿòng vèo hay chùng chình, nhưng vẻ đẹp gần gũi, bình dị nhất thì đến khi sắp từ giã cõi đời anh mới nhận ra.  **b.Những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ***:*  + Cảnh ngộ: Bệnh tật hiểm nghèo kéo dài,phải trông cậy vào sự chăm sóc của vợ con. Bằng trực giác anh nhận ra rằng thời gian của đời mình chẳng còn bao nhiêu nữa.  **\* Cảnh vật t/nhiên qua cái nhìn của Nhĩ:**  - Những bông hoa bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng lại đậm sắc hơn.  - Con sông Hồng đỏ nhạt, mặt sông như rộng hơn.  - Bãi bồi bên kia sông: vàng thau xen xanh non.  -> Cảnh t/nhiên được m/tả theo tầm nhìn của n/vật Nhĩ từ gần đến xa, tạo thành 1 không gian có chiều rộng, chiều sâu.  -> Nhĩ cảm thấy cảnh vật quen thuộc, nhưng mới mẻ, Nhĩ tưởng như lần đầu tiên anh cảm nhận được tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó.  -Anh rút ra: phải là 1 người từng trải, đi khắp mọi nơi mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của 1 bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia.  **\* Cảm nhận của Nhĩ về Liên:**  - Lần đầu tiên Nhĩ để ư thấy Liên mặc áo vá, những ngón tay gầy guộc…  -> nhận ra tình yêu thương, sự tần tảo và đức hi sinh thầm lặng của vợ.  -Anh nhớ lại ngày Liên mới về làm vợ anh…Bây giờ, Liên trở thành 1 người đàn bà thị thành nhưng vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hi sinh.  - Quy luật: sau nhiều tháng bôn tẩu, kiếm, Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đ́nh trong những ngày này.  + Điều khao khát của Nhĩ:  - Khi nhận ra t/cả vẻ đẹp của cảnh vật rất đỗi bình dị và gần gũi qua cửa sổ, đồng thời hiểu rằng ḿnh sắp phải từ biệt cõi đời. Nhĩ bùng lên khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông.  -> Đó là sự thức tỉnh về những g/trị bền vững, bình thường mà sâu xa trong c/sống, những giá trị thường bị bỏ qua, lăng quên nhất là khi còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người tìm đến. Khi nhận thức ra thì Nhĩ đã nằm liệt trên giường bệnh, bởi thế sự thức tỉnh có xen lẫn niềm ân hận xót xa.  - Nhĩ đã nhờ anh con trai thay mình sang bên kia sông, đặt chân lên bãi phù sa màu mỡ. Song anh con trai không hiểu được ước muốn của cha, nên làm 1 cách miễn cưỡng, rồi bị cuốn hút vào đám chơi phá cờ thế bên hè phố để có thể làm lỡ mất chuyến đ̣ ngang duy nhất trong ngày.  -> Quy luật: con người trên đời khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng ch́nh  -> anh đã thế và bây giờ con anh cùng thế. Nhưng con anh lỡ mất chuyến đ̣ò hôm nay thì ngày mai nó lại có thể sang sông, c̣òn anh thì không bao giờ có thể mình sang sông được nữa.  + Hành động kì quặc của Nhĩ:  Nhĩ thu hết tàn lực đu mình, nhô người ra ngoài, giơ 1 cánh tay gầy gầy khoát khoát như đang khẩn thiết ra hiệu cho 1 ai đó-> ra hiệu cho con hãy mau kẻo lỡ chuyến đ̣ò, đồng thời: thức tỉnh mọi người về những cái ṿng vèo, chùng ch́nh mà chúng ta đang sa trên đường đời để rút ra khỏi nó và hướng tới những giá trị đích thực vốn giản dị, gần gũi, và bền vững.  -> Nhân vật anh t/niên là 1 bức chân dung, ông Hai, bé Thu được khắc họa khá rõ về tính cách và nội tâm, c̣òn n/vật Nhĩ là n/vật tư tưởng để t/giả g/gắm những chiêm nghiệm, triết lí về đời sống và con người. (Đây là kiểu n/vật rất quen thuộc trong sáng tác của NMC từ sau 1980, như ông họa sĩ trong: Bức tranh)  **c. Chiều sâu tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm:**  - Tác giả đã gửi gắm qua nhân vật Nhĩ:  + C/sống và số phận con người chứa đầy những nghịch lí, những ngẫu nhiên vượt ra ngoài những dự tính, ước muốn và thật khó tránh những điều ṿòng vèo hoặc chùng ch́nh.  + Trong c/đời cần biết tôn trọng những giá trị đích thực vốn rất giản dị, gần gũi quen thuộc ở quanh ta như bến quê, bãi bồi, vên sông, gia đình, hàng xóm… để khỏi ân hận, xót xa khi sắp từ giã cuộc đời.  - Những chiêm nghiệm và triết lí về cuộc đời được nhà văn g/gắm qua t/giới nội tâm của người sắp từ giã cõi đời và nhiều h́nh ảnh mang ý nghĩa biểu tượng.  **\* Hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng:**  + Bãi bồi, bến sông và khung cảnh t/nhiên gợi vẻ đẹp của đ/sống trong những cái gần gũi, b́nh dị quen thuộc.  + Những bông hoa bằng lăng cuối mùa, tiếng những tảng đất lở ở bờ sông bên này khi con nước đầu nguồn đã dồn về, đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng-> gợi cho biết sự sống của Nhĩ đã ở vào những ngày cuối cùng.  + Chi tiết: đứa con trai sa vào 1 đám người chơi cờ thế bên lề đường-> gợi những điều chùng ch́nh, ṿng vèo trên đường đời người ta khó tránh khỏi.  + Hành động kì quặc của Nhĩ ở cuối đoạn trích  **III. Tổng kết:**  **1. ND**: Những suy ngẫm, trải nghiệm s/sắc của n/văn về con người và c/đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và g/trị b́nh dị, g/gũi của g/đ́nh, q/hương.  **2. Nghệ thuật**: xây dựng những t/huống đầy nghịch lí, m/tả tâm lí tinh tế, ngôn ngữ giàu h́nh ảnh biểu tượng. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Hãy tóm tắt lại cốt truyện?*

*H: Nêu tình huống chính của đoạn trích và ý nghĩa của nó?*

*H: Trình bày ý nghĩa của truyện: Bến quê?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Tìm đọc toàn truyện ngắn. Nắm ND bài học.

- Làm bài tập 1, chuẩn bị:Ôn tập Tiếng Việt –trả lời câu hỏi lí thuyết và bài tâp SGK

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 137*. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 9**

**I. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS hệ thống hóa các vấn đề đă học về: Khởi ngữ ; các t/phần biệt lập.

- Liên kết câu và LK đoạn.

- Nghĩa tường minh và hàm ý.

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng sử dụng khởi ngữ và các thành phần biệt lập trong giao tiếp.

Kĩ năng sử dụng các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn sử dụng hàm ý trong viết văn trong giao tiếp.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập, rèn các kĩ năng giao tiếp tiếng Việt.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêu nội dung TV đã học trong kì II lớp 9 ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Phần TV trong HK II các em đã được học về hô ngữ và các thành phần biệt lập. Để củng cố kiến thức về các thành phần trên, tiết học hôm nay chúng ta sẽ tiến hành ôn tập lại.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS ôn tập về khởi ngữ và các thành phần biệt lập:**  *H : khởi ngữ là gì? Cho VD?*  *H :Thế nào là thành phần biệt lập? Nêu các TP biệt lập được học?*  *H : Nêu k/niệm từng TP biệt lập?*  *H : Các từ ngữ in đậm là TP gì ?*  *- Cho HS lập bảng tổng kết về k/ngữ và các TP biệt lập.*  *- Hướng dẫn học sinh viết đoạn văn.*  *Yêu cầu học sinh nêu những hiểu biết về Nguyễn Minh Châu - phong cách sáng tác sau năm 1975.*  *H: Em biết gì về nội dung truyện ngắn Bến quê của NMC?*  *H: Truyện kể về nhân vật nào gắn với tình huống truyện như thế nào?*  *- Các từ in đậm trong các đoạn văn sau t/hiện ở phép LK nào?*  H: Câu chuyện cuộc đời Nhĩ cho ta rút ra được nhận xét gì về cuộc sống?  H: H/ả anh con trai chùng chình sa vào đám chơi cờ có ý nghĩa gì?  - Đoạn văn từ 5- 7 câu, trình bày theo cách diễn dịch hoặc quy nạp  - ND giới thiệu truyện : Bến quê.  - HS viết.  - Trình bày- nhận xét – bổ sung. | **I. Khởi ngữ và các thành phần biệt lập:**  **1. Lí thuyết:**  **a.Khởi ngữ** : Là thành phần câu,đứng trước CN,nêu lên đề tài được nói đến trong câu.  Trước các khởi ngữ thường có thêm các quan hệ từ.  - VD: Giàu tôi cũng đã giàu, sang tôi cũng đã sang.  **b.Thành phần biệt lập:**  - Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn nhận đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu  - Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói ( vui, buồn, mừng, giận...)  **\*** Các thành phần tình thái, cảm thán là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên dược gọi là thành phần biệt lập.  \*Thành phần gọi- đáp được dùng để  tạo lập cuộc thoại để duy trì quan hệ  giao tiếp.  - Thành phần phụ chú được  dùng để bổ sung một số chi tiết cho  nội dung chính của câu.  \* Các thành phần gọi - đáp và phụ chú là  những bộ phận không tham gia vào việc diễn  đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là  thành phần biệt lập.  **2. Bài tập:**  **Bài tập 1:**  a- Xây cái lăng ấy -> khởi ngữ.  b- dường như -> thành phần tình thái.  c- Nhưng người con gái…như vậy -> TP phụ chú.  d- Thưa ông -> TP gọi- đáp.  Vất vả quá -> TP cảm thán.  - Bảng tổng kết về: Khởi ngữ và Các thành phần biệt lập.  -> HS lập theo các cột như SGK- tìm được đến đâu thì điền vào đến đó.  **Bài tập 2:**  - Nguyễn Minh Châu là cây bút văn xuôi nỏi tiếng thời kì kháng chiến chống Mĩ . Sau năm 1975 những sáng tác của Nguyễn Minh Châu có sự đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật.  - Bến quê là một trong những truyện  ngắn tiêu biểu cho xu hướng sáng tác đổi mới của NMC.  - Truyện kể về nhân vật Nhĩ , một người đã từng đi nhiều nơi biết đến nhiều vùng đất nhưng đến cuối đời lại gặp phải một căn bệnh quái ác cột chặt cuộc sống với giường bệnh, mọi sinh hoạt phải nhờ vào sự chăm sóc của vợ và con trai – đặc biệt là người vợ. Những ngày nằm trên giường bệnh Nhĩ chợt phát hiện ra vẻ đẹp của bài bồi bên kia sông , ngay trước cửa sổ nhà mình, anh khao khát được đặt chân một lần đến đó . Nhĩ đã nhờ anh con trai giúp mình việc đó , anh con trai lại sa vào đám chơ cờ ở hè phố. Rất có thể sẽ để lỡ mất chuyến đò ngang duy nhất trong ngày. Từ đó ta có thể chiêm nghiệm ra một điều khi còn trẻ, con người ta khó tránh được những cái vòng vèo chùng chình trên đường đời.Tuy nhiên trong cuộc đời không ai biết trước được những biến động có thể xảy ra. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Nhắc lại các khái niệm khởi ngữ, thành phần biệt lập.*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học kĩ lại những ND ôn tập trong bài học.

- Viết 1 đoạn văn nêu: Cảm nhận về n/vật Nhĩ- ít nhất sử dụng 2 TP biệt lập.

*- Chỉ ra các các phép liên kết?*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 138*. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS hiểu được vai trò của từ ngữ địa phương trong cộng đồng ngôn ngữ.

**2. Kĩ năng:**

- Biết cách sử dụng từ ngữ địa phương hợp lí.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập, rèn các kĩ năng giao tiếp tiếng Việt. Giáo dục cho các em có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Khái niệm khởi ngữ và các thành phần biệt lập ? Cho ví dụ ?*

**3.Bµi míi:** GV giíi thiÖu bµi.

Nhắc lại thế nào là từ địa phương?

- Từ ngữ địa phương có mặt tích cực và hạn chế gì khi giao tiếp ?

- Khi sử dụng từ ngữ địa phương cần lưu ý điều gì?

Để giúp các em hiểu thêm về từ ngữ địa phương và cách sử dụng chúng, chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS củng cố lí thuyết từ địa phương.**  *H: Nhắc lại thế nào là từ địa phương?*  *H: Từ ngữ địa phương có mặt tích cực và hạn chế gì khi giao tiếp ? Khi sử dụng từ ngữ địa phương cần lưu ý điều gì?*  *H: Tìm từ địa phương và toàn dân trong bài tập? Chuyển từ địa phương sang toàn dân?*  *H: Từ “kêu” nào là từ địa phương? từ “kêu” nào là toàn dân?*  *H: Tìm từ địa phương trong 2 câu đố?*  - GV yêu cầu HS điền vào bảng.  *H: Có nên để cho nhân vật bé Thu dùng từ ngữ toàn dân không?*  *H: Tại sao trong lời kể của tác giả có từ địa phương ?* | **I. Từ địa phương**  **1. Lí thuyết:**  - Từ địa phương chỉ dùng trong từng địa phương nhất định.  - Ưu điểm: Thể hiện màu sắc địa phương khi cần nhấn mạnh những nét phong tục tập quán ở địa phương.  - Hạn chế: Chỉ giao tiếp trong địa phương nhất định , không sử dụng ngoài địa phương. Gây khó hiểu cho người ngoài địa phương.  **2. Bài tập:**  **Bài tập 1:**   |  |  | | --- | --- | | Từ địa phương | Từ toàn dân | | a- Thẹo  lặp bặp  ba  b- má, kêu, đâm,  đũa bếp  (Nói) trổng  Vô  c- lui cui  nắp, nhắm, giùm. | a- sẹo  lắp bắp  bố, cha  b- mẹ, gọi, trở thành,đũa cả, cái.  (nói) trống không  vào.  lúi húi.  vung, cho làgiúp. |   **Bài tập 2:**  a-Kêu: nói to -> từ toàn dân.  b- Kêu: gọi -> từ địa phương.  **Bài tập 3:**  - Trái : quả; chi: gì.  - Kêu: gọi.  - Trống hổng trống hoảng: trống hếch trống hoác.  **Bài tập 4:**    **Bài tập 5:**  - Không, vì Thu chưa có dịp giao tiếp rộng ở bên ngoài địa phương mình.  - Để tạo sắc thái của vùng đất nơi diễn ra sự việc được diễn ra. Tuy nhiên tác gia chủ định không dùng quá nhiều từ ngữ địa phương để gây khó hiểu cho người đọc. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

H: Sưu tầm các từ địa phương của quê mình?

*H: Những ưu điểm và hạn chế khi sử dụng từ địa phương?*

**5.Hướng dẫn về nhà**:

- Ôn bài, chuẩn bị kiểm tra văn phần thơ?

- Xem kĩ các tác phẩm thơ đã học trong chương trình kì II.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 139, 140.* KIỂM TRA VĂN ( PHẦN THƠ)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra năng lực đọc - hiểu, cảm thụ và những hiểu biết về thơ hiện đại sau khi học xong mạch kiến thức này trong chương trình Ngữ văn 9.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra độc lập, trình bày bài kiểm tra.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập, làm bài độc lập và ý thức tự giác,nghiêm túc trong làm bài.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài **(ra đề )**

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra**: GV kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3. Ra đề** : **Khung ma trận đề kiểm tra :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tên CĐ | Nhận biết | Thông Hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | Cao |
| **Chủ đề 1:**  **Bài thơ**  **“ Viếng lăng Bác”** |  | - Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh ẩn dụ mặt trời trong bài thơ  - Hiểu được mạch cảm xúc của bài thơ |  |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỷ lệ % |  | Số câu : 2  Sốđiểm: 2  Tỉ lệ:20% |  |  | Số câu: 2  Số điểm 2  Tỉ lệ:20% |
| **Chủ đề 2**:  **Bài thơ**  **“ Mùa xuân nho nhỏ”** | - Chép được khổ thơ đầu của bài thơ,  - Hiểu được h/a mùa xuân đất nước trong cảm nhận của nhà thơ. | Hiểu được ước vọng cống hiến của nhà thơ đối với đất nước. |  |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | Sè c©u:2  Sè®iÓm:1  TØ lÖ:10% | Số câu:1  Sốđiểm:0.5  Tỉ lệ:5 % |  |  | Số câu: 3  Sốđiểm: 1,5  Tỉlệ:15 % |
| **Chủ đề 3:**  **Bài thơ “Sang thu”** | Nhận biết chủ đề bài thơ | Cảm nhận được được những đặc sắc của bài thơ. |  | Phân tích được những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. |  |
| Tổng số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | Số câu : 1  Số điểm:0.5  Tỉ lệ :5% | Số câu : 1  Số điểm:05  Tỉ lệ :5% |  | Số cõu:1  Sốđiểm:5  Tỉ lệ:50% | Số cõu:3  Sốđiểm:6  Tỉ lệ:60% |
| **Chủ đề 4:** **Bài thơ Nói với con** |  | Hiểu được ý nghĩa ngợi ca của bài thơ và điều nhắn gửi của nhà thơ. |  |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % |  | Số câu : 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  | Số câu:1  Tổng điểm:0.5  Tỉ lệ:5 % |
| Tổng số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | Số câu: 3  Tổng điểm:1.5  Tỉ lệ 15% | Số câu:5  Tổng điểm: 3.5  Tỉ lệ : 35% |  | Số câu:1  Tổng điểm:5  Tỉ lệ : 50% | Tổng số câu:9  Tổng điểm:10  Tỉ lệ :100% |

**\* Đề bài:**

**I. Phần trắc nghiệm** :

**Hãy trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

***Câu1****.* ***Bài thơ nào thể hiện sự quan sát và cảm nhận tinh tế về thiên nhiên lúc giao mùa?***

A. Mùa xuân nho nhỏ C. Viếng lăng Bác.

B. Sang thu. D. Nói với con.

***Câu 2.******Hình ảnh mùa xuân đất nước trong bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được cảm nhận như thế nào?***

A. Ồn ào, hối hả C. Hối hả, xôn xao.

B. Náo nức, ồn ào D. Tưng bừng, xôn xao

***Câu 3. Trong bài thơ : “Viếng lăng Bác” hình ảnh “ mặt trời trong lăng” có ý nghĩa gì ?***

A. So sánh Bác rực rỡ, tỏa sáng như mặt trời.

B. Ca ngợi công lao của Bác với non sông, đất nước ta.

C. Khẳng định niềm tin Bác còn sống mãi với non sông đất nước.

D. Tất cả các ý nghĩa trên.

***Câu 4. Khát vọng dâng hiến cho cuộc đời được tác giả nói đến trong bài thơ : “ Mùa xuân nho nhỏ” thể hiện điều gì trong tâm hồn nhà thơ ?***

A. Lặng lẽ, khiêm nhường.

B. Sôi nổi, ồn ào.

C. Nghiêm trang, thành kính.

D. Có cho và có nhận.

***Câu 5****.* ***Nhận xét nào đúng về nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Sang thu”***

A. Ngôn ngữ trong sáng, cô đọng.

B. Lời thơ tinh tế, hình ảnh giàu sức biểu cảm.

C. Ý thơ hàm xúc chan chứa tình cảm.

D. Hình ảnh chọn gợi tình cảm nhiều hơn tả thực.

***Câu 6****.* ***Sáng tác******bài thơ: “ Nói với con: nhà thơ Y Phương muốn ca ngợi điều gì?***

A. Ca ngợi công lao trời biển của cha mẹ đối với con cái.

B. Ca ngợi sức sống bền bỉ của quê hương.

C. Ca ngợi lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. .

D. Ca ngợi tình yêu quê hương đất nước, giữ gìn bản sắc dân tộc.

**II. Phần tự luận:**

**Câu 7.( 0.5 điểm)** Chép thuộc lòng khổ thơ đầu bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải.

**Câu 8** .( 1.5 điểm) Nêu mạch cảm xúc của bài “ Viếng lăng Bác” của nhà thơ

Viễn Phương?

**Câu 9. ( 5 điểm)** Phân tích bài thơ : “ Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh.

**\*Đáp án:**

**I. Phần trắc nghiệm**: mỗi câu đúng 0.5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **Đáp án** | B | C | B | A | B | D |

**II. Phần tự luận:**

**Câu 7(0.5 điểm)**

Hs chép thuộc lòng 6 câu thơ đầu bài thơ: Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

**Câu 2 (1.5 điểm)** HS nêu mạch cảm xúc của bài thơ “ Viếng lăng Bác” của nhà thơ Viễn Phương

- Cảm xúc bao trùm trong bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác . Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng , tập trung ở hình ảnh hàng tre. Tiếp đó là cảm xúc về hình ảnh dòng người ngày ngày vào lăng viếng Bác như bất tận . Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng là cảm xúc và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng : mặt trời, vầng trăng , trời xanh. Cuối cùng là niềm ước nguyện thiết tha khi sắp phải xa Bác, trở về miền Nam.

**Câu 3( 5 diểm)**

**\* Yêu cầu về hình thức**: bài làm đúng kiểu bài văng nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Bài làm có đủ 3 phần: mở bài , thân bài, kết bài. Lời văn rõ ràng, giản dị trong sáng, đặt câu chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc lô gic. Viết đúng chính tả.

**\* Yêu cầu về nội dung:**

**Mở bài :** Giới thiệu về nhà thơ Hữu Thỉnh – nhà thơ trẻ trưởng thành từ thời K/C chống Mĩ.- hồn thơ nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên làng quê.

- Bài thơ sánh tác năm 1977- một trong những bài thơ hay –tiêu biểu của nhà thơ Hữu Thỉnh.Bài thơ thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả về những biến chuyển của cảnh vật, đất trời, dấu hiệu của thời tiết trong thời khắc giao mùa từ hạ sang thu. Ngôn ngữ thơ và hình ảnh giàu sức gợi cảm để lại sâu sắc trong lòng người đọc(0,5)

**Thân bài** : Bài viết làm nổi bật các luận điểm:

**- Cảm nhận tinh tế nhạy cảm của nhà thơ trước những thay đổi nhẹ nhàng của của cảnh vật.**

- Cảm nhận qua khứu giác, hương ổi trong gió se- gió mang hơi lành lạnh , se se vào buổi sớm tinh sương, không gian mát mẻ dễ chịu. Hương ổi cũng rất đặc biệt thơm tho ngào ngạt tạo thành luồng, khiến cho ngọn gió cũng trở nên thơm tho , qua từ miêu tả rất tinh tế “phả” (0,25)

- Cảm nhận qua thị giác: làn mùa thu sương thu mong manh giăng mắc nhẹ nhàng nơi ngõ sóm. Bằng từ miêu tả nhân hóa “ chùng chình” khiến ta cảm nhận như làn sương cố ý đi chậm lại vẫn vương trong sáng mùa thu tạo nên một không gian huyền ảo rất riêng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.(0,5)

- Dấu hiệu mùa thu còn rất nhẹ nhàng nên ta giả đã chon một từ ngữ rất nhẹ nhàng để thông báo về nó thể hiện cách nhận định về mùa thu chưa thực sự chắc chắn chưa rõ ràng “ Hình như thu đã về”.(0,5)

- Mặc dù dấu hiệu mùa thu mới chỉ dừng lại ở mức độ “hình như” nhưng cảnh vật vẫn mang những dấu hiệu của mùa thu: Dòng sông như đc nghỉ ngơi sau mùa lũ ồn ào của mùa hạ “ đc lúc dềnh dàng” chảy thong thả, chầm chậm, nhẹ nhàng, và làn nước cũng dần trở lại trong xanh.(0,5)

Nhưng đối lập với vẻ nhẹ nhàng nhàn hạ của dòng sông thì cánh chim lại bắt đầu vội vã hơn bay về phương nam trước khi mùa đông lạnh giá trở về. (0,5)

- Hình ảnh đám mây mùa hạ lại mang một vẻ đẹp đặc biệt “ vắt nửa mình sang thu”. Thật khó để diễn tả thế nào là đám mây vắt nửa mình sang thu. Có lẽ đó là đám mây trắng đục xốp nhẹ còn vương trên nền trời đã bắt đầu trong xanh.Tạo nên vẻ đẹp diệu kì cho bầu trời mùa thu. (0,5)

**-Từ những biến đổi trong không gian và cảnh vật nhà thơ chuyển sang cảm nhận vể những biến chuyển của thời tiết và suy ngẫm về mùa thu trong cuộc đời.**

- Nắng hạ vẫn còn đó nhưng những cơn mưa bất chợt của mùa hạ đã thưa dần, Trên hàng cây đã trải qua bao cuộc chuyển mùa tiếng sấm cũng bớt bất ngờ hơn.(0,25)

- Từ hình ảnh nắng mưa sấm tác giả liên tưởng tới đời con người Mùa thu cũng như con người khi đã trải qua bao thăng trầm biến động dữ dội của tuổi trẻ . Như hàng cây đứng tuổi vững vàng trước những biến động của thời tiết .Con người cũng trở nên tự tin vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.(0,5)

- Cách dùng từ ngữ tinh tế giàu sắc thái biểu cảm, phép tu từ nhân hóa dòng sông, cánh chim, đám mây, hàng cây khiến cho cảnh vật mùa thu trở nên có hồn. (0,5)

**Kết bài:**

- Cảnh vật đất trời sang thu được nhà thơ quan sát cảm nhận tinh tế của một tâm hồn yêu thiên nhiên . Dấu hiệu thu về rất nhẹ nhàng trong chiều chuyển động có cái nhanh , có cái chậm nhẹ nhàng mà rõ rệt. Từ mùa thu nhà thơ thể hiện sự suy ngẫm về cuộc đời. Cách sử dụng từ ngữ miêu tả giàu sắc thái biểu cảm tạo nên sức quyến rũ của bài thơ.(0,5)

**4. Củng cố, luyện tập**:

- Thu bài, nhận xét ý thức làm bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

-Xem lại bài làm.

- Chuẩn bị bài: Chương trình địa phương phần Tập làm văn. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 141*. NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

**(Lê Minh Khuê)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS nắm được nét lớn về tác giả, tác phẩm, tóm tắt được cốt truyện, bước đầu cảm nhận về c/sống của các nữ t/niên xung phong.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc, t/tắt t/phẩm tự sự, nêu tình huống truyện.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục tình yêu quê hương đất nước và niềm tự hào về truyền thống của dân tộc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời cỏc cõu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêu tên các bài thơ đã học trong chương trình kì II ? Nêu mạch cảm xúc của một các bài thơ đã học ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, bên cạnh h/ảnh các anh bộ đội thì chúng ta cũng không thể không kể đến lực lượng t/niên xung phong, mà hầu hết ở đó là nữ. Các chị đã cống hiến tuổi t/xuân cho đất nước, đêm ngày giáp mặt với cái chết. Để hiểu rõ hơn c/sống và công việc thầm lặng ấy của họ chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc - Gv đọc mẫu.  - GV hướng dẫn hs tóm tắt văn bản.    *H: Nêu những hiểu biết của em về tác giả?*  *H: Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh nào ?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: Xác định thể loại?*  *H: Chia bố cục của bài thơ ?*  *H: Nêu tình huống truyện?*  *H:H/c sống của các cô gái như thế nào?*  *H: Nhiệm vụ của các cô là làm gì ?*  *H: Tính chất công việc như thế nào?*  *H: Tính chất công việc đòi hỏi các cô phải có phẩm chất gì?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc và tóm tắt:**  **\*Tóm tắt:**  - Truyện kể về 3 nữ t/niên xung phong- 1tổ trinh sát- trên tuyến đường Trường Sơn: Định, Nho, chị Thao.  - Nhiệm vụ của họ là q/sát máy bay địch ném bom, đo k/lượng đất đá phải xan lấp, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ. Công việc nguy hiểm, nhưng họ vẫn có niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, họ rất gắn bó yêu thương nhau trong tình đồng đội, mặc dù mỗi người có 1 cá tính.  - P.Định là n/vật chính, 1 cô gái giàu cảm xúc, hay mơ mộng, hồn nhiên, luôn nhớ về những kỉ niệm thời thiếu nữ với gia đình và TP yêu thương.  - 1 lần, máy bay Mĩ ném bom trúng vào cao điểm, có 4 quả bom nổ chậm, 3 người phân công nhau đi phá bom nổ chậm. Nho bị thương, 2 người đến cứu và đưa Nho về chăm sóc, Nho dần bình phục.  - Một cơn mưa đá đến đột ngột. P.Định thích thú. Chị Thao lúi húi xúc đá, Định mang mấy viên đá vào cho Nho.  **2. Chú thích:**  **a. Tác giả:**  - Lê Minh Khuê - sinh 1949.  - Quê: Tĩnh Gia - Thanh Hóa.  - Trong kháng chiến chống Mĩ, ra nhập t/niên x/phong và bắt đầu viết văn từ 1970.  - Là cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn. Trong c/tranh viết về c/sống chiến đấu của t/trẻ TSơn. Sau 1975 viết về đ/sống, XH và con người trên t/thần đổi mới.  **b. Tác phẩm:**  - Truyện “Những ngôi sao xa xôi” viết 1971 , là 1 trong những truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Khuê.Truyện ra đời trong lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt.  **c. Từ khó:**  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể loại:** Truyện ngắn.  **2.Bố cục:**  Truyện chia làm 3 phần .  **+) Phần 1**: Hoàn cảnh sống chiến đấu.  - Từ đầu đến “điện thoại trong hang”  **+) Phần 2:** tiếp theo đến “tự bịa ra nữa”  => Một lần phá bom – Nho bị thương cả tổ chăm sóc Nho.  **+) Phần 3**:  => Phần còn lại: Cảm xúc của Phương Định sau cơn mưa đá.  - Tình huống: Tổ trinh sát mặt đường trong một lần phá bom.  **3. Phân tích:**  **a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu của các cô gái TNXP:**  - Ở trong hang sâu dưới chân 1 cao điểm.  - N/vụ: khi có bom nổ thì chạy lên đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ, nếu cần thì phải phá bom.  - C/việc hàng ngày: chạy lên cao điểm giữa b/ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch.  - Mỗi lần phá bom là mỗi lần đối mặt với thần chết: thần kinh căng như chão, tim đập không nhịp điệu… xong việc, quay lại nhìn đoạn đường 1 lần nữa rồi chạy về hang.  -> Công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đ̣òi hỏi sự dũng cảm và sự b/tĩnh. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hãy tóm tắt lại phần trích ?

- Em có nhận xét gì về c/sống và công việc của 3 nữ t/niên xung phong ?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Tìm đọc các bài thơ: “Khoảng trời hố bom”- Lâm Thị Mỹ Dạ và

“ Gửi em… xung phong”- P.T.Duật.

- Soạn tiếp bài: trả lời câu hỏi còn lại-> giờ sau học tiếp.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 142.* NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI (TIẾP)**

**(Lê Minh Khuê)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS cảm nhận được t/hồn trong sáng, t/cách dũng cảm, h/nhiên trong cuộc c/đấu gian khổ, hy sinh nhưng vẫn l/quan của các n/vật nữ t/niên xung phong.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc, t/tắt t/phẩm tự sự, phân tích truyện.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục tình yêu quê hương đất nước và niềm tự hào về truyền thống của dân tộc, hiểu được những năm tháng gian lao của thế hệ đi trước vì đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời cỏc cõu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêu tên các bài thơ đã học trong chương trình kì II ? Nêu mạch cảm xúc của một các bài thơ đã học ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Đối mặt với cái chết, biết là nguy hiểm, thế nhưng người ta vẫn làm. Đó chính là thái độ, phẩm chất cao đẹp của những cô gái t/niên xung phong trinh sát mặt đường. Để hiểu rõ hơn p/chất tâm hồn và đặc biệt tâm lí của các cô trong những lần đi phá bom ấy, chúng ta cùng học tiếp bài qua tiết học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc hiểu văn bản (tiếp)**  *H: Nêu những nétchung của ba cô*  *gái ?*  *H: Qua lời kể của nhân vật em hình rung gì về nhân vật P.Định?*  *H: Nét gì đáng yêu nhất của cô ?*  *H: Chị Thao là người như thế nào?*  *H: Hoàn cảnh của nhân vật trước khi là trinh sát?*  *H: Nhắc lại những nét nổi bật về ngoại hình của PĐ?*  *H: Nét cá tính của PĐ trong cuộc sống và công việc?*  *H: Tình cảm của cô với đồng đội?*  *H: T/giả đã m/tả t/lí P.Định trong 1 lần đánh phá bom ntn ?*  *H: Nhận xét NT miêu tả?*  *H: Phân tích cảm xúc nhân vật trước trận mưa đá?*  *H: Cảm nhận chung của em về n/vật PĐ ?*  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận về ND của đoạn trích?*  *H: Đặc sắc NT của truyện?* | **b. Nét chung của 3 cô t/niên xung phong:**  - Họ là những con người rất trẻ, tuy cá tính và hoàn cảnh riêng không giống nhau nhưng có những phẩm chất chung đáng quý: tinh thần trách nhiệm cao với công việc, dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó.  - Họ là những cô gái dễ xúc cảm, nhiều ước mơ, hay mơ mộng, dễ vui và cũng dễ trầm tư.  - Họ cũng thích làm đẹp cho c/sống của mình: Nho thích thêu thùa, chị thao chăm chỉ chép bài hát, P.Định hát , thích ngắm mình trong gương....  **c. Những nét cá tính riêng của mỗi người:**  - P.Định là 1 HS t/phố nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư giữa g/đ́nh và t/phố.  - Chị thao ít nhiều từng trải hơn, dự tính về t/lai có vẻ thiết thực, nhưng vẫn không thiếu những khát khao và rung động của t/trẻ. chị thích thêu thùa. Chị c/đấu dũng cảm, b/tĩnh nhưng lại rất sợ máu.  - Nho thích thêu thùa, hay làm nũng, dịu dàng và cũng rất gan góc.  **\*Nhân vật Phương Định:**  - Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.  + Cô rất trẻ, ngoại hình khá, có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.  + Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng: cô hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn: nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát (cảm xúc của Định trước cơn mưa đá).  + Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (hay ngắm nhìn mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra săn sóc, vồn vã… nét kiêu kỳ của những cô gái Hà Thành).  + Tình cảm đồng đội sâu sắc: yêu mến hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (chăm sóc Nho khi Nho bị thương…).  + Ngời lên những phẩm chất đáng quý: có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin…(thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật trong một lần phá bom).  **-Tâm lí P.Định trong lần đi phá bom:**  + Cảm thấy có ánh mắt dõi theo mình không sợ nữa, đàng hoàng bước tới.  + Luôn kề sát với cái chết: t/thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom, một tiếng động sắc gai người, cứa vào da thịt, rùng mình và bỗng thấy tại sao ḿnh lên quá chậm.  + Tiếp cảm giác căng thẳng, chờ đợi tiếng bom nổ, lo lắng mìn có nổ k , bom có nổ k , nếu k nổ thì làm sao châm ngòi lần thứ hai, cô hiểu rằng lần sau sẽ nguy hiểm hơn rất nhiều.  -> M/tả cụ thể, t/tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ là thoáng qua -> Mặc dù rất quen với công việc này nhưng mỗi lần phá bom là một lần thử thách với căng thẳng thần kinh cho đến từng cảm giác…-> rất cần sự sự bình tĩnh, gan dạ ,kiên trì ,dũng cảm.  **- Cảm xúc trước trận mưa đá:**  + Khi thấy mưa :vui sướng reo lên.  + Vui thích cuống cuồng, chia đá cho các bạn...  + Nhớ nhà , kí ức sống dậy những kỉ niệm ngọt ngào tuổi ấu thơ -> mơ mộng.  => Miêu tả nhân vật PĐ,tác giả rất am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lý của những nữ thanh niên xung phong.  =>Nhân vật Phương Định đã để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.  **III.Tổng kết:**  **1. ND**: Ca ngợi tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm trong c/sống c/đấu đầy gian khổ hi sinh của những cô gái t/niên x/phong trên tuyến đường TS.  **2. NT**: Truyện được kể theo ngôi thứ nhất, người kể là n/vật chính, chọn ngôi kể như vậy phù hợp với ND t/phẩm, tạo ĐK để t/giả m/tả, t/hiện TG t/hồn, cảm xúc của nhân vật.  Lời kể linh hoạt: dùng câu ngắn, nhịp nhàng tạo k/khí khẩn trương trong h/cảnh c/trường, ở đoạn hồi tưởng nhịp kể chậm, gợi kỉ niệm ấu thơ hồn nhiên, trong sáng. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Cảm nhận về c/sống, c/đấu của tổ trinh sát được m/tả trong truyện?

- Tìm đọc thêm các t/phẩm cùng đề tài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- VN học bài, nắm ND bài học.Đọc tóm tắt, phân tích nhân vật.

- Xem trước bài: CT địa phương phần TLV.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 143.* CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TẬP LÀM VĂN)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS trình bày về 1 hiện tượng thực tế của địa phương dưới hình thức 1 bài văn NL.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng trình bày một vấn đề trước tập thể.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tìm hiểu , nhận định, đánh giá về một vấn đề ở địa phương bày thái độ khen hay chê, đồng tình hay phản đối.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêu cách làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Các em đã học một tiết để chuẩn bị cho vấn đề các em sẽ nghị luận về một trong các sự việc ở địa phương . Giờ học này các em sẽ thu thập ý kiến và trình bày về về vấn đề mà các em sẽ tìm hiểu về địa phương mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS báo cáo các nội dung đã chuẩn bị .**  - Yêu cầu các nhóm thảo luận về các vấn đề về địa phương đã chuẩn bị - cử đại diện nhóm trình bày các nội dung đã thảo luận và chọn ra.  **HĐ2.HDHS nhận xét đánh giá**  - GV yêu cầu các nhóm nhận xét đánh giá nhóm bạn.  - Trình bày theo nhóm:  + Đại diện nhóm 1 lên trình bày.  -> Lớp nhận xét, bổ sung.  + Đại diện nhóm 2 lên trình bày.  -> Lớp nhận xét, bổ sung.  + Đại diện nhóm 3 lên trình bày.  -> Lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và bổ sung | **I. Báo cáo các nội dung đã chuẩn bị về các vấn đề của địa phương.**  - Các vấn đề ở địa phương :  + Vấn đề môi trường và rác thải.  + Vấn đề bao bì ni lông  + Vấn đề dân số .  +Vấn đề quay cóp gian lận trong thi cử  + Vấn đề lười học và học đối phó…  + Vấn đề xuống cấp về đức trong học sinh.  **VD**: Vấn đề quay cóp gian lận trong thi cử.  \* Nêu hiện tượng và nhận định đánh giá về hiện tượng.  - Đó là hiện tượng xấu , ảnh hưởng lớn đến kết quả và chất lượng dạy và học trong nhà trường ảnh hưởng không nhỏ đến tương lai của mỗi cá nhân, ảnh hưởng tới tương lai đất nước.  - Hiện trạng: Hiện tượng này diễn ra phổ biến trong học sinh sinh viên nhất là các đối tượng học sinh lười học ham chơi trong các giờ thi hay kiểm tra định kì. Theo quy luật thì học sinh sẽ ôn bài kĩ hơn tập trung cao độ chuẩn bị chắc kiến thức bước vào phòng thi . Nhưng không như vậy một số hs dành thời gian chuẩn bị phao – tài liệu - để mang vào phòng thi quay cóp.  - Nguyên nhân: Lười học ham chơi không hiểu mục đích yas nghĩa của việc học đói với tương lai của bản thân xã hội.  - Hậu quả : Chất lượng học tập sút kém, chỉ có hư danh, không có kiên thức, thi trượt không có kiến thức học tập và làm việc sâu này, tương lai mà mịt.  - Giải pháp: Nâng cao ý thức học tập, giúp bạn bè cùng tiến bộ , chỉ ra phân tích cho các bạn biết tác hại. Mỗi cá nhân tự biết phấn đấu, rèn luyện học tập, đấu tranh phát giác các hiện tượng xấu đó.  => Tương lai mỗi các nhân và đất nước sẽ tươi sáng hơn nếu mỗi các nhân biết tự nỗ lực học tập để vươn lên trong cuộc sống.  **II. Nhận xét:**  - Yêu cầu:  + Đủ bố cục 3 phần.  + Vấn đề có ý nghĩa thiết thực, được XH quan tâm.  + Bày tỏ được thái độ của người viết với vấn đề đã nêu.  + Các luận điểm cần được s/xếp, trình bày thuyết phục bằng các luận cứ.  + Trình bày mạch lạc, rõ ràng.  + Diễn dạt trong sáng, thuyết phục. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Nhấn mạnh các ưu điểm của từng nhóm.

- Chỉ ra mặt tồn tại cần khắc phục.

- Tiếp tục các nhóm hoàn thiện đề văn trên.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài, chuẩn bị bài.

- Xem lại đề bài của bài kiểm tra số 7- lập dàn bài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 144.* TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Qua việc giáo viên đánh giá các ư­u, khuyết điểm trong bài viết của học sinh, hs biết được những mặt cần phát huy và những lỗi cần khắc phục trong bài làm.

- Khắc phục các nhược điểm của bài TLV số 7 và các bài viết văn khác.

**2. Kĩ năng:**

- Giúp HS biết tự đánh giá bài làm, rút kinh nghiệm, sửa chữa các sai sót về bố cục, câu văn, dùng từ, chính tả, thành thục hơn kĩ năng làm văn NL về một đoạn thơ, bài thơ.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tìm hiểu rèn luyện các kĩ năng làm bài, học tập nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài, chấm bài , chuẩn bị nội dung nhận xột đỏnh giỏ.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêu các bước làm bài,cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Các em đã viết bài Tập làm văn số 7, bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Để nắm được mặt mạnh, mặt yếu cần khắc phục trong bài viết của mình, từ đó rút ra kĩ năng thuần thục khi viết các bài Tập làm văn sau, chúng ta sẽ tìm hiểu qua giờ trả bài .

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS báo cáo các nội dung đã chuẩn bị .**  - Yêu cầu các nhóm thảo luận về các vấn đề về địa phương đã chuẩn bị - cử đại diện nhóm trình bày các nội dung đã thảo luận và chọn ra.  **HĐ2.HDHS nhận xét đánh giá**  - GV yêu cầu các nhóm nhận xét đánh giá nhóm bạn.  - Trình bày theo nhóm:  + Đại diện nhóm 1 lên trình bày.  -> Lớp nhận xét, bổ sung.  + Đại diện nhóm 2 lên trình bày.  -> Lớp nhận xét, bổ sung.  + Đại diện nhóm 3 lên trình bày.  -> Lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và bổ sung  **HĐ2.HDHS sửa lỗi diễn đạt, lỗi chính tả:**  - GV hướng dẫn học sinh sửa lỗi trong vở ghi. | **I.Đề bài:**  ***Cảm nhận và suy nghĩ của em về t/cảm cha con trong bài “Nói với con” của Y Phương .***  **1. Tìm hiểu đề và tìm ý:**  - Thể loại : Văn nghị luận về 1 đoạn thơ, bài thơ.  - Nội dung : lời tâm sự của người cha , niềm tự hào về quê hương, mong ước đối với con đc thể hiện trong bài thơ.  - Phạm vi KT: bài thơ “Nói với con”  **2. Lập dàn bài:**  **a.Mở bài:**  **a. Mở bài**: GT tác giả, tác phẩm.  - Nêu cảm nhận chung về tác phẩm.  **b. Thân bài:**  \* Bài thơ đã t/hiện tình cảm cha con thắm thiết qua lời nói chân thành, giọng điệu thiết tha, trìu mến (2điểm)  - Gợi k/khí gia đình ấm áp, gợi cuội nguồn sinh dưỡng với con người.  \* Bài thơ thể hiện niềm tự hào hãnh diện của người cha về s/sống mạnh mẽ, bền bỉ của q/hương.( 3 điểm)  - Tự hào về truyền thống l/động, p/tục tốt đẹp của q/hương.  - Tự hào về những con người nơi quê hương bền bỉ ý chí nghị lực và niềm tin trong cuộc sống.  - Truyền cho con, ý chí, nghị lực và niềm tin khi bước vào đời.  \* Bài thơ gợi lên trong lòng người đọc về hình ảnh một vùng đất có những con người yêu quê hương, yêu lao động, cần cù chịu thương chịu khó, giàu ý chí nghị lực và niềm tin, giúp ta hiểu thêm về phong cách sống mộc mạc giản dị nhưng cũng rất kiên cường của một dân tộc miền núi phía Bắc . Giúp ta thêm yêu mến , xúc động trước những lời nói của cha với con, hiểu thấm thía tình cha con, nguyện phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi, biết kế thừa, giữ vững t/thống của q/hương, d/tộc.  **c. Kết bài** : KĐ: bài thơ t/hiện t/cảm cha con thắm thiết.  - LH, mở rộng các TP cùng đề tài.  **II. Nhận xét đánh giá bài làm:**  **1. Ưu điểm:**  - Học sinh hiểu đề nắm được yêu cầu của đề bài và phương pháp làm bài, có nhiều bài viết tương đối tốt, điểm cao.  - Nắm đ­ược phư­ơng pháp làm bài  - Nêu được ý cơ bản, giải quyết theo yêu cầu của đề .  - Một số bài cũng biết tách ý và lập luận chặt chẽ.  - Cảm xúc về tình cha con được nêu chân thực, gợi cảm.  **2. Nhược điểm:**  - Nhiều bài viết còn sơ sài .  - Một số bài diễn đạt còn vụng, lủng củng , chưa hợp lí về bố cục. Cách đặt câu, dùng từ còn nhiều hạn chế.  - Một số bài chưa nêu được những n/xét, s/nghĩ của cá nhân về tình cha con.  - Bài lập luận hệ thống ý còn sơ sài, chưa khai thác triệt để các nội dung trong bài.  - Chữ viết còn cẩu thả và sai chính tả nhiều.  **III. Sửa lỗi:**  - Sửa lỗi trong bài viết, theo yêu cầu của giáo viên. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV nhận xét chung và biểu dương những bài làm tốt .

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Về nhà: xem lại cách làm bài văn nghị luận về đoạn thơ, bài thơ, lập dàn ý chi tiết cho bài viết.

-Viết lại đề văn theo dàn ý đã chữa.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 145.* BIÊN BẢN**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS phân tích được yêu cầu của biên bản và l/kê được các loại biên bản thường gặp trong thực tế c/sống.

**2. Kĩ năng:**

- Viết được 1 b/bản sự vụ hoặc hội nghị.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tìm hiểu rèn luyện các kĩ năng viết văn bản, học tập nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Nêu các bước làm bài,cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Kể tên những VB hành chính đã được học ở các lớp dưới?

- Chúng ta đã được tìm hiểu về văn bản hành chính thông qua một số các loại văn bản đã học. Hôm nay ta sẽ cùng nhau tìm hiểu thêm 1 loại Vb hành chính nữa, đó là biên bản. Vậy b/bản có đặc điểm gì? thường dùng trong trường hợp nào…chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay để t/lời cho câu hỏi trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu đặc điểm của biên bản:**  - HS đọc các biên bản SGK.  *H: Viết biên bản để làm gì?*  *H: Biên bản cần phải đạt những yêu cầu ǵ về ND và hình thức?*  *H: Ngoài 2 loại b/bản trên, em hãy kể thêm 1 số loại b/bản khác?*  **HĐ2.HDHS tìm hiểu cách viết biên bản:**  *H: Biên bản gồm mấy phần?*  *H: Phần mở đầu của b/bản gồm những mục gì? Tên b/bản được viết ntn?*  *H: Phần ND b/bản gồm những mục gì?*  *H: Phần kết thúc b/bản có những mục nào?*  *H: Nhận xét lời văn , cách trình bày?*  H: Rút ra ND bài học?  **HĐ2.HDHS luyện tập:**  *H: Chọn các t/huống cần viết b/bản?*  - Đọc bài tập sgk.  - Phân lớp làm 3 nhóm.  3 nhóm lên báo cáo kết quả.  - Nhận xét, bổ sung.  - Ghi lại phần mở đầu của b/bản đó? | **I. Đặc điểm của biên bản:**  **1. Bài tập**:  \* **Nhận xét**  -**Mục đích** :Ghi lại nội dung chính của cuộc họp (hội nghị)  - Trả lại giấy tờ tang vật… (sự vụ)  **- Nội dung:**  - Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể.  - Ghi chép phải trung thực, đầy đủ, không suy diễn chủ quan.  **- Hình thức:**  Thủ tục chặt chẽ, bố cục khuân mẫu,  lời văn cần ngắn gọn, chặt chẽ chính xác.  VD: Biên bản bàn giao công tác.   * Biên bản thanh lí hợp đồng.   **II. Cách viết biên bản:**  Biên bản gồm 3 phần:  **- Phần mở đầu:** Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, t/phần t/gia. (tên b/bản viết chữ in hoa)  **- Phần ND**: Ghi diễn biến và kết quả sự việc.  **- Kết thúc:** thời gian k/thúc, chữ kí và họ tên của các thành viên có trách nhiệm chính, những hiện vật và văn bản kèm theo (nếu có)  -> Lời văn cần ngắn gọn, chính xác, ghi chép trung thực, đầy đủ, số liệu chính xác.  \* ***Ghi nhớ***: SGK- HS đọc.  **III.Luyện tập**:  **1. Bài tập 1:**  - Chọn a, c, d.  **2. Bài tập 2:** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Thế nào là biên bản? Nhắc lại ND từng phần trong biên bản?

- Viết hoàn chỉnh bài tập trên.

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc bài, tập viết biên bản sự vụ? hội nghị.

- Soạn bài: Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang(đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 146.* RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG**

**(Trích: Rô-bin-xơn Cru-xô)**

**(Đ.ĐI-PHÔ)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS hình dung được cuộc sống gian khổ và t/thần lạc quan của Rô-bin-xơn khi 1 mình ngoài đảo hoang, được bộc lộ gián tiếp qua chân dung tự họa của nhân vật.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng phân tích truyện.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục tinh thần vươn lên, và rèn luyện nghị lực sống.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Tóm tắt truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Rô-bin-xơn Cru-xô là cuốn t/thuyết tự truyện của anh do nhà văn Anh s/tác. Đoạn trích này giúp chúng ta h́nh dung rơ hơn c/sống gian khổ và t/thần lạc quan của Rô-bin-xơn khi 1 mình ngoài đảo hoang. Chúng ta cùng nhau t/hiểu bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Gv hướng dẫn đọc, đọc mẫu và gọi hs đọc.  *H: Em nêu những hiểu biết khái quát về tác giả, tác phẩm?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: Đoạn trích sử dụng ngôi kể nào?*  *H: Trong phần mở đầu của văn bản Rô tự cảm nhận về mình ntn. Cảm nhận ấy chứng tỏ điều gì ?*  *H: Trang phục của Rô bao gồm những gì. Em có nhận xét gì về bộ trang phục ấy.*  *H: Trang bị của Rô có gì kì quặc, tại sao lại như vậy ?*  *H: Để có được trang phục ấy Rô đã phải làm gì?*  *H: Rô tự tả khuôn mặt minh ntn, tại sao Rô lại chú ý tả ria và da của mình.*  *- Cách m/tả diện mạo của Rô-bin-xơn với người đọc có gì đặc biệt?*  *H: Tả khuôn mặt, anh quan tâm nhất điều ǵ?*  *H: Ngụ ý của trình tự m/tả như vậy là gì?*  *H: Qua lời tự thuật của Rô em hình dung và cảm nhận về c/s và con người Rô ntn ?*  *H: Em học được những gì ở nhân vật Rô- bin- xơn.*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật?* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a. Tác giả:**  Đe-ni-ơn Đi-phô (1660- 1731).  - Là nhà văn lớn của Anh thế kỉ XVIII.  **b. Tác phẩm:**  - Tiểu thuyết Rô-bin-xơn Cru-xô - 1719 viết dưới hình thức tự truyện.  - Đ/trích: Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang trích trong TP này, khi đó Rô-bin-xơn sống trên đảo khoảng 15 năm.  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể loại:**  - Tiểu thuyết  **2. Bố cục:** Đoạn trích gồm 2 phần  +)Phần 1: Từ đầu->khẩu súng của tôi =>Trang phục, trang bị của Rô-bin –xơn.  +)Phần 2: đoạn còn lại=> Diện mạo của Rô- bin- xơn.  **3. Phân tích:**  **a. Bức chân dung của Rô-bin-xơn:**  - Rô tự cảm nhận chân dung của mình đang đi dạo trên quê hương nước Anh với 1 vẻ kì lạ quái đản và tức cười.  **b. Trang phục và trang bị của Rô bin xơn:**  - Trang phục: Được tả kĩ từ trên xuống dưới với từng bộ phận hình dáng, chất liệu công dụng do Rô tự chế bằng da dê, lôi thôi cồng kềnh nhưng rất tiện dụng  -> Bộ trang phục kì cục ngộ nghĩnh được tả bằng giọng văn kĩ càng, dí dỏm.  - Trang bị: Lỉnh kỉnh, cồng kềnh, tương xứng với chiếc thắt lưng rộng bản bằng da dê có dây buộc thay khăn.  -> Bộ trang phục, trang bị lag kết quả của lao động sáng tạo, nghị lực và vượt lên hoàn cảnh.  **c. Diện mạo của Rô-bin-xơn:**  - Da không đến nỗi đen như...  Ria mép to dài ....  - Thông thường, trong bức họa chân dung thì gương mặt chiếm vị trí quan trọng nhất và được họa sĩ quan tâm, sau đó mới đến trang phục và các thứ khác. Nhưng ở đây phần đó lại xếp sau cùng và chiếm số ḍng ít ỏi.  - Khuôn mặt: ngoài 1 câu tả thoáng qua về nước da, Rô-bin-xơn đặc tả về bộ ria mép của chàng.  - Rô-bin-xơn muốn giới thiệu với độc giả cách ăn mặc ḱ khôi và những đồ lề lỉnh kỉnh mang theo của chàng là chính. Nhưng cũng c̣n lí do: người kể ở ngôi thứ nhất nên chỉ được kể những ǵ nh́n thấy.  -> Với giọng văn dí dỏm, khôi hài Rô tự tả 2 nét thay đổi nổi bật nhất trên khuôn mặt mình.  **d.Cuộc sống sau bức chân dung:**  + Đằng sau bức chân dung người đọc cảm nhận được:  - Cuộc sống gian nan vất vả.  - Tinh thần lạc quan, trí thông minh, khéo léo và quyết tâm sống mãnh liệt.  **III.Tổng kết:**  **1.ND**:C/sống khó khăn, gian khổ, tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn khi 1 mình sống trên đảo hoang qua bức chân dung tự họa của nhân vật.  **2. Nghệ thuật:**  Kể chuyện ngôi thứ nhất, giọng kể hài hước, nghệ thuật miêu tả sinh động. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Bức chân dung và nghị lực sống của Rô- bin- xơn hiện lên như thế nào từ đoạn trích? Nhận xét về trình tự miêu tả? giải thích vì sao nhà văn lại chọn trình tự miêu tả như vậy ?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài , chuẩn bị bài: tổng kết ngữ pháp, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 147.* TỔNG KẾT NGỮ PHÁP**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống hoá kiến thức về các từ loại và cụm từ (dt, đt, tính từ)

- Giúp HS hệ thống kiến thức đã học từ lớp 6->9 về từ loại thông qua các h/tượng cụ thể theo kiểu bài tập thực hành.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tổng hợp kiến thức về từ loại.

- Nhận biết và sử dụng thành thạo các từ loại đã học.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục ý thức sử dụng và vận dụng vào bài viết khi tạo lập văn bản.

Có ý thức nói và viết chuẩn TV, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Kể tên những từ loại đã học?

- Những từ loại nào là chính? Vì sao?

- Để hiểu rõ hơn về những từ loại đã học c/ta cùng nhau ôn tập lại qua bài học h/nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS ôn tập về các từ loại chính danh từ, động từ, tính từ.**  - Gọi hs nêu kn về danh từ, động từ, tính từ  - Hướng dẫn hs làm bài tập SGK  - Y/c hs hoạt động nhóm  - Nhóm 1, 4 : ý a, b  - Nhóm 2, 3 : ý c, d, e  - Gv nhận xét cho điểm  *H: Trong số các từ in đậm, từ nào là danh từ, từ nào là động từ, từ nào là tính từ ?*  - GV hướng dẫn HS làm bài  tập 2 mục I  *a.những, các, một*  *b.hãy, đó, vừa*  *c.rất, hơi, quá*  *vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới.*  *Cho biết từ loại mỗi từ trong ba cột đó..*   * *GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 mục I*   *H:Hãy cho biết danh từ có thể đứng sau những từ nào, động từ có thể đứng sau những từ nào, tính từ có thể đứng sau những từ nào trong những từ nêu trên?*  - GV hướng dẫn HS làm bài tập 4 mục I  *Y/c hs kẻ bảng theo mẫu và điền các từ cú thể kết hợp với danh từ, động từ, tính từ vào những cột để trống*.  - GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 mụcI  *H:Trong cỏc đoạn trớch a, b, c cỏc từ in đậm vốn thuộc từ loại nào và ở đõy chỳng được dựng như từ loại nào?* | **A. Từ loại**  **I. Danh từ, động từ, tính từ**  **1. Khái niệm**  **2. Bài tập**  **Bài 1**  a. Hay – TT, đọc - ĐT, lần DT  b. Nghĩ ngợi: ĐT  c. Lăng – DT, phục dịch - ĐT, Làng – DT, Đập - ĐT.  d. Đột ngột: TT  e. Phải, sung sướng – TT  ***BT2:***Điền cụm từ thích hợp vào cột:  a) cái lăng  (c) đột ngột  (b) đọc  (b)phục dịch  (a) ông giáo  (a) lần  (a) làng  (c) phải  (b) nghĩ ngợi  (b) đập  (c) sung sướng  \*Từ đứng sau (a) được sẽ là danh từ  Từ đứng sau (b) được sẽ là động từ  Từ đứng sau (c) được sẽ là tính từ.  ***BT3:***  Danh từ có thể đứng sau *những, các, một.*  Động từ có thể đứng sau *hãy, đã, vừa*  Tính từ cụ thể đứng sau *rất, hơi, quá*  ***BT4:***  Từ kết quả đạt được ở các bài tập trước, GV hướng dẫn HS điền từ vào bảng tổng kết theo mẫu ở SGK.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Từ loại | Ý nghĩa khái quát | Khả năng kết hợp | | | phía trước | phía sau | | Danh từ  Động từ  T/ từ | chỉ người, s/vật,h/tượng  khái niệm.  Chỉ hoạt động, t/thái của sự vật.  Chỉ đ/điểm, t/chất của sự vật. Hoạt động, t/thái | Từ chỉ số (số từ) từ chỉ lượng.  p/ngữ: hãy, đừng, chớ, vừa, đã.  Phụ ngữ: đă vừa, rất,hơi | Từ chỉ định (chỉ từ)  Phụ ngữ: rồi.  p/ngữ:  lắm  quá. |   ***BT5:***  -**tròn** là tính từ, ở đây nó được dùng như động từ.  -**lí tưởng** là danh từ; được dùng như tính từ.  -**băn khoăn** là động từ; được dùng như danh từ. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- Nêu ý nghĩa ngữ pháp và khả năng kết hợp của d/từ, động từ, t/từ?

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại về d/từ, động từ, tính từ.

- Xem trước: nội dung còn lại của bài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 148.* TỔNG KẾT NGỮ PHÁP (TIẾP)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS hệ thống kiến thức đã học từ lớp 6 -> 9 về từ loại thông qua các h/tượng cụ thể theo kiểu bài tập thực hành.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng vận dụng phân tích các bài tập ngữ pháp.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục ý thức sử dụng và vận dụng vào bài viết khi tạo lập văn bản.

Có ý thức nói và viết chuẩn TV, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Khái niệm danh từ, động từ, tính từ ?Phân loại danh từ, động từ, tính từ ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Giờ học trước các em đã ôn tập về d/từ, động từ, t/từ đó là những từ loại chính. Giờ học này c/ta sẽ t/tục cùng nhau ôn tập lại về từ loại và về cụm từ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.ôn tập về các từ loại khác.**  - GV h/dẫn HS làm bài tập 1 mục II  *H:Xếp những từ in đậm trong các đoạn trích vào cột thích hợp theo bảng mẫu.*  - GV h/dẫn HS làm bài tập 2 mục II.  *H:Tìm những từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn. Cho biết các từ ấy thuộc loại từ nào?*  **HĐ2. ôn tập về cụm từ:**  - GV h/dẫn HS làm bài tập 1.  *H:Tìm phần trung tâm của các cụm danh từ in đậm.*  *H:Chỉ ra những dấu hiệu cho biết đó là cụm danh từ.*  **- GV h/dẫn HS làm bài tập 2.**  *H:Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm. Chỉ ra dấu hiệu cho biết đó là cụm động từ.*  **- GV h/dẫn HS làm bài tập 3.**  *H:Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm. Chỉ ra những yếu tố phụ đi kèm với nó.* | **II. Các từ loại khác:**  ***BT1*: Bảng tổng kết về các từ loại khác:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ loại | ý nghĩa khái quát | Công dụng | | Số từ  đại từ  Lượng từ  Chỉ từ  Q/hệ từ  Trợ từ  Tình thái từ  Thán từ | - chỉ số, thứ tự.  - dùng để trỏ, hỏi về người, sự vật, số lượng, h/động, t/chất hay sự việc.  - chỉ lượng (nhiều, ít, tập  hợp hay p/phối) sự vật.  - x/định(vị trí k/gian, t/gian) và trỏ sự vật được nói đến.  - b/thị q/hệ(sở hữu, so sánh) giữa các từ, cụm từ, câu…  - Nhấn mạnh hoặc b/thị  t/độ đ/giá sự vật, sự việc.  - b/thị mục đích (nghi vấn, cầu khiến…)  - Bộc lộ cảm xúc, t/cảm của người nói. | - đứng trước, sau d/từ.  - Làm CN, VNgữ trong câu, làm p/ngữ trong cụm từ  - đứng trước d/từ, làm p/phụ cụm từ.  - Đứng sau d/từ, làm TP phụ trong cụm DT.  - nối (L/kết) các từ, cụm từ, câu, đ/văn.  - Dùng kèm theo từ ngữ chỉ s/vật, s/việc được nói đến.  - đặt ở cuối câu, tạo câu theo m/đích nói.  - Làm TP b/lập trong câu, hoặc câuđ/biệt. |   VD:Số từ: *ba, năm*  Đại từ: *tôi, bao nhiêu, bao giờ, bấy giờ*  Lượng từ: *những, các, mọi, mỗi, muôn...*  Chỉ từ: *ấy, đâu...này nọ kia,*  Phó từ: *đã, mới, đã, đang*  Quan hệ từ: ở*, của, nhưng, như,rồi*  Trợ từ: *chỉ, cả, ngay, chỉ*  Tình thái từ: *hả*  Thán từ: *trời ơi*  ***BT2:***  - Những từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn: *à, ư, hử, hở, hả ...*  - Chúng thuộc loại *tình thái từ.*  **B. Cụm từ:**  ***BT1:***  a.ảnh hưởng, nhân cách, lối sống (lượng từ *những, một, một* đứng trước)  b.ngày (khởi nghĩa): Dấu hiệu là *những*  c.Tiếng (cười nói): có thể thêm *những* vào trước.  ***BT2:***  a.đến, chạy, ôm. Dấu hiệu là đã, sẽ, sẽ  b.lên (cải chính). Dấu hiệu là vừa.  ***BT3:***  a.Việt Nam, bình dị, Việt Nam, phương Đông, mới, hiện đại. Dấu hiệu là (rất) đứng trước.  b.êm ả. Dấu hiệu là có thể thêm (rất)->từ chỉ mức độ vào phía trước .  c.phức tạp, phong phú, sâu sắc.  ->Dấu hiệu là có thể thêm *rất* vào phía trước |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- Nhắc lại cấu tạo của cụm d/từ, động từ, t/từ?

- Tìm ở bài “ Những ngôi sao xa xôi” 5 cụm d/từ, 5 cụm đ/từ, 5 cụm t/từ?

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn lại toàn bộ ND đã ôn tập.

- Đọc trước bài: Luyện tập biên bản .

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 149.* LUYỆN TẬP VIẾT BIÊN BẢN**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS ôn lại lí thuyết về đ/điểm và cách viết biên bản.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng vận dụng viết được 1 b/bản sự vụ hoặc hội nghị thông thường.

**3. Thái độ**:

- Giáo dục cho học sinh có thói quen viết văn bản hành chính đúng.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Đặc điểm của biên bản ? Cách viết biên bản ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Tiết học trước các em đã học về biên bản. Vậy để giúp các em vận dụng các kiến thức đã học vào việc viết các b/bản thông thường, chúng ta cùng nhau thực hành qua bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS ôn tập lí thuyết biên bản:**  *H : Biên bản nhằm m/đích gì?*  *H:Nội dung và hình thức của biên bản?*  *H : Người viết b/bản cần phải có trách nhiệm và t/độ ntn?*  *H : Bố cục phổ biến của b/bản?*  *H : Lời văn và cách trình bày?*  **HĐ2.HDHS ôn tập lí thuyết biên bản:**  - HS đọc biên bản SGK  *H: ND ghi chép đã đầy đủ dữ liệu chưa?*  *H : Cách sắp xếp như vậy đã phù hợp chưa?*  *H : Cần phải khôi phục lại biên bản theo t/tự ntn?*  - HDHS làm bài tập 2  *H:Ghi lại b/bản bàn giao n/vụ trực tuần của chi đội em cho chi đội bạn? Theo em ND chủ yếu của b/bản này gồm?*  - HS viết biên bản.  - Gọi HS lên trình bày.  - Nhận xét, bổ sung | **I. Ôn tập lí thuyết:**  **- Mục đích** :ghi lại diễn biến sự việc , vụ việc, là bằng chứng cho một sự việc.  **- Nội dung:**  - Ghi lại nội dung chính của cuộc họp (hội nghị)  - Ghi lại diễn biến sự việc, hậu quả của sự việc …(sự vụ)  - Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể.  - Ghi chép phải trung thực, đầy đủ, không suy diễn chủ quan.  **- Hình thức:**  Thủ tục chặt chẽ, bố cục khuân mẫu,  - Lời văn cần ngắn gọn, chặt chẽ chính xác.  **II. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1.**  - Cần phải s/xếp lại.  - Biên bản trao đổi kinh nghiệm học tập môn Ngữ văn :  - Quốc hiệu, tiêu ngữ.  - Tên b/bản.  - Thời gian.  - Địa điểm.  - Thành phần tham dự.  - Diễn biến và k/quả hội nghị.  + Cô Lan khai mạc nêu y/cầu và ND hội nghị.  + Bạn Huệ – lớp trưởng b/cáo t/h́nh học môn Ngữ văn.  + Các bạn HS giỏi b/cáo k/nghiệm (Nga + Hà)  + Tập thể lớp bổ sung, đề ra chỉ tiêu phấn đấu.  + Cô Lan tổng kết .  -Thời gian kết thúc.  - Chủ tọa và thư kí kí tên.  **2. Bài tập 2:**  **-** Thành phần dự bàn giao.  - ND bàn giao (ND, kết quả công việc đã làm trong tuần, ND công việc tuần tới, các p/tiện c/chất, hiện trạng lúc bàn giao) |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- ND chính của từng phần trong biên bản?

- Hãy viết 1 b/bản đại hội lớp.

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn lại những nội dung đã học, xem trước bài: Hợp đồng.

- Đọc và trả lời các câu hỏi sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 150.* ÔN TẬP TIẾNG VIỆT (TIẾP TIẾT 137)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS hệ thống hóa các vấn đề đă học về:

- Liên kết câu và LK đoạn.

- Nghĩa tường minh và hàm ý.

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng sử dụng các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn sử dụng hàm ý trong viết văn trong giao tiếp.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập, rèn các kĩ năng giao tiếp tiếng Việt.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra15 phút**:

**Đề bài** : Viết đoạn văn giới thiệu truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu trong đó có sử dụng khởi ngữ và thành phần tình thái ? gạch chân 2 thành phần đó ?

**Đoạn văn:** Nguyễn Minh Châu là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học thời kì kháng chiến . Sau năm 1975 nhà văn có những chuyển biến về tư tưởng và nghệ thuật trong phong cách sáng tác góp phần đổi mới văn học nước nhà. **Về đề tài tư tưởng** “Bến quê” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu cho sự đổi mới trong sáng tác của nhà văn. **Dường như** Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến người đọc một thông điệp: cần tránh xa những vòng vèo , chùng chình trong cuộc đời để hướng tới những giá trị bình dị, gần gũi, đích thực mà bền vững của cuộc sống.

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Để củng cố kiến thức về các phép liên kết , nghĩa tường minh và hàm ý. Giờ học này chúng ta sẽ tiến hành ôn tập .

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS củng cố kiến thức về liên kết câu và liên kết đoạn văn:**  *H: Để tạo lập được văn bản mạch lạc trôi chảy chúng ta cần làm gì ?*  *H:Thế nào là liên kết về nội dung?*  *H:Thế nào là liên kết về hình thức ?*  *- Yêu cầu hs đọc và xác định yêu cầu bài tập.*  *H: Xác định được các phép liên kết.*  - Gọi hs đọc đoạn văn và chỉ ra các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn.  **HĐ3. HDHS ôn tập về nghĩa tường minh và hàm ý:**  *H: Nêu khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý ?*  - GV hướng dẫn hs làm các bài tập SGK.  *H: Tìm hàm ý câu in đậm?*  *H: Tìm hàm ýcác câu in đậm? Hàm ý được tạo bằng cách cố ý vi phạm p/châm hội thoại nào?* | **II. Liên kết câu và LK đoạn:**  **1. Lí thuyết:**  \* Liên kết về nội dung và hình thức  - Liên kết nội dung:  + Các câu trong đoạn phải phục vụ chủ đề chung của đoạn, các đoạn phải phục vụ chủ đề chung của bài văn.  + Các câu và đoạn văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  - Liên kết hình thức:  Các câu và đoạn văn thường được liện kết cho mạch lạc bởi các phép liên kết:  + Phép lặp.  + Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng.  + Phép thế.  + Phép nối.  **2.Bài tập :**  **BT1**:a. Nhưng, nhưng rồi, và -> phép nối.  b. Cô bé -> phép lặp; cô bé- nó -> phép thế.  c. Thế - bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa -> phép thế.  **Bài tập 2( 110**) trong đề kiểm tra 15 phút  **3.Bài tập 3:**  - Sử dụng kết quả viết ngắn của bài tập 2, phần 1.  Phép liên kết: câu 2 và câu 2 => phép thế nhà văn-NMC.  Câu 2 câu 3-> phép lặp tư tưởng- tư tưởng Câu 4 và câu 3 phép thế . nhà văn- NMC.  Câu 4 và câu 1 -> phép lặp: NMC- NMC.  **III. Nghĩa tường minh và hàm ý:**  **1. Lí thuyết:**  **- Nghĩa tường minh**: là phần thông báo đc diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu .  **- Hàm ý** là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấ**y.**  **- Điều kiện sử dụng hàm ý** : Người nói, người viết có ý thức đưa hàm ý vào câu nói.  - Người nghe, người đọc có năng lực giải đoán hàm ý.  **2. Luyện tập:**  **Bài tập 1:**  - Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi -> nói bằng hàm ý: địa ngục là chỗ của các ông (nhà giàu).  **Bài tập 2:**  a- Tớ thấy họ ăn mặc đẹp - đội bóng huyện chơi không hay hoặc tôi không muốn bình luận về việc này.  -> Phương châm quan hệ.  b- Tớ báo cho Chi biết rồi -> hàm ý : tớ chưa báo cho Nam và Tuấn.  -> phương châm về lượng. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*H: Nêu các phép liên kết ?Thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý ?*

*- Nêu ví dụ ?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn lại những nội dung đã học, xem trước bài: Hợp đồng.

- Đọc và trả lời các hàm câu hỏi sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 151.* BỐ CỦA XI MÔNG**

**(G. Mô - pa - xăng)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

-Học sinh hiểu đ­ợc Mô - Pa – Xăng đã miêu tả sắc nét diễn biến tâm trạng của 3 nhân vật chính trong văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng sử dụng đọc hiểu văn bản, phân tích truyện.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập, GD tình yêu thương con người, lòng bao dung.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Tóm tắt truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi ? Phân tích nhân vật Phương Định ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Trong cuộc sống con người ta luôn cần sự che chở, yêu thương và lòng bao dung của những người xung quanh. Tình yêu thương sẽ làm cho con người gần nhau hơn. Nhà văn Mô pa xăng muốn gửi tới người đọc thông điệp đó qua truyện ngắn: *“Bố của Xi mông”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Gv hướng dẫn đọc, đọc mẫu và gọi học sinh đọc.  \* Hs tóm tắt. Xi- mông con của chị Blang-sốt. Cậu chào đời mà không có bố nên ngày đầu tiên đến lớp cậu bị các bạn xúm vào trêu trọc. Cậu chống cự lại chúng nhưng vì sức yếu nên không chống được. Buồn tủi cậu tìm ra bờ sông tự vẫn . Dòng sông, bãi cỏ và chú nhãi con màu xanh lục xoa dịu nỗi niềm của Xi-mông. Cậu bé đùa một lúc rồi lại òa khóc vì nghĩ đến nỗi niềm của mình. bác Phi-líp tình cờ gặp Xi- mông an ủi cậu và đưa cậu bé về nhà. Để làm vui lòng Xi-mông bác Phi-líp đã nhận làm bố cậu bé trước sự xấu hổ đến tê tái của Blăng-sốt. Bọn trẻ vẫn trêu trọc Xi-mông vì chúng cho rằng chú Phi-líp không phải là bố của cậu bé. xi-mông đã tìm đến lò rèn tâm sự với Phi-líp. Sau đó bác phi-líp đã đến cầu hôn với Blăng-sốt và chị đã đồng ý.  *H: Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm ?*  **HĐ 2. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *H: Xác định thể loại?*  *H: Chia bố cục của văn bản?*  \* H/S đọc từ đầu →khóc hoài  *H: Khi ë bê s«ng Xi m«ng cã t©m tr¹ng ntn, v× sao em cã t©m tr¹ng ®ã?*  *H: T/g m/t t©m tr¹ng xi-m«ng qua chi tiÕt nµo?*  *H:Suy nghĩ của em tr­ước hoàn cảnh của Xi-mông?*  *H:Lời nói của Xi-Mông đ­ược thể hiện ntn?*  *H:Thái độ của nhà văn ntn?*  *H:Xi – Mông nói với bác Phi-líp thế nào?*  *H:Lời nói ấy thể hiện khát khao gì?*  *H:Nhận xét của em qua những câu đối thoại này?*  *H:Tình cảm, thái độ của nhà văn giành cho em ntn?*  *H:Em hiểu gì về cánh kể chuyện của nhà văn qua đoạn truyện này?*  *H: Xi – mông là em bé thế nào? Nhận xét về hoàn cảnh của Xi-mông?*  ->Tác giả diễn tả tâm trạng đau khổ của Xmông qua những giọt nước mắt, qua cảnh tn và hành động, cử chỉ. | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc, tóm tắt:**  **2. Chú thích:**  **a. Tác giả:**  - Mô-pa-xăng (1850-1893)  - Là nhà văn Pháp.  - Là t/g của nhiều tiểu thuyết và hơn 300 truyện ngắn. T/p của ông p/á những phương diện xã hội sâu sắc.  **b. Tác phẩm:**  Vb: “Bố của xi-mông”trích từ truyện ngắn cùng tên của Mô-pa-xăng.  **c. Từ khú**: SGK  **II.Đọc- hiểu văn bản:**  **1.Thể loại:** Truyện ngắn.  **2. Bố cục:**  + Bố cục: Từ đầu -> khóc hoài => tâm trạng của Xi mông.  - Tiếp -> ông bố => Xi mông gặp bác Phi Líp.  - Tiếp -> rất nhanh =>bác Phi líp đưa Xi mông về nhà.  - Còn lại: Ngày hôm sau ở trường.  **3. Phân tích:**  **a.Nhân vật Xi-Mông**  **\*Tâm trạng của Xi-Mông:**  - Có cảm giác uể oải thư­ờng thấy sau khi khóc.  - Em nghĩ đến nhà, rồi nghĩ đến mẹ... em lại khóc.  - Em chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa mà chỉ khóc hoài  ->Giành nhiều những câu văn miêu tả tâm trạng của Xi-Mông ->một tâm trạng đau buồn, tuyệt vọng trư­ớc hoàn cảnh thực tại của em.  \***Lời nói, hành động của Xi – Mông:**  - Chúng nó đành cháu...vì...cháu  -...Cháu...không có bố...  - Em nói giữa những tiếng nấc buồn tủi,...  →Lời nói ngắt quãng, nghẹn ngào, đau đớn →cánh miêu tả rất tinh tế về tâm lí nhân vật.  - Bác có muốn làm bố cháu không ?  - Thế nhé! Bác Phi – líp, bác là bố cháu.  →Lời đối thoại rất tự nhiên, thể hiện những khát khao và và ngây thơ của  Xi - mông, em khát khao cả những điều bình dị nhất, thật tội nghiệp, đáng  thư­ơng. |

**4.Củng cố , luyện tập:**

*H: H/S: kể tóm tắt văn bản?*

*H: Tóm tắt về hoàn cảnh của Xi – Mông? Cảm nhận của em về Xi mông và hoàn cảnh của cậu bé ?*

*H:Thái độ và tình cảm của nhà văn thể hiện ntn?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

-Học và nắm chắc nội dung của bài.

- G/V: Nêu yêu cầu về nhà cho H/S để học tiết 2

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 152.* BỐ CỦA XI MÔNG (TIẾP)**

**(G. Mô - pa - xăng)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu đ­ược Mô - Pa – Xăng đã miêu tả sắc nét diễn biến tâm trạng của 3 nhân vật chính trong văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng sử dụng đọc hiểu văn bản, phân tích truyện.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập, GD tình yêu thương con người, lòng bao dung.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Tóm tắt truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi ? Phân tích nhân vật Phương Định ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Ở tiết này các em sẽ học tiếp về 2 nhân vật BLăng- sốt để thấy đư­ợc khả năng phân tích tâm lí tinh tế của Mô-Pa-Xăng và giá trị nhân văn của tác phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS đọc hiểu văn bản (tiếp)**  - G/V: Giới thiệu hoàn cảnh gia đình của chị, chị là ng­ời phụ nữ đức hạnh, đẹp nhất vùng; một thời lầm lỡ bị lừa dối khiến cho Xi – mông trở thành đứa con không bố.  *H: Tìm những lời văn kể, tả về nhân vật B-lăng –Sốt, về ngôi nhà chị đang sống?*  *H: Thái độ của chị khi gặp người dàn ông lạ?.*  *H: Nhà văn thể hiện gián tiếp thái độ như thế nào về chị qua lời văn miêu*  *tả?*  *H: Tâm trạng của chị đư­ợc t/g miêu tả ntn?*  *H: Nhận xét về cách miêu tả tâm trạng của t/g?*  (Dùng nhiều từ gợi tả sắc nét, khả năng phân tích tâm lí tinh tế)  *H: Nhận xét của em về nhân vật ?*  *H: H/ả bác phi líp hiện lên như thế nào?*  *H:Nêu lên diễn biến tâm trạng, hành động của bác Phi-líp?*  *- Khi gặp Xi-mông.*  *- Trên đường đưa Xi-mông về nhà.*  *- Khi gặp chị Blăng-sốt*  *- Lúc đối đáp với Xi-mông.*  *H:Nêu suy nghĩ của em về nhân vật ?*  **HĐ 3. HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật đoạn trích ?*  - Gọi hs đọc ghi nhớ SGK. | **II. Đọc - hiểu văn bản (tiếp)**  **b. Nhân vật Blăng-sốt:**  - Một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng hết sức sạch sẽ.  - Một cuộc sống nghèo nh­ưng gọn gàng ngăn nắp.  - Thái độ, cử chỉ của chị với khách rất dè dặt nghiêm túc, tự trọng.  **\*Tâm trạng của Blăng-sốt:**  - Xấu hổ, đau đớn trước câu nói của con.  - Đôi má đỏ bừng và tê tái đến tận  xư­ơng tuỷ.  - Hổ thẹn lặng ngắt và quằn quại dựa vào tư­ờng.  - Cách miêu tả thể hiện thái độ tôn trọng cảm thông và chia sẻ của nhà văn dành cho nhân vật.  - Lời văn toát lên ý nghĩa tư­ tư­ởng nhân văn cao cả.  **=>** Chị là ng phụ nữ nhân hậu giàu lòng thương con và rất tự trọng và cũng là người bất hạnh,thiệt thòi.  **c.Nhân vật Phi – Líp:**  **\* Hình dáng:**  - Là một *bác thợ cao lớn, râu tóc đen, quăn,* *bàn tay chắc nịch, vẻ mặt nhân hậu.*  **\* Hành động, tâm trạng:**  - Gặp Xi-mông: thương em, đưa về nhà.  -Trên đường: nghĩ bụng có thể đùa cợt với chị Blăng-sốt và *“tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân ...lỡ lầm lần nữa”*  - Khi gặp Blăng-sốt: hiểu rằng không thể bỡn cợt, hiểu ra chị là người tốt.  - Khi đối đáp với Xi- mông: thương  Xi -mông , cảm mến Blăng-sốt.  Nhận làm bố của Xi - mông nửa như đùa, nửa như thật.  => §ã lµ mét ng nh©n hËu, tèt bông, giàu tình yêu thương, c¶m th«ng víi h/c cña ng kh¸c .  **III. Tổng kết:**  **1.Nội dung**:  - Nhà văn đã thể hiện sắc nét diễn biến tâm trạng, phẩm chất của ba nhân vật  - Nhắc nhở chúng ta về thái độ sống phải giàu lòng thư­ơng bè bạn yêu con ngư­ời thông cảm, chia sẻ với những nội đau, sự lầm lỡ của người khác.  **2. Nghệ thuật:**  - Miêu tả tâm lí các nhân vật cụ thể chi tiết và tinh tế.  **\* Ghi nhớ: SGK T144** |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*H: Nêu cảm nhận của em về từng nhân vật? Suy nghĩ về cách kể chuyện và thái độ của nhà văn dành cho nhân vật ? Truyện bồi dưỡng trong em tình cảm gì ?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Học và nắm chắc nội dung của bài

- G/V nêu yêu cầu về nhà

- Hệ thống toàn bộ phần truyện kí đã học

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 153.* ÔN TẬP VỀ TRUYỆN**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức về những tác phẩm truyện hiện đại VN đã học ở

lớp 9. Củng cố về thể loại truyện: Trần thuật xây dựng NV,cốt truyện, tình huống truyện.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức.

**3. Thái độ**:

- Gd thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi ôn tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Tóm tắt truyện Bố của Xi-mông ?Suy nghĩ của em về ba nhân vật ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Chúng ta đã học các tác phẩm văn xuôi giai đoạn sau năm 1945. Vậy nét nổi bật trong các tác phẩm văn xuôi giai đoạn này là gì? Những giá trị nội dung, chủ đề tình huống có ý nghĩa gì .Chúng ta cùng nhau ôn tập.

**HĐ 1. HDHS lập bảng thống kê về tác giả tác phẩm, năm sáng tác, nội dung.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | | Tên TP | Tác giả | STnăm | Tóm tắt nội dung |
| 1 | | Làng | Kim Lân | 1948 | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư­ khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng, yêu quê sâu sắc, thống nhất với lòng yêu n­ước và tinh thần kháng chiến của ng­ười nông dân. |
| 2 | | Lặng lẽ SaPa | Nguyễn Thành Long | 1970 | Cuộc gặp giữa tình cờ của ông hoạ sỹ, cô kỹ s­ư trẻ với ng­ười thanh niên làm việc một mình tại trạm khí t­ợng trên núi cao Sapa. Qua đó ca ngợi những ng­ười lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đât n­ước. |
| 3 | Bến quê | | Nguyễn Minh Châu | 1985 | Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên gi­ờng bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi ng­ời sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống quê hư­ơng. |
| 4 | Những ngôi sao xa xôi | | Lê Minh Khuê | 1971 | Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng , mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn . Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ VN trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 2. HDHS ôn tập theo câu hỏi SGK:**  *H: Các tác phẩm sau năm 1945 đã phản ánh gì về đất nước , con người Việt Nam ở giai đoạn đó ?*  +  *H: H/ả những con người VN yêu nước trong hai cuộc kháng chiến được miêu tả qua những nhân vật nào? Ấn tư­ợng sâu sắc của em về những nhân vật đó? nêu cảm nghĩ của em về một NV.*  *H: Nêu nhận xét của em về từng nhân*  *vật ?*  *H: Trong các nhân vật đã học trong các truyện ở lớp 9 em có ấn tượng sâu sắc về nhân vật nào? Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật ?*  *H: Các tác phẩm trần thuật theo ngôi*  *kể nào? Những truyện nào có nhân vật kể chuyện trực tiếp xuất hiện ? Cách trần thuật này có ưu thế như thế nào?*  *H: Ở những truyện nào tác giả xây dựng được tình huống truyện đặc sắc ?*  - Yêu cầu học sinh nêu các tình huống truyện đặc sắc mà mình nhớ nhất. | **Câu 2: Nhận xét về hình ảnh đát**  **nư­ớc, con ng­ời việt nam đư­ợc phản ánh trong truyện:**  - Các tác phẩm trên đã phản ánh đư­ợc một phần những nét tiêu biểu của đời sống xã hội và con ngư­ời Việt Nam, với tư­ tư­ởng tình cảm cao đẹp của họ trong thời kỳ lịch sử có nhiều biến cố lớn lao chủ yếu là 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.  - Những nhân vật: Ông Hai, anh thanh niên, bé Thu, ông Sáu, ba cô gái thanh niên xung phong trong các truyện đã thể hiện rõ những phẩm chất cao đẹp, cống hiến cho quê hư­ơng đất nư­ớc.  **3.Ấn tư­ợng sâu sắc của em về những nhân vật nào? nêu cảm nghĩ của em về một NV.**  - Hình ảnh những con người VN thuộc nhiều thế hệ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp-Mĩ đã được thể hiện sinh động qua một số nhân vật: Ông Hai- Làng(Kim Lân); người thanh niên- Lặng lẽ Sa Pa(Nguyễn Thành Long) ; ông Sáu và bé Thu  - Chiếc lược ngà( Nguyễn Quang Sáng) ; ba cô gái thanh niên xung phong- Những ngôi sao xa xôi(Lê Minh Khuê).  - Ở họ nổi bật những nét tính cách và phẩm chất như sau:  + Ông Hai tình yêu làng của ông thật đặc biệt, tình yêu đó được đặt trong tình yêu nước và tinh thần kháng chiến.  + Người thanh niên: yêu thích và hiểu ý nghĩa công việc thầm lặng , một mình trên đỉnh núi cao, có những suy nghĩ và tình cảm tốt đẹp trong sáng về công việc cũng như trong cách ứng với mọi người.  + Bé Thu: Tính cách cứng cỏi, tình cảm nồng nàn thắm thiết đối với cha.  + Ông Sáu: Tình cha con sâu nặng tha thiết trong hoàn cảnh éo le và xa cách của chiến tranh.  + Ba cô gái thanh niên xung phong: Tinh thần dũng cảm, không sợ nguy hiểm, sẵn sàng hi sinh khi làm nhiệm vụ hết sức nguy hiểm ; tình cảm trong sáng ,hồn nhiên, lạc quan trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt.  **4. Nêu cảm nghĩ về một nhân vật:**  **5.Về ph­ương thức trần thuật:**  - Các tác phẩm sử dụng cách trần thuật ở ngôi thứ nhất (nhân vật tôi).  - Một số văn bản trần thuật theo cái nhìn, giọng điệu của nhân vật chính.  -Ví dụ: N/V kể chuyện xư­ng tôi:  “Chiếc lư­ợc ngà”, “Những ngôi sao xa xôi”  - Ví dụ: kể theo ngôi thứ ba :“Làng” “Lặng lẽ Sa Pa”, “Bến quê”  - Ở mỗi kiểu đều có tác dụng nhất định trong việc biểu đạt nội dung. Với truyện kể theo ngôi thứ nhất có ưu điểm giúp người kể đi sâu vào tâm tư tình cảm nhân vật, miêu tả được diễn biến tâm lí tinh vi , phức tạp trong tâm hồn nhân vật « tôi »  **6.Về tình huống truyện**:  - Các truyện hầu như đều chọn những tình huống đặc sắc hấp dẫn để nhân vật bộc lộ tình cảm cảm xúc của mình Người đọc dễ dàng nhận ra tính cách của mỗi nhân vật.  **VD1** : Truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng  - Tình cha cha con sâu nặng của ông Sáu đã đc bộc lộ qua 2 tình huống  + Sau 8 năm đi xa ông Sáu về nhà nhưng bé Thu lại không nhận cha. Đến luc bé Thu nhận cha và biểu lộ tình cảm mãnh liệt thì ông Sáu phải ra đi => tình huống này tập trung bộc lộ tình vào cảm của bé Thu dành cho cha.  + Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn hết tình yêu thương , nỗi mong nhớ vào việc làm một chiếc lược ngà cho con . Nhưng chiếc lược chưa kịp trao đến tay con thì ông Sáu hi sinh => tình huống này biểu lộ sâu sắc tình cảm người cha dành cho con.  **VD2**: Truyện « Làng »- Kim Lân  - Truyện ngắn « Làng » đã xây dựng tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai. Đó là tình huống hiểu làm rỗi vỡ lẽ. Tình huống ấy là ở nơi tản cư ông Hai nghe đc cái tin làng chợ Dầu của ông theo Tây từ miệng người đàn bà đi tản cư từ dưới xuôi lên => Đây là tình huống gay cấn nhằm thử thách tình cảm nhân vật .Để rồi, qua tình huống này, hình ảnh một lão nông yêu làng , một lòng một dạ theo kháng chiến hiện ra sắc nét. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*H: Đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện hiện đại sau cách mạng tháng 8/1945. Nêu một vài tình huống truyện mà em nhớ nhất ?*

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Chú ý luyện viết văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

- Đọc và tóm tắt, nhớ tình huống truyện nội dung và nghệ thuật.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 154.* TỔNG KẾT NGỮ PHÁP**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố kiến thức về cấu tạo câu và câu phân loại theo mục đích nói.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức.

**3. Thái độ**:

- Gd thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : nêu khái niệm danh từ động từ, tính từ, ý nghĩa khái quát và khả năng kết hợp của các từ loại trên.*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Các em dã được hệ thống hóa kiến thức về từ loại TV . Giờ học này chúng ta sẽ ôn tập kiến thức về câu trong TV.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS ôn tập về thành phần câu.**  *H: Thế nào là chủ ngữ dấu hiệu nhận biết.*  *H: Đặt câu có thành phần chính?*  (Nêu rõ nội dung gì ? )  *H: Nêu hiểu biết của các em về các thành phần phụ đã học (trạng ngữ, khởi ngữ ?)*  *H: Cho ví dụ về trạng ngữ ?*  *H: Đặc đểm và công dụng của khởi ngữ ? Cho ví dụ về khởi ngữ ?*  *H: H/S đọc 3 VD a, b, c SGK? Phân tích các thành phần của câu?*  *H: Thành phần CN, VN, Trạng ngữ, khởi ngữ ?*  *H:Tập đặt câu văn, đoạn văn s/d đúng các thành phần của câu?*  *H: Kể tên và nêu dấu hiệu nhận biết các thành phàn biệt lập cảu câu?*  *H:Các thành phần biệt lập đó dùng để làm gì?*  *H: Cho VD cụ thể ?*  - H/S đọc BT2 trang 145  *H: Chỉ rõ các thành phần biệt lập trong phần a b c d e ?*  *H: Tác dụng của nó ntn?*  **HĐ 2. HDHS ôn tập về các kiểu câu:**  *H: Thế nào là câu đơn?Thế nào là câu đặc biệt ?*  - H/s đọc BT+2 trang 146,147.  *H : Tìm CN, VN trong các câu đơn ?*  *H: Khái niệm câu đặc biệt ?*  *H: Xác định các câu đặc biệt ?*  *H: Khái niệm về câu ghép?*  *H:H/s đọc BT1 mục II trang 147*  *H: Tìm câu ghép?*  *- chỉ rõ các kiểu q/h về nghĩa giữa các vế trong những câu ghép?*  - G/V: H­ướng dẫn HS làm BT4 trang 149.  *H: Nêu khái niệm câu rút gọn*  *H:Học sinh đọc BT1(trang 149)*  *H:Tìm câu rút gọn?*  *H:Rút gọn ntn?*  *H:H/s đọc BT2 tìm bộ phận của câu đứng tr­ước đ­ược tách ra?*  *H:Tác dụng ntn?có thể phục hồi thành câu hoàn chỉnh không?*  - Tìm câu rút gọn vốn là bộ phận của câu đứng trước đc tách ra.  - Tác dụng?  - H/s đọc BT3  - G/V: hư­ớng dẫn HS cách biến đổi.  *+ Chuyển từ hoặc (cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm các từ* ***bị*** *hay* ***được*** *vào sau (cụm từ) ấy.*  *+ Chuyển từ hoặc (cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phận không bắt buộc trong câu.*  **- Không phải câu nào có từ bị hay đc cũng là câu bị động.**    *H: Nhắc tên các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp khác nhau ?*  *-H/s: đọc BT1, tìm các câu nghi vấn?*  *- H/S: Cách dùng các câu nghi vấn đó có để hỏi không ?*  *- H/S đọc Bt2? Tìm câu cầu khiến dùng để làm gì?*  (Chú ý: Mục đích của các câu cầu khiến có khác nhau)  - G/V hư­ớng dẫn H/S làm BT3  - H/S đọc BT3  - G/V hư­ớng dẫn H/S | **C.thành phần câu:**  **I.Thành phần chính và thành phần phụ:**  **1.Kể tên, nêu dấu hiệu nhận biết**  **\*Thành phần chính:** CN; VN  - CN: Thư­ờng trả lời cho các câu hỏi Ai? Con gì ? Cái gì ?  - VN: Trả lời cho các câu hỏi: Làm gì? làm sao? Nh­ thế nào? là gì ?  **\*Thành phần phụ:**  -Trạng ngữ: Nêu lên hoàn cảnh về không gian, thời gian, cách thức,  phư­ơng tiện, nguyên nhân, mục đích...  - Khởi ngữ: Th­ường đứng tr­ớc CNnêu lên đề tài của câu nói ?  **2.Phân tích thành phần của các câu sau:**  - Đôi càng tơi mẫm bóng.  CN VN  (Tô Hoài)  - Sau một hồi trống thức vang dội cả lòng  TR.N  tôi, mấy ng­ời học trò cũ đến sắp hàng  CN VN  d­ới hiên rồi đi vào lớp.  (Thanh Tình)  - Còn tấm gư­ơng bằng thuỷ tinh tráng bạc,  K.N  nó / vẫn là ng­ời bạn trung thực, chân  CN  thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng  VN  không bao giờ biết nịnh hót hay hay độc ác.  **II.Thành phần biệt lập.**  **1.Kể tên và nêu dấu hiệu nhận biết:**  -Thành phần tình thái.  -Thành phần cảm thán  -Thành phần gọi - đáp  -Thành phần phụ chú  →Dấu hiệu nhận biết: chúng không trực tiếp tham gia vào diễn đạt nghĩa của sự việc nói trong câu.  2.**Tìm thành phần biệt lập:**  a)Có lẽ: Tình thái  b)Ngẫm ra: Tình thái  c)Dừa xiêm thấp lè tè quả tròn...dừa nếp....dừa lá đỏ.....(Thành phần phụ chú)  d)Bẩm: gọi – đáp  Có khi: Tình thái  e)Ơi: Gọi - đáp.  **D.Các kiểu câu**  **I.Câu đơn**  - Khái niệm : Câu có cấu tạo là một cụm c-v  **Bài tập1** :  *a. Nhưng* nghệ sĩ/ không những ghi lại  CN VN  những cái đã có rồi *mà còn* muốn nói  VN  một điều gì mới mẻ.  b. Không, lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn-xtôi cho nhân loại / phức tạp  CN VN  hơn,cũng phong phú và sâu sắc hơn.  VN  c. Nghệ thuật/ là tiếng nói của tình cảm  C V  d. Tác phẩm /vừa là kết tinh của tâm  C V  hồn người sáng tác, vừa là sợi dây  V  truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng.  e. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh  T C  - và cũng là đứa con duy nhất của anh,  Phần phụ chú  chưa đầy một tuổi . Anh/ thứ sáu và  V C V  cũng tên sáu.  V  **Bài tập 2 : Các câu đặc biệt**  a)- Có tiếng nói léo xéo ở gian trên.  - Tiếng mụ chủ.  b)- Một anh thanh niên hai m­ơi tuổi!  c)- Hoa trong công viên.  - Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố.  - Tiếng rao của bà bán xôi sáng có cái mủng đội trên đầu.  **II. Câu ghép**  **1. Khái niệm :**  **2.Bài tập**  **Bài tập 1, 2**  - Tìm câu ghép trong bài tập 1  - Chỉ rõ quan hệ về nghĩa giữa các vế trong những câu ghép BT2  a,c: qh bổ sung  b,d: qh nguyên nhân  e: qh mục đích  **Bài tập 3**   1. qh tư­ơng phản   b) qh bổ sung  c)qh điều kiện, giả thiết.  **Bài tập 4:**  - Từ các cặp câu đơn, tạo ra các câu ghép chỉ các kiểu quan hệ nguyên nhân, điều kiện , tương phản, nhượng bộ bằng các quan hệ tờ thích hợp.  \*Tạo câu ghép chỉ kiểu quan hệ nguyên nhân điều kiện:  - Vì quả bom tung lên và nổ trên không  Nên hầm của Nho bị sập => **quan hệ ng nhân**  - Nếu quả bom tung lên và nổ trên không thì hầm của Nho bị sập =>**qh điều kiện**  \* Tạo câu ghép chỉ quan hệ tương phản, nhượng bộ:  - Quả bom nỏ khá gần, nhưng hầm của Nho không bị sập =>**Qh tương phản**  - Hầm của Nho không bị sập, tuy quả bom nổ khá gần => **qh nhượng bộ**  **III.Biến đổi câu:**  **1. Khái niệm câu rút gọn:**  **2.BTập**  **Bài tập 1**: Câu rút gọn  + Quen rồi  + Ngày nào ít: ba lần  **BT2:**  a)Và làm việc có khi suốt đêm  b)Thư­ờng xuyên  c)Một dấu hiệu chẳng lành  ->Tách ra nh­ư vậy để nhấn mạnh nội dung của bộ phận đc tách ra.  **BT3**: Biến đổi  - Giáo viên chú ý hư­ớng dẫn h/s bằng cách đảo các thành phần và cụm từ trong câu.  - Đồ gốm đc người thợ thủ công làm ra khá sớm.  - Một cây cầu lớn sẽ đc tỉnh ta bắc qua tại khúc sông này.  - Những ngôi đền ấy đã đc người ta dựng lên từ hàng trăm năm trước.  **IV.Các kiểu câu ứng dụng với những mục đích giao tiếp khác nhau:**  Các câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật.  **Bài tập1:**  +Ba con, sao con không nhận?  +Sao con biết là không phải?  (Dùng để hỏi)  **Bài tập 2:**  a) Ở nhà trông em nhá!  - Đừng có đi đâu đấy.  ->Dùng để ra lệnh.  b)Thì má cứ kêu đi  ->Dùng để yêu cầu  c)Vô ăn cơm!  - >Dùng để mời.  **Bài tập 3:**  - “ Sao mày cứng đầu quá vậy hả”->Đó là câu có hình thức là câu nghi vấn nhưng dùng để bộc lộ cảm xúc. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- GV khái quát toàn bộ nội dung giờ học.

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- Về nhà học bài,hoàn thiện toàn bộ bài dạy.

- Xem trước nội dung của bài đề chuẩn bị làm bài kiểm tra.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 155.* HỢP ĐỒNG**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu đc mục đích, yêu cầu, t/d của hợp đồng.

2. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng viết một hợp đồng đơn giản.

**3. Thái độ**:

- Gd thái độ học tập nghiêm túc.

- Có ý thức đảm bảo tính chặt chẽ khoa học khi lập hợp đồng.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêu đặc điểm của biên bản ? Cách viết biên bản ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

- Trong cuộc sống ,khi chúng ta giao kèo kí kết về một điều khoản về việc làm hay mua bán thì có một loại biên bản gọi là hợp đồng. Vậy hợp đồng là gì? Cách viết hợp đồng như thế nào ta cùng tìm hiểu bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đặc điểm của hợp đồng:**  - Cho HS đọc thầm Hợp đồng mua bán SGK.  *H:Tại sao cần phải có hợp đồng?*  *H:Hợp đồng ghi lại những nội dung gì?*  *H:Những yêu cầu về nội dung và hình thức của một bản hợp đồng?*  *H:Kể tên và nêu mục đích, nội dung cơ bản của một số HĐ thông dụng.*  **HĐ2. HDHS tìm hiểu cách viết hợp đồng:**  *H:Bản HĐ gồm những mục nào?*  *H: Chúng được sắp xếp ra sao?*  *H:Cách thức trình bày từng nội dung ntn?*  *H:Cách dùng từ ngữ và viết câu trong hợp đồng có gì đặc biệt?*  *-Y/c hs đọc ghi nh*ớ sgk  **HĐ3. HDHS luyện tập viết hợp đồng**  *- Y/c hs lựa chọn tình huống cần viết HĐ.*  *- Y/c hs ghi lại phần mở đầu, phần nội dung, kết thúc, dự kiến các điều cần cụ thể hoá bản hợp đồng thuê nhà.* | **I. Đặc điểm của hợp đồng:**    - Hợp đồng là loại văn bản có tính chất pháp lí ghi lại nội dung thoả thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của hai bên tham gia giao dịch nhằm đảm bảo thực hiện đúng thoả thuận đã cam kết.  + Nội dung: Ghi lại những điều khoản mà hai bên tham gia hợp đồng thoả thuận.  + Hình thức:Hợp đồng gồm 3phần: Phần mở đầu; Phần nd; phần kết thúc.  + Các hợp đồng thông dụng( hợp đồng mua bán, hợp đồng lao động, hợp đồng thuê nhà...)  **II. Cách làm hợp đồng:**  **1.Các mục trong hợp đồng:**  - Hợp đồng gồm 3 phần:  **a.Phần mở đầu:** Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng.  **b.Phần nội dung**: Ghi lại nội dung của hợp đồng theo từng điều khoản đã được thống nhất.  **c.Phần kết thúc:** Chức vụ, chữ kí, họ tên của đại diện các bên tham gia kí kết hợp đồng và xác nhận bằng dấu của cơ quan hai bên (nếu có).  2.lời văn của hợp đồng phải chính xác,chặt chẽ.  ***\* Ghi nh*ớ sgk (138)**  **III. Luyện tập:**    1.Những tình huống cần viết hợp đồng:  b, c, e.  2.Hướng dẫn HS làm ở nhà và chuẩn bị trước cho giờ luyện tập tiếp theo |

**4. Củng cố luyện tập**:

*H: Mục đích của việc viết hợp đồng? Bố cục của hợp đồng? Cách viết từng phần của hợp đồng?*

***Nội dung nào sau đây không phù hợp với bản hđ?***

A. Có các bên tham gia kí kết

B. Có những điều khoản cụ thể thống nhất

C. Có những kiến nghị, đề nghị cơ quan có trách nhiệm giải quyết.

5**. Hướng dẫn học ở nhà**:

Làm bài tập 2, chuẩn bị luyện tập viết hđ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 156.* CON CHÓ BẤC**

**Trích:** **“Tiếng gọi nơi hoang dã”**

**(Giắc Lân - đơn)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu đư­ợc Lân - đơn đã có những nhận xét tinh tế kết hợp với trí t­ưởng tư­ợng tuyệt vời khi viết về con chó trong đoạn trích.

**2**. **Kĩ năng**:

-Rèn kỳ năng phân tích văn học nư­ớc ngoài.

**3. Thái độ**:

- Bồi d­ưỡng lòng thư­ơng yêu thế giới loài vật.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, đọc và trả lời các câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình tổ động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Tóm tắt truyện « Bố của Xi-mông » Phân tích nhân vật Bác Phi-líp ?*

**3.Bài mới:** GV giới thiệu bài.

Trong cuộc sống của con người , loài vật quanh ta cũng góp một phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú. Loài vật cũng giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong công việc cũng như trong đời sống tinh thần. Giờ học này chúng ta cùng tìm hiểu một đoạn trích của cuốn tiểu thuyết *“Tiếng gọi nơi hoang dã”* để hiểu thêm về thế giới loài vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Gv hướng dẫn đọc – đọc mẫu - Gọi hs đọc vvà tóm tắt.  *H: Giới thiệu một vài nét chính về tác giả và hoàn cảnh xuất xứ của tác*  *phẩm ?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: VB trên được viết theo thể loại nào?*  *H: Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Nội dung của từng phần?*  *H: Thoóc tơn có phải là ông chủ đầu tiên của Bấc không*  *H: Thoóc tơn có thái độ hành động ntn. với Bấc ,những chi tiết nào đã chứng minh điều đó?*  *+ Cách chăm sóc*  *+ T/c khác với những ông chủ khác.*  *H: Vì sao nhà văn lại dành 1 đoạn nói về t/c của Thoóc tơn với Bấc cách kể chuyện có gì đặc biệt.*  *H: Trong đoạn đầu tg so sánh những ngày đầu Bấc sống với nhà thẩm phán Mi lơ với những ngày sống với Thoóc tơn để làm gì ?*  *H:Tìm những chi tiết thể hiện t/c của Bấc đối với TT.*  *H:Những hành động ấy thể hiện tình cảm gì của Bấc đối với Thooc-tơn? .*  *H: Nhận xét về cách kể chuyện của tác giả.*  *H: Qua truyện, em nhận được những gì về t/c của tg đ/v t/g loài vật.*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**  *H: Em cảm nhận đc gì về nd và nt sau khi học vb?*  - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk. | **I. Đọc và tìm hiểu chú thich:**  **1.Đọc , tóm tắt:**  **a.Tác giả:** Giắc Lân – đơn(1876-1916)  Là nhà văn Mĩ, tên thật: Giôn - Gri - phít Lân - đơn, ông là t/g của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng.  **2.Tác phẩm:** Trích từ tiểu thuyết “Tiếng gọi nơi hoang dã” (1903)  **c. Từ khó**: SGK  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể loại:** Tiểu thuyết  **2. Bố cục:**  - Bố cục: gồm 3 phần  **P1:**Khỏi quỏt về Bấc và tỡnh cảm của nú.  **P2:**Tiếp theo->biết nói ấy.  T/c của Thoóc Tơn với Bấc  **P3*:*** Phần còn lại. T/c của Bấc đối với chủ.  - Phần 3 dài hơn, đây là dụng ý NT của tg, chủ yếu muốn nói đến con chó Bấc và mọi biểu hiện t/c của nó.  **3. Phõn tớch:**  **a.Tỡnh cảm của Thoóc-Tơn đối với con cho Bấc.**  - Chăm sóc Bấc như thể con cái của anh (coi Bấc như bạn bè)  - Những biểu hiện tình cảm  + Chào hỏi: Thâm mật, nói lời vui vẻ, trò chuyện tầm phào, túm chặt lấy đầu bấc.  + Tiếng xủa rủ rỉ bên tai chứ không phải tiếng quát tức giận.  + Coi Bấc như bạn mình “trời ơi đằng ấy ... như biết nói ấy”  -> Thoóc- tơn là 1 ông chủ lí tưởng khỏc với những ụng chủ trước trong cuộc sống của Bấc.  **b. T/c của Bấc đối với Thoóc tơn.**  - Để làm nổi bật t/c của Bấc với TT, tg đã so sánh: Những ngày Bấc sống ở nhà thẩm phán Mi – lơ  Những biểu hiện t/c với chủ của Bấc khi ở nhà so với Ních và Xơ - kít.  \* Những biểu hiện t/c của Bấc với TT  - Há miệng cắn .. vuốt ve  - Nằm phục ... nét mặt ... phục tùng tôn thờ, ngưỡng mộ.  - Không muốn rời ... chân anh, gắn bó.  - Sợ TT cũng biến khỏi ... sâu nặng biết ơn, chân thành.  => Tỡnh cảm biết ơn chõn thành, cảm phục và ngưỡng mộ.  -> T/g đi sâu vào miêu tả tâm lí nhân vật (loài vật) bằng năng lực tg tg tuyệt vời của mình.  - Tác giả thể hiện tình yêu thương,gần gũi thế giới loài vật.  **III. Tổng kết:**  **\* Ghi nhớ** : SGK T154 |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- Tóm tắt đoạn trích

- Phân tích mục 1,2 của bài

- Ý nghĩa nhân văn của tác phẩm

**5.Hư­ớng dẫn học bài ở nhà :**

- Học bài theo yêu cầu bài học, luyện tập

- Nghệ thuật đặc sắc trong viết truyện của tác giả

+Ôn tập tổng kết văn học n­ước ngoài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 157.* KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp hs: Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập phân môn TV của hs trong

học kỳ II.

**2**. **Kĩ năng**:

- Làm bài kiểm tra độc lập, kĩ năng trình bày bài kiểm tra.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức nghiêm túc trong giờ kiểm tra.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài, ra đề .

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, ôn tập tốt cho giờ kiểm tra.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

Kiểm tra việc chuẩn bị của hs.

**3.Bài mới:** phát đề

\****Khung ma trận đề kiểm tra TV:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tên CĐ | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | Cao |
| chủ đề1:  Từ loại ,cụm từ. | Xác định đc cụm danh từ . |  |  |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:1  Tỷ lệ : | Sè c©u : 1  Sè ®iÓm : 0.5  TØ lÖ: 5% |  |  |  | Số câu : 1  Sốđiểm:  0.5  Tỉ lệ :5% |
| **C**hủ đề 2:  Thành phần phụ của câu, câu ghép | Xác định đc trạng ngữ, khởi ngữ trong câu, và kiểu quan hệ các vế câu.xác định câu ghép |  | Chuyển câu không có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ. |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ | Số câu: 4  Sốđiểm:3  Tỉ lệ: 30% |  | Số câu: 1  Sốđiểm:1,5  Tỉ lệ:15% |  | Số câu: 5  Sốđiểm:  4.5  Tỉ lệ:45% |
| **Chủ đề 3:**  Thành phần biệt lập, liên kết câu. |  | Xác định các phép liên kết câu |  | Viết đc 1 đoạn văn có sử dụng  Các kiểu câu phân loại, thành phần khởi ngữ , tp biệt lập. |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỷ lệ : |  | Số câu: 1  Số điểm:2  Tỷ lệ :20% |  | Số câu:1  Số điểm:3  Tỉ lệ: 30% | Số câu:2  Số điểm:5  Tỉ lệ:50% |
| Tổng số câu:  Tổng số điểm:  Tỷ lệ : | Số câu: 5  Sốđiểm:3,5  Tỉ lệ: 35% | Số câu: 1  Số điểm:2  Tỷ lệ :20% | Số câu: 1  Sốđiểm:1,5  Tỉ lệ:15% | Số câu:1  Số điểm:3  Tỉ lệ: 30% | Tổng số câu: 8  Tổng số điểm : 10  Tỷ lệ:  100 % |

***Đề bài :***

***I. Trắc nghiệm (2đ)***

***Trả lời câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng***

***Câu 1 :*** *Câu “Tôi mặc chiếc áo bằng tấm da dê, vạt áo dài tới khoảng lưng chừng hai bắp đùi và 1 cái quần đến đầu gối cũng bằng da dê.” có bao nhiêu cụm danh từ.*

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

***Câu2*** : *Trong các câu sau, câu nào có trạng ngữ ? Hãy gạch chân phần trạng ngữ trong câu đó.*

A. Ngày hôm sau, khi đến trường một tiếng cười ác ý đón em.

B. Trời ấm áp vô cùng, dễ chịu vô cùng.

C. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần.

D. Tôi rẩt thích bóng đá.

***Câu 3 :*** ***Quan hệ giữa các vế trong câu sau là quan hệ gì ?***

“Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng”

A. Quan hệ điều kịên

B. Quan hệ tương phản

C. Quan hệ nguyên nhân

D. Quan hệ tăng tiến

***Câu 4***.Câu văn: *“ Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to”.* thuộc kiểu

câu gì ?

A. Câu đơn B. Câu ghép

C. Câu đặc biệtD. Câu rút gọn

***II. Tự luận (8điểm) :***

***Câu 5***.( 2 điểm ) *Xác định* *phép liên kết trong đoạn văn sau và chỉ ra những từ ngữ có tác dụng liên kết.*

(1) Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. (2) Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. (3)Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu.(4) Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiến hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề.(5) Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.

***Câu 6***: (1,5 điểm)

Tìm khởi ngữ trong các câu văn sau đây:

a. Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai qủa bom dưới lòng đường . Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ.

b. Quan, người ta sợ cái uy của quyền thế. Nghị lại, người ta sợ cái uy của đồng tiền.

c. Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

**Câu 7**. (1,5 điểm) Từ câu sau tạo thành 3 câu có chứa khởi ngữ

*“ Tôi rất thích học Toán”*

***Câu 8.*** *(3 điểm)Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu truyện ngắn “ Bến quê” của Nguyễn Minh Châu, trong đó có sử dụng khởi ngữ và thành phần tình thái (gạch chân các thành phần đó)*

**Đáp án :**

***I. Trắc nghiệm :***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Đáp án | B | A | C | B |

***II. Tự luận:***

***Câu 5****:* Phép đồng nghĩa: *Bản chất trời phú - sự thông minh nhạy bén*

*Phép nối: Nhưng;*

*Phép thế: ấy;*

*Phép lặp: Thông minh- thông minh, lỗ hổng- lỗ hổng*

***Câu6****:  mỗi ý đúng 0,25 điểm*

a. Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai qủa bom dưới lòng đường . Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ.

b. Quan, người ta sợ cái uy của quyền thế. Nghị lại, người ta sợ cái uy của đồng tiền.

c. Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

**Câu 7:** Toán, tôi rất thích học

Học, tôi rất thích Toán

Thích, tôi thích học Toán

***Câu 8:*** Nguyễn Minh Châu là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học thời kì kháng chiến . Sau năm 1975 nhà văn có những chuyển biến về tư tưởng và nghệ thuật trong phong cách sáng tác góp phần đổi mới văn học nước nhà. **Về đề tài tư tưởng** “Bến quê” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu cho sự đổi mới trong sáng tác của nhà văn. **Dường như** NguyÔn Minh Ch©u muèn gửi đến người đọc một thông điệp cần tránh xa những vòng vèo , chùng chình trong cuộc đời để hướng tới những giá trị bình dị, gần gũi, đích thực và bền vững của cuộc sống.

**3.Củng cố luyện tập:**

- Nhận xét giờ kiểm tra.

**4. Hướng dẫn học ở nhà(1p)**

- Xem bài cũ .

- Chuẩn bị :Luyện tập viết hợp đồng

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 158.* LUYỆN TẬP VIẾT HỢP ĐỒNG**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- H/S đư­ợc ôn lại lý thuyết về đặc điểm và cách viết hợp đồng.

**2**. **Kĩ năng**:

- Viết đư­ợc một bản hợp đồng thông dụng, đơn giản và phù hợp với mọi lứa tuổi.

**3. Thái độ**:

- Có thái độ cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức tuân thủ hợp đồng

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài, chuẩn bị một hợp đồng sẵn.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

Kiểm tra việc chuẩn bị của hs. *Nêu đặc điểm của hợp đồng ?*

**3.Bài mới:**

- Các em đã được tìm hiểu về đặc điểm của hợp đồng, học cách viết hợp đồng, hiểu đc mục đích của việc viết hợp đồng trong cuộc sống. Giờ học này cô sẽ hướng dẫn các em rèn kĩ năng viết hợp đồng trong giờ luyện tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS ôn tập về lí thuyết:**  \*G/v: Cho học sinh quan sát làm quen với 1 bản hợp đồng.  *H: Mục đích, tác dụng của hợp đồng?*  *H: Tính pháp lí của hợp đồng đc thể hiện ở đâu?*  *H: Nội dung của hợp đồng ghi những gì?*  *H: Hình thức của hợp đồng ghi gì ?*  *H: Yêu cầu về cách sử dụng lời văn trong hợp đồng.*  **HĐ 2. HDHS luyện tập :**  *- Lựa chọn tình huống làm*  *hợp đồng?*  *H: Nh­ũng mục cần có của một bản hợp đồng? Phần nội dung chính đư­ợc trình bày ntn?*  *H:Những yêu cầu về hành văn, số liệu cảu hợp đồng ?*  *H: Chọn cách diễn đạt nào? tại sao?*  *H: Chú ý những gì khi lập một bản hợp đồng ở BT3? Lời văn?*  VD: Những bản hợp đồng nào cần thiết phục vụ cho gia đình em? | **I.Ôn tập lý thuyết:**  **Mục đích và tác dụng của hợp đồng.**  - Hợp đồng ghi lại các điều khoản đã thỏa thuận của hai bên tham gia hợp đồng.  - Đảm bảo về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên tham gia hợp đồng.  **- Nội dung**: ghi lại các điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận, cam kết  **- Hình thức:** Theo bố cục khuân mẫu 3 phần.  - Lời văn: Chính xác , chặt chẽ.  **II. Luyện tập:**  **1.Bài tập1.**Trong các loại văn bản sau đây, văn bản nào có tính pháp lý.  - Tư­ờng trình  - Biên bản  - Báo cáo  - Hợp đồng x  **2.Bài tập 2**.Những mục cần có của một bản hợp đồng:  - Cả 3 mục.  **4.Những yêu cầu về hành văn số liệu của hợp đồng:**  - Chặt chẽ, chính xác, đơn nghĩa  **5. Chọn cách diễn đạt nào trong 2 cách sau? Tại sao**  a => Cách 1  b, c, d => Cách 2  **6.Lập hợp đồng cho thuê xe đạp:**  - Chú ý cách bố trí sắp xếp các nội dung theo đúng thể thức của một bản hợp đồng.  **7**. **Luyện tập tự viết những bản hợp đồng đơn giản và quen thuộc:**  - Hợp đồng thuê lao động để mở rộng sản xuất  - Hợp đồng sử dụng điện , sử dụng  n­ước sạch. |

**4.Củng cố luyện tập:**

- Đặc điểm của hợp đồng, Cách viết hợp đồng?

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Nắm chắc cách viết hợp đồng, chuẩn bị một hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh

- **Chuẩn bị:** Tổng kết văn học nước ngoài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 159.* TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI (TIẾT 1)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- H/S củng cố kiến thức về văn học nước ngoài đã học trong bốn năm ở cấp THCS.

**2**. **Kĩ năng**:

- Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về VHNN đã học.

**3. Thái độ**:

- Bồi d­ưỡng lòng yêu quý văn học.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài : lập bảng thống kờ tỏc phẩm văn học nước ngoài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

**-** Kiểm tra việc chuẩn bị của hs. Tóm tắt văn bản: “ Con chó Bấc”

**3.Bài mới:**

- Các em đã được học một số văn bản của một số nước trên thế giới. Giờ học này chúng ta sẽ tổng kết kiến thức khái quát về văn học nước ngoài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài:**  *H:Kể tên các VB VHNN đã học từ lớp 6 đến lớp 9 (19 văn bản)? (Dựa vào SGK đã nêu?)*  *H: Các tác giả? ở những nư­ớc nào? sáng tác vào thế kỉ nào?*  *H: Thể loại bao gồm?*  **\*G/V kẻ mẫu bảng thống kê**  Ghi tên tác phẩm vào bảng theo trật tự đã học từ lớp 6→lớp 9.  *H: Sắp xếp các TP đã học từ lớp 6 đến lớp 9?*  -Thời điểm sáng tác: Ghi thế kỉ sáng tác. | **I.Các văn bản VH nư­ớc ngoài đã học từ lớp 6 đến lớp 9:**  -Tổng số 20 văn bản: kể tên tác phẩm, tác giả  -Bao gồm nhiều thể loại thơ, kịch, bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết nghị luận XH, nghị luận văn chư­ơng.  -Là những tác phẩm văn học tiêu biểu của nhiều n­ước trên thể giới. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | | **Nước** | **Tkỉ** | **Thể loại** |
| 1 | Lòng yêu nước | E Zon bua | | Nga | XX | Bút kí chính luận |
| 2 | Xa ngắm thác núi lư | Lí Bạch | | TQ | VIII | Thơ TNBC |
| 3 | Cảm nghĩ .. tĩnh | Lí Bạch | | TQ | VIII | Nt |
| 4 | Ngẫu nhiên ... quê | Hạ chí cương | | Nt | VIII | Thơ NNTT |
| 5 | Bài ca nhà tranh ... | Đỗ Phủ | | TQ | Nt | TN ..... |
| 6 | Cô bé bán diêm | An đéc xen | | Đ Mạch | XIX | Truyện ngắn |
| 7 | Buổi học cuối cùng | A Đô Đê | | Pháp | XVI, 18 | Truyện ngắn |
| 8 | Đánh nhau ... gió | Xéc van téc | | TBN | XIX | Tiểu thuyết |
| 9 | Chiếc lá cuối cùng | Ô hen ri | | Mĩ | XVIII | Truyện ngắn |
| 10 | Ông giuốc đanh mặc ... | Mô li e | | Pháp | XVIII | Hài kịch |
| 11 | Hai cây phong | Ai ma tốp | | Ca da .. | XX | Tiểu thuyết |
| 12 | Cố hương | Lỗ tấn | | TQ | XX | Truyện ngắn |
| 13 | Những đứa trẻ | Go zơ ki | | Nga | XX | TT tự thuật |
| 14 | Rô bin xơn | Đi phô | | Anh | 17, 18 | TT tự thuật |
| 15 | Bố của Xi mông | Mô pa xăng | | Pháp | XIX | Truyện ngắn |
| 16 | Đi bộ ngao du | Ru – xô | | Nt | XVIII | Nluận xã hội |
| 17 | Chó sói và cừu | Hi pô lét ten | | Nt | XIX | NL văn chương |
| 18 | Con chó Bấc | G.Lân- đơn | | Mĩ | XX | Tiểu thuyết |
| 19 | Mây và sóng | Ta go | | ấn độ | XX | Thơ văn xuôi |
| 20 | Bàn về đọc sách | Chu Quang Tiềm | | TQ | XX | N luận |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | | | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | | | |
| .**HĐ 2. HDHS tổng kết về nội dung và nghệ thuật:**  *H: Các tác phẩm VHNN đó giúp em hiểu đư­ợc những gì?*  *H: Bồi dư­ỡng cho em những tình cảm gì?*  +Tình yêu cuộc sống, con ngư­ời  +Yêu cái đẹp, diều thiện.  +Có thái độ sống ntn?  *H:Những nhân vật nào cho em yêu quý, ấn t­ượng sâu sắc?*  *H: Tình cảm, cảm xúc của tác giả*  *đ­ược thể hiện trong mỗi TP’ ntn? Ví dụ cụ thể...?*  *H: Nội dung ghi nhớ của mỗi tác phẩm là gì?* | | | **2. Những giá trị về nội dung và nghệ thuật cuả các tác phẩm VHNN đã học:**  **a)Về giá trị nội dung:**  -Nội dung bao trùm: Giúp ta hiểu đ­ợc sắc thái phong tục tập quán của nhiều dân tộc trên thế giới, đề cập nhiều vấn đề xã hội, nhân sinh ở nhiều thời đại khác nhau.  - Bồi dư­ỡng cho ta những tình cám đẹp:  Tình yêu cuộc sống, con ng­ời, yêu điều thiện ghét cái ác. Có thái độ sống đẹp...  - Nội dung ghi nhớ của từng bài:  **\*Ví dụ:** Buổi học cuối cùng (Đô Đê)  Lòng Yêu Nư­ớc (Ê Ren bua)  Cô Bé Bán Diêm (An - Đéc – Xen)  Đánh nhau với cối xay gió  (Xéc – Van – Tét)  Xa ngắn thác núi Lư­ (Lý Bạch)  Bài ca nhà tranh bị gió thu phá (Đỗ Phủ)  Hai Cây phong (Ai – ma – Tốp)  Cố Hư­ơng (Lỗ Tấn) | | | |

**3.Củng cố luyện tập**

***H:*** *Nêu nd của các t/p: Bố của Xi-mông? Con chó Bấc?các t/p học trong c/tr lớp 9?*

**4. Hướng dẫn học ở nhà**

- Xem bài cũ .

- Chuẩn bị: Tổng kết văn học nước ngoài(tiếp)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 160.* TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI (TIẾT 2)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- H/S củng cố kiến thức về văn học nước ngoài đã học trong bốn năm ở cấp THCS.

**2**. **Kĩ năng**:

- Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về VHNN đã học.

**3. Thái độ**:

- Bồi d­ưỡng lòng yêu quý văn học.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài : lập bảng thống kê tác phẩm văn học nước ngoài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

**-** Kiểm tra việc chuẩn bị của hs. Tóm tắt văn bản: “ Con chó Bấc”

**3.Bài mới:**

- Giờ học này chúng ta sẽ tổng kết kiến thức khái quát về văn học nước ngoài tiết tiếp theo.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tổng kết về nội dung và nghệ thuật (tiếp):**  H:  *Hãy nêu những tp văn học viết về tình yêu thiên nhiên của các nhà thơ*  *Kể tên các tác phẩm văn học thể hiện*  *- Tình yêu quê hương*  *- Tình yêu gia đình*  *- Tình cảm con người*  *- NL sống*  *- Phê phán*  *H: Em học tập được những kiến thức bổ ích nào về nghệ thuật?*  *H: Em yêu thích nhất bài nào hoặc tác giả nào nhất, vì sao?*  **HĐ2. HDHS nêu cảm nhận về tác phẩm văn học:**  *H: Những tác phẩm nào? tác giả nào em yêu thích? Vì sao?* | **b)Thể loại:**  **\*Thơ đư­ờng:**  - Với các tác giả: Hạ Chi Tr­ương, Lí Bạch, Đỗ Phủ.  \*Thơ văn xuôi: Ta – Go.  \*Bút kí Chính luận: Ê - Ren – Bua  \*Hài Kịch: Mô - Li – E.  \*Phư­ơng thức tự sự mang đậm chát trữ tình: Ai – Ma – Tốp; Đô - Đê,  Go – Rơ - Ki, Lỗ Tấn....  \*Các kiểu văn nghị luận: Ru – Xô ;Ten;Ê - Ren – Bua.  **c. Phong cách sáng tác:**  - Các tác phẩm VH n­ước ngoài đều mang đậm tính nhân văn và thể hiện rõ phong cách sáng tác của tác giả.  - Các ví dụ điển hình:  + O – Hen – Ri qua truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”. Với nghệ thuật hai lần đảo ng­ợc tình huống đã đem lại những bất ngờ và bộc lộ rõ tính cách của nhân vật.  + Lỗ Tấn qua truyện ngắn Cố H­ương những dòng tự sự mang đậm cảm xúc trữ tình, những dòng hồi t­ởng của nhân vật tôi trong tác phẩm là phong cách sáng tác độc đáo của tác giả.  +Mô - li – e qua đoạn trích “Ông Giuốc đanh mặc lễ phục” là cây đại thụ của hài kịch thế giới; Qua cách thể hiện ngôn ngữ nhân vật đặc sắc đã tạo nên một bộ mặt thật của giới t­ sản.  +Mô - Pa – Xăng qua đoạn trích học  “Bố của Xi Mông”. Với nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng rất tinh tế đặc sắc của các nhân vật đã tạo nên sức hấp dẫn của truyện.  **3. Những tác phẩm nào? tác giả nào em yêu thích? Vì sao?**  -H­ướng tới sự yêu thích bởi những giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  -Hư­ớng tới sự yêu thích bởi cuộc đời và những thành công của các tác giả trong sáng tác. |

**3.Củng cố luyện tập**

***H:*** *Nêu giá trị nd và n/t của các t/p vh nc ngoài?*

**4. Hướng dẫn học ở nhà**

- Xem bài cũ .

- Chuẩn bị: Bắc Sơn – Đọc và tóm tắt , trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 161****.*  **BẮC SƠN**

**(Nguyễn Huy Tưởng)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu đặc trưng cơ bản của thể loại kịch.Tình thế cách mạng khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn xảy ra và nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

**2**. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng Đọc hiểu một vb kịch.

**3. Thái độ**:

- Bồi d­ưỡng t/y nước, hiểu ý nghĩa của cuộc cách mạng.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh :**

**1.Giáo viên** : SGK,Sgv đọc các tài liệu tham khảo liên quan,chuẩn kiến thức kĩ năng, soạn bài.

**2. Học sinh**: Chuẩn bị bài ngoài: lập bảng thống kê tác phẩm văn học nước ngoài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*- Tóm tắt một văn bản nước ngoài mà em yêu thích ?*

**3.Bài mới:**

Những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, phong trào cách mạng của nhân dân còn non trẻ. Nhiều người dân chưa nhận thức đúng đắn về con đường cách mạng nên vẫn còn nghi ngại và đứng ở vị trí trung gian. Cán bộ cách mạng trên con đường hoạt động còn gặp nhiều gian khổ hiểm nguy. Bằng sự kiên trì giác ngộ những người dân đã bước từ vị trí trung gian về phía CM. Vở kịch Bắc Sơn đã dựng lại những tháng ngày gian khổ của cách mạng Việt Nam ấy.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Gv hướng dẫn đọc  - GV đọc mẫu. Y/c hs đọc phân vai  - Gọi hs tóm tắt các lớp kịch.  *H :Nêu những hiểu biết của em về t/g và h/c ra đời của t/p ?*  **HĐ 2. HDHS đọc -hiểu văn bản:**  - Xác định thể loại  *H : Em biết gì về thể loại kịch ?*  - GV nhắc lại các khái niệm xung đột, hành động trong kịch.  - Gọi HS: phát hiện xung đột và hành động kịch trong các lớp kịch này.  - Thuật lại diễn biến sự việc và hành động kịch ở hồi bốn.  *H: Trong các lớp kịch này, tác giả đã xây dựng được một tình huống bất ngờ, gay cấn. Đó là tình huống nào?*  *H: Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện xung đột và phát triển hành động kịch?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc, tóm tắt:**  **2. Chú thích:**  **a.Tác giả** : Nguyễn Huy Tưởng  (1912-1960).  - Quê : Dục Tú- Đông Anh- Hà Nội.  - Ông là một trong những nhà văn chủ chốt của nền văn học cách mạng.  **b.Tác phẩm** :  - Kịch Bắc Sơn đc sáng tác và đưa lên sân khấu năm 1946. Vở kịch ra đời trong không khí sôi nổi của cuộc k/c chống thực dân Pháp.  **c. Từ khó**: SGK  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể loại** : Chính kịch  **- Khái niệm « kịch »**: SGK  **2. Bố cục**:  - Hồi 4 gồm 2 lớp kịch: Lớp 2 và lớp 3.  +) Lớp 2:Thơm bình tĩnh cứu 2 cb CM.  +)Lớp3: Cuộc đối thoại của Thơm- Ngọc.  **3. Phân tích:**  a***.*Xung đột và tình huống kịch:**  -Xung đột: lực lượng cách mạng và kẻ thù (trong nội tâm: Thơm, bà cụ Phương; trong sự đối đầu giữa Ngọc với Thái, Cửu; trong hoàn cảnh cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, kẻ thù truy lùng chiến sĩ cách mạng).  - Tình huống căng thẳng, bất ngờ: Thái, Cửu trốn Ngọc lại chạy vào nhà Ngọc  - Thơm, buộc Thơm phải có sự lựa chọn dứt khoát và Thơm thấy rõ bộ mặt phản động của chồng.  => Tình huống tạobước ngoặt trong nhân vật thơm. |

**3.Củng cố luyện tập:**

*H: Tóm tắt kịch Bắc Sơn?Nêu ý nghĩa của tình huống tạo xung đột kịch?*

**4. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học bài cũ .

- Chuẩn bị: Bắc Sơn (tiếp)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 162.* BẮC SƠN (TIẾP)**

**(Nguyễn Huy Tưởng)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:** Giúp hs: hiểu đặc trưng cơ bản của thể loại kịch.Tình thế cách mạng khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn xảy ra và nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

2. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng đọc- hiểu một vb kịch, phân tích tình huống kịch, nhân vật trong kịch.

**3.Thái độ:**

- Có t/y nước, hiểu ý nghĩa của cuộc cách mạng.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tb dạy- học :**

**1. Chuẩn bị của GV:**

- Đọc kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo, giỏo ỏn ,SGK.

**2. Chuẩn bị của HS** : Chuẩn bị bài, trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**:

*Tóm tắt kịch, nêu tìh huống tạo sung đột kịch?*

**3.Bài mới:**

Giờ học này chúng ta học tiếp vở kịch bặc Sơn.để thấy được diễn biến hành động và sự chuyển đổi nhận thức của nhân vật Thơm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS đọc - hiểu văn bản(tiếp)**  *H:Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Thơm.*  (*chú ý: hoàn cảnh của nhân vật, tâm trạng và thái độ của Thơm với chồng, hành động của cô cứu Thái, Cửu).*  *H: Nhân vật Thơm đc đặt*  *trong h/c ntn để tạo bước ngoặt về hành động?*  *H: Thơm day dứt ân hận nhât về điều gì?*  *H: Thơm có suy nghĩ ntn về Ngọc?*  *H: Nhân vật Thơm đã có biến chuyển như thế nào trong các lớp kịch này?*  *H: Ý nghĩa của sự biến chuyển ấy?*  *H: Bằng những thủ pháp nào tác giả đã để cho nhân vật Ngọc bộc lộ bản chất của y và đó là bản chất gì?*  *H: Những nét nổi rõ trong tính cách của Thái, của Cửu là gì?*  *H: Nhận xét về nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng trong các lớp kịch này (chú ý các phương diện xây dựng tình huống, tổ chức đối thoại, biểu hiện tâm lí và tính cách nhân vật).*  **HĐ2. HDHS tổng kết** | ***b.Tâm trạng và hành động của Thơm:***  - Thơm là vợ Ngọc - một nho lại trong bộ máy cai trị của Pháp. Được chồng chiều chuộng, cô đứng ngoài phong trào khi cuộc khởi nghĩa nổ ra – dù cha và em trai tích cực tham gia k/c.  - Thơm quý trọng ông giáo Thái – cán bộ CM đến củng cố phong trào.  - Khi lực lượng bị đàn áp, cha và em hi sinh, Thơm ân hận, càng bị giày vò khi Ngọc làm tay sai dẫn Pháp về đánh úp lực lượng  -*Hoàn cảnh:* Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, cha và em hi sinh, mẹ bỏ đi, Ngọc dần lộ rõ bộ mặt Việt gian bằng số tiền thưởng.  - Ngọc sẵn sàng dễ dàng thoả mãn nhu cầu ăn diện của vợ.  - *Sự day dứt, ân hận của Thơm*: Hình ảnh người cha (những lời cuối, trao súng cho Thơm), em trai hi sinh, mẹ điên... luôn ám ảnh tâm trí cô.  *- Sự băn khoăn, nghi ngờ đối với Ngọc* ngày càng tăng (đối thoại ở lớp III).  -Một tình huống bất ngờ buộc cô phải lựa chọn *thái độ dứt khoát*: Thái và Cửu bị Ngọc truy lùng, chạy nhầm vào chính nhà Thơm.  - Thơm phải che giấu Thái và Cửu trong buồng của mình; luồn tắt rừng suốt đêm để báo tin cho quân du kích kịp thời đối phó.  \*Tác giả khẳng định: *Cách mạng không thể bị tiêu diệt, nó vẫn có thể thức tỉnh quần chúng, cả với những người ở vị trí trung gian.*  ***c.Các nhân vật Ngọc, Thái, Cửu:***  \*Ngọc: nho lại, nuôi tham vọng ngoi lên để thoả mãn ham muốn địa vị, quyền lực và tiền tài.  -Bản chất Việt gian, truy lùng chiến sĩ cách mạng; cố che giấu vợ bản chất và hành động của mình bằng việc chiều chuộng vợ nhưng tâm địa vẫn cứ lộ ra.  \*Tính cách nhất quán nhưng không đơn giản.  *\*Thái - Cửu:* nhân vật phụ, xuất hiện trong chốc lát.  -Thái: bình tĩnh, sáng suốt, củng cố được lòng tin của Thơm vào cách mạng.  - Cửu: hăng hái nhưng nóng nảy, thiếu sự chín chắn; nghi ngờ Thơm, định bắn cô; cuối cùng hiểu và tin cô  ***c.Nghệ thuật kịch:***  - Thể hiện xung đột:  +Đối đầu giữa Ngọc với Thái, Cửu.  +Nội tâm Thơm: dẫn đến bước ngoặt quan trọng  -Xây dựng tình huống: éo le, bất ngờ, bộc lộ rõ xung đột và thúc đẩy hành động kịch phát triển.  - Ngôn ngữ đối thoại:  + Nhịp điệu, giọng điệu phù hợp với từng đoạn của hành động kịch (lớp II).  + Đối thoại bộc lộ rõ nội tâm, tính cách nhân vật.  **III. Tổng kết :**  **\* Ghi nhớ** :SGKT167 |

**3.Củng cố, luyện tập:**

***H:*** *Diễn biến tâm trạng và hành động của nv Thơm?Nhận xét của em về nhân vật Ngọc?*

**4. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học bài cũ phân tích các nhân vật trong kịch “ Bắc Sơn”

- Chuẩn bị: Tổng kết tập làm văn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 163,164.* KIỂM TRA VĂN (PHẦN TRUYỆN)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:** Giúp hs:

- Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của H/S về các tác phẩm truyện hiện đại VN trong chư­ơng trình lớp 9

2. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng phân tích tác phẩm truyện và kĩ năng làm văn.

**3.Thái độ:**

- Ý thức học và làm bài nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tb dạy- học :**

**1. GV**: ra đề , soạn bài - đáp án, đọc kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo,SGK.

**2. Học sinh :**

**-** Ôn tập chuẩn bị làm bài kiểm tra.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3. Ra đề :** Khung ma trận đề kiểm tra :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tên CĐ | Nhận biết | Thông Hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | Cao |
| **Chủ đề 1:**  Truyện ngắn:  “ Làng” | Nhớ đc tình huống truyện ngắn “Làng”, nhớ đc hoàn cảnh thời gian ra đời của truyện  “ Làng” |  | - Tóm tắt được những nét đẹp trong phẩm chất của nhân vật ông Hai. |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỷ lệ % | số câu:2  Tổng điểm:1  Tỉ lệ 10% |  | số câu:1  Tổng điểm:1.5  Tỉ lệ 15% |  | số câu:3  Tổng điểm:2.5  Tỉ lệ 25% |
| **Chủ đề 2**:  Truyện ngắn  **“ Lặng lẽ Sa Pa”** | Nhớ đc công việc thường ngày của anh thanh niên. |  |  | Phân tích đc vẻ đẹp của hình tượng người thanh niên trong  “ Lặng lẽ Sa Pa” |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | số câu:1  Tổng điểm:0,5  Tỉ lệ 5% |  |  | Số câu :1  Số điểm: 5  Tỉlệ:50% | Số câu: 2  Sốđiểm:25.5  Tỉlệ:55 % |
| **Chủ đề 3:**  **“Chiếc lược ngà”** |  | Nhớ đc tình huống truyện “Chiếc lược ngà” |  |  |  |
| Tổng số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % |  | số câu:1  Tổng điểm:1  Tỉ lệ 10% |  |  | Số câu:1  Sốđiểm:1  Tỉ lệ:10 % |
| **Chủ đề 4:** **“Những ngôi sao xa xôi”** | Nắm bắt được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thể loại tác phẩm |  |  |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | số câu:2  Tổng điểm:1  Tỉ lệ 10% |  |  |  | Số câu:1  Tổng điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5 % |
| Tổng số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | Số câu: 5  Tổng điểm:2.5  Tỉ lệ :25% | Số câu: 2  Tổng điểm:2.5  Tỉ lệ : 25% |  | Số câu:1  Tổng điểm:5  Tỉ lệ : 50% | Tổng số câu:7  Tổng điểm:10  Tỉ lệ: 100% |

**Giao đề :**

**I. Phần trắc nghiệm** :

**Hãy trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

***Câu1****.****Trong truyện ngắn “ Làng” của nhà văn Kim Lân nhà văn đặt ông Hai vào một tình huống như thế nào để bộc lộ tính cách, phẩm chất của mình?***

A. Ông Hai không biết chữ, phải đi nhờ người khác đọc cho nghe.

B. Ông Hai tình cờ nghe được tin làng ông theo giặc từ những người tản cư.

C. Ông Hai nghe bà chủ nhà nói bóng, nói gió

D. Ông Hai lúc nào cũng nhớ da diết cái làng Chợ Dầu của mình.

***Câu 2.*** *“ Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa,đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất phục vụ chiến đấu”.*

( Trích *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long )

***Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung của câu văn trên?***

A.Hoàn cảnh sống của anh thanh niên.

B. Công việc của anh thanh niên.

C. Cách sống của anh thanh niên.

D. Đặc điểm thời tiết khí hậu Sa Pa.

***Câu 3. Văn bản “Những ngôi sao xa xôi” thuộc thể loại nào?***

A. Hồi kí C. Tùy bút

B. Truyện ngắn D. Phóng sự

***Câu 4. Văn bản “Những ngôi sao xa xôi” ra đời vào thời kì nào?***

A. Thời kì đầu của của cuộc kháng chiến chống Pháp

B.Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi

C.Cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt

D. Cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt.

**II. Phần tự luận:**

**Câu 5 ( 1 điểm)** Nêu tình huống truyện “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng?

**Câu 6** . **( 2 điểm)**.

a. Tác phẩm “ Làng” của kim Lân được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

b. Nêu ngắn gọn những tình cảm cao đẹp của nhân vật ông Hai trong

truyện ngắn “Làng”

**Câu 7. ( 5 điểm)**

Cảm nhận của em về hình tượng người thanh niên trong truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long ?

**Đáp án:**

**I.Phần trắc nghiệm** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | B | B | B | C |

**II. Phần tự luận:**

**Câu 5**: 1 điểm

Truyện diễn biến trên 2 tình huống cơ bản:

- Ông Sáu đi kháng chiến xa nhà tám năm mới có dịp về thăm , lúc đi con gái đầu lòng của anh chưa đầy một tuổi. Khi về vì bom đạn ông có thêm vết sẹo trên mặt nên bé Thu đã không chịu nhận ông là cha. Đến khi bé Thu chịu nhận cha thì cũng là lúc ông Sáu trở phải lại chiến trường.

- Ở chiến trường ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương con vào việc làm chiếc lược ngà, nhưng chiếc lược chưa kịp trao cho gái thì ông Sáu đã hi sinh.

**Câu 6:** 2 điểm

- Tác phẩm “ Làng” được sáng tác năm 1948 trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chông Pháp. (0.5 đ)

- Tình cảm của nhân vật ông Hai:(1.5 đ)

- Ông có tình yêu làng sâu sắc mộc mạc giản dị, tình yêu nước và lòng trung thành với cuộc kháng chiến của dân tộc.

+ Khi ở làng ông yêu làng bằng niểm tự hào sâu sắc về vẻ đẹp của làng.

+ Xa làng đi tản cứ ông nhớ làng da diết không nguôi.

+ Nghe tin làng theo giặc ông yêu làng trong nỗi đau đớn xót xa , căm hận.

và lựa chọn một lòng một dạ theo cách mạng, theo cụ Hồ.

+ Tin làng theo giặc đc cải chính trong ông vẫn vẹn nguyên tình yêu làng nồng nàn sâu sắc ,vui vẻ, tự hào.

**Câu 7:** 5 điểm

- Cảm nhận về anh Thanh niên với những nét đẹp trong phẩm chất.

\* Nêu và nhận định về hoàn cảnh sống và công việc anh làm.(1 đ)

=> Nổi bật lên là lòng yêu nghề, tình thần trách nhiệm cao trong công việc. Thái độ suy nghĩ đúng đắn về công việc. Phẩm chất ấy rất cần trong mỗi con người nhất là trong quá trình xây dựng và bảo vệ TQ (1 đ)

\* Phẩm chất khác:

- Sự cởi mở,lòng hiếu khách đến nồng nhiệt.(0.5)

- Luôn quan tâm một cách chu đáo tới những người xung quanh. (0.5)

- Sắp xếp cuộc sống ngăn nắp, khoa học(0.5)

- Lòng khiêm tốn đáng yêu.(0.5)

=> Viết thành bài văn nghị luận hoàn chỉnh. Mở kết bài = 1 điểm

**4. Nhận xét:**

- Gv thu bài và nhận xét giờ làm bài của học sinh.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

-Xem lại đề kiểm tra.

- Chuẩn bị: ôn tập TLV , đọc và trả lời câu hỏi SGK

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 165 .* TỔNG KẾT TẬP LÀM VĂN**

**I. Mục tiêu bài học :**

**1.Kiến thức:** Giúp hs:

- Hệ thống hóa kiến thức Tập làm văn từ lớp 6 đến lớp 9

2. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng làm văn tíc hợp kiến thức trong học văn, làm văn.

**3.Thái độ:**

- Ý thức học và làm bài nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tb dạy- học :**

**1. GV**: soạn bài - đáp án, đọc kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo,SGK.

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị ôn theo nội dung SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9D:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới:**

Sự cần thiết phải hiểu rõ các kiểu VB, các ph­ương thức biểu đạt và sự kết hợp các ph­ơng thức đó trong 1 văn bản ntn? Đó là những yêu cầu chính của tiết tổng kết TLV. Giờ học này cô cùng các em tổng kết lại.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm củng cố về các kiểu văn bản đã học trong ch­ương trình Ngữ văn THCS**  \*Đọc bảng tổng kết và trả lời các câu hỏi.  *H: Sự khác nhau của các kiểu*  *VB trên ?*  *H: Hãy nêu rõ ph­ơng thức biểu đạt của mỗi kiểu văn bản trên ?*  - Ví dụ:  *+Mục đích của VB TS là gì?*  *+Mục đích của VB nghị luận là gì?*  *+Mục đích của VB miêu tả là gì?*  *H: Các kiểu văn bản có thể thay thế cho nhau đ­ược hay không? vì sao?*  *H: Các ph­ương thức biểu đạt có thể phối hợp thực hiện trong một văn bản đ­ợc không?Vì sao?*  Ví dụ minh hoạ?  (Ví dụ: Truyện ngắn  Bến Quê - Nguyễn Minh Châu)  VD về truyện ngắn “Bến Quê” → việc kết hợp miêu tả, biểu cảm qua các đoạn văn, câu văn.  *H: Kiểu VB và thể loại tác phẩm VH có gì giống và khác nhau?*  (Gợi ý: Có mấy kiểu VB?)  (Có mấy thể loại văn học?)  *H: Cho VD cụ thể ?*  *H: Kiểu VBTS và thể loại VH tự sự khác nhau ntn?*  (Gợi ý: VBTS đ­ợc thể hiện trong VH, trong loại hình nào khác nữa?)  (Thể loại VH tự sự chỉ thể hiện trong tac phẩm VH nào?)  *H: Tình giống và khác nhau ntn?*  *H: Nêu đặc điểm của thể loại VH trữ tình?*  *H: Cho VD minh hoạ?*  (Gợi ý văn xuôi biểu cảm (tuỳ bút) có là VH trữ tình không?)  *H:Sự kết hợp đó cần ở mức độ nào?*  *H: Tại sao lại nh­ vậy?*  *H: Cho ví dụ minh hoạ?* | **I.Các kiểu văn bản đã học trong**  **ch­ương trình Ngữ văn THCS**  **1)Sự khác nhau của các kiểu văn bản:**  - Khác nhau về ph­ương thức biểu đạt bao gồm: Mục đích, các yếu tố, các  ph­ương pháp, cách thức, ngôn từ.  -Ví dụ: Kiểu văn bản tự sự  Là trình bày diễn biến sự việc (sự kiện) biểu lộ ý nghĩa. Khác với kiểu văn bản miêu tả là tái hiện lại sự vật, sự việc, hiện t­ợng làm rõ tính chất, thuộc tính...  ***2)Các kiểu văn bản có thể thay thế cho nhau đ­ược hay không? vì sao?***  - Các kiểu văn bản không thể thay thế cho nhau đ­ược , vì mỗi kiểu văn bản sử dụng một ph­ương thức biểu đạt chính với mục đích khác nhau.  ***3)Các ph­ương thức biểu đạt trên có thể phối hợp đ­ược với nhau trong một văn bản cụ thể hay không?vì sao? Nêu một ví dụ minh hoạ.***  - Các phư­ơng thức biểu đạt có thể kết hợp với nhau trong một văn bản vì không có một văn bản nào sử dụng đơn độc một ph­ương thức biểu đạt; có kết hợp mới tăng đư­ợc hiệu quả diễn đạt.  Ví dụ: Truyện ngắn “Bến Quê”  (Nguyễn Minh Châu)  - Ph­ương thức biểu đạt chính: Tự sự, kiểu văn bản tự sự nh­ng tác giả đã kết hợp nhiều ph­ơng thức biểu đạt khác nh­: Miêu tả, biểu cảm để làm rõ tình cảm , cảm xúc của nhân vật Nhĩ trong truyện.  ***4)Kiểu văn bản và hình thức thể hiện, thể loại tác phẩm VH có gì giống nhau và khác nhau***.  -Kiểu văn bản: Có 6 kiểu văn bản ứng với 6 ph­ơng thức biểu đạt .  -Thể loại VH: Truyện (Tự sự);  Thơ (Trữ tình); Kí, Kịch...  + Giống nhau: Trong kiểu văn bản đã thể hiện đ­ợc thể loại.  + Khác nhau: Thể loại VH là xét đến những dạng thể cụ thể của một tác phẩm VH, với phạm vi hẹp hơn.  ***5)Sự khác nhau***:  -Văn bản tự sự: Đ­ược thể hiện trong VH là truyện; Đ­ợc thể hiện trong bản tin (T­ường thuật)...  -Thể loại văn học tự sự chỉ có thể là truyện (Truyện ngắn, truyện dài)  ***6)Giống nhau và khác nhau***  +Giống nhau: Đều đ­ợc thể hiện rõ yếu tố biểu cảm.  + Khác nhau:  Kiểu văn bản biểu cảm nói rõ về ph­ơng thức biểu đạt, mục đích.  Thể loại văn học trữ tình: Nói rõ về loại thê VH nh­ thơ trữ tình, văn xuôi trữ tình (tuỳ bút)  Ví dụ: Tuỳ bút: Mùa xuân của tôi  *Vũ Bằng*  Ví dụ: Các bài thơ hiện đại.  ***7)Tác phẩm nghị luận có cần yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự***  Cần ở mức độ vừa đủ để làm rõ yêu cầu nghị luận; Ph­ương thức chính vẫn là nghị luận. |

**4.Củng cố, luyện tập**

*H****:*** *GV hệ thống các nd đã ôn tập - Các kiểu văn bản đã học.*

H: Tại sao phải có sự kết hợp các ph­ương thức biểu đạt trong một VB?

H:Lấy ví dụ: Một văn bản tự sự, nghị luận có sự kết hợp nhiều

ph­ương thức biểu đạt ?

**5. Hướng dẫn học ở nhà(1p)**

- Học bài cũ .

- Chuẩn bị: Tổng kết tập làm văn(tiếp).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 166 .* TỔNG KẾT TẬP LÀM VĂN (TIẾP)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:** Giúp hs: Hiểu Sự khác nhau giữa kiểu vb và thể loại văn học.

2. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu vb đã học. Đọc hiểu các kiểu vb theo đặc trưng của kiểu vb ấy.

- Nâng cao năng lực đọc và viết kiểu vb thông dụng.

- Kết hợp hài hoà, hợp lí các kiểu vb trong thực tế làm bài.

**3.Thái độ:**

- Ý thức học và làm bài nghiêm túc.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tb dạy- học :**

**1. GV**: soạn bài - đáp án, đọc kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo,SGK.

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị ôn theo nội dung SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H: Tại sao phải có sự kết hợp các ph­ương thức biểu đạt trong một VB?*

Lấy ví dụ: *Một văn bản tự sự, nghị luận có sự kết hợp nhiều ph­ương thức biểu đạt ?*

**3.Bài mới: Đ**ể nắm vững các kiểu văn bản đã học từ lớp 6 đến lớp 9, phân biệt và nhận biết sự kết hợp của các kiểu VB khi viết văn, phân biệt kiểu VB và thể loại VH, rèn kỹ năng đọc, cảm thụ các kiểu VB. Các em cùng tìm hiểu tiết hai của bài Tổng kết TLV.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS củng cố về mối quan hệ giữa phần văn và TLV:**  *H: Phần văn và TLV có mối quan hệ với nhau ntn ?*  *H: Hãy nêu VD cho thấy mối quan hệ đó trong ch­ơng trình đã học?*  (Ví dụ: Văn bản: Ýnghĩa văn chư­ơng – Hoài Thanh)  *H: Phần TV có qh ntn? với phần và TLV?*  *H: Việc bổ sung và qh chặt chẽ ntn?*  *?Cho VD cụ thể?*  *(Ví dụ: Truyện ngắn; ví dụ một văn bản nghị luân, một văn bản thuyết minh...).*  *\*G/V: Chú ý: Đây là yêu cầu tích hợp ngang trong môn Ngữ văn.*  **HĐ2. HDHS củng cố về mối quan hệ giữa phần văn và TLV:**  *\*Yêu cầu của mục III: Phát vấn, đàm thoại để làm rõ các mục 1,2,3.*  *H: Đích biểu đạt của 3 kiểu VB đó là gì?*  *H: Các ph­ương pháp th­ường dùng trong VB thuyết minh?*  *(So sánh, nêu số liệu, nêu khái niệm, phân tích, tổng hợp...).*  *H: Văn bản TS th­ường kết hợp các yếu tố nghị luận, miêu tả, biểu cảm? Vì sao?*  *H: Ngôn ngữ, lời văn trong mỗi kiểu VB trên ntn?*  *H: Yêu cầu đối với luận điểm; luận cứ, lập luận trong văn nghị luận?*  *+Mạnh lạc, rõ ràng*  *+Chặt chẽ*  *+Sát thực.* | **II)Phần TLV trong ch­ương trình Ngữ văn THCS:**  **1)Phần văn và TLV có mối quan hệ rất chặt chẽ luôn bổ sung cho nhau:**  Giúp việc học văn đạt hiệu quả. Văn bản là ngữ liệu để minh hoạ cho các kiểu văn bản, làm rõ ph­ơng pháp kết cấu, cách thức diễn đạt.  →Giúp cho học sinh học tập đ­ược cách viết TLV.  -Ví dụ: Văn bản : “ý nghĩa văn ch­ơng” của tác giả Hoài Thanh giúp cho việc viết TLV nghị luận rất có hiệu quả.  ***2)Phần Tiếng Việt có quan hệ nh­ thế nào với phần Văn và TLV? Nêu VD chứng minh:***  - Có quan hệ rất chặt chẽ bổ sung kiến thức và kĩ năng giữa các phần.  -Ví dụ: Các kiến thức về câu, về từ loại, về thành phần câu, các kiến thức về từ, khả năng của từ Tiếng việt ... giúp cho biểu đạt và biểu cảm văn bản, giúp cho việc sử dụng khi viết TLV.  -Ví dụ cụ thể: Truyện ngắn:”Những ngôi sao xa xôi” (Lê Minh Khuê)  **III)Các kiểu văn bản trọng tâm:**  ***1)Văn bản thuyết minh:***  - Đích biểu đạt  -Yêu cầu chuẩn bị để làm đ­ược VB thuyết minh.  - Các ph­ương pháp th­ường dùng trong VB thuyết minh.  - Ngôn ngữ trong VB thuyết minh.  ***2)Văn bản tự sự:***  - Đích biểu đạt  - Các yếu tố tạo thành văn bản tự sự.  -Thư­ờng kết hợp với các yếu tố miêu tả, nghị luận, biểu cảm.  →Tác dụng: Sinh động, chặt chẽ, có sức truyền cảm.  - Ngôn ngữ trong văn bản tự sự  ***3)Văn bản nghị luận***:  - Đích biểu đạt.  -Các yếu tố tạo thành VB nghị luận  - Yêu cầu đối với luận điểm, luận cứ và lập luận.  - Nêu dàn bài chung cho 4 dạng nghị luận đã học ở kỳ II lớp 9.  \* Dàn bài chung:  - Mở bài: Giới thiệu sự việc có vấn đề  - Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định  - Kết bài: KL, KĐ, PP lời khuyên. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Việc tích hợp khi học môn ngữ văn ở lớp 9.*

*H: Các kiểu VB trọng tâm.*

*H: Làm dàn bài cho văn nghị luận, vấn đề xã hội, vấn đề VH.*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Kiểm tra các nội dung của tiết tổng kết và phần luyện tập.

- Tìm hiểu tiếp phần II, III cho tiết 2, chú ý các kiểu VB trọng tâm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 167 .* TỔNG KẾT VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:**

- Hệ thống hóa các tác phẩm thuộc các thể loại văn học trong chương trình THCS.

**2**. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng hệ thống hoá tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

- Đọc hiểu t/p theo đặc trưng thể loại.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống hoá vhọc VN theo thời kì, bỗi dưỡng t/y văn học.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tb dạy- học :**

**1. GV**: soạn bài, đọc chuẩn kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo,SGK,SGV...

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị ôn theo nội dung câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Các kiểu bài trong chương trình Tập làm văn văn 9 ? Mỗi quan hệ giữa ba phân môn trong chương trình Ngữ văn ?*

**3.Bài mới:**

Để củng cố về thể loại văn học trong chương trình Ngữ văn THCS chúng ta cùng tìm hiểu bài tổng kết văn học.

**I. VĂN HỌC DÂN GIAN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Định nghĩa** | **Các văn bản được học** |
| Truyện | - Truyền thuyết: Kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân về sự kiện và nhân vật lịch sử được kể. | - Con Rồng cháu Tiên  Bánh chưng, bánh giầyThánh GióngSơn Tinh, Thuỷ Tinh  Sự tích Hồ Gươm |
| - Cổ tích: Kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc (bất hạnh, dũng sĩ, tài năng, thông minh và ngốc nghếch là động vật...). Có yếu tố hoang đường, thể hiện mơ ước, niềm tin chiến thắng... | - Sọ Dừa,Thạch Sanh, Em bé thông minh. |
| - Ngụ ngôn: Mượn chuyện về vật, đồ vật (hay chính con người) để nói bóng, gió kín đáo chuyện về con người để khuyên nhủ răn dạy một bài học nào đó. | - Êch ngồi đáy giếng  Thầy bói xem voi  Đeo nhạc cho mèo  Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng |
| - Truyện cười: Kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hay phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | - Treo biển  Lợn cưới, áo mới |
| Ca dao - Dân ca | Chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người. | Những câu hát về tình cảm gia đình.  Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người.  Những câu hát than thân  Những câu hát châm biếm |
| Tục ngữ | Là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động, xã hội...) được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hàng ngày. | Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.  Tục ngữ về con người và xã hội |
| Sân khấu (chèo) | Là loại kịch hát, múa dân gian; kể chuyện diễn tích bằng hình thức sân khấu (diễn ở sân đình gọi là *chèo sân đình)*. Phổ biến ở Bắc Bộ | Quan Âm Thị Kính |

**II.VĂN HỌC TRUNG ĐẠI**

- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 3 trong SGK. GV kẻ bảng và gọi HS trình bày từng phần, từng cột. Yêu cầu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Tên văn bản | Thời gian | Tác giả | Những nét chính về nội dung và nghệ thuật |
| Truyên kí | 1. Con hổ có nghĩa | (NXB GD-1997) | Vũ Trinh | Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, đề cao ân nghĩa trong đạo làm người |
| 2. Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng | Đầu thế kỉ 15 | Hồ Nguyên Trừng | Ca ngợi phẩm chất cao quý của vị thái y lệnh họ Phạm: tài chữa bệnh và lòng thương yêu con người, không sợ quyền uy. |
| 3. Chuyện người con gái Nam Xương (trích truyền kì mạn lục) | Thế kỉ 16 | Nguyễn Dữ | Thông cảm với số phận oan nghiệt và vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ. Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả nhân vật... |
|  | 4. Chuyện cũ trong phủ chúa (trích *Vũ trung tuỳ bút)* | Đầu thế kỉ 19 | Phạm Đình Hổ | Phê phán thói ăn chơi của vua chúa, quan lại qua lối ghi chép sự việc cụ thể, chân thực, sinh động. |
| 5. Hoàng Lê nhất thống chí (trích) | Đầu thế kỉ 19 | Ngô Gia Văn Phái | Ca ngợi chiến công của Nguyễn Huệ, sự thất bại của quân Thanh.  Nghệ thuật viết tiểu thuyết chương hồi kết hợp tự sự và miêu tả. |
| Thơ | Sống núi nước Nam | 1077 | Lí Thường Kiệt | Tự hào dân tộc, ý chí quyết chiến quyết thắng với giọng văn hào hùng. |
| Phò giá về kinh | 1285 | Trần Quang Khải | Ca ngợi chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và bài học về thái bình sẽ giữ cho đất nước vạn cổ. |
| Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường | Cuối thế kỉ 13 | Trần Nhân Tông | Sự gắn bó với thiên nhiên và cuộc sống của một vùng quê yên tĩnh mà không đìu hiu. Nghệ thuật tả cảnh tinh tế. |
| Bài ca Côn Sơn | Trước 1442 | Nguyễn Trãi | Sự giao hoà giữa thiên nhiên với một tâm hồn nhạy cảm và nhân cách thanh cao. Nghệ thuật tả cảnh, so sánh đặc sắc. |
| Sau phút chia ly (trích *Chinh phụ ngâm khúc)* | Đầu TK 18 | Đặng Trần Côn (Đoàn Thị Điểm dịch) | Nỗi sầu của người vợ, tố cáo chiến tranh phi nghĩa. Cách dùng điệp từ tài tình. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bánh trôi nước | Thế kỉ 18 | Hồ Xuân Hương | Trân trọng vẻ đẹp trong trắng của người phụ nữ và ngậm ngùi cho thân phận mình. Sử dụng có hiệu quả hình ảnh so sánh ẩn dụ. |
| Qua đèo ngang | Thế kỉ 19 | Bà Huyện Thanh Quan | Vẻ đẹp cổ điển của bức tranh về Đèo Ngang và một tâm sự yêu nước qua lời thơ trang trọng, hoàn chỉnh của thể Đường luật. |
| Bạn đến chơi nhà | Cuối TK 18 đầu TK19 | Nguyễn Khuyến | Tình cảm bạn bè chân thật, sâu sắc, hóm hỉnh và một hình ảnh thơ giản dị, linh hoạt |
| Truyện thơ | Truyện Kiều, trích  - Chị em Thuý Kiều.  - Cảnh ngày xuân  - Kiều ở lầu Ngưng Bích  - Mã Giám Sinh mua Kiều.  - Thuý Kiều báo ân báo oán | Đầu thế kỉ 19 | Nguyễn Du | - Cách miêu tả vẻ đẹp và tài hoa của chị em Thuý Kiều.  - Cảnh đẹp ngày xuân cổ điển, trong sáng.  - Tâm trạng và nỗi nhớ của Thuý Kiều với lối dùng điệp từ.  - Phê phán, vạch trần bản chất Mã Giám Sinh và nỗi nhớ của nàng Kiều.  - Kiều báo ân báo oán với giấc mơ thực hiện công lí qua đoạn trích kết hợp miêu tả vời bình luận |
|  | Truyện Lục Vân Tiên trích:  - Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.  - Lục Vân Tiên gặp nạn | Giữa TK 19 | Nguyễn Đình Chiểu | - Vẻ đẹp của sức mạnh nhân nghĩa của người anh hùng qua giọng văn và cách biểu cảm của tác giả.  - Nỗi khổ của người anh hùng gặp nạn và bản chất của bọn vô nhân đạo. |
| Nghị luận | Chiếu dời đô | 1010 | Lý Công Uẩn | Lí do đời đô và nguyện vọng giữ nước muôn đời bền vững và phồn thịnh. Lập luận chặt chẽ. |
|  | Hịch tướng sĩ (trích) | Trước 1285 | Trần Quốc Tuấn | Trách nhiệm đối với đất nước và lời kêu gọi thống thiết đối với tướng sĩ. Lập luận chặt chẽ, luận cứ xác đáng, giàu sức thuyết phục. |
|  | Nước Đại Việt ta (trích *Bình Ngô đại cáo)* | 1428 | Nguyễn Trãi | Tự hào dân tộc, niềm tin chiến thắng, luận cứ rõ ràng, hấp dẫn. |
|  | Bàn luận về phép học | 1791 | Nguyễn Thiếp | Học để có tri thức, để phục vụ đất nước chứ không phải cầu danh. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục |

**III. VĂN HỌC HIỆN ĐẠI**

GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 4, hướng dẫn HS tổng kết như 2 nội dung trên (kẻ bảng, điền nội dung)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Tên văn bản** | **Thời gian** | **Tác giả** | **Những nét chính về nội dung và nghệ thuật** |
| Truyện kí | Sống chết mặc bay | 1918 | Phạm Duy Tốn | Tố cáo tên quan phủ vô nhân đạo. Thông cảm với nỗi khổ của nhân dân. Nghệ thuật miêu tả tương phản, đối lập và tăng cấp. |
| Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu | 1925 | Nguyễn ái Quốc | Đối lập 2 nhân vật: Va ren- gian trá, lố bịch; Phan Bội Châu -kiên cường bất khuất. Giọng văn sắc sảo, hóm hỉnh... |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tức nước vỡ bờ (trích *Tắt đèn)* | 1939 | Ngô Tất Tố | Tố cáo xã hội phong kiến tàn bạo, thông cảm nỗi khổ của người nông dân, vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông thôn. Nghệ thuật miêu tả nhân vật... |
| Trong lòng mẹ (trích *Những ngày thơ ấu)* | 1940 | Nguyên Hồng | Những cay đắng tủi nhục và tình yêu thương người mẹ của tác giả thời thơ ấu. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. |
| Tôi đi học | 1941 | Thanh Tịnh | Kỉ niệm ngày đầu đi học. Nghệ thuật tự sự xen miêu tả và biểu cảm |
| Bài học đường đời đầu tiên (trích *Dế mèn phiêu lưu kí)* | 1941 | Tô Hoài | Vẻ đẹp cường tráng, tính nết kiêu căng và nỗi hối hận của Dế Mèn khi gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt. Nghệ thuật nhân hoá, kể chuyện hấp dẫn. |
| Lão Hạc | 1943 | Nam Cao | Số phận đau thương và vẻ đẹp tâm hồn của Lão Hạc, sự thông cảm sâu sắc của tác giả. Cách miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện hấp dẫn. |
| Làng | 1948 | Kim Lân | Tình yêu quê hương đất nước của những người phải đi tản cư. Tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Sông nước Cà Mau (trích *Đất rừng phương Nam* | 1957 | Đoàn Giỏi | Chợ Năm Căn, cảnh sông nước Cà Mau rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên qua cảm nhận tinh tế của tác giả. |
| Chiếc lược ngà | 1966 | Nguyễn Quang Sáng | Tình cảm cha con sâu đậm, đẹp đẽ trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Cách kể chuyện hấp dẫn, kết hợp với miêu tả và bình luận. |
| Lặng lẽ Sapa | 1970 | Nguyễn Thành long | Vẻ đẹp của người thanh niên với công việc thầm lặng. Tình huống truyện hợp lí, kể chuyện tự nhiên. Kết hợp tự sự với trữ tình và bình luận |
| Những ngôi sao xa xôi | 1971 | Lê Minh Khuê | Vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của những cô gái thanh niên xung phong trên đường Trường Sơn. Nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung; miêu tả tâm lí nhân vật |
| Vượt thác (trích *Quê nội)* | 1974 | Võ Quảng | Vẻ đẹp thơ mộng, hùng vĩ của thiên nhiên và vẻ đẹp của sức mạnh con người trước thiên nhiên. Tự sự kết hợp với trữ tình. |
| Lao xao (trích *Tuổi thơ im lặng)* | 1985 | Duy Khán | Bức tranh cụ thể, sinh động về thế giới loài chim ở một vùng quê. Cách quan sát và miêu tả tinh tế. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bến quê | 1985 | Nguyễn Minh Châu | Trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương. Tình huống truyện, hình ảnh giàu tính biểu tượng, tâm lí nhân vật |
| Tuỳ bút | Một món quà của lúa non: Cốm | 1943 | Thạch Lam | Thứ quà riêng biệt, nét đẹp văn hoá. Cảm giác tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc. |
| Cây tre Việt Nam | 1955 | Thép Mới | Qua hình ảnh ẩn dụ, ca ngợi cây tre (con người Việt Nam) anh hùng trong lao động và chiến đấu, thuỷ chung chịu đựng gian khổ hi sinh... |
| Mùa xuân của tôi | Trước 1975 | Vũ Bằng | Nỗi nhớ Hà Nội da diết của người xa quê bộc lộ tình yêu quê hương đất nước. Tâm hồn tinh tế nhạy cảm và ngòi bút tài hoa. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Cô Tô | 1976 | Nguyễn Tuân | Cảnh đẹp thiên nhiên và vẻ đẹp của con người vùng đảo Cô Tô. Ngòi bút điêu luyện, tinh tế của tác giả. |
| Sài gòn tôi yêu | 1990 | Minh Hương | Sức hấp dẫn của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn. Con người Sài Gòn cởi mở, chân tình, trọng đạo nghĩa. Cách cảm nhận tinh tế, ngôn ngữ giàu sức biểu cảm. |
| Thơ | Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác | 1914 | Phan Bội Châu | Phong thái ung dung, khí phách kiên cường của người chí sĩ yêu nước vượt lên cảnh tù ngục. Giọng thơ hào hùng, có sức lôi cuốn. |
| Đập đá ở Côn Lôn | Đầu TK 20 | Phan Chu Trinh | Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp gian nguy. Bút pháp lãng mạn, giọng thơ hào hùng. |
| Muốn làm thằng Cuội | 1917 | Tản Đà | Bất hoà với thực tại tầm thường muốn lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng. Hồn thơ lãng mạn pha chút ngông nghênh. |
| Hai chữ nước nhà | 1924 | Trần Tuấn Khải | Mượn câu chuyện lịch sử để bộc lộ cảm xúc và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào. Thể thơ phù hợp, giọng thơ trữ tình thống khiết. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Quê hương | 1939 | Tế Hanh | Bức tranh tươi sáng, sinh động về vùng quê. Những con người lao động khoẻ mạnh đầy sức sống. Lời thơ bình dị, gợi cảm, tha thiết. |
| Khi con tu hú | 1939 | Tố Hữu | Lòng yêu cuộc sống nỗi khao khát tự do của người chiến sĩ giữa chốn lao tù. Thể thơ lục bát giản dị, thiết tha. |
| Tức cảnh Pắc Bó | 1941 | Hồ Chí Minh | Vẻ đẹp hùng vĩ của Pắc Bó, niềm tin sâu sắc của Bác vào sự nghiệp cứu nước. Lời thơ giản dị, trong sáng mà sâu sắc. |
| Ngắm Trăng | 1942-1943 | Hồ Chí Minh | Tình yêu thiên nhiên tha thiết giữa chốn tù ngục và lòng lạc quan cách mạng. Bài thơ sử dụng biện pháp nhân hoá rất linh hoạt, tài tình. |
| Đi đường | 1942-1943 | Hồ Chí Minh | Nỗi gian khổ khi bị giải đi và vẻ đẹp thiên nhiên trên đường. Lời thơ giản dị mà sâu sắc. |
| Nhớ rừng (Thi nhân Việt Nam) | 1943 | Thế Lữ | Mượn lời con hổ bị nhốt để diễn tả nỗi chán ghét thực tại tầm thường, khao khát tự do mãnh liệt. Chất lãng mạn tràn đầy cảm xúc trong bài thơ. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Ông đồ (Thi nhân Việt Nam) | 1943 | Vũ Đình Liên | Thương cảm với ông đồ, với lớp người "đang tàn tạ". Lời thơ giản dị mà sâu sắc, gợi cảm. |
| Cảnh khuya | 1948 | Hồ Chí Minh | Cảnh đẹp thiên nhiên, nỗi lô vận nước. Hình ảnh thơ sinh động, cách so sánh độc đáo. |
| Rằm tháng giêng | 1948 | Hồ Chí Minh | Cảnh đẹp đêm rằm tháng giêng ở Việt Bắc, cuộc sống chiến đấu của Bác, niềm tin yêu cuộc sống. Bút pháp cổ điển và hiện đại |
| Đồng chí | 1948 | Chính Hữu | Tình đồng chí tạo nên sức mạnh đoàn kết, thương yêu, chiến đấu.  Lời thơ giản dị, hình ảnh chân thực. |
| Lượm | 1949 | Tố Hữu | Vẻ đẹp hồn nhiên của Lượm trong việc tham gia chiến đấu giải phóng quê hương. Sự hi sinh anh dũng của Lượm. Thơ tự sự kết hợp trữ tình. |
| Đêm nay Bác không ngủ | 1951 | Minh Huệ | Hình ảnh Bác Hồ không ngủ, lo cho bộ đội và dân công. Niềm vui của người đội viên trong đêm không ngủ cùng Bác. Lời thơ giản dị, sâu sắc. |
| Đoàn thuyền đánh cá | 1958 | Huy Cận | Cảnh đẹp thiên nhiên và niềm vui của con người trong lao động trên biển. Bài thơ giàu hình ảnh sáng tạo. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Con cò | 1962 | Chế Lan Viên | Ca ngợi tình mẹ con và ý nghĩa lời ru đối với cuộc sống con người. Vận dụng sáng tạo ca dao, nhiều câu thơ đúc kết những suy ngẫm sâu sắc. |
| Bếp lửa | 1963 | Bằng Việt | Những kỉ niệm tuổi thơ về người bà, bếp lửa và nỗi nhớ quê hương da diết. Giọng thơ truyền cảm, da diết; hình ảnh thơ chân thực giàu sức biểu cảm. |
| Mưa | 1967 | Trần Đăng Khoa | Cảnh vật thiên nhiên trước và trong cơn mưa rào ở làng quê Việt Nam. Thể thơ tự do, nhịp nhanh, mạnh, óc quan sát tinh tế; ngôn ngữ phóng khoáng. |
| Tiếng gà trưa | 1968 | Xuân Quỳnh | Những kỉ niệm của người lính trên đường ra trận và sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Cách sử dụng điệp ngữ "Tiếng gà trưa" và ngôn ngữ tự nhiên. |
| Bài thơ về tiểu đội xe không kính | 1969 | Phạm Tiến Duật | Những gian khổ hy sinh và niềm lạc quan của người lính lái xe. Lời thơ giản dị, tự nhiên dễ đi vào lòng người. |
| Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ | 1971 | Nguyễn Khoa Điềm | Tình yêu con gắn với tình yêu quê hương đất nước và tinh thần chiến đấu của người mẹ Tà-ôi. Giọng thơ ngọt ngào, trìu mến, giàu nhạc tính. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Viếng lăng Bác | 1976 | Viễn Phương | Tình cảm nhớ thương, kính yêu, tự hào về Bác. Lời thơ tha thiết, ân tình, giàu nhạc tính. |
| Ánh trăng | 1978 | Nguyễn Duy | Nhắc nhở về những năm tháng gian lao của người lính, nhắc nhở thái độ sống uống nước nhớ nguồn. Giọng thơ tâm tình, tự nhiên, hình ảnh giàu sức biểu cảm. |
| Mùa xuân nho nhỏ | 1980 | Thanh Hải | Tình yêu và gắn bó với mùa xuân, với thiên nhiên. Tự nguyện làm mùa xuân nhỏ dâng hiến cho đời. Thể thơ 5 chữ quen thuộc, ngôn ngữ giàu sức truyền cảm. |
| Nói với con  (thơ Việt Nam) | 1945 - 1985) | Y Phương | Tình cảm gia đình ấm cúng, truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, dân tộc. Từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi cảm. |
| Sang thu | 1998 | Hữu Thỉnh | Sự chuyển biến nhẹ nhàng từ hạ sang thu qua sự cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm. |
| Nghị luận | Thuế máu (trích *Bản án chế độ thực dân Pháp)* | 1925 | Nguyễn ái Quốc | Tố cáo thực dân đã biến người nghèo ở các nước thuộc địa thành vật hy sinh cho các cuộc chiến tranh tàn khốc. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tiếng nói của văn nghệ | 1948 | Nguyễn Đình Thi | Văn nghệ là sợi dây đồng cảm kì diệu. Văn nghệ giúp con người sống phong phú và tự hoàn thiện nhân cách. Bài văn có lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh và cảm xúc. |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. | 1951 | Hồ Chí Minh | Khẳng định, ca ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Lập luận chặt chẽ, giọng văn tha thiết, sôi nổi, thuyết phục. |
| Sự giàu đẹp của Tiếng Việt | 1967 | Đặng Thai Mai | Tự hào về sự giàu đẹp của tiếng Việt trên nhiều phương diện, biểu hiện của sức sống dân tộc. Lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục cao. |
| Đức tính giản dị của Bác Hồ | 1970 | Phạm Văn Đồng | Giản dị là đức tính nổi bật của Bác trong đời sống, trong các bài viết. Nhưng có sự hài hoà với đời sống tinh thần phong phú, cao đẹp. Lời văn tha thiết, có sức truyền cảm. |
| Ý nghĩa văn chương | NXB GD 1998 | Hoài Thanh | Nguồn gốc của văn chương là vị tha, văn chương là hình ảnh của cuộc sống phong phú. Lối văn nghị luận chặt chẽ, có sức thuyết phục. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới | 2001 | Vũ Khoan | Chỗ mạnh và yếu của tuổi trẻ Việt Nam. Những yêu cầu khắc phục cái yếu để bước vào thế kỉ mới. Lời văn hùng hồn, thuyết phục. |
| Kịch | Bắc Sơn | 1946 | Nguyễn Huy Tưởng | Phản ánh mâu thuẫn giữa cách mạng và kẻ thù của cách mạng; thể hiện diễn biến nội tâm nhân vật Thơm. Nghệ thuật thể hiện tình huống và mâu thuẫn. |

**4.Củng cố luyện tập**

- Gv hệ thống toàn bài.

H: Các thể loại văn học đã học trong chương trình THCS?

**5. Hướng dẫn học ở nhà**

- Nhận xét việc lập bảng chuẩn bị bài của hs ở nhà

- Học bài cũ , Chuẩn bị: *Tổng kết VHVN (tiếp)*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 168.*** **TỔNG KẾT VĂN HỌC (TIẾP)**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:** Giúp hs: Có những hiểu biết ban đầu về l/s văn học VN.

- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học.

2. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng hệ thống hoá tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

- Đọc hiểu t/p theo đặc trưng thể loại.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống hoá vhọc VN theo thời kì. bỗi dưỡng t/y văn học.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tb dạy- học :**

**1. GV**: soạn bài, đọc chuẩn kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo,SGK,SGV...

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị ôn theo nội dung câu hỏi SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. ổn định tổ chức:**

**Sĩ số :** 9A:

9B:

9C:

**2. Kiểm tra đầu giờ**: Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

*H : Các thể loại văn học trong chương trình Ngữ văn THCS cho ví dụ minh họa ?*

**3.Bài mới:**

Để nhìn lại tổng thể những vẫn đề về thể loại văn học trong phần văn THCS , chúng ta tổng kết tiếp tiết 2

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS nhận định chung về nền văn học Việt Nam**  - Trên cơ sở H/S đã chuẩn bị ở nhà  - H/S nêu rõ y/c của 4 câu hỏi và trả lời đ­ợc theo sự chuẩn bị của mình.  \*G/V kiểm tra việc trả lời câu hỏi, việc thống kê của H/S ở câu 1 (Trang 181)  *H: Nhìn vào bảng thống kê đã chuẩn bị VHVN tạo thành từ những bộ phận nào?*  (VH dân gian và VH Viết)  *H: Cho VD từ những TP mà em đã học?*  \*G/V y/c đọc SGK trang 187 và chốt lại đ­ợc những ý chính.  *H: VH dg đ­ợc hình thành và phát triển ntn?*  *H: Là tiếng nói cuả ai? đ­ợc l­u truyền ntn?*  *H: Vai trò của VH DG?*  *H: Thể loại của VH DG?*  *H: Kể tên các TP VH DG (theo thể loại) mà em đã đ­ợc học?*  *H: Học sinh đọc mục 2 trang 188?*  *H: VH viết (VH trung đại) đ­ược phân chia thời gian ntn?*  *H: Các TP VH đ­ược viết bằng chữ Hán?*  (VD: Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi)  (VD: Nam Quốc Sơn Hà)  *H: Nhận xét của em về các TPVH chữ Hán, chữ Nôm trong VH viết?*  - Cho VD các TP cụ thể?  H/S đọc mục II trang 189?  *H: VHVN đ­ược chia mấy thời kỳ lớn (3 thời kì)? cụ thể về thời gian và nội dung phản ánh?*  *- Lấy VD cụ thể các tác phẩm?*  \*G/V: H­ướng dẫn  *+Thời kì 1: Các TP VH trung đại:*  *+Thời kì 2: Văn thơ yêu n­ớc và CM; văn học 30/45?*  *+Thời kì 3: Văn học hiện đại chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng đất n­ớc và sau 1975?*  *H: H/S đọc mục III trang 191 SGK.*  *H: Về nội dung qua các TP VHVN đã phản ánh lên ND lớn là gì? VD cụ thể qua các tác phẩm?*  *\*G/V h­ớng dẫn: Lấy VD qua những thời kỳ, giai đoạn VH những TP tiêu biểu?*  *H: Về nghệ thuật có gì đặc sắc?*  *+Chú ý: Về vẻ đẹp giản dị, tinh tế qua cách thể hiện?*  *+Tên cụ thể cảu các TP?*  *(Bảng phụ các TP cụ thể ở các thời kì VH) Các TP tiêu biểu.*  **HĐ 2. HDHS nhận định chung về nền văn học Việt Nam**  *H/S cho ví dụ: TP VH là một truyện ngắn; là một bài thơ, là một vở kịch trong phần VH hiện đại đã học ở lớp 9?*  *H : Thế nào là thể loại VH?*  *H : Sáng tác VH có những loại nào?*  *(3 loại)*  *H : Ngoài ra còn có loại nào khác?*  *H : Ví dụ loại rộng hơn thể qua việc minh hoạ các TP?*  *(Ví dụ: Loại trữ tình, có nhiều thể đó là thơ, tuỳ bút,..)*  *H :VH dg bao gồm những thể loại nào? Nêu định nghĩa?*  *H :Cho ví dụ cụ thể các VB đã học?*  *H :Giá trị của VH dg ntn?*  *\*G/V giới thiệu: Nguồn gốc và sự phân loại các thể thơ Trung đại.*  *- Ví dụ về thể cổ phong?*  *H : Nhận xét đặc điểm của thể cổ phong?*  *- Ví dụ về thể Đ­ờng luật?*  *(Ví dụ các dạng: Tứ tuyệt, Thất Ngôn Bát Cú)*  *\*Học sinh đọc thể thơ Đ­ường luật trang 169 SGK.*  *H : Trong thơ Đ­ường luật (Thất Ngôn Bát Cú) Những quy định về vần, thanh, luật, niệm, đối, và kết cấu ntn?*  *H : Các thể thơ nguồn gốc dân gian bao gồm?*  *H :Đặc điểm của các thể thơ đó?*  *- Cho VD minh hoạ?*  *H : VD các truyện, kí trong VH trung đại.*  *H :Phản ánh lên những ND gì?*  *H :Nghệ thuật thể hiện ntn?*  *H :Truyện thơ Nôm viết ở thể thơ gì?*  *H :Đ­ược chia làm mấy loại?*  *H :Cho VD cụ thể?*  *H :Các dạng thể văn nghị luận? cho VD?*  *H :Đặc điểm chủ yếu là gì?*  *H :Ví dụ cụ thể ở cac TP văn nghị luận này?*  *\*Các ngữ liệu (bảng phụ các TP: Chiếu, hịch, cáo)*  - Đọc mục III trang 199  *H :Các thể loại của VH hiện đại bao gồm?*  *H :Đặc điểm của thể truyện? thể tuỳ bút? Thể thơ?*  *H :Sự đổi mới của thơ hiện đại là gì?*  *H :Cho ví dụ những tác phẩm tiêu biểu về VH hiện đại.*  \*Bảng phụ ghi các TP tiêu biểu sắp xếp theo thể loại. | **Phần A: Nhìn chung về nền văn học Việt Nam.**  \*Nền VHVN ra đời, tồn tại phát triển cùng với sự vận động của lịch sử dân tộc; phản ánh tâm hồn t­ t­ởng, tính cách của con ng­ời VN.  -Phong phú về số l­ợng TP, đa dạng về thể loại.  ***1)Các bộ phận hợp thành nền VH Việt Nam.***  VHVN đ­ợc tạo thành từ hai bộ phận lớn: Văn học dân gian, VH viết.  a**)Văn học dân gian**:  - Đư­ợc hình thành từ thời xa x­a và tiếp tục đ­ược bổ sung phát triển trong các thời kỳ lịch sử tiếp theo; nằm trong tổng thể văn hoá dân gian  - Là sản phẩm của ND đ­ợc l­u truyền bằng miệng.  - Có vai trò nuôi d­ỡng tâm hồn trí tuệ của ND là kho tàng cho VH viết khai thác, phát triển.  -Tiếp tục phát triển trong suốt thời kì trung đại khi VH viết đã ra đời.  -Về thể loại: Phong phú.  **b)Văn học viết** (VH trung đại)  -Xuất hiện từ TK X – hết TK XIX  -Bao gồm: VH chữ Hán, VH chữ Nôm, VH chữ quốc ngữ.  +Ví dụ: Nam quốc Sơn Hà (chữ Hán)  +Ví dụ: Truyện Kiều (Nguyễn Du), thơ Hồ Xuân H­ơng (chữ Nôm).  -Các TP chữ Hán: chứa chan tinh thần dân tộc, cốt cách của ng­ời VN.  -Các TP chữ Nôm: Phát triển phong phú kết tinh thành tựu nghệ thuật và giá trị t­ t­ưởng.  -Các TP chữ quốc ngữ xuất hiện từ cuối TK XIX.  **2)Tiến trình lịch sử VHVN**  -VHVN phát triển trong sự gắn bó mật thiết với LS dân tộc.  -VHVN (chủ yếu nói về VH viết)  Trải qua 3 thời kì lớn:  +Từ đầu TK X →Cuối TK XIX  +Từ TK XX →1945  +Từ sau CMT8/1945 → nay.  Thời kì thứ ba chia làm 2 giai đoạn  +Giai đoạn 1945→1975  +Từ sau 1975→nay.  **III.Mấy nét đặc săc nổi bật của văn học Việt Nam**  ***1)Về nội dung***  -Tinh thần yêu nư­ớc, ý thức cộng đồng là một nội dung t­ t­ởng đậm nét, xuyên suốt.  -Tinh thần nhân đạo.  -Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan.  ***2)Về nghệ thuật***:  -Các TPVH không phải là hư­ớng tới sự bề thế đồ sộ phi th­ường mà là vẻ đẹp tinh tế, hài hoà, giản dị, vẻ đẹp ở ngôn từ trong thơ và văn xuôi.  -Thơ Nôm kết tinh cao nhất là Truyện Kiều.  -Văn xuôi truyện ngắn phong phú và đặc sắc hơn.  **Phần B: Sơ l­ược về một số thể loại văn học :**  \*Thể loại VH là  : Là sự thống nhất giữa một loại nội dung với một loại hình thức VB và ph­ơng thức chiếm lĩnh đời sống.  \*Sáng tác VH thuộc ba loại: Tự sự, trữ tình và kịch. Ngoài ra còn có loại nghị luận, chủ yếu sử dụng ph­ơng thức lập luận.  \*Loại rộng hơn thể, loại bao gồm nhiều thể:  ***1)Một số thể loại VH dân gian:***  -Tự sự dân gian: gồm các truyện thần thoại, cổ tích.  -Trữ tình dân gian: Ca dao, dân ca  -Chèo và Tuồng.  Ngoài ra tục ngữ coi là một dạng đặc biệt của nghị luận.  ***2)Một số thể loại VH trung đại***  **a)Các thể thơ:**  **\*Các thể thơ có nguồn gốc thơ ca Trung Quốc**  - Có 2 loại chính: Cổ Phong và thể  Đư­ờng Luật  **+Thể cổ phong:** Không cần tuân theo vần, hiên, luật, chữ , số câu trong bài thơ.  VD: Côn Sơn ca (Nguyễn Trãi)  Chinh Phụ Ngâm (Viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn).  **+Thể Đư­ờng Luật**: Quy định khá chặt chẽ về thanh, đối, số câu, số chữ, cấu trúc thể hiện nhiều dạng  Ví dụ: Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan).  Bạn Đến Chơi Nhà (Nguyễn Khuyến)  **\*Các thể thơ có nguồn gốc dân gian**  -Thể thơ lục bát để sáng tác truyện thơ Nôm VD: Truyện Kiều – Nguyễn Du.  -Thể song thất lục bát  VD: Chinh Phụ Ngâm - Đoàn Thị Điểm.  **b)Các thể truyện, kí**  -Ví dụ: “Truyền kì mạn lục” – Nguyễn Dữ.  “Th­ợng Kinh Kí Sự”- Lê Hữu Trác...  -Kể về các nhân vật lịch sử, các anh hùng, về phụ nữ; có truyện còn mang yếu tố kì ảo t­ởng t­ợng.  **c)Truyện thơ Nôm**  -Viết chủ yếu là thơ lục bát; có cốt truyện nhân vật...giàu chất trữ tình.  -Truyện thơ nôm: Bình dân (khuyết danh); bác học đỉnh cao là kiệt tác truyện Kiều của Nguyễn Du.  **d)Một số thể văn nghị luận:**  - Các dạng thể: Chiếu, biểu, hịch, cáo; có sự kết hợp giữa t­ t­ởng lí lẽ với tình cảm, cảm xúc, lập luận chặt chẽ với hình ảnh phong phú; ngôn ngữ biểu cảm.  -Khái niệm về các dạng thể đó.  -Ví dụ: Chiếu Dời Đô (Lí Công Uẩn)  Hịch T­ớng Sĩ (Trần Quốc Tuấn)  Bình Ngô Đại Cáo (Nguyễn Trãi)  ***3)Một số thể loại VH hiện đại***  -Thể truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) đ­ược phát triển.  -Thể tuỳ bút in đậm dấu ấn của chủ thể sáng tác giàu biểu cảm.  -Thơ hiện đại, tính từ thơ mới (1932-1945) có nhiều dạng thể; thơ tự do xuất hiện và phát triển có nhiều thành công.  =>Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung t­ t­ởng cảm xúc mà còn đổi mới về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ. |

**4 . Củng cố, Luyện tập:**

-Y/C trả lời 5 bài tập trang 193, 194

+Chú ý ở BT: Có 1 số điểm khó sự ảnh h­ởng trên nhiều phư­ơng diện: Thể loại, chủ đề, cốt chuyện , nhân vật , hình ảnh, chi tiết...

VD: Truyện Kiều, thơ HXH; bài thơ Con Cò (Chế lan Viên); thơ Nguyễn Du.

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà :**

- Theo các nội dung đã tổng kết ở tiết 1, học phần ghi nhớ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 169, 170.*** **KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:**

- Qua bài làm đánh giá năng lực học tập của học sinh trong kì học.

**2**. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng hệ thống hoá tri thức đã học cụ thể thành việc làm các dạng bài tập tổng hợp.

**3.Thái độ:**

- Rèn thái độ trung thực, nghiêm túc khi làm bài.

**II. Chuẩn bị tài liệu thiết bị dạy và học**

**1. GV**: Ôn luyện cho học sinh, đọc chuẩn kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo,SGK,SGV...

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị ôn theo nội dung câu hỏi SGK, đọc các tác phẩm, luyện các dạng bài tập theo đề cương ôn tập của giáo viên.

**III. Tiến trình hoạt động dạy và học :**

**1. Ổn định tổ chức :**

**Kiểm diện:** 9A:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

**3. Bài mới :**

**Đề bài :** Thi theo đề của Sở giáo dục

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 172.*** **THƯ (ĐIỆN) CHÚC MỪNG VÀ THĂM HỎI**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:** ,

- Củng cố kiến thức viết thư (điện) chúc mừng thăm hỏi

**2**. **Kĩ năng**:

- Củng cố kĩ năng viết thư (điện) chúc mừng và thâm hỏi.

**3.Thái độ:**

- Có tình cảm, thái độ chân thành chia vui sẻ buồn với bạn bè và người thân .

**II. Chuẩn bị tài liệu thiết bị dạy và học**

**1. GViên**: Soạn bài , đọc chuẩn kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo SGV,SGK...

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị bài theo bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy và học :**

**1. Ổn định tổ chức :**

**Kiểm diện:** 9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

*- Nêu mục đích của việc viết thư, (điện) chúc mừng, thăm hỏi ?*

*- Nội dung, hình thức thư (điện) ?*

**3. Bài mới**: Để bày tỏ lòngđồng cảm với niềm vui hay nỗi buồn của người xung quanh, bạn bè người thân ... người ta có thể dùng nhiều hình thức . Trong đó có cách dùng thư điện chúc mừng thăm hỏi.Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cách viết thư (điện)

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS tìm hiểu những trường hợp cần viết thư điện chúc mừng và thăm hỏi.**  - Y/c hs đọc mục 1  *H: Những trường hợp nào cần gửi thư (điện) chúc mừng và những trường hợp nào cần gửi thư, điện thăm hỏi ?.*  *H:MĐ và t/d của thư, điện chúc mừng, thăm hỏi ?*  *H: Ý nghĩa của thư (điện) chúc mừng, thăm hỏi?*  *H: Qua đó em hiểu thế nào về tình huống viết thư (điện)chúc mừng, thăm hỏi?*  *H: Hãy kể thêm những tr­ờng hợp khác?*  **HĐ 2.HDHS tìm hiểu cách viết thư(điện) chúc mừng, thăm hỏi :**  *H:Mục đích, tác dụng của th­ điện chúc mừng và thăm hỏi khác nhau ntn?*  *H:Gửi th­ (điện) chúc mừng, thăm hỏi trong hoàn cảnh nào? để làm gì?*  *H: Khi có điều kiện đến tận nơi có dùng việc gửi nh­ vậy không? Tại sao?*  *H: Người viết cần thể hiện tình cảm như thế nào trong thư(điện)?*  *H: Nhận xét về lời văn?*  *H: Vậy nội dung chính của th­ (điện) chúc mừng và thăm hỏi ntn?*  *H:Cách thức diễn đạt ra sao?*  (H/S thảo luận)  - Hs đọc ghi nhớ SGK | **I.Những trường hợp cần viết thư điện chúc mừng và thăm hỏi:**  **-Tình huống:** Chúc mừng khi bạn bè, người thân có tin vui, niềm vui lớn.  Thăm, hỏi: khi bạn bè, người thân gặp rủi ro, mất mát...  **- Mục đích**:  Chúc mừng để chia vui, biểu dương, khích lệ.  Thăm hỏi: Chia buồn, động viên, an ủi.  **- Tác dụng** : Bạn bè người thân cảm nhận đc tình cảm của người chúc, góp phần làm cho niềm vui đc nhân lên, nỗi buồn được an ủi.  => Sự quan tâm biểu lộ tình cảm chân thành với bạn bè người thân*.*  **II. Cách viết thư, điện chúc mừng và thăm hỏi**  **1. So sánh nội dung thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi:**  **- Giống nhau**:  Về hình thức gồm 3 phần  + Người nhận  + NDg: Lí do  + Lời CM, thăm hỏi  + Người gửi  - Đều là một cách thể hiện tình cảm với bạn hay người thân.  **- Khác nhau**:  +)Chúc mừng để chia vui, khích lệ...  +)Thăm hỏi: để chia buồn, an ủi.  **2. Nhận xét về hình thức, nội dung:**  - Độ dài ,ngắn: Ngắn gọn, xúc tích  - T/c chân thành.  **3. Cụ thể hóa các nội dung bằng những cách D Đ khác:**  - Nhân dịp sinh nhật lần thứ 14 của bạn tôi chúc bạn mạnh khoẻ, hạnh phúc trong cuộc sống.  - Được tin bạn đạt giải nhất cuộc thi hs thanh lịch lớp 9B vô cùng tự hào chúc mừng bạn sẽ thanh lịch trong cả c/s đời thường.  \* Nội dung: lời chúc mừng, hay thăm hỏi.  \* Cách diễn đạt: Chân thành, ngắn gọn xúc tích.  **\* Ghi nhớ** (SGk/204) |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Tình huống nào cần viết thư điện chúc mừng? tình huống nào cần viết thư điện thăm hỏi?*

- Mục đích của việc gửi thư(điện)

- Hình thức và nội dung của thư(điện)

**5. Hướng dẫn học ở nhà:** Học lí thuyết, lấy ví dụ cụ thể và thực hành diễn đạt thành lời những tình huống dùng th­ư (điện). Chuẩn bị phần luyện tập học tiết 2.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 172.*** **THƯ (ĐIỆN) CHÚC MỪNG VÀ THĂM HỎI**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1.Kiến thức:** ,

- Củng cố kiến thức viết thư (điện) chúc mừng thăm hỏi

**2**. **Kĩ năng**:

- Củng cố kĩ năng viết thư (điện) chúc mừng và thâm hỏi.

**3.Thái độ:**

- Có tình cảm, thái độ chân thành chia vui sẻ buồn với bạn bè và người thân .

**II. Chuẩn bị tài liệu thiết bị dạy và học**

**1. GViên**: Soạn bài , đọc chuẩn kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo SGV,SGK...

**2. Học sinh :**

**-** Chuẩn bị bài theo bài tập SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy và học :**

**1. Ổn định tổ chức :**

**Kiểm diện:** 9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

*- Nêu mục đích của việc viết thư, (điện) chúc mừng, thăm hỏi ?*

*- Nội dung, hình thức thư (điện) ?*

**3. Bài mới**: Giờ học này chúng ta sẽ củng cố kiến thức về thư (điện)chúc mừng và

thăm hỏi

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS ôn tập lí thuyết :**  *H: Những trường hợp nào cần gửi thư (điện) chúc mừng và những trường hợp nào cần gửi thư, điện thăm hỏi ?.*  *H:MĐ và t/d của thư, điện chúc mừng, thăm hỏi ?*  *H: Ý nghĩa của thư (điện) chúc mừng, thăm hỏi?*  *H: Qua đó em hiểu thế nào về tình huống viết thư (điện)chúc mừng, thăm hỏi?*  *H: Hãy kể thêm những tr­ờng hợp khác?*  **HĐ 2.HDHS luyện tập :**  BT1:  +G/V yêu cầu H/S kẻ mẫu bức điện vào vở và điền nội dung.  +Chia lớp thành 3 nhóm để làm BT1.  +Mỗi nhóm cử đại diện trình bày BT1.  BT2:  +G/V yêu cầu H/S nhắc lại các tình huống viết th­ (điện) chúc mừng? Thăm hỏi?  +H/s trả lời BT2?  +G/V nêu y/c của BT3  H/S tự xác định tình huống và viết theo mẫu của b­u điện .  ? Y/c về nội dung, lời văn ở BT4 ntn?  ? Y/c về nội dung, lời văn ở BT5 ntn? | **I.Ôn tập lí thuyết :**  **-Tình huống:** Chúc mừng khi bạn bè, người thân có tin vui, niềm vui lớn.  Thăm, hỏi: khi bạn bè, người thân gặp rủi ro, mất mát...  **- Mục đích**:  Chúc mừng để chia vui, biểu dương, khích lệ.  Thăm hỏi: Chia buồn, động viên, an ủi.  **- Tác dụng** : Bạn bè người thân cảm nhận đc tình cảm của người chúc, góp phần làm cho niềm vui đc nhân lên, nỗi buồn được an ủi.  => Sự quan tâm biểu lộ tình cảm chân thành với bạn bè người thân*.*  **II. Luyện tập:**  1.Bài tập 1:  H/S kẻ mẫu bức điện trang 204 vào vở và điền nội dung vào các phần của bức điện.  Chia 3 nhóm để hoàn thành BT  (Với nội dung 3 bức điện ở mục II1 trang 202)  2.Bài tập 2:  a,b (Điện chúc mừng)  d,e (Th­, điện chúc mừng)  c (điện thăm hỏi)  3.Bài tập 3:  Hoàn chỉnh một bức điện mừng theo mẫu của b­ức điện (ở BT1); với tình huống tự đề xuất.  4.Bài tập 4:  Em hãy viết một bức th­ (điện) thăm hỏi khi biết tin gia đình bạn em có việc buồn.  5.Bài tập 5:  Em hãy viết một bức th­ (điện) chúc mừng bạn em vừa đạt giải cao trong kì thi HS giỏi vòng tỉnh ở lớp 9. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Nêu tình huống nào cần viết thư điện chúc mừng? tình huống nào cần viết thư điện thăm hỏi?*

- Mục đích của việc gửi thư(điện)

- Hình thức và nội dung của thư(điện)

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

Học bài cũ , xem lại các bài kiểm tra -> chuẩn bị cho giờ trả bài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

*TIẾT 173.* TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

**I.Mục tiêu bài học :**

- Nắm đc những ưu điểm và hạn chế trong bài làm, những đơn vị kiến thức còn yếu cần khắc phục.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng nhận biết và sửa chữa lỗi sai

**3.Thái độ.**

- Có ý thức sửa chữa lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, chấm bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9B:

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Kiểm tra việc làm bài ở nhà, vở ghi.*

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

- Trả bài để cho các em rút kinh nghiệm chuẩn bị tốt cho bài làm sau.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS chữa bài :**  - HS đọc lại đề trắc nghiệm, xác định đáp án trắc nghiệm  *- Đọc thơ, chỉ ra dấu câu*  - H/s khác theo dõi bổ sung  *H: Xác định tình huống truyện :Làng*  *H: Nêu hệ thống ý cần triển khai khi phân tích bài thơ?*  *- Yêu cầu các hs nhận xét*  - Yêu cầu sinh đọc bài thơ  **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/s  Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu đoạn văn viết tốt  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **I. Phần trắc nghiệm**:(2đ- mỗi ý đúng 0,5đ)  Câu 1: C  Câu 2: B  Câu3: A  Câu 4:D  **II.Phần tự luận( 8đ)**  **Câu 1(2đ)**  - Đoạn thơ: "Từ hồi về thành phố…Vầng trăng tròn"  => Mối qhệ giữa người và trăng từ khi chuyển về thành phố: trở nên xa lạ không quen biết. Tình huống đột ngột mất điện, con người gặp lại vầng trăng.  **Câu 2(1đ)**  \* Tình huống: ông Hai nghê được tin làng chợ theo giặc từ miệng người đàn bà đi tản cư dưới xuôi lên.  **Câu 3 (5 đ)**  - Giới thiệu tác giả hoàn cảnh ra đời , khái quát nội dung bài thơ.  **a. Những cơ sở để hình thành tình đồng chí:**  - Tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, cùng giai cấp: đều là người nông dân lao động nghèo khổ.  "Quê hương anh// Làng tôi nghèo  nước mặn đồng chua//đất cày lên sỏi đá…"  ->NT: cấu trúc song song, thành ngữ  - Cùng chung nhiệm vụ,cùng chung lí tưởng. Tình đồng chí còn được nảy sinh từ sự cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu:  *"Tôi với anh đôi người xa lạ*  *…chẳng hẹn quen nhau,*  *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*  *… đôi tri kỉ”*  *-*> hình ảnh thơ sóng đôi , điệp ngữ.  - Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và trở nên bền chặt trong sự chia sẻ mọi gian lao thiếu thốn cũng như niềm vui trong cuộc sống.  *"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"*  - Dòng thơ đặc biệt, 2 tiếng ,1từ, dấu chấm than "Đồng chí!" => tạo 1 nốt nhấn như một phát hiện, 1 lời khẳng định, là quá trình tất yếu dẫn đến 1 t/cảm cao đẹp của tình đồng chí. Câu thơ được lấy làm nhan đề của bài, biểu hiện chủ đề, là linh hồn của bài thơ. =>Nó như bản lề nối liền 2 đoạn thơ khép mở 2 ý thơ: nhữngcơ sở của tình đồng chí và những biểu hiện của tình đồng chí  **b. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:**  -Tình đồng chí là sự cảm thông sâu xa những tâm tư nỗi lòng của nhau:  *"Ruộng nương …****mặc kệ****… ra lính"*  +)"Mặc kệ" thể hiện quyết tâm ra đi cứu nước tạm quên tình riêng gđình  **-**Tình đồng chí là thông cảm với nhau về bệnh tật trong chiến đấu mà người lính mắc phải:  *"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi"*  - Tình đồng chí là cùng nhau chia sẻ những gian lao và thiếu thốn trong cuộc đời người lính,  *" Áo anh …..chân không giày"*  NT: Sử dụng các câu thơ song đôi, đối ứng, tả thực. Cấu trúc ấy đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội  - Sự yêu thương nhau thể hiện chân thành giản dị họ nắm tay để truyền cho nhau hơi ấm và sức mạnh của tình đồng chí hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá"  -> Sức mạnh của tình cảm keo sơn gắn bó sâu sắc giữa những người lính giúp ho vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn và gian khổ.  \* Chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến sống gian khổ, thiếu thốn nhưng tình đồng chí sưởi ấm lòng họ.  **c.Chất thơ trong cuộc sống chiến đấu gian khổ:**  - Bức tranh đẹp về tình đ/c, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ.  - Trên cảnh rừng hoang sương muối là 3 hình ảnh gắn kết : người lính, khẩu súng, vầng trăng.  => Làm nên sức mạnh của tình đồng đội giúp họ vượt lên những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ thiếu thốn.  - "Đầu súng trăng treo"  "suốt đêm vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng ở trên đầu mũi súng"  (suy nghĩ của tác giả -> hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích chờ giặc của tác giả.)  + Súng và trăng, gần và xa , thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ.  -> Các mặt này bổ sung cho nhau, hài hoà với nhau của cuộc đời người lính cách mạng(biểu tượng của thơ kháng chiến: kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn)  =>Bài thơ thể hiện hình tượng người lính cách mạng- thời kì chống Pháp, và sự gắn bó keo sơn của họ qua những chi tiết hình ảnh, ngôn ngữ giản dị.  **III.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm:**  - Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, câu chưa liên kết chưa đủ nội dung.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến** |

**4 Củng cố, luyện tập:**

- Khái quát những ưu và nhược điểm cần lưu ý?

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại nội dung bài học

- Về nhà học bài, chuẩn bị bài trả bài kiểm tra văn.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT174.* TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Nắm chắc những kiến thức tiếng việt đã học: Phần từ vựng, phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại giúp các em sử dụng tiếng việt tốt trong giao tiếp.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng nhận biết và sửa chữa lỗi sai

**3.Thái độ.**

- Có ý thức sửa chữa lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Chấm bài ,soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9B:

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Kiểm tra việc làm bài ở nhà, vở ghi.*

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

Trả bài để cho các em rút kinh nghiệm chuẩn bị tốt cho bài làm tổng hợp HK2

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS Chữa bài :**  - HS đọc lại đề trắc nghiệm, xác định đáp án, hoàn thành khái niệm.  *H:Hãy lập dàn ý cho đề văn giới thiệu ND*  - H/s khác theo dõi bổ sung  *H: Gọi hs nêu những nội dung cần thuyết minh.*  *H: Xác định từ láy và tác dụng?*    **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/s  Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu đoạn văn viết tốt  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **Phần I. Trắc nghiệm:** **(2 điểm).**  Câu 1: B ; Câu 2:D  ***Câu 3 (1 điểm)***  **Hoàn thành khái niệm sau:**  - Lời dẫn trực tiếp là: nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của ng khác ,nv.  - Lời dẫn gián tiếp là: thuật lại lời nói hay ý nghĩ của ng khác, nv có điều chỉnh cho phù hợp.  **Phần II. Tự luận ( 8 điểm):**  ***Câu 1. (3,5 điểm)***  - HS viết đoạn văn giới thiệu Ng Du và truyện Kiều có sử dụng lời dẫn trực tiếp.  Có liên kết, lô gic, mạch lac, k sai chính tả.  - Nguyễn Du một đại thi hào dân tộc một danh nhân văn hoá.  - Sự nghiệp sáng tác của ND  - Truyện Kiều là kiệt tác của đại thi hào ND có giá trị nội dung và nghệ thuật…  - Giá trị nội dung mang tính nhân đạo lớn... là tiếng nói thương cảm cho số phận  người phụ nữ ...ND từng nói *“ Đau đớn thay phận ....*  *Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*  ***Câu 2 (3,5 điểm):***  Hs nêu đc các từ láy : nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu.  -Vừa có t/d gợi tả cảnh vật vừa gợi tả tâm trạng con ng- làm nổi bật tâm trạng bâng khuâng nuối tiếc một ngày vui qua mau của chị em thuý Kiều trong ngày hội xuân và cảnh ảm đạm, lạnh lẽo của mộ Đạm Tiên trong ngày thanh minh.  **III.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm:**  - Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, câu chưa liên kết chưa đủ nội dung.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  VD: Trung , Lê Tiến, Mạnh, Tuân, Tú.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến** |

**4 Củng cố, luyện tập:**

- Khái quát những ưu và nhược điểm cần lưu ý?

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại nội dung bài học

- Về nhà học bài, chuẩn bị bài trả bài kiểm tra văn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 175.* TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC :**

**1.kiến thức**

- Hs nắm đc những ưu điểm nhược điểm trong bài làm.

**2.Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra tổng hợp.

**3. Thái độ:**

- học tập nghiêm túc, rút kinh nghiệm.

**II.CHUẨN BỊ TÀI LIỆU- TBDH**:

**1. GV:** Chấm bài, soạn bài theo yêu cầu của đề

**2. Học sinh :** Xem lại bài làm, nhận xét**.**

**III.TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**:

**1.Tổ chức.**

Sĩ số 9A:

9B:

9C

**2.Kiểm tra:** Việc chuẩn bị của HS

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài: Hướng dẫn học trả lời theo đáp án.

I**. Trắc nghiệm**:

Câu 1.C

Câu 2.B

Câu 3.A

Câu 4.D

II. Tự luận:

Câu 5:Đoạn văn trích từ văn bản" chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới"

a.Tác giả Vũ Khoan

b.Từ in đậm là thành phần phụ tình thái.

C. Giải thích nổi trội: làm nổi bật lên rõ ràng hơn lên

- Từ cổ chí kim bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử, con người làm nên lịch sử, con người phát triển đất nước , con người sáng tạo, con người tiếp thu KHKT và con người đưa đất nước hội nhập...

- Con người cần biết khắc phục điểm yếu phát huy điểm mạnh đưa đất nước CNH- HĐH và hội nhập với thế giới, vơi nền kinh tế tri thức.

Câu 6:

**I.Mở bài:** Y Phương nhà thơ góp phần làm phong phú nền thơ hiện đại VN.Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.Bằng giọng điệu trìu mến tha thiết, thể hiện qua lời tâm sự của cha với con, của thế hệ đi trước với thế hệ mai sau.Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống

**II. Thân bài:**

- Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.

**I. Cha nói với con về nguồn sinh dưỡng:**

***1. Nói về cội nguồn sinh dưỡng của con, điều đầu tiên người cha muốn nói tới là tình cảm gia đình. Cái nôi nuôi dưỡng con trưởng thành.***

*“Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười”.*

+ Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.

+ **Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được láy lại**, tạo ra âm điệu tươi vui, quấn quýt: *chân phải – chân trái; một bước – hai bước, tiếng nói – tiếng cười*… các hình ảnh thật cụ thể -> Y Phương tạo được không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt và hạnh phúc. Từng bước đi, từng tiếng nói cường của con đều được cha mẹ chăm chút và vui mừng đón nhận.

-> Đó là tình cảm ruột thịt, là công lao trời biểu mà con phải khắc cốt ghi xương.

***2. Người cha còn nói cho con biết: Con còn lớn lên trong cuộc sống lao động, trong tình yêu thương của “Người đồng mình” và trong nghĩa tình của quê hương làng xóm.***

*\* Con lớn lên trong cuộc sống lao động của người đồng mình.*

Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của người đồng mình được nhà thơ gợi lên qua các hình ảnh đẹp:

*“Người đồng mình thương lắm con ơi!*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát”*

+ Đan lờ: Dụng cụ đánh bắt cá của người miền núi.

+ Nói: *“Đan lờ cài hoa*” -> công việc tạp ra vẻ đẹp của người lao động.

*Vách nhà ken câu hát* -> cuộc sống hoà với niềm vui.

+ Tác động từ “cài, ken” -> vừa diễn tả động tác cụ thể khéo léo trong lao động, vừa nói lên cuộc sống lao động gắn bó, hoà quện niềm vui.

\* Con lớn lên trong sự đùm bọc che chở của con người và rừng núi quê hương:

*“Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng”*

Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã che chở, đã nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.

+ Rừng cho hoa -> Hoa là vẻ đẹp của thiên nhiên mà rừng ban tặng -> Rừng núi đem lại những vẻ đẹp, niềm vui, hạnh phúc.

+ Con đường cho những tấm lòng -> còn những tấm lòng là vẻ đẹp của tình người.

-> Ta hiểu, người cha muốn nói cho con biết quê hương mình là một vùng quê giàu truyền thống văn hoá mà cũng thật nghĩa tình.

\* Liên hệ: Quê hương là những gì thân thuộc gần gũi, bình dị nhất, đó cũng là cội nguồn sâu xa cho tình yêu Tổ quốc…

\* Người cha còn nhắc đến những kỷ niệm ngày cưới của mình với con để mong con luôn nhớ con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con:

*“Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”*

-> Nói với con những điều đó, người cha muốn dạy dỗ con tình cảm cội nguồn bằng chính tình yêu và lòng tự hào về quê hương, về gia đình…

**3. Nghệ thuật đặc sắc**

- Thể thơ tự do, mạch cảm xúc tự nhiên. Cách nói giàu hình ảnh vừa mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ, cụ thể mà giàu sức khái quát.

- **Các biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ** kết hợp với những câu thơ ngắn dài khác góp phần không nhỏ vào việc diễn tả cuộc sống, cách suy nghĩ, cách thực hiện tình cảm của người miền núi.

- **Giọng điệu tha thiết, trìu mến**: lúc bay bổng, nhẹ nhàng, lúc khúc triết, rành rọt, lúc mạnh mẽ, sắc nhọn… tạo sự cộng hưởng hìa hoà với những cung bậc tình cảm khác trong lời người cha truyền thấm sang con.

- **Bố cục chặt chẽ**, từ ngữ giản dị, mộc mạc như lời nói thường ngày của người miền núi.

-> Y Phương thấu hiểu tất cả những điều đó nên ông đã lột tả cái hồn cốt trong bản sắc của người dân tộc. Cha nói với con – Vâng! hay chính là lời trao gửi với thế hệ tiếp nối?

**III. Kết bài**: Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc

**4.Củng cố -luyện tập:**

- GV nhận xét chung.

**5.Hướng dẫn học ở nhà**

-Về nhà ôn tập toàn bộ nội dung các văv bản đã học ở học kì II.

**I. Phần trắc nghiệm:** mỗi câu đúng 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐÁP ÁN** | **C** | **A** | **B** | **C** | **B** | **B** | **B** | **C** |

**II. Phần tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | Điểm |
| Câu 9 | a. Từ chép sai: hai  - Chép lại chính xác: Anh với tôi đôi người xa lạ | 0,25  0,25 |
|  | b. Tri kỉ: Biết mình  - Đôi tri kỉ: đôi bạn thân thiết( hiểu bạn như hiểu mình) | 0,5  0,5 |
|  | c. Hình thức: Là đoạn văn, tự lựa chọn cấu trúc cho phù hợp (khoảng 8->10 câu văn)  - Nội dung: Nắm đc các ý cơ bản sau:  + Câu thơ chỉ có hai tiếng và dấu chấm than có nghĩa như một lời khẳng định.  + Câu thơ là kết luận cho cơ sở hình thành nên tình đồng chí và ra hướng cảm xúc về những biểu hiện, sức mạnh của tình đồng chí . Tạo nên tính chính luận cho đoạn thơ. | 1,5 |
| Câu10 | \* Kĩ năng: HS biết viết bài văn thuyết minh có bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu...  \* Kiến thức: Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần nêu đc các ý cơ bản sau: | 0,25 |
|  | A. Mở bài: Giới thiệu sơ lược về tác giả ND và truyện Kiều. | 0,5 |
|  | B. Thân bài:  I. Giới thiệu ND (1765-1820)  1.1 Tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Quê Nghi Xuân  – Hà Tĩnh.  + Gia đình có truyền thống văn chương, nhiều đời làm quan...  + Cuộc đời gắn với những biến cố thăng trầm của thời đại XHPK khủng hoảng trầm trọng, khởi nghĩa nông dân nổi dậy ở khắp nơi, đỉnh cao là phong trào TS...ND đã sống phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc(1786-1796)rồi về ở ẩn tại quê nội- Hà Tĩ nh (1796-1862).Sau này ông ra làm quan bất đắc dĩ với triều Nguyễn. Năm 1813-1814, Ông đc cử làm chánh sứ sang TQ .Năm 1820 , ông bị bệnh và mất tại Huế. | 0,5 |
|  | 1.2 Ông là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương TQ. Cuộc đời từng trải , đi nhiều, tiếp xúc với nhiều cảnh đời dã tạo cho Nguyễn Du mộ vón sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. ND là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. | 0,5 |
|  | 1.3 Sự nghiệp sáng tác:  + Chữ Hán: Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục, Thanh Hiên thi tập (243 bài)  + Chữ Nôm : Đoạn trường tân thanh(Truyện Kiều), Văn chiêu hồn... | 0,5 |
|  | **2. Giới thiệu Truyện Kiều:**  2.1. Nguồn gốc lai lịch: Dựa vào cốt truyện “ Kim Vân Kiều truyện” của Thanh tâm Tài Nhân – TQ. Truyenj Kiều thuộc thể loại truyện thơ Nôm gồm 3254 câu thư lục bát... | 0,5 |
|  | 2.2 Tóm tắt: Nêu ý cơ bản  a. Gặp gỡ và đính ước  b. Gia biến và lưu lạc  c. Đoàn tụ. | 0,5 |
|  | 2.3 Giá trị:  - Giá trị về nội dung:  + Giá trị hiện thực: Tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội phong kiến đương thời với cả bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thóng trị và số phận của những con người bị áp bức , đau khổ ; đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ .  + Giá trị nhân đạo: Niềm thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người ; lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo; sự tran trọng và đề cao vẻ đẹp con người từ vẻ dẹp hình thức đến phảm chất đến những ước mơ , khát vọng chân chính. | 1,0 |
|  | - Giá trị nghệ thuật:  + Ngôn ngữ văn học hết sức giàu đẹp và đẹp tới đỉnh cao của Nghệ thuật ngôn từ .  + Thể loại thơ lục bát cổ điển mẫu mực.  + Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc , nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đa dạng, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc, nghệ thuật xây dựng nhân vật... | 1,0 |
|  | C. Kết bài: Truyện Kiều là kiệt tác văn học của thiên tài ND. | 0,25 |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS chữa bài :**  - HS đọc lại đề trắc nghiệm, xác định đáp án trắc nghiệm.  *H: Nêu hệ thống ý cần triển khai thuyết minh về ND*  **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu đoạn văn viết tốt  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **I.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm**- Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, câu chưa liên kết chưa đủ nội dung.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .** |